



CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

NĂM THỨ BA | TẬP NGUYÊN [9] GIÁP NGỌ | QUÝ MỘT 2014

Xuân

HAI NGÀN MƯỜI BỐN



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

1 - 2014

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

NXB TÔN GIÁO

武陵先生將赴塞外清園寫
寫此壯年乃色
廿七年初秋
初秋
初秋

SẮC XUÂN (sơn dầu)
TRẦN BỬU LONG 2013





TRUNG TÂM MỤC VỤ TGP TpHCM 27-01-2014
TÒA GIÁM MỤC CẦN THƠ MỪNG 3 TẾT GIÁP NGỌ



THÁNH THẤT TÂY THÀNH MỪNG 3 TẾT



02.02.2014



02.02.2014



Ảnh: Đại Cơ Minh

Đạo huynh Đại Khai trình bày
*Tiêu Ngữ Minh Lý Đạo Và Con
Đường Phản Bổn Hoàn Nguyên.*



Ảnh: Huệ Khải

Kỷ niệm Minh Lý Đạo Khai 2013

Giáo Sư Thượng Văn Thanh
(Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)
bày tỏ cảm tưởng.



Chánh Hội Trưởng Đạt Tịnh
khai mạc lễ Giáng Sinh 2013



Đại Đức Thích Minh Quang
bày tỏ cảm tưởng.



Ảnh: Đại Cơ Minh

Nữ tu Mai Thành (Ban Mục Vụ
Đối Thoại Liên Tôn TGP TpHCM)
bày tỏ cảm tưởng.



Ảnh: Maria Lý Ngọc Anh

Đạo huynh Diệp Đình Hữu
(Phó Tổng Thư Ký Hội Đồng
Tinh Thần Tôn Giáo Baha'i VN).



Bảo Thế Nguyễn Văn Lĩnh
bày tỏ cảm tưởng



Ảnh: PX Quang Vinh
Ban Mục Vụ ĐTLT

Phó Hội Trưởng Trần Văn Quang
cảm tạ và bế mạc đại lễ.



Ảnh: PX Quang Vinh
Ban Mục Vụ ĐTLT

Linh mục Giuse Trần Đình Thụy (giáo sư Đại Chủng Viện Thánh Quý, Cần Thơ) thuyết giảng GIÁNG SINH HÒA BÌNH.



Ảnh: Huệ Khải

Một tiết mục trong đêm diễn nguyện mừng Chúa Giáng Sinh 2013 tại dòng tu nữ Mân Côi Chí Hòa (94 Bành Văn Trân, Tân Bình).



Quý nữ tu dòng Mân Côi Chí Hòa (Tân Bình) và các tín hữu Cao Đài cùng hát bài GÀN NHAU (ca trưởng Giuse Bùi Văn Hóa điều khiển).



Ảnh: Huệ Khải

28-12-2013: Quý hiền tỷ Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn TGP TpHCM hát KINH HÒA BÌNH chúc mừng lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo Khai.

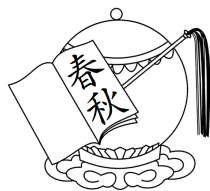
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

ĐẠI ĐẠO
VĂN UYỂN
大道文苑

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý
Tập NGUYỄN (9) - năm Giáp Ngọ (2014)

Nhà xuất bản TÔN GIÁO
Hà Nội 2014

Giao Cảm – Văn Uyển	4
Giao Thừa Thấy Đến – Đức Huyền Khung Cao Thượng Đế	6
Khai Xuân Năm Ngọ – Các vị Tiền Khai Đại Đạo	11
Nhấn Về Hội Thánh – Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương	27
Ngày Xuân Mẹ Dạy – Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu	33
Tam Mã Thượng Đàng – Huyền Chơn	45
Xướng Họa – Phạm Văn Liêm, Huyền Chơn, Huệ Khải, Đạt Đức, Hồng Ân	48
Chào Xuân Giáp Ngọ – Huyền Chơn (thơ)	51
Lục Bát Chào Xuân / Ước Vọng Mùa Xuân / Xuân Sấm Hối – Trần Dã Sơn (thơ)	52
Đi Lễ Đầu Xuân – Mai Hưng (thơ)	55
Xuân Hiếu – Mạnh Hạo Nhiên, Trần Nhân Tông, Huệ Khải (thơ)	56
Gọi / Mưa Vỡ / Gánh Quê – Võ Văn Pho (thơ)	58
Mơ Ước Lúc Giao Mùa – Thanh Căn	59
Ý Xuân – Minh Tâm (thơ), Bùi Đức Hà (nhạc)	64
Bản Hợp Xướng Giữa Xuân Tâm Và Xuân Cảnh – Thiện Quang	65
Ngựa Trong Tranh Trung Quốc – Lê Anh Minh	89
Tín, Nguyễn, Hạnh – Diệu Nguyên	99
Đức Quan Thế Âm Của Trẻ Thơ – Huệ Ý	121
Niềm Vui Theo Quan Niệm Cao Đài – Thiện Quang	125
Tưởng Nhớ Tổ Tiên – Diệu Nguyên	137
Buổi Em Về – Võ Văn Pho (thơ) / Hoa Mười Giờ – Nguyễn Quốc Huân (thơ)	144
Giáng Ma Xử Là Gì? – Huệ Khải / Xuân Thu Là Kinh Gì? – Lê Anh Minh	145
Nâng Cao Ý Thức Tu Học Của Nữ Phái – Cát Tường	155
Nỗi Nhớ Hoa Quê / Khúc Ru Tuổi năm Mươi – Nguyễn Quốc Huân	163
Thánh Giáo Dạy Về Liên Tôn / Về Đến Thánh – Cát Tường	167
Tản Mạn Kinh Nghiệm Tự Học Chữ Hán Cổ – Trần Văn Chánh	171
Công Giáo Và Cao Đài Hội Ngộ Giáng Sinh – Nghê Dũ Lan	199
Lòng Mẹ – Võ Văn Pho (thơ) / Sông – Nguyễn Quốc Huân (thơ)	206
Hồn Đạo Trong Thơ Người Áo Trắng – Cao Kim	207
Về Linh Tháp – Ng. Q. Huân / Thiên Chúa Lòng Lành – Huyền Chơn (thơ)	213
ĐỌC BÁO: Chuyện “Nhà Thương” / Chiếc Xe Tình Thương	215
Lá Thư Hương Mỹ – Thượng Vui Thanh	233
Gió Bốn Phương – Ban Biên Tập / Đến Với Nhau – Vân Quang	237
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tống	249



CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG
KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

* Chân thành tri ân BAN GIÁM ĐỐC
và CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC
XÍ NGHIỆP IN FAHASA
công quả hai ngàn (2.000) bản
Đại Đạo Văn Uyển Xuân Giáp Ngọ.

* Chân thành tri ân Quý Thiên ân chúc sắc, chúc việc,
tín hữu, đạo tâm lưỡng phái trong TAM KỲ PHỔ ĐỘ
chung tay công quả ấn tổng ba ngàn (3.000) bản
Đại Đạo Văn Uyển Xuân Giáp Ngọ
(xem phương danh quý vị Mạnh Thường Quân
ở trang 256).

Kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

BAN ẤN TỔNG

Quý bạn đọc trọng kính,

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN tập
NGUYỄN đánh dấu quý Một 2014,
là món **quà xuân Giáp Ngọ** của
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng

GIÀO
CẨM

Kinh Sách Đại Đạo, xin trân trọng gởi đến quý Thiên ân
chúc sắc, chúc việc, đạo hữu, đạo tâm lưỡng phái trong Đại
Đạo và tôn giáo bạn.

* **Thánh giáo đầu xuân**, chúng ta cùng nhau ôn học lời
Thầy dạy trước phút giao thừa năm xưa (1975). Học lại lời
Thầy bao dung, từ ái để thấm thía lòng Thầy thương yêu,
nâng niu chúng ta – những đứa con xa quê từ thuở.

Năm Ngọ này, Văn Uyển trích lục thêm ba bài **thánh
giáo khai xuân** 1966 để chúng ta cùng lắng lòng nghe
những âm vang day dứt, xốn xang về một nỗi Đạo nhà chưa
được sum hiệp, dù sắp gần tuổi Đạo một trăm. Cùng hòa
theo nỗi niềm ấy, trong sáu bài thất ngôn bát cú **xương họa**
xuân nay, có bài của nhà thơ lão thành *Đạt Đức* (Đà Nẵng),
và bài của *Huệ Khải*, nghe như những nốt nhạc trầm!

* Là những học trò nhỏ của Đức Lý Bạch, nên xuân về
chúng ta không thể thiếu thơ. Một loạt **thơ xuân** mượt mà,
truyền cảm của *Huyền Chơn*, *Trần Dã Sơn*, *Mai Hưng*, *Võ
Văn Pho* vì vậy được Văn Uyển trân trọng đặt trước các bài
khảo luận rất công phu của các tác giả vốn quen thuộc, và
có thêm một tác giả uy tín (kiêm nhạc sĩ tài hoa) mới vừa
góp mặt cùng chúng ta – *Thiện Quang*.

* Tiếp tục hưởng ứng mục **viết ngắn**, trong quý Một này
chúng ta gặp lại *Cát Tường* và *Nguyễn Quốc Huân*, cùng
một hồi ức thật “để thương” của Giáo Sĩ *Huệ Ý* – người
bạn thân thiết của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng.

GIAO THỪA THẦY ĐẾN

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam,
Tuất thời, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

TIẾP ĐIỀN

THI

HUYỀN nhiệm Thầy ban khắp cõi trần
KHUNG trời Đại Đạo thương ân xuân
CAO Đài mở rộng đường sinh lộ ⁽¹⁾
THƯỢNG cảnh lấp ngăn lối tử thân
ĐẾ khuyết ⁽²⁾ vui vầy hàng Thánh Phật
NGỌC giai ⁽³⁾ vắng vẻ bóng nguyên nhân ⁽⁴⁾

Huệ Khải chú thích:

- ⁽¹⁾ **Sinh lộ** 生路: Con đường sống.
- ⁽²⁾ **Khuyết** 闕: Lầu gác trước cung điện. **Đế khuyết** 帝闕: (Nghĩa rộng) cung điện của Đức Ngọc Đế.
- ⁽³⁾ **Giai** 階: Bậc thềm. **Ngọc giai** 玉階: Thềm ngọc; (nghĩa rộng) cung điện của Đức Ngọc Đế.
- ⁽⁴⁾ **Nguyên nhân** (nhơn) 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhơn* (nhơn) 化人 là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cảm thú tiến hóa lên làm người. **Ngọc giai vắng vẻ bóng nguyên nhân**: Các linh căn từ cõi trời xuống thế gian độ đời,

* Ngày Tết cũng là dịp mọi nhà chăm chút mâm cơm cúng gia tiên; Văn Uyên giới thiệu *Tướng Nhớ Tổ Tiên* của *Diệu Nguyên*, như một chia sẻ chánh tín Cao Đài chan hòa với truyền thống đạo lý thờ cúng Ông Bà.

* Hướng đến ý thức nâng cao trình độ học hỏi giáo lý Đạo nhà, Văn Uyên luôn chú trọng việc trau dồi vốn liếng **chữ Nho** song song với **quốc ngữ**. Vì thế, quý Một này, chúng ta hãy cùng nhà nghiên cứu *Trần Văn Chánh* dạo chơi vào lãnh vực *tự học chữ Hán*.

* Các câu hỏi mà quý đạo hữu tin cậy Ban Ấn Tổng, đã gởi về mục **Gió Bốn Phương** không chỉ hữu ích cho riêng một cá nhân, mà còn rộng mở tri thức cho đông đảo đạo chúng. Qua hai năm 2012-2013, nếu kết tập các câu hỏi và trả lời lại, chúng ta sẽ có được một quyển sách công cụ rất quý, rất sát với sinh hoạt tu học của tín hữu Cao Đài. Văn Uyên chân thành cảm ơn các huynh tỷ đã quan tâm đặt câu hỏi, và mong quý đạo hữu tiếp tục ở “sân chơi” này.

* Mùa xuân, nhìn lại quãng đường đã qua, mơ ước và phóng tầm mắt dõi về hành trình sắp tới, chúng tôi chưa an tâm vì sức còn hạn chế, chưa đáp ứng được hết lòng tin yêu, kỳ vọng của đông đảo bốn đạo gần xa. Nhưng dù sao cũng rất vui vì quý đạo hữu mến thương luôn rộng mở con tim, luôn dang tay đỡ nâng, ủng hộ, và khuyến khích.

Xin thành kính tạ ơn quý đạo hữu, đạo tâm hăng dành thời gian cầu nguyện, hồi hướng, hộ niệm giúp *Chuong Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo*. Xin nguyện cầu tất cả huynh tỷ, đệ muội chúng ta bình an, tinh tấn, hăng say lập công bồi đức trong ơn phước bao la của Thầy Mẹ và các Đấng từ bi. Trân trọng,

BAN ẤN TỔNG

HOÀNG đồ⁽⁵⁾ *Thầy chỉ từ năm trước*
ĐẠI chí⁽⁶⁾ **THIÊN TÔN**⁽⁷⁾ *sẽ để phần.*

THẦY CÁC CON

Thầy mừng các con.

Thầy cùng chư Phật Tiên đến trong đêm giao thừa để ban ơn cho các con được vui mừng trong lúc xuân về. Thầy miễn lễ. Các con an tọa.

Này các con! Tiết xuân hòa dịu đã đến trần gian. Các con đều dừng bước để đón xuân, vui xuân và gác hết nỗi ưu tư nhọc nhằn trong năm cũ. Các con cũng nên ghi lại những gì xấu tốt nên hư, bỉ thối⁽⁸⁾ thăng trầm trên quãng đường các con vừa đi qua. Nắng hạ mưa thu, đông tàn rét mướt, những kinh nghiệm sống ưu và khuyết đó sẽ đem đến cho con kỳ vọng⁽⁹⁾ nào để canh tân⁽¹⁰⁾ hơn, hoàn thiện hơn cho bước đường sang giai đoạn mới trong năm mới?

Đêm nay, Thầy rất vui mừng trước sự hiện diện đông đủ của các con. Nhân đây, Thầy dặn dò để mỗi đứa ghi nhớ:

nhưng rút cuộc lại bị lụy trần, không trở lại được ngôi xưa vị cũ; do đó trên Thiên Đình còn vắng bóng những vị ấy.

⁽⁵⁾ **Hoàng** 皇: To lớn. **Đồ** 途: Con đường. **Hoàng đồ** 皇途: Con đường to tát, cao cả, tức là sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ.

⁽⁶⁾ **Đại chí** 大志: Chí lớn, tâm chí lo cho Đại Đạo, thực thi sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ.

⁽⁷⁾ **Thiên Tôn** 天尊: Đức Chí Tôn.

⁽⁸⁾ **Bỉ thối** (thái) 否泰: Vận rủi, xấu (bỉ) và vận may, tốt (thái). Hên xui, may rủi.

⁽⁹⁾ **Kỳ vọng** 祈望: Việc mong đợi (expectation).

⁽¹⁰⁾ **Canh tân** 更新: Đổi mới (to renovate, to renew).

Thầy mở cơ tận độ Kỳ Ba này cho các con, cho thế giới nhân loại cũng như mùa xuân đến với vạn vật. Vạn vật đã trải qua những giai đoạn sanh sôi, trưởng thành hoạt động, thâu liễm và tàng ẩn để phục sinh, như cái nóng bỏng của mùa hè, mưa gió thể lương của mùa thu, rét mướt lạnh lùng của mùa đông, là cơ vi triển chuyển từng giai đoạn, vừa un đúc, vừa tạo thành cho vạn vật mà không hề hủy diệt.

Các con ôi! Thế giới nhân loại hiện giờ đã xa Thầy, đã tách rời nguồn cội mà không hề trở lại. Tách rời nguồn cội thì cành rơi, lá đổ, không còn nhựa thì làm sao mà sống? Dù là cành cây có to đến đâu, có nhiều hoa nhiều lá, đơm bông kết nụ bao nhiêu đi nữa mà nhựa sống không còn thì một lúc nào đó sẽ khô khan úa xào.

Nhân loại đã bỏ hẳn sự sống thiên nhiên không ăn mà no, không mặc mà lành để tìm sự sống cực khổ trong tham dục để phải làm mới có mà ăn, mới có mà mặc. Như vậy cũng chưa an phận. Si mê, tranh giành, cướp đoạt, lấn át, hơn thua, tàn sát lẫn nhau cho đến nỗi đời ly loạn, cốt nhục tương tàn,⁽¹¹⁾ tang điền thương hải.⁽¹²⁾ Càng tiến càng sâu, tiến mãi cho đến lúc cuộc đời sẽ hủy diệt cuộc đời.

Thầy khởi đầu cơ phục nguyên⁽¹³⁾ tái tạo trên mảnh đất nhỏ bé để dân tộc ít oi mà giàu lòng tin đạo này góp tay vào công cuộc xây dựng đời thánh đức thượng ngươn, thế giới

⁽¹¹⁾ **Cốt nhục tương tàn** 骨肉相殘: Ruột thịt giết hại lẫn nhau.

⁽¹²⁾ **Tang điền thương hải** 桑田滄海: Ruộng dâu và biển xanh. Ý nói ruộng dâu biến thành biển xanh, hoặc ngược lại, ám chỉ biến cố thay đổi lớn lao ở đời; từ đây mà nói tắt là *tang thương* hoặc nói *cuộc dâu bể* hay *biển dâu* (life's vicissitude).

⁽¹³⁾ **Phục nguyên** 復原: Trở về nguồn cội.

an bình cho xã hội nhân loại trong tương lai. Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.

Này các con!

THI BÀI

*Thầy ban ơn tâm xuân Ất Mão
Cho các con tâm đạo vững vàng
Dầu trong thế cuộc ly loạn
Biết đời, biết đạo, biết đường tiến tu.

Niên trình mới vận trù mọi mặt
Từ ngoại giao, nội đức tâm truyền
Pháp quyền trên dưới định yên
Hóa hoằng chánh pháp tùy duyên độ đời.

Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát
Đạo là xuân, xuân lạc thiên nhiên⁽¹⁴⁾
Vui xuân vui với tâm điền⁽¹⁵⁾
Tiết thời hòa dịu người yên vật lành.*

(...)

Xuân này, Thầy muốn cho tất cả các con cái lớn nhỏ của

Thầy đều hưởng hồng ân⁽¹⁶⁾ Thầy để thanh tâm tịnh ý mà học đạo. Vậy sau khi xả đàn, các con lớn nhỏ hiện diện đàn nay hãy ngồi tại chỗ của mình và Thầy nhờ các con Ban Thường Vụ thay cho Thầy đem tặng cho mỗi con cái của Thầy mỗi đứa một quả tử,⁽¹⁷⁾ một ly rượu trên Thiên Bàn nghe con!

Thầy sẽ cho chư Phật Tiên đến với các con trong những đàn sắp đến. Còn chai bạch thủy⁽¹⁸⁾ các con để trên Thiên Bàn, Thầy ban ơn. Các con hãy dành để đãi cho các huynh đệ đến sau trong ngày xuân.

Những quả Thầy ban cho các con đều được ân điển cho con vui xuân. Ân điển được linh diệu là do ở lòng tin có Thầy trong tâm để tự hoàn thiện bản thân cho nên người nên đạo. Phần thứ hai là do tú khí⁽¹⁹⁾ âm dương kết thành quả tử. Lòng tin và tính chất, hương vị của quả tử sẽ giúp các con thần lực dồi dào trong mùa xuân. Các con hãy đem về cùng chia nhau mà hưởng giao thừa.

Thầy ban ơn lành tất cả các con, từ các con lớn đến các con thanh thiếu niên. Thầy hồi Bạch Ngọc. Thăng.

*

⁽¹⁴⁾ **Xuân lạc thiên nhiên:** Xuân vui với thiên nhiên.

⁽¹⁵⁾ **Tâm điền** 心田: Ruộng lòng. Lòng người như thửa ruộng, không chăm sóc thì cỏ dại mọc hoang. Biết vun phân tưới nước, gieo giống tốt thì sẽ sanh ra trái ngọt, cây lành, kết quả tốt đẹp.

⁽¹⁶⁾ **Hồng ân** 洪恩: Ôn huệ to tát (*great grace, great favour*).

⁽¹⁷⁾ **Quả tử** 果子: Trái cây (*fruit*).

⁽¹⁸⁾ **Bạch thủy** 白水: Nước.

⁽¹⁹⁾ **Tú khí** 秀氣: Khí tốt lành.

TIỀN KHAI ĐẠI ĐẠO KHAI XUÂN NĂM NGỌ

Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 01-01 Bính Ngọ (21-01-1966).

Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý
Cao Đài Giáo Việt Nam

KIM VÂN ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng,⁽¹⁾ chư liệt vị⁽²⁾ trung đàn. Tiểu Thánh báo tin, có Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn giảng đàn. Tiểu Thánh chào chung. Xin xuất ngoại ứng hầu. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN

Bần Đạo chào chư Thiên mạng. Chào chư hiền đệ, hiền muội đàn trung.⁽³⁾

Huệ Khải chú thích:

⁽¹⁾ **Thiên mạng** (mệnh) 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).

⁽²⁾ **Chư liệt vị** 諸列位: Tất cả các vị (*All of you*).

⁽³⁾ **Đàn trung** 壇中: Ở trong đàn cầu cơ (*at the spirit evoking séance*).

Xuân năm Bính Ngũ,⁽⁴⁾ Bần Đạo trở về cảnh xưa⁽⁵⁾ để chứng lễ khai xuân nơi Vĩnh Nguyên Tự, cùng đề lời chúc xuân cùng các bạn lành đồng chung chí hướng, giúp Thầy mở Đạo, cứu rỗi⁽⁶⁾ quần linh.⁽⁷⁾

⁽⁴⁾ **Ngũ** (ngọ) 午: Ngũ là âm Hán Việt có từ đời Đường; ngọ là âm Hán Việt từ đời Hán hay sớm hơn (theo An Chi). Tháng năm âm lịch là *ngọ nguyệt* 午月, mồng năm tháng năm là tết *đoan ngọ* 端午 hay *đoan ngũ*.

⁽⁵⁾ **Cảnh xưa** (Vĩnh Nguyên Tự): Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn khi tại thế tên là Lê Văn Tiêng (1843-1913), sanh tại làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Song thân là Lê Phước Nghệ và Nguyễn Thị Nguyễn. Năm Bính Tý (1876) ngài thọ giáo với thầy Di Minh Tử Ngô Đạo Chánh (đạo Minh Sư), tu đến phẩm Thái Lão Sư, đạo hiệu là Lê Đạo Long. Được sư phụ cho phép, ngài về quê nhà, dùng tài sản riêng lập nên Vĩnh Nguyên Tự vào năm Mậu Thân (1908); nơi đây trở thành chùa Minh Đường (không gọi Minh Sư, có lẽ để tránh thực dân Pháp chú ý, bởi vì bấy giờ nhiều Phật đường của Minh Sư che giấu nghĩa quân chống Pháp). Sau khi ngài quy thiên, con trai là Lê Văn Lịch đã tu tới phẩm Dẫn Ân kế thừa Vĩnh Nguyên Tự. Ngày 04-3-1926, các Tiền Khai Đại Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn đến lập đàn cơ tại Vĩnh Nguyên. Đàn ấy có ngài Lê Đạo Long giảng, cho biết đã đắc quả Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, và khuyên môn sanh Minh Đường quy hiệp Cao Đài. Tiền bối Lê Văn Lịch được Đức Chí Tôn phong phẩm vị Đầu Sư, thánh danh Ngọc Lịch Nguyệt.

⁽⁶⁾ **Cứu rỗi**: Rỗi có nghĩa là thông thả, không bị ràng buộc. Con người lúc sống bị ràng buộc vào tham muốn, sân hận, si mê (ngu muội), vì thế gây tội lỗi rồi bị vướng vào tù ngục thế gian; chết đi linh hồn lại chịu đày đọa nơi địa ngục. Các chánh giáo dạy con người tu hành, để cứu người thoát khỏi tham sân si,

THI

Cảnh cũ đàn xuân viếng bạn lành
Xuân lai ⁽⁸⁾ mừng khắp cả em anh
Tân xuân phơi phới tâm hành đạo
Xuân lập công to cốt để dành.

Dành khi được đăng trình ⁽⁹⁾ cõi thượng
Là một ngày hết vương nợ trần
Công đầy quả đủ bản thân
Trùng hoan ⁽¹⁰⁾ huynh đệ thương xuân miên trường ⁽¹¹⁾
Chúc huynh đệ trên đường hành đạo
Nương núp nhau thiện bảo ⁽¹²⁾ kỳ công ⁽¹³⁾
Chung vai sứ mạng gánh gồng
Hoàn toàn nhiệm vụ ân hồng ⁽¹⁴⁾ Thầy ban

khỏi phạm tội; nhờ thế, khi còn sống thì tâm hồn và cuộc đời được rối, lúc chết đi thì linh hồn cũng được rối, khỏi sa địa ngục.

⁽⁷⁾ **Quần linh** 群靈: Các linh hồn (*all souls*); cũng có nghĩa như **quần sinh** 群生, **chúng sinh** 眾生 (*all living beings, all human beings*), vì mỗi chúng sinh là một điểm linh quang chiếu từ Thượng Đế (khối Đại Linh Quang).

⁽⁸⁾ **Xuân lai** 春來: Xuân đến.

⁽⁹⁾ **Đăng trình** 登程: Lên đường.

⁽¹⁰⁾ **Trùng hoan** 重歡: Vui mừng gặp lại nhau.

⁽¹¹⁾ **Miên trường** 綿長: Dài lâu (*everlasting*).

⁽¹²⁾ **Thiện bảo** 善保: Giữ bền, không dễ hư mất.

⁽¹³⁾ **Kỳ công** 奇功: Việc làm to tát, rất có ý nghĩa, rất khó khăn mới làm xong (*outstanding merit*).

Chúc xuân tạm gởi mấy hàng
Ráng lo công quả trùng hoan một ngày. ⁽¹⁵⁾

Chư Thiên mạng, hiền đệ, hiền muội hãy nghiêm chỉnh tiếp các bậc Tiên Bồi Khai Đạo sẽ tuần tự giảng đàn. Bàn Đạo chào chung. Xin phục hồi Tiên cảnh. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

NGỌC LỊCH NGUYỆT

Bàn Đạo chào chư Thiên mạng. Chào hiền đệ, hiền muội đẳng đẳng.

Xuân Bính Ngũ trở về cảnh cũ
Nhìn đệ huynh đông đủ thăm mừng
Chung vui hưởng một cái xuân
Tuy rằng thanh đạm muôn phần tốt tươi.

Xuân ra hành đạo giúp đời
Xuân làm công việc đất trời Phật Tiên
Chúc xuân tất cả bạn hiền
Đủ đầy hạnh phúc trong niên Ngọ nầy
Kết đoàn tay nắm chặt tay
Cơ quan ⁽¹⁶⁾ chấn chỉnh gặp ngày vinh quang

⁽¹⁴⁾ **Ân hồng** (hồng ân 洪恩): Ôn huệ to tát (*great grace, great favour*).

⁽¹⁵⁾ **Một ngày**: Vào một ngày nào đó sau này.

⁽¹⁶⁾ **Cơ quan** 機關: ① Một bộ máy hay tổ chức thi hành một chức năng đã xác định rõ (*an organ; an organization that performs a specified function*). ② Cái máy (*a machine*). ③ Phương pháp hay phương tiện hoạt động để đạt được mục đích đã định (*mechanism*). Trong bài này, nên hiểu **chấn chỉnh cơ**

*Xuân vui tạm chúc mấy hàng
Tiếp chư Tiên Bối giáng đàn, xin thăng.*

TIẾP ĐIỀN

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Tê Huynh chào chư hiền đệ, hiền muội. Nhân tiết xuân về, Tê Huynh tạm trở lại cảnh xưa, cũng nơi này làm căn cứ điểm tạo điều kiện mở đạo Cao Đài. Nhìn thấy hiền đệ, hiền muội đã nối chí hướng tiếp tục sự nghiệp hành đạo giúp đời, Tê Huynh vui mừng khôn xiết.

THI

*Mừng nhau cầu chúc tạm đôi vắn
Hành đạo giúp đời mới gọi xuân
Xuân đến với đời, đời hạnh phúc
Xuân lại cõi tục, tục vui mừng
Xuân này gánh đạo hai chơn bước
Xuân tới cứu đời đôi mắt rưng
Xuân nữa, xuân đi, xuân hạnh phúc
Là ngày thành đạo mới trùng hưng.⁽¹⁷⁾*

*Chúc lành đệ muội thưởng xuân
Trong năm Bính Ngũ tâm thân kiện toàn⁽¹⁸⁾*

quan theo nghĩa rộng là sửa đổi cho đúng trọn cả guồng máy hành đạo của tôn giáo Cao Đài (*to correct the mechanism of Caodai religion*).

⁽¹⁷⁾ **Trùng hưng** 重興: Dùng theo nghĩa **trung hưng** 中興, hồi phục lại sau thời kỳ suy yếu (*restoration after a temporary decline*).

⁽¹⁸⁾ **Kiến toàn** 健全: Khỏe mạnh: tốt đẹp trọn vẹn.

*Gia đình, quyến thuộc bằng an
Yên tâm hành đạo vững vàng bước đi
Chung vai gánh vác Đạo Thầy
Tê Huynh hẹn gặp một ngày thành công.*

Hiền đệ, hiền muội thành tâm tiếp điền, có Thượng Phẩm lâm đàn. Tê Huynh xin kiếu. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

THƯỢNG PHẨM CAO QUỲNH CƯ

Tê Huynh chào chư hiền đệ, chư hiền muội.

Thừa lúc xuân sang, cõi trần hoàn⁽¹⁹⁾ im tiếng động, Tê Huynh tạm về để đôi hàng chúc xuân trong tình đồng nhiệm vụ.

THI

*Xuân đến chúc nhau hưởng phước Trời
Xuân đi thăm viếng khắp nơi nơi
Xuân không phân biệt sang hèn đó
Xuân chúc mọi người được thanh thời.*

*Thanh thời tìm chước cứu đời
Tìm phương phổ huân⁽²⁰⁾ Đạo Trời đó đây
Xuân lai chỉ có mấy ngày
Xuân đi để lại năm dài thê lương⁽²¹⁾
Xuân này gieo rắc tình thương
Kêu nhau chung một con đường mến yêu*

⁽¹⁹⁾ **Trần hoàn** 塵寰: Trần gian, trần thế, cõi trần (*the world*).

⁽²⁰⁾ **Phổ huân** 普訓: Dạy đạo rộng khắp cho mọi người.

⁽²¹⁾ **Thê lương** 淒涼: Lạnh lẽo và buồn bã.

*Thương nhau tay dắt tay dìu
Ngại gì nắng sớm mưa chiều đột đêm
Chúc xuân huynh đệ êm đêm
Mọi nhà hoan hỷ trước thêm đón xuân.*

Có Hộ Pháp lâm đàn. Chào chung đệ muội. Xin thăng.

TIẾP ĐIỀN

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

Bần Đạo chào mừng chư hướng đạo.⁽²²⁾ Chào chư hiền hữu, hiền muội.

Nhớ lại cách đây hơn bốn mươi thu,⁽²³⁾ cũng cảnh vật này, Bần Đạo đã lê chân ăn nằm quanh năm suốt tháng cùng Ngọc Lịch Nguyệt với một số bạn đồng liêu.⁽²⁴⁾ Rồi cũng cảnh vật này còn đó mà kẻ đi người ở, chẳng biết bao phen.

Người xưa đà vắng bóng. Chư hiền hữu tiếp bước theo sau, cũng đồng chung sứ mạng. Bần Đạo cùng các bạn đồng liêu là hàng tiền bối của ngày nay, còn chư hướng đạo là bậc tiền bối của ngày mai. Xét ra, kẻ đi người đến, kẻ tiếp tục theo sau, nhiệm vụ như nhau, không hơn không kém. Bần Đạo mừng thầm, để lời khen ngợi tinh thần cao cả đó. Nhân tiết xuân về, Bần Đạo chúc cầu:

⁽²²⁾ **Hướng đạo** 向導: Người dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their brethren*).

⁽²³⁾ **Hơn bốn mươi thu**: Tính từ năm Bính Dần (1926) tới năm Bính Ngọ (1966) là bốn mươi một năm.

⁽²⁴⁾ **Đồng liêu** 同僚: Người cùng làm quan với nhau. Ở đây có nghĩa nhiều vị tiền bối thuở trước cùng với Phạm tiền bối đều là công chức ở Sài Gòn.

*Xuân đến muôn nhà hưởng phước duyên
Xuân đem hạnh phúc đến muôn miền
Xuân không phân biệt vàng đen trắng
Xuân đạo huy hoàng vĩnh, vĩnh miên⁽²⁵⁾*

*Chúc xuân cho các bạn hiền
An tâm gìn giữ mỗi giềng đạo Cao
Chúc xuân sức khỏe dồi dào
Gia đình hữu hạnh trước sau chung đồng
Xuân nầy công ráng lập công
Xuân sau sẽ thấy phúc hồng⁽²⁶⁾ Thiên ban.*

Có Tiếp Pháp lâm đàn, Bần Đạo xin chào chung. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

TIẾP PHÁP TRƯƠNG VĂN TRÀNG

Tệ Huynh chào mừng chư hiền hữu, hiền đệ, hiền muội.

THI

*Kẻ ở người đi gấm cũng buồn
Xét ra mỗi phận mỗi vai tuồng
Miễn sao sứ mạng nơi trần thế
Hành đạo phải hành, chẳng nói suông.*

*Chúc xuân tất cả đệ huynh
Trong năm Bính Ngũ hưởng tình đương nhiên
Giống lành đem rải khắp miền
Cho đời nhuan gọi ơn Thiên mới là*

⁽²⁵⁾ **Vĩnh** 永, **vĩnh miên** 永綿: Lâu dài mãi mãi.

⁽²⁶⁾ **Phúc hồng** (hồng phúc 洪福): Phước lớn.

*Chúc cho huynh đệ gần xa
Hưởng điều hạnh phúc muôn nhà ấm no
Làm lành Trời sẽ ban cho
Ke re cắt rứt bo bo ích gì
Đời nay phong vũ bất kỳ
Một giờ thay đổi mấy khi mấy lần
Xuân này còn biết bao xuân
Đừng cho trễ bước chùn chân trên đường
Trên đường gieo rắc tình thương
Cho đời sớm khỏi nhiều nhương khổ sầu
Xuân nay tạm để chúc cầu
Hẹn nhau tái ngộ Cung Đâu⁽²⁷⁾ một ngày*

Cố Hiền Huynh Phan Thanh sắp đến. Tệ Huynh xin
kiều. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

PHAN THANH

Tệ Đệ mừng hiền huynh Huệ Lương.

THI

*Nhớ lại năm xưa cũng cảnh trần
Cùng nhau siết chặt mối tình thân
Chung vai gánh vác cơ quan Đạo
Thành bại sợ lo biết mấy lần.*

⁽²⁷⁾ **Cung Đâu** (Đâu Suất Cung 兜率天宮; Đâu Suất thiên cung 兜率天宮): Cung Đâu Suất; cung trời Đâu Suất, do Đức Thái Thượng Lão Quân 太上老君 làm chủ (cai quản). Trong bài này ý nói là cảnh Tiên.

*Ngày nay tái ngộ bất thần
Nửa vui nửa tủi băng khuâng rạt rào
Huynh thì sức yếu tuổi cao
Tóc sương da sạm bạc màu mà thương
Thân già lụm cụm gió sương
Cùng trong huynh đệ theo gương bạn hiền
Tệ Đệ về cõi thiêng liêng
Nhưng tình vương vấn triền miên nơi lòng
Thương huynh vì Đạo gia công⁽²⁸⁾
Ráng lên cho vện non sông nghĩa tình
Đạo Trời phổ biến xương minh⁽²⁹⁾
Hạ nguơn cho khắp nhân sinh được nhờ
Gia đình Tệ Đệ bơ vơ
Rày đây mai đó nương nhờ khắp nơi
Âu là duyên số ở đời
Ai làm nấy hưởng, ai lo nấy buồn
Chúc cho huynh đệ tròn vuông
Sang năm Bính Ngũ luôn luôn vui vầy
Đẻ ra gánh vác Đạo Thầy
Trong thời loạn lạc là ngày trùng hưng.*

Lê Kim Tỵ đến. Tệ Đệ xin kiều từ. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

LÊ KIM TỴ

⁽²⁸⁾ **Gia công** 加功: Thêm sức, ráng sức làm việc gì (to try hard).

⁽²⁹⁾ **Xương minh** 昌明: Làm cho sáng tỏ nghĩa lý để mọi người thấu hiểu.

Tệ Đệ mừng hiền huynh Huệ Lương. Chào chư Thiên mạng. Tệ Huynh mừng hiền đệ Bạch Ngọc, hiền muội Bạch Tuyết.

*Không mấy khi được tao phùng⁽³⁰⁾ một thuở
Lần tay tính lại đã mấy mươi thu
Tệ Huynh đã về nơi cõi nhân du
Các đệ muội còn cần cù với Đạo.*

Nhân tiết Xuân về, Tệ Huynh đề vài hàng kỷ niệm tặng chung trong tình đồng đạo, đồng chí hướng.

THI

*Một tay, một cánh chống Lang Sa⁽³¹⁾
Họ quyết bóp tan mối Đạo nhà
Sống thác thường tình đâu có nệ
Cho người biết được khí hùng ta.*

*Nay về chốn Tiên Tòa cảnh cũ
Tệ Huynh nào vui thú chi đâu
Nhiệm vụ xưa mấy lúc dãi dầu
Chưa thành đạt lòng này còn luyến tiếc
Cùng các Đấng Tệ Huynh lãnh việc
Khắp Âu Châu tùy lúc độ người đời
Cho họ tường giáo lý Đạo Trời
Miền Đông Á một ngày xán lạn.*

⁽³⁰⁾ **Tao phùng** 遭逢: Gặp nhau nhờ có duyên lành, cùng nghĩa *tao ngộ* 遭遇 (*to encounter*).

⁽³¹⁾ **Lang Sa** 郎沙: Tức Pha Lang Sa 坡郎沙, hay Ba Lang Sa 葩郎沙 nói tắt, tên gọi nước Pháp theo lối xưa, mượn cách Trung Quốc chuyển âm (*transliterating*) từ *France*.

Tệ Huynh không dám dài dòng.

NGÂM

*Chúc cầu huynh đệ trẻ già
Cùng trong tỷ muội gần xa trung đàn
Xuân này sẽ được hân hoan
Hân hoan lễ đạo, tân toan⁽³²⁾ lễ đời.*

Có chơn linh Nguyễn Trung Hậu đến. Tệ Huynh xin kiếu. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

NGUYỄN TRUNG HẬU

Chào chư Thiên mạng, chư hướng đạo Cao Đài. Tệ Đệ chào anh Giáo Sư Quế.⁽³³⁾ Mời anh và toàn thể ngồi.

THI

*Một kiếp phù sanh⁽³⁴⁾ chẳng mấy lâu
Loay hoay tóc bạc phủ lên đầu
Việc đời mê mẩn chưa thu xếp
Cái chết kẻ bên nghĩ phát rầu.*

Thấm thoát mà đã cách biệt mấy năm rồi. Ngày nay được dịp cùng hội hiệp với đàn anh Tiên Bồi Khai Đạo cùng các bạn hữu đệ muội nơi này, lòng Tệ Huynh không sao ngăn được sự vui mừng đã ấp ủ.

⁽³²⁾ **Tân toan** 辛酸: Cay (tân) và chua (toan); nỗi khổ ở đời.

⁽³³⁾ **Giáo Sư Quế**: Tiên bồi Huệ Lương Trần Văn Quế là chức sắc, phẩm Ngọc Giáo Sư.

⁽³⁴⁾ **Phù sanh** (sinh) 浮生: Kiếp sống trôi nổi, bấp bênh, tạm bợ (*ephemeral floating life*).

Đạo Thầy tuy chưa được quy nguyên về mặt hình thức, nhưng tâm hồn người hằng nuôi vọng ý quy nguyên. Dầu còn chỗ nghi kỵ lẫn nhau hoặc chỗ lợi quyền, hoặc địa vị, hoặc bạc tiền nhỏ mọn, nhưng đó không phải là điều trở ngại, miễn hằng lo việc trọng đại là Đạo Trời.

*Một ngày nào khắp cả nơi nơi
Chi phái Đạo sẽ họp nhau cùng chấn chỉnh
Mười mấy thu dư đã bao lần bàn tính
Nhưng loay hoay trong chỗ chỉ rối với tơ cuộn
Hành cũng nhiều mà cũng có nói suông
Nơi có quy củ, nơi lại luông tuông không tổ chức
Vì lẽ đó đã gây bao nhiêu phiền phức
Tiếng lại qua bức tức giận buồn
Vui thì làm, giận lại xách gỏi đi luôn
Không lương hướng nên chẳng tuân kỷ luật
Hành đạo cũng vui trong cái cực
Áo cơm nhà ra sức đó đây
Chẳng mong gì hơn lợi lộc cho bản thân này
Chỉ mong Đạo tương lai rực rỡ
Gặp nghịch cảnh đành lòng bỏ dờ
Về địa phương lập phái lập chi
Hỏi bao giờ Đạo được thống quy⁽³⁵⁾
Vì cá tính với vì tự ái?
Phải chi tất cả nghĩ vì trọng đại
Quên cái ta nhớ lại việc chung
Nhớ năm xưa lệnh khai Đạo của Huyền Khung
Tam Giáo Đạo rồi sẽ cùng chung hiệp lại*

⁽³⁵⁾ **Thống quy:** Gom về một mối.

*Hướng chi nay các chi các phái
Cũng một Thầy trong Đại Đạo Cao Đài
Một chơn truyền, một luật lệ chớ không hai
Phản kinh điển chỉ sửa đổi vài đôi chút
Vì việc nhỏ mà sanh lục đục
Để việc to lắm lúc dở dang
Cả tiếng kêu huynh đệ khắp Tam Giang⁽³⁶⁾
Nên nhớ lại lời Trên ban khi mở Đạo
Bởi cá tính mà sanh khẩu đảo
Nặng địa phương rồi tổ cáo lẫn nhau
Để người đời chẳng biết nghĩ sao
Cho nội bộ Cao Đài trong chánh nghĩa
Lời thiết thạch⁽³⁷⁾ gởi cùng huynh đệ
Khắp đó đây nên nhớ lại ghi lòng
Một địa phương hỏi có đủ sức gánh gồng
Một chi phái hỏi có lo xong trọng đại?
Một chiếc đũa e có ngày bị bẻ gãy*

⁽³⁶⁾ **Tam Giang** 三江: Tiền Giang, Hậu Giang, Trung Giang. Cách phân bổ địa bàn hành đạo ở Nam Kỳ, lấy sông Tiền và sông Hậu làm ranh giới (phân chia rất tương đối). Miền Tiền Giang có trọng tâm là Hội Thánh Tây Ninh, với vai trò chủ yếu của phái Thượng (tiền bối Lê Văn Trung). Miền Hậu Giang có trọng tâm là Hội Thánh Minh Chơn Đạo, với vai trò chủ yếu của phái Ngọc (tiền bối Trần Đạo Quang). Miền Trung Giang hiểu ngầm nằm giữa Tiền và Hậu Giang, có trọng tâm là Hội Thánh Minh Chơn Lý, với vai trò chủ yếu của phái Thái (tiền bối Nguyễn Văn Ca).

⁽³⁷⁾ **Thiết thạch** 鐵石: ① Sắt và đá. ② Bền bỉ, cứng cỏi, kiên định, không thể lay chuyển, không chịu khuất phục.

Một tao ⁽³⁸⁾ dây cáp con có lúc bị chúng lại bứt ngang
 Tốt hơn là đặt kế hoạch trong khắp Tam Giang
 Thường liên lạc luận bàn hầu tìm lối thoát
 Xuân Bính Ngũ Tệ Huynh xin diễn đạt
 Mỗi tình thương cho khắp đó đây
 Chúc đệ huynh con cái của Thầy
 Được hạnh phúc đủ đầy toàn gia quyến
 Kìa thời thế càng ngày càng biến chuyển
 Cảnh tang thương ⁽³⁹⁾ phô diễn khắp nơi nơi
 Sớm không lo quy nhứt Đạo Trời
 E một lúc rã rời trong tuyệt vọng
 Sự tranh ảnh hưởng đời người trong kiếp sống
 Chẳng cho mình ở được yên đâu
 Hẹn một ngày tái ngộ cùng nhau
 Hầu xây dựng một phong trào quy nhứt Đạo.

Tệ Huynh xin chuyển lời Hiền Huynh Ngọc Lịch Nguyệt đến chư hiền huynh, hiền đệ trung đàn như sau:

Sang năm mới cảm ơn huynh đệ
 Đã thân hành dự lễ khai xuân
 Vui vui tử tử mừng mừng
 Hiễn u một thuở trùng phùng ⁽⁴⁰⁾ nơi đây.

⁽³⁸⁾ **Tao:** Sợi dây nhỏ, nhiều sợi xe chung lại thành sợi dây to.

⁽³⁹⁾ **Tang thương** 桑滄: Nói tắt từ thành ngữ *thương hải [biến vi] tang điền* 滄海[變為]桑田: Biển xanh biến thành ruộng dâu, ám chỉ biến cố (thay đổi lớn lao) ở đời; cùng nghĩa với cuộc dâu biển hay *biển dâu* (life's vicissitude).

⁽⁴⁰⁾ **Trùng phùng** 重逢: Gặp lại nhau (*tái ngộ* 再遇).

Chí có Xuân thì biết thưởng xuân
 Xuân còn nhớ lại cảnh năm Dân
 Lưng trời bạch hạc bay vi vút
 Mặt đất Thần Tiên luận nghĩa ân
 Mở khóa người đời tìm thánh đức
 Trau gươm kẻ sĩ học hiền nhân
 Thiên đàng lòng vẫn băng khuâng nhớ
 Trần thế còn chăng khách thưởng xuân?
THƯỢNG PHẨM CAO QUỲNH CƯ
 Thiên Lý Đàn, 29-12 Ất Tỵ (20-01-1966)

(...)

Tiếp lời Ngọc Lịch Nguyệt:

Cảm ơn riêng bộ phận Hiệp Thiên Đài đã tuân hành lệnh Thiêng Liêng hành tròn nhiệm vụ. Rồi ngày mai đây cũng như những ngày sắp đến, có các vị Tiên Bồi cùng theo âm phò mặc trợ ⁽⁴¹⁾ hành đạo với các hiền đệ, hiền muội.

(...)

Tệ đệ Nguyễn Trung Hậu xin chào từ giã hiền huynh Huệ Lương. Tệ Huynh xin từ giã chung chư liệt vị, chư hiền hữu, hiền muội. Xin kiếu. Thăng.

Đã kiểm duyệt và ban hành

TUN. ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN VÔ VI
 CƠ QUAN HIỆP THIÊN ĐÀI THỐNG NHỨT.

Cửu Trùng Đài:

Hiệp Thiên Đài:

Huệ Lương (Trần Văn Quế)

Huỳnh Chơn (Tạ Đăng Khoa)

⁽⁴¹⁾ **Âm phò** (phù) **mặc trợ** 陰扶默助: Âm thầm giúp đỡ.

NHẮN VỀ HỘI THÁNH

Thánh thất Bình Hòa, Tuất thời, 03-01 Bính Ngọ (23-01-1966)
Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý
Cao Đài Giáo Việt Nam

THI

*Hàng năm kỷ niệm cũng nơi đây
Phật Đản luôn luôn vẫn nhớ ngày
Mở lối liên giao cơ đạo mạch
Không còn chia cách Bắc Đông Tây.*

QUAN ÂM BỒ TÁT

Bản Đạo chào chư Thiên sắc. Chào lưỡng ban đạo tâm
đăng đẳng.

Vâng sắc chỉ Tam Giáo Tòa, Bản Đạo đến chứng lễ khai
xuân tại thánh thất Bình Hòa, cùng đề lời khen ngợi tinh
thần cố hữu, gìn giữ nề nếp người xưa còn để lại. Rồi đây,
các bậc Tiên Bồi giảng cơ để luận đàm đạo sự với chư hiền
sĩ, hiền muội, tín hữu ở địa phương này.

Ngày kỷ niệm Phật Đản hằng năm, chư hiền sĩ, hiền
muội đã thành tâm hiến lễ. Đó là điềm lành báo hiệu cơ
quan quy Đạo mở màn, không còn chia cách đó đây màu
sắc ranh giới phái chi.

Chư hiền sĩ, hiền muội thành tâm tiếp điển Tiên Bồi lâm
cơ. Bản Đạo ban ơn lành toàn thể Thiên phong chức sắc
cùng tín hữu sở tại cũng như hiện diện đàn tiền một mùa
xuân hưởng nhiều ân huệ Thầy Mẹ rưới chan, cởi mở lòng
hành đạo sao cho đúng với tôn chỉ sơ khai Đại Đạo, đó là

Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhứt. Bản Đạo xin
kiếu.

TIẾP DIỄN

THI

*GIÁO dân mở Đạo dựng xây đời
TÔNG chỉ trước nào có rẽ đôi
BAN phát năm chi do một gốc
CHÍNH khai bảy phái bởi ba ngôi
ĐẠO màu cứu thế cơn đông tố
NGUYỄN Phạm⁽¹⁾ cũng đồng nguyện thế thôi
NGỌC đá đến nay đà sáng tỏ
TƯƠNG lai ánh Đạo rạng ven trời.*

GIÁO TÔNG BAN CHÍNH ĐẠO NGUYỄN NGỌC TƯƠNG

Bản Đạo chào mừng chư hướng đạo. Chào Thiên phong
chức sắc cũng như toàn thể tín hữu nam nữ. Bản Đạo miễn
lễ. Đàn trung an tọa để nghe Bản Đạo giải phân.

Mùa xuân năm Bính Ngũ, các bậc Tiên Bồi khai nguyên
Đại Đạo được lệnh viếng thăm, giảng cơ nhắc nhở các bậc
hướng đạo cùng toàn thể tín hữu đó đây.

Tuy được công quả viên mãn, về ngôi xưa Tiên vị,
nhưng vì đạo sự ở thế còn dang dở đó đây, nên Bản Đạo
xin được giảng cơ để giải bày tâm sự.

Đáng lẽ thì Bản Đạo giảng cơ nơi Hội Thánh Bến Tre,
nhưng vì trong lúc đạo tâm chưa thông cảm, chưa cởi mở,
chưa thông triệt tôn chỉ của Chí Tôn, cũng như đường lối

⁽¹⁾ *Nguyễn Phạm*: Nguyễn Ngọc Tương và Phạm Công Tắc.

Bản Đạo tiến hành khi xưa; hơn nữa, Bản Đạo rất cảm động, nhìn thấy đạo tâm nơi đây, đã thượng hai chiếc liễn⁽²⁾ nơi tiền điện thánh thất Bình Hòa, và tinh thần cởi mở một vài trang hướng đạo địa phương, nên Bản Đạo xin được phép giáng cơ tại thánh thất Bình Hòa là một thánh thất trước kia dưới sự chăm sóc của Bản Đạo.

Chư hiền hữu, chư hiền muội! Bản Đạo xin nhấn gởi dòng tâm sự này về nhục tử của Bản Đạo chốn quê nhà. Bản Đạo để lời ngợi khen nhục tử đã vẹn gìn nề nếp cũ, lo hành đạo, chăm sóc nhơn sanh, cũng như để lời khen ngợi toàn thể Thiên phong chúc sắc lưỡng đài Hội Thánh Ban Chính Đạo, đã vì trung thành tín cẩn với đường lối của Bản Đạo xưa kia, nên giữ vững được móng nền tinh thần đến ngày nay.

Trước kia, Bản Đạo chỉ được thổ lộ tâm tình những gì mà Thiên phong chúc sắc có thể làm được ích lợi cho Đạo với thời cơ lúc ấy, nhưng Bản Đạo chưa thể rót ráo tâm tình, thổ lộ những gì mà thời cơ chưa cho phép và trình độ dân đạo chưa quán thông theo kịp.

Sở dĩ trước kia Bản Đạo đặt ra nội lệ khắt khe, đem áp dụng với nhơn sanh đạo trong phạm vi ấy, là vì tinh thần hiểu đạo và trình độ dân trí nơi đây chưa được bình tĩnh minh định đường hướng, có thể vui đâu chúc đó, rồi sẽ lần hồi hoang mang, giảm đức tin. Thế nên Bản Đạo chỉ thổ lộ và ban hành luật lệ đóng khung để giữ gìn dân đạo theo

⁽²⁾ Hai câu liễn chữ Hán đặt trước ngọ môn thánh thất từ ngày tạo tác (1933): *Cao thượng hoàng khai Đại Đạo quy nhứt bốn / Đài tiền phổ hóa Tam Kỳ hiệp Ngũ Chi*. 高上弘開大道歸一本 / 臺前普化三期合五枝.

một chiều hướng nhứt định; gìn giữ đúng chơn pháp, kiện toàn phẩm hạnh, từ hàng tín hữu đến chức sắc Thiên phong, để một ngày Đại Hội Vạn Linh, trùng phùng chi phái Đạo, thực thi luật pháp duy nhứt cho cơ sở Giáo Hội nước nhà, rồi hoằng dương Đạo Thầy ra khắp năm châu bốn biển. Nhưng tiếc vì xác thân tứ đại không cho phép, làm sự nghiệp dang dở.

Trước tình trạng các chi phái Đạo chưa được nhứt tâm, lần hồi Chí Tôn triệu hồi các bậc Tiên Bồi lãnh đạo chi phái về chôn Linh Tiêu Cực, để rồi từ đây mỗi vị có phận sự trở về cảnh tỉnh, điu dắt đàn em của mình, cùng sắp xếp những sự nghiệp trước kia còn dang dở đến ngày nay.

Bản Đạo nhận thấy nơi này là hữu duyên hữu phúc, có thể sớm chuyển mình vươn lên đón luồng gió mới của cơ Đạo trong lúc quy nguyên. Bản Đạo không quên để lời khen ngợi hiền hữu Non,⁽³⁾ hiền hữu Tùng⁽⁴⁾ đã sớm cởi mở, nhìn rộng thấy xa, tìm phương điu dắt bốn đạo thánh thất nhà. Nhị hiền hữu cũng sẽ là sứ giả làm gạch nối giữa Bản Đạo và Hội Thánh Bản Đạo đã dựng nên trước kia.

THI

*Lý Đạo khuyên ai nhớ phản hồi
Dặn lòng tiến bước chớ lời thôi
Thời gian nguơn hạ không cho phép
Tuổi tác già nua uống một đời.*

⁽³⁾ Tiên bồi Lê Văn Non (1913-1985), là Thái Giáo Hữu, Đầu Họ Đạo thánh thất Bình Hòa; tu ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, đắc quả Quang Minh Huệ Tiên.

⁽⁴⁾ Giáo Hữu Thượng Tùng Thanh, con của tiên bồi Huỳnh Văn Liệu là vị hiền đất cát thánh thất Bình Hòa.

BÀI

*Xuân Bính Ngũ để lời cầu chúc
Khắp đệ huynh hạnh phúc nơi nơi
Phổ thông giáo lý Đạo Trời
Cho cơ quy hiệp kịp thời cứu dân.
Nhìn thấy cảnh hồng trần tang tóc
Khắp đó đây loạn lạc họa tai
Dầu tài cùng chẳng có tài
Đại khôn quý tiện một ngày như nhau.
Huynh đệ còn phước cao đức cả
Của Chí Tôn phổ hóa Nam bang
Từ khi khai mới Đạo vàng
Tuy danh chưa được lan tràn năm châu.
Nhưng danh thể Đạo mẫu đây đó
Khắp Bắc Nam đều có cảm tình
Tinh thần vì Đạo hy sinh
Vẫn không lay chuyển dầu tình thế nao.
Khí phách còn đề cao nhân ái
Từ công bình với lại từ bi
Bớt thù, thêm bạn luôn khi
Lấy ân báo oán, không gì chuyển lay.
Tôn chỉ đạo Cao Đài giữ vững
Lấy tình thương xây dựng nước non
Thăng trầm danh tiết giữ tròn
Nạn tai mấy lúc vẫn còn thanh danh.
Hãy tiếp tục mà hành theo đó
Rồi một ngày sáng tỏ vinh quang*

*Ở trong tai ách khổ nàn
Mà lòng trong sạch mới càng quý thay.
Việc dầu khó chung tay nưng đỡ
Hiệp liên nhau từ đó nên hay
Mở màn liên kết đó đây
Cho cơ quan đạo một ngày thành công.
Khuyên huynh đệ gìn lòng ghi nhớ
Mãn xuân này hẹn ở xuân sau
Đôi lời tâm sự vừa trao
Để làm kỷ niệm cùng nhau từ rày.*

NGÂM

*Chúc xuân huynh đệ trong ngoài
Tu hành tinh tấn đủ đầy công phu
Hễ rằng trót phạm người tu
Đi cho đến chốn để bù công lao
Phải chi dầu khác sắc màu
Cùng đồng miệng niệm Đài Cao danh Thầy
Ban ơn khắp cả trong ngoài
Đệ huynh vui vẻ, Tiên đài xin lui.*

*

Đã kiểm duyệt và ban hành

TUN. ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHUỖNG QUẢN VÔ VI
CƠ QUAN HIỆP THIÊN ĐÀI THỐNG NHỨT.

*Cửu Trùng Đài:
Huệ Lương
(Trần Văn Quế)*

*Hiệp Thiên Đài:
Huỳnh Chơn
(Tạ Đăng Khoa)*

NGÀY XUÂN MẸ DẠY

Thánh thất Tân Định, Tuất thời, 06-01 Bính Ngọ (26-01-1966)
Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý
Cao Đài Giáo Việt Nam

AN HÒA THÁNH NỮ

Chào chư Thiên mạng.⁽¹⁾ Chào liệt vị lưỡng ban.⁽²⁾
Truyền lệnh xả đàn trong năm phút, dời bàn cơ lên Diêu Trì
Bửu Điện khai xuân. Thánh Nữ chào chung. Lui gót.

(Tái cầu tại Diêu Trì Bửu Điện.)

THI

CỬU Trùng phó lệnh giáng khai xuân⁽³⁾
VỊ thể nhơn lai tỉnh mộng trần⁽⁴⁾

Huê Khải chú thích:

- (1) **Thiên mạng** (mệnh) 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).
- (2) **Lưỡng ban** 兩班: Hai ban chức sắc, chức việc và tín đồ khi hành lễ trước Thiên Bàn: ① nam (phía bình bông trên Thiên Bàn) và ② nữ (phía đĩa trái cây trên Thiên Bàn).
- (3) **Cửu Trùng** 九重: Chín bậc thêm ở nơi vua ngự triều; ám chỉ nhà vua, hoặc Thượng Đế. Trong bài này ám chỉ Đức Mẹ. **Phó lệnh** 咐令: Ban lệnh, ra lệnh. **Cửu Trùng phó lệnh giáng khai xuân**: Đức Mẹ ban lệnh cho Cửu Vị Tiên Nương giáng cơ mở các đàn đầu xuân.

TIÊN cảnh vô vi nhi bất hoại⁽⁵⁾
NƯƠNG Nương giá ngự quảng thi ân.⁽⁶⁾

九重 咐令 降開春
爲[位] 世人 來省 夢塵⁽⁷⁾
仙景 無爲 而不壞
娘娘 駕御 廣施恩

CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG

Đồng chào chư Thiên mạng. Chào liệt vị⁽⁸⁾ lưỡng ban.
Truyền lệnh nghiêm chỉnh trung đàn, thành tâm nghinh tiếp
Vô Cực Từ Tôn giá ngự. Chúng⁽⁹⁾ Tiên Nương chúc các sứ

- (4) **Thế nhơn** (nhơn) 世人: Người đời. **Vị thể nhơn lai tỉnh mộng trần**: Vì người đời mà Cửu Vị Nương Nương đến, để đánh thức chúng sanh tỉnh giấc mộng trần (đừng mê say theo những giá trị tạm bợ ở cõi đời hư ảo, vì chúng sẽ tan biến như giấc mộng).
- (5) **Tiên cảnh vô vi nhi bất hoại**: Cảnh Tiên tuy không hình tướng (mắt thịt trần gian không nhìn thấy) nhưng nơi đó các giá trị thiêng liêng không bị hư hoại.
- (6) **Nương Nương** 娘娘: Tiếng gọi một vị nữ quyền uy cao trọng; chẳng hạn, ở thượng giới là Tiên Nương, Thánh Mẫu, ở thế gian là hoàng hậu, vương phi, v.v... **Giá ngự** 駕御: Cũng như *giá lâm* 駕臨: Đến, tới (tiếng tôn kính dành cho vua chúa, Thượng Đế, Đức Mẹ...). **Nương Nương giá ngự quảng thi ân**: Tiên Nương giáng đàn ban ân rộng khắp cho chúng sanh.
- (7) Lẽ ra **Cửu Vị** viết là 九位 (chín vị); nhưng do ý nghĩa câu thơ nên viết **vị** là 爲 (vì).
- (8) **Liệt vị** 列位: Các vị (đang có mặt).
- (9) **Chúng** 衆 (眾): Từ chỉ số nhiều, như: *chúng sanh*.

mạng và liệt vị sớm hoàn thành nhiệm vụ để nhơn sanh đều được cộng hưởng ⁽¹⁰⁾ một mùa xuân đầy rực rỡ. Chào chung. Thăng.

TIẾP DIỄN
VÔ CỰC TỪ TÔN ĐIỀU TRÌ KIM MẪU
MẸ LINH HỒN CÁC CON

Mừng các con. Mùa xuân đạo đức đến với các con, Mẹ cũng đến với các con nơi cõi tạm hồng trần mờ mịt này, để ngợi khen và ban ơn cho các con trong tân xuân hành đạo.

Hỡi các con!

THI

*Vạn vật mong chờ một Chúa Xuân
Đem về muôn vẻ đẹp màu xuân
Hồng lô tuyết điểm hoa treo ngọc ⁽¹¹⁾
Thượng uyển ⁽¹²⁾ hương nồng hạc múa xuân
Khoác áo Tiên y ⁽¹³⁾ che nắng hạ
Rưới bầu linh dược mát lòng xuân
Thương con hành đạo lâm ⁽¹⁴⁾ trần thế
Cho trẻ vui mừng trọn ý xuân.*

⁽¹⁰⁾ **Cộng hưởng** 共享: Cùng nhau chung hưởng.

⁽¹¹⁾ **Hồng** 紅: Sắc đỏ, ám chỉ bông hoa. **Lô** 蘆: Cỏ lau. **Hồng lô tuyết điểm hoa treo ngọc**: Tuyết trắng đọng trên đầu cánh hoa và ngọn lau, nhìn giống như những hạt ngọc treo vào đó.

⁽¹²⁾ **Thượng uyển** 上苑: Vườn hoa của vua; vườn hoa trên thượng giới.

⁽¹³⁾ **Tiên y** 仙衣: Áo Tiên.

⁽¹⁴⁾ **Lâm** 臨: Đến, tới.

Mẹ ban ơn, miễn lễ. Các con an tọa.

Con ôi! Mỗi độ xuân về, lòng Mẹ như băng khuâng lo ngại. Xuân về, xuân lại đi. Con rước lấy của xuân thêm một tuổi đời chồng chất và sắp vượt qua khoảng thời gian trên đường thiên luân ⁽¹⁵⁾ trong cõi tạm. Mẹ ngại rằng các con có biết thời gian ấy là quý báu không để chú trọng đến thời gian qua không bao giờ trở lại; nếu các con không kịp ghi vào lịch sử đời hoặc đạo một điểm son nào, thì cũng chỉ là triền miên sanh trưởng thâm tàng ⁽¹⁶⁾ theo định luật của mọi loài trong vạn vật.

Con ôi! Mặc dầu mùa xuân đến với vạn vật trong cảnh khời lửa đao binh, đến với vạn vật trong một đoản kỳ, ⁽¹⁷⁾ mà vạn vật cũng phải tựa vào đó trút đi một năm dài gian lao kinh cụ. ⁽¹⁸⁾ Ôi, mới biết xuân rằng quý!

Mẹ nhận thấy mùa xuân này, các con làm một đoàn đi trong vạn chúng, ⁽¹⁹⁾ đốt ngọn đèn giữa cánh rừng rậm bao la, mang theo sứ mạng để nói lên vang tận không gian rằng:

⁽¹⁵⁾ **Thiên luân** 天倫: Các mối quan hệ, ràng buộc tự nhiên của con người, đặc biệt là các mối quan hệ trong gia đình (*the natural bonds and relationships of men, especially the bonds of family*).

⁽¹⁶⁾ **Sanh** (sinh) **trưởng** **thâu** (thu) **tàng** 生長收藏: Bốn giai đoạn tương ứng với bốn mùa là xuân (sinh sôi), hạ (trưởng, phát triển), thu (gom lại, co cụm lại), đông (tàng bễ, cất giữ); đồng nghĩa với *thành trụ hoại không, thành thịnh suy hủy*.

⁽¹⁷⁾ **Đoản kỳ** 短期: Kỳ hạn ngắn ngủi (*short term*).

⁽¹⁸⁾ **Gian lao** 艱勞: Khó nhọc. **Kinh cụ** 驚懼: Sợ hãi, hoảng sợ (*panic, fright*).

⁽¹⁹⁾ **Vạn chúng** 萬眾: Muôn người, quần chúng.

Đạo thị cứu nhơn, nhơn thoát khổ⁽²⁰⁾

道是救人人脱苦

Nhơn năng hoằng Đạo, Đạo trung hưng⁽²¹⁾

人能弘道道中兴

Đạo thành, người lại vui mừng

Non sông vạn vật thường xuân cũng đồng.

Đêm nay là đàn thứ chín và cũng là đàn tất⁽²²⁾ lễ khai

⁽²⁰⁾ **Đạo thị cứu nhơn, nhơn thoát khổ:** Đạo là để cứu người, người thoát khỏi khổ.

⁽²¹⁾ **Trung hưng** 中兴: Hồi phục lại sau thời kỳ suy yếu (*restoration after a temporary decline*). **Nhơn năng hoằng Đạo, Đạo trung hưng:** Người mở mang, phát triển được Đạo, thì Đạo sẽ hồi phục mạnh mẽ lại.

⁽²²⁾ **Đàn tất:** Đàn này kết thúc loạt chín đàn cơ Thiêng Liêng ban ơn khai xuân năm Bính Ngọ, do bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý tuân thánh lệnh, lần lượt đến thông công tại các thánh sở trong phạm vi Sài Gòn, Gia Định và hai tỉnh Long An, Vĩnh Long. Cụ thể như sau: ① Thiên Lý Đàn (Sài Gòn), đàn giao thừa, Tuất thời, 29-12 Ất Tỵ (20-01-1966); ② Vĩnh Nguyên Tự (Long An), Ngọ thời, 01-01 Bính Ngọ (21-01-1966); ③ Trúc Lâm Thiền Điện (Vĩnh Long), Ngọ thời, 02-01 Bính Ngọ (22-01-1966); ④ Thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận), Ngọ thời, 03-01 Bính Ngọ (23-01-1966); ⑤ Thánh thất Bình Hòa (Gia Định), Tuất thời, 03-01 Bính Ngọ (23-01-1966); ⑥ Liên Hoa Cửu Cung (Thủ Đức), Ngọ thời, 04-01 Bính Ngọ (24-01-1966); ⑦ Thánh thất Bàu Sen (Sài Gòn), Tuất thời, 04-01 Bính Ngọ (24-01-1966); ⑧ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài (Vĩnh Hội), Tuất thời, 05-01 Bính Ngọ (25-01-1966); ⑨ Thánh thất Tân Định (Sài Gòn), Tuất thời, 06-01 Bính Ngọ (26-01-1966).

xuân. Các con hội về nơi Diêu Trì Bửu Điện này, tuy nhỏ hẹp, nhưng đã chứng tỏ được tinh thần hòa ái hiện trên vẻ mặt hân hoan trong xác thân mệt nhọc. Mẹ vô cùng cảm động.

Các con yêu quý! Rồi đây các con sẽ tạm nghỉ được trong một khoảng thời gian rất ngắn, lại tiếp tục nhiệm vụ. Con ôi! Trần thế âm u của đời bao vây nhân loại chừng nào, thì cơ cứu cánh⁽²³⁾ bảo tồn lại càng thúc đẩy các con phải nhận chịu mọi điều gian lao cam khổ,⁽²⁴⁾ để làm tròn sứ mạng trên bãi giãc sông mê, hay cầm ngọc minh châu trong đêm tối.

Hỡi con! Chúng sanh đồng vạn khổ, nếu con không đặt mình vào Đạo, không chịu nổi gian lao với Đạo, thì con cũng phải cộng nghiệp với chúng sanh. Vật chất, vinh sang, công danh, phú quý chỉ là cái màu tô điểm thêm cho cái vỏ xác thịt bên ngoài, chứ không có quyền phép đoạt được, mà sự tiến hóa hay thoái hóa đều do linh hồn gánh chịu hết. Các con được về với Mẹ hay không là do đó.

Mẹ chiếu lệnh Chí Tôn, Tam Giáo Tòa và Tam Trấn Đại Đạo đồng thưởng ân cho các con vui. Các con nghe:

(...)

⁽²³⁾ **Cứu cánh** 究竟: **Cứu** là sau cùng; **cánh** là xong tất, hoàn thành. Người Trung Quốc dịch **Ba la mật đa** 波羅蜜多 (*paramita*) sang chữ Hán là **đáo bỉ ngạn** 到彼岸 (sang bờ bên kia, qua bờ giãc), cũng dịch là **cứu cánh** 究竟. Thế nên hai chữ **cứu cánh** còn có nghĩa là giải thoát luân hồi sanh tử (*free from samsara*).

⁽²⁴⁾ **Cam khổ** 甘苦: Ngọt và đắng, lúc sướng lúc cực, nỗi vui nỗi khổ (*good times and hardships, joys and tribulations*).

Hỡi các con! Tuy các con còn ở trong mọi cảnh trôi buộc của đời, nghiệp oan vương vẩn, mà các con cũng cố gắng vượt lên để bồi công lập đức. Như thế chư Phật Tiên, Thánh Thần mới có thể dắt dìu hộ trợ các con trong kỳ thượng nguơn tái tạo.

Mẹ phân đây để các con lớn nhỏ nghe:

Các con có biết vì sao những bậc Tiên Bồi lưỡng đài giáng cơ chỉ xưng toàn nữ danh hay chức sắc thọ phong khi ở nơi trần hay không?

Con ôi! Đó là những người hữu căn hữu vị, chẳng phải kém quả thiếu công. Nhưng bởi sứ mạng chưa tròn, nên trước Linh Tiêu phát đại nguyện rằng nếu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không quy được Tam Giáo, không hiệp được Ngũ Chi, các Tòa Thánh, Hội Thánh, thánh thất, thánh tịnh của các sứ mạng đã xây dựng nơi cõi trần, thì nguyện không vào hàng Tiên vị, sẽ chuyển luân nơi cõi tạm cho đến khi nhiệm vụ hoàn tất, sứ mạng vẹn tròn, mới chứng quả Tiên bang⁽²⁵⁾ và an lòng nơi Cực Lạc.

Hỡi các con! Các con có cảm nghĩ đến việc này như thế nào không? Mẹ rất đau lòng khi nghe lời nguyện ấy, nên chỉ Mẹ giáng xuân này để khuyên các con hãy cố gắng hành đạo tu thân. Nếu các con ở vào cương vị nào, địa phương nào, hãy ráng lo nơi ấy cho Đạo được mở mang, giáo lý quảng truyền, cho nhơn sanh quanh vùng được thấm nhuần đạo học, để nối tiếp kẻ vai gánh vác bớt một phần nhiệm vụ cho người quá vãng, và bồi công lập đức, đoạn nghiệp trau thân của kiếp sinh tồn hiện tại của con.

⁽²⁵⁾ **Tiên bang** 仙邦: Cõi Tiên.

Mẹ mừng là mừng Đại Đạo sắp được trung hưng chánh pháp. Thượng Đế đã ban ơn cho những đứa nhiệt tâm hành đạo, và sẽ còn những đứa có căn lành đang chờ chực, hầu tiếp tay với các con trong cơ hội hoằng dương⁽²⁶⁾ giáo lý này. Các con vững lòng tiến bước.

Đây, Mẹ ban ơn cho toàn cả họ đạo sở tại. ... hãy nhớ lời Mẹ dạy hôm nay.

Nơi Tân Định thánh thất đã lập nhiều công quả, đã sẵn sàng tâm đạo, sẵn dạ chí thành với Thầy, với Đạo, với Thiêng Liêng. Chỉ còn một điều con nên chú trọng, từ đây phải lo sắp xếp kiện toàn nội bộ, trang trải nợ nần, tìm cách tự túc sinh hoạt, để mở cơ phước thiện, tìm cách học hành tu tập để chọn người rèn luyện Giáo Sĩ, mở lớp Phổ Huấn tương lai. Cần như thế, tuy hữu hình, nhưng đó là nấc thang các con bước vào thượng thừa thiên đạo. Khi nào hữu sự, thành tâm nguyện cầu, Mẹ sẽ cho chư Tiên giúp đỡ. Đừng chạy đây chạy đó, tìm kiếm nơi nào. Thân con là tương lai, tâm con là vĩ nghiệp,⁽²⁷⁾ linh hồn con là ngôi vị thiêng liêng. Từ nam nữ đồng nhứt tâm hành đạo, thượng hòa hạ mục,⁽²⁸⁾ liên giao các thánh thất bạn để tìm học thêm những

⁽²⁶⁾ **Hoằng dương** 弘揚: Cũng như **hoằng khai** 弘開, phát triển rộng lớn (*to develop and expand*).

⁽²⁷⁾ **Vĩ nghiệp** 偉業: Sự nghiệp to tát, lớn lao, cao cả (*a great cause*).

⁽²⁸⁾ **Hòa mục** 和睦: Thân ái thuận hòa (*harmonious*). Đồng nghĩa với: **hòa hảo** 和好, **hòa khí** 和氣, **hòa ái** 和藹, **thân thiện** 親善. Trái nghĩa với: **bất hòa** 不和, **tranh chấp** 爭執. **Thượng hòa hạ mục** 上和下睦: Trên hòa dưới thuận, hòa thuận với mọi người lớn nhỏ trong nhà, trong một tổ chức.

điều hay lẽ phải, đem về bồi đắp vào những chỗ ưu khuyết của mình. Các con làm như thế là đúng ý Mẹ mong.

Còn bao nhiêu con Tiên Bối cũng muốn lâm đàn ⁽²⁹⁾ để phỉ tình hàn huyên tâm sự, nhưng chờ có dịp. Hiện nay, đàn này, Mẹ sẽ cho các con Tiên Nữ, Thánh Nữ lâm đàn chúc xuân cho các con cùng vui, và Mẹ ban sắc lệnh này: Hiệp Thiên Đài tuân hành phận sự.

(...)

Các con tiếp điền để cùng các vị Tiên Nương khai xuân. Mẹ ban ơn lành toàn cả các con trong các bộ phận Cơ Quan và thánh thất. Mẹ hồi cung. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

THI

*Nhẹ gót đường mây với Chúa Xuân
Trở về cảnh tục viếng đồng thân
Chúc cho đạo đức mau tăng trưởng
Để bước ngời Tiên chẳng ngại ngần.*

VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU

Chị mừng các em. Chị mừng chư sứ mạng.

Nhân tiết xuân này, Chị được lệnh hộ loan giá ⁽³⁰⁾ lâm trần, cũng tạm bút để đôi lời chúc các em nam nữ, và Chị xin nhường bút lại cho Thánh Nữ An Hòa. Chị lui gót.

⁽²⁹⁾ **Lâm đàn** 臨壇: Đến với đàn cơ (giáng đàn), cũng như **lâm cơ** 臨机. *Lâm* là cách nói để tỏ lòng tôn quý.

⁽³⁰⁾ **Loan giá** 鸞駕: Xe do chim loan kéo. **Hộ loan giá** 護鸞駕: Theo phò Đức Kim Mẫu. (*Giá*: xa; *loan*: chim loan, loài chim ở cõi Tiên.)

TIẾP ĐIỀN

THI

*Vui với ngày xuân nếp đạo mầu
Hong trần chẳng bận, chẳng lo âu
Khuyên người tu niệm nên ghi nhớ
Xuân lại rồi đi, xuân chẳng lâu.*

AN HÒA THÁNH NỮ

Chào chư Thiên mạng. Chào liệt vị lưỡng ban. Thánh Nữ hộ giá Từ Tôn, tạm điền quang đôi lời kính chúc:

Chúc cho các sứ mạng đăng

Tâm trung hoan lạc

Tánh đạo xương minh ⁽³¹⁾

Đức tu hành bền tợ nước trường lưu ⁽³²⁾

Tình đồng đạo vững vàng như tông lâm mịch mịch. ⁽³³⁾

Thôi, Thánh Nữ xin nhường bút cho Thanh Tâm Tiên Nữ lai đàn. ⁽³⁴⁾ Chào chư sứ mạng. Chào liệt vị trung đàn. Thánh Nữ lui gót.

TIẾP ĐIỀN

⁽³¹⁾ **Xương minh** 昌明: Sáng tỏ, tỏ rạng cho mọi người đều thấy.

⁽³²⁾ **Trường lưu** 長流: Chảy dài, không dứt.

⁽³³⁾ **Tông** (tùng) **lâm** 松林: Rừng tùng (thông: *pine*). Cây tùng bền bỉ, chịu đựng tuyết sương giá lạnh. Âm chỉ đức kiên trinh, trong sạch của bậc quân tử (*chaste and undefiled*). Do đó *tùng lâm* còn dùng để gọi chung những người tu hành (giới tu hành). **Mịch mịch** 冥冥: Rất tĩnh mịch, yên ắng.

⁽³⁴⁾ **Lai đàn** 來壇: Đến đàn cơ, cũng như **giáng đàn** 降壇.

THI

*Công thành quả tựu đến Tiên bang
Nay trở về đây gởi mấy hàng
Hồi các đệ huynh cần gấp bước
Trong khi Đại Đạo cứu đời tàn.*

THANH TÂM TIÊN NỮ

Chào chư Thiên mạng. Chào liệt vị lương ban.

Giờ nay, Chị được theo hộ giá Từ Mẫu khai xuân, mới xin phép lai đàn. Chúc chư Thiên mạng và quý đạo tâm được tu hành tinh tấn, đạo lý quán thông,⁽³⁵⁾ và rắng lập công quả trong mùa xuân năm Bính Ngũ. Chị xin nhường bút Thánh Nữ Bảo Hòa. Chào chung tất cả. Lui gót.

TIẾP ĐIỀN

THI

*Chúc toàn sứ mạng lúc tân xuân
Và cả đạo tâm một tiếng mừng
Rắng giữ thánh tâm cho vẹn vẻ
Chờ ngày hội ngộ trước Hoàng ân.⁽³⁶⁾*

BẢO HÒA THÁNH NỮ

Chào chư Thiên mạng. Chào liệt vị trung đàn. Thánh Nữ xin chúc chư Thiên mạng và liệt vị vượt qua mọi nỗi trở ngại để trung hưng chánh đạo và lập công bồi đức trở lại quê xưa. Thánh Nữ xin nhường bút Nguyệt Điện Tiên Cô lai đàn. Chào chung. Xin lui gót.

⁽³⁵⁾ **Quán thông** 貫通: Thông suốt, hiểu rõ mọi điều.

⁽³⁶⁾ **Hoàng ân** 皇恩: Ôn Trời, ơn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

TIẾP ĐIỀN

TIÊN CÔ NGUYỆT ĐIỆN

Chào chư Thiên phong sứ mạng. Chào tất cả trung đàn.

THI

*Nhờ ơn hiếu tử⁽³⁷⁾ lăm gia công
Hành đạo bao năm chẳng ngại lòng
Mới biết cứu huyên cùng thất tổ
Nhờ tu cứu vớt đặng môn tông.⁽³⁸⁾*

Nhân dịp khai xuân, Bần Đạo lâm đàn để mừng chung cho toàn đạo, mừng chư sứ mạng Thiên phong và luôn luôn hộ trợ cho tất cả đạo tâm trung kiên hành đạo được vững tinh thần hoàng dương giáo lý. Giờ đã hết, bộ phận còn phải nghỉ ngơi để lo trách nhiệm tới. Bần Đạo chào chung tất cả trung đàn, sau này sẽ rõ Bần Đạo là ai.

Huỳnh Chơn, Diệu Lý⁽³⁹⁾ hãy gắng công lo tròn nhiệm vụ, chẳng nên vì khảo đảo mà quên sứ mạng mình, sau này mẫu tử trùng phùng, sẽ hàn huyên mọi nỗi. Bần Đạo một lần nữa, chào tất cả liệt vị đẳng đẳng. Lui gót.

*

⁽³⁷⁾ **Hiếu tử**: Tức là tiền bối Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn (Tạ Đăng Khoa), sinh ngày 06-02-1904 (21-12 Giáp Thìn) tại xã Long Thạnh, tỉnh Bạc Liêu; quy thiên ngày 18-4-1973 (16-3 Quý Sửu) tại Sài Gòn. Để hiểu rõ lý do Đức Tiên Cô Nguyệt Điện ban cho bài thơ này, xem thêm: Huệ Khải, *Tu Cứu Cứu Huyên Thất Tổ*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013. (Quyển 52-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.)

⁽³⁸⁾ **Môn tông**: Tông môn 宗門, gia tộc, dòng họ.

⁽³⁹⁾ **Diệu Lý**: Bạn đời tiền bối Huỳnh Chơn.

TAM MÃ THƯỢNG ĐẰNG

HUYỀN CHƠN

Chuẩn bị làm giai phẩm Văn Uyển xuân Giáp Ngọ (2014), Ban Ấn Tổng chọn tranh ba con ngựa của danh họa Từ Bi Hồng (Trung Quốc) và gửi e-mail để tôi xem trước.

Năm ngoái Quý Ty, hình dạng con rắn không đẹp mắt nên Ban Ấn Tổng chọn hình Long Mã trên nóc Nghinh Phong Đài của Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh làm bìa, ngụ ý chúc lành bá tánh, và ước nguyện lành cho Đạo nhà.

Năm con ngựa thì dễ rồi, vì hề nhắc tới ngựa hầu như giới văn học nghệ thuật liền nghĩ ngay tới Từ Bi Hồng 徐悲鴻 (1895-1953). Kết hợp họa pháp truyền thống Trung Quốc với họa pháp phương Tây, Từ tiên sinh tung ra những nét cọ mực tàu phóng khoáng, vẽ nên những tuấn mã đủ hết phong thái.

Mượn hình ảnh con ngựa, có lẽ họa gia lòng lấy này ngầm bày tỏ nhiệt huyết, gửi gắm khát vọng của mình, cũng là lời chúc nhân gian bền chí với đại cuộc, ắt sẽ đạt thắng lợi; bởi nhân gian vẫn hay nhắc nhau rằng *trường đồ tri mã lực* 長途知馬力 (đường dài mới biết sức ngựa bền), và *mã đáo công thành* 馬到功成 (ngựa đến thì công việc tự thành).

Ngắm tranh ba con ngựa phi nước đại mà Ban Ấn Tổng chọn làm bìa số Xuân Văn Uyển, rồi nghĩ lan man tới hai câu *trường đồ tri mã lực* và *mã đáo công thành* như trên,

dung không tôi lại liên tưởng tới ba người bạn đạo (Đạt Tịnh, Văn Quang, Huệ Khải) hơn năm năm qua đang gồng gánh việc ấn tổng trên đường dài phổ thông giáo lý Kỳ Ba.

Thế là, tôi cảm khái mấy dòng lục bát như sau:

TAM MÃ THƯỢNG ĐẰNG

*Ngựa đen, ngựa trắng, ngựa hồng
Vàng sinh ra nước, nước lòng sinh cây
Dùng cây làm củi chất đầy
Nơi lò bát quái lửa vây trong ngoài
Nghiệm qua tam hợp thật hay
Chúc Ban Ấn Tổng dặm dài phi mau
Để còn hoằng hóa đạo Cao.*

Viết xong, tôi e-mail qua Ban Ấn Tổng, cũng dè dặt nói rằng xin mấy huynh đừng phiền lòng, vì tôi dòm ba con ngựa mà lại nghĩ tới... ba người bạn đạo của mình.

Nào dè, Ban Ấn Tổng chẳng những không phiền mà còn mau mắn nhờ tôi chịu khó chú thích ý đạo ẩn trong mấy câu lục bát ngẫu hứng ấy, để đạo hữu tiện bề thưởng thức, vì bài tôi viết sẽ đăng ở Xuân Văn Uyển, đọc cho vui.

Thôi thì tùy duyên chớ biết từ khước sao đáng. Bèn chú thích như sau:

Tam mã thượng đẳng 三馬上騰: Ba con ngựa tung vó phóng nhanh lên phía trước.

Đen, trắng, hồng (đỏ): Ngụ ý ba hành Thủy, Kim, Hỏa.

Vàng sinh ra nước: Kim sinh Thủy.

Nước lòng sinh cây: Thủy sinh Mộc. (Ở đây, Mộc làm trung gian để dẫn tới Hỏa, như hai câu lục bát kế tiếp.)

Dùng cây làm củi chất đầy / Nơi lò bát quái lửa vây trong ngoài: Mộc sinh Hỏa.

Tam hợp 三合: Ngũ ý ba lượt sinh theo chiều thuận (tương sinh 相生) Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa.

Ở đây, lửa (hỏa, màu đỏ) tượng trưng chánh khí, chánh nghĩa, trung liệt, khảng khái... Ngũ ý nhắc nhau phải tâm tâm niệm niệm cố gắng gìn giữ công cuộc phổ thông giáo lý qua phương tiện ân tống luôn luôn đi đúng chánh đạo, thuần chơn vô ngã, theo đúng mục đích và tôn chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ...

Dặm dài phi mau: Âm chỉ trường đồ tri mã lực, mã đáo công thành, tức là chúc lành Ban Ân Tổng và Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Viết tới đây, tôi mỉm cười nghĩ bụng: Ồ, tùy duyên thì cũng tạm có bài ngắn ngắn gọi là góp mặt với Văn Uyên đầu xuân Giáp Ngọ. Nhưng sẽ kết thúc thế nào nhỉ?

Mấy câu lục bát ngẫu hứng của mình xét cho cùng nào phải là thơ, vậy mà còn nhẹ dạ non lòng trót nghe theo lời ngon tiếng ngọt của Ban Ân Tổng bày đặt chú giải chú giéc nữa chứ!

Nghĩ vậy, để khỏi bị các bậc cao minh quở trách, chi bằng cứ mượn lời cụ Tố Như kết thúc truyện Kiều để kết thúc bài này:

*Lời quê chấp nhật đông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh.*

HUYỀN CHƠN
Hội Thánh Tiên Thiên

Để kịp bài vở cho số Xuân 2014, phải chuẩn bị từ tháng 12-2013, nên các nhà thơ thường ăn Tết sớm. Sau đây là quà Tết Giáp Ngọ của các bạn thơ Áo Trắng. [Văn Uyên]

TẾT XƯƠNG HỌA

Tết gieo hơi ẩm dầy muôn nhà
Tết đến mai vàng rực rỡ hoa
Tết đượm tình đời dâng phúc lạc
Tết vương lý đạo gọi thân hòa
Tết lửa gió mới lòng thành nguyện
Tết giục hồn thơ bút trở hoa
Tết vẹn đệ huynh tình đạo mạch
Tết cầu nhân loại hưởng âu ca.

PHẠM VĂN LIÊM (*Truyền Giáo, 09-12-2013*)

Tết đến đem vui cũng lắm nhà
Tết về trang điểm rợp ngàn hoa
Tết còn lấp lửng câu tan hợp
Tết vẫn nhấp nha chữ chiến hòa
Tết đạo thông dong, ưa lặng lẽ
Tết đời chộn rộn, chuộng phồn hoa
Tết qua Tết lại, bao nhiêu Tết
Tết đến bao chừ trọn lạc ca?

HUYỀN CHƠN (*Tiên Thiên, 10-12-2013*)

Tết thổi gió xuân đến mọi nhà
Tết bùng sắc thắm nở trời hoa
Tết đem từ điển hồng ân nhuận
Tết gợi tình thương thắm hiệp hòa
Tết gọi lòng nhân tu tịnh định
Tết khơi nội cảnh nở sen hoa
Tết ngời dương tỏ soi trần thế
Tết trỗi hồn thơ khúc hát ca.

MINH DÂN (*Chiếu Minh, 12-12-2013*)

* *Bữa tòa thơ thời trở thêm hoa*
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà...
Đức Chí Tôn, 20-02-1926

Tết đến ngấm riêng nổi Đạo nhà
Tết về chạnh nhớ “... *trở thêm hoa*”
Tết còn chia tách chưa nên một
Tết vẫn lửng lơ hiệp với hòa
Tết đạo chưa tròn câu “*Mấy nhánh...*”
Tết đời chi lắm chuyện phù hoa
Tết này Tết nữa, ừ thêm Tết
Tết đạo ngày nao mới khai ca?

HUỆ KHẢI (*12-12-2013*)

Tết đến hằng năm, viếng Đạo nhà
Tết cầu mong Đạo sớm thăng hoa
Tết non thể kỷ còn chi phái
Tết đủ trăm năm liệu hiệp hòa
Tết đạo xuân đời ươm thánh đức
Tết đời xuân đạo ngát hương hoa
Tết mong bốn biển ngời ân phước
Tết giục muôn người ngọt thánh ca.

ĐẠT ĐỨC (*Truyền Giáo, 13-12-2013*)

Tết chúc mười phương cũng một nhà
Tết ngời thanh điển ngát hương hoa
Tết vui ý đạo nơi trần cảnh
Tết hiệp lòng chơn buổi thái hòa
Tết ngán cành đời hay rụng lá
Tết mừng cây Đạo mãi đơm hoa
Tết gieo an lạc xua phiền muộn
Tết đạo cho đời rộn tiếng ca.

HỒNG ÂN (*13-12-2013*)

CHÀO XUÂN GIÁP NGỌ

Xuân đến xuân đi, xuân lại đến
Ta nghe từng nhịp thở của thời gian
Tháng ngày dài qua mấy độ nắng mưa chan
Nhìn mái tóc ngả sang màu cỏ úa.

Xuân Giáp Ngọ, đâu là xuân muôn thừa
Sắc ngựa hồng như dải lụa Hà Đông
Lướt gió tung mây đường vạn dặm ruổi giông
Vang khúc nhạc thành công hồi mã đáo.

Thương lắm chồi xanh đòi đã thảo
Phơi mình tắm nắng buổi ban mai
Nhẹ nhàng chân ngựa phi nhanh quá
Ngọn cỏ nghiêng theo bước trái dài.

Xuân Giáp Ngọ, xuân này như hồi hã
Tiến thối hai đường nên chọn ngã nào đây?
Dọn lối đặng trình trục chỉ về Tây
Ngọ Hỏa sinh ra từ cội cây Giáp Mộc.

Trường đồ tri mã lực
Vững yên cương chung sức Đạo hoàng dương
Để lại ngàn sau những dấu tích can trường
Mãi mãi xuân tâm, hoa tình thương nở rộ.

HUYỀN CHƠN

LỤC BÁT CHÀO XUÂN

Câu thơ lục bát đầu Xuân
Là hoa mai nở vàng sân thánh đường
Chào bình minh đến muôn phương
Chào Xuân Đại Đạo: mùa thương yêu đời

Câu thơ lục bát gọi mời
Ai còn luân lạc dưới trời gió mưa
Về đây vui với muối dưa
Chút tình đậm bạc Xuân vừa khai nguyên

Chào Xuân xóa bỏ lụy phiền
Câu thơ lục bát giữa miền sắc không
Cũng từ cõi trống mênh mông
Vô biên có hạt bụi hồng hóa thân

Đổi thay thay đổi mấy lần
Hết phong trần đến phong trần mà thôi
Vượt qua bến lở bến bồi
Có ta mà cũng có Trời ở trong

Bàn tay hy vọng ước mong
Núi Trời, Trời ở trong lòng chúng sanh
Thuyền từ, từ vượt thác ghềnh
Về tâm tìm chốn trôn lành đón Xuân.

TRẦN DÃ SƠN

ƯỚC VỌNG MÙA XUÂN

Sáng hôm nay mùa xuân về rất sớm
Ngoài vườn cây chim hót tiếng trong lành
Ở trong tôi là một khoảng trời xanh
Hồn ngây ngất tình xuân nồng thắm quá
Các em đến gió xuân đùa với lá
Tiếng em cười nắng dịu chảy trên môi
Cổng thánh đường rộng mở đón ngày vui
Mừng xuân mới, mừng em thêm tuổi đạo
Các em là mầm non, là hoài bão
Một ngày mai rạng rỡ bước đăng trình
Cả nhiệt thành cộng với đức hy sinh
Cùng huynh tỷ điểm tô trang sử Đạo
Lòng trong trắng thuần lương như màu áo
Siết tay nhau xây dựng nước non nhà
Trong tình thương của Thượng Đế bao la
Ân Từ Phụ chan hòa lòng huynh đệ
Các em đến giữa mùa xuân thánh lễ
Chúng tôi vui chờ đợi lớp kế thừa
Một ngày mai Đại Đạo nở thêm hoa
Tâm với vật dung thông cùng trời đất
Thầy: Sự Sống, Tình Thương và Lễ Thật
Ta thờ Thầy giữ Đạo trọn thủy chung
Em kìa em! Xuân Đại Đạo trùng trùng.

TRẦN DÃ SƠN

XUÂN SÁM HỐI

Xin sám hối bằng nỗi lòng sơ cổ
Xuân trình nguyên sao thấy mắt ai buồn
Đời quạnh hiu dù người lại qua luôn
Người qua lại lạ xa cùng phố thị
Chân vội vã bước dặm chiều suy nghĩ
Ở đâu rồi chơn thật với yêu thương
Ở đâu rồi những hồn hậu hiền lương
Và ngôn ngữ dịu êm lời đạo hạnh
Chỉ thấy đầy nắng xuân se se lạnh
Toàn ngựa xe hối hả sắc hương đời
Với rượu nồng đốt cháy cả làn môi
Sau hoan lạc bao con người đói khổ
Bao trẻ em lang thang trên đường phố
Người chán chường tìm trở lại rừng xưa
Bầy chim rừng sao chẳng thấy đón đưa
Chỉ xác thú với thân cây gục ngã
Đại ngàn ơi có đau vì tàn phá?
Cỏ cây ơi có khóc bởi bạo tàn?
Đã mất rồi vẻ tươi đẹp dung nhan
Của mặt đất và Hóa Công sáng tạo
Những sớm xuân gió bay bay tà áo
Người tìm người trong huyền diệu thiêng liêng
Trong tình thương nguyên thủy thuở hồn nhiên
Nghe hơi thở của núi sông hòa nhịp

Và Trời, Đất, cùng với Ta giao tiếp
Ta, Đất, Trời thờ lạy một Hóa Công
Sao bây giờ người lạc giữa mênh mông
Xin sám hối bằng tấm lòng nguyên vẹn
Xuân này xuân cùng với ai nâng chén
Đây trà thơm ngan ngát hương đạo mầu
Đây tin lành xin trao gửi cho nhau
Rằng Thượng Đế đã ban Xuân Khai Đạo
Trong hủy diệt vẫn có mầm tái tạo
Trong điêu tàn cũng có lộc hồi sinh
Hãy cùng nhau ta giữ trọn niềm tin.

TRẦN DÃ SƠN

ĐI LỄ ĐẦU XUÂN

Nay về thánh thất lễ đầu xuân
Chim hót đùa vui dưới nắng hừng
Sương mai đọng lá soi hình Tết
Gió mát dịu dàng tiễn bước chân

Chánh điện vang vang lời kinh sám
Hương trầm thơm ngát đón hồng ân
Tiếng chuông ngân chậm lời nhắc nhở
Đạo đức lo tròn đón chúa xuân.

MAI HÙNG

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

XUÂN HIỀU

Xuân miên bất giác hiều
Xứ xứ văn đề điều
Dạ lai phong vũ thanh
Hoa lạc tri đa thiều.

MẠNH HẠO NHIÊN
(689/691-740)

春曉

春眠不覺曉
處處聞啼鳥
夜來風雨聲
花落知多少
孟浩然

SỚM MAI XUÂN

Sớm xuân ngủ muộn chẳng hay
Tỉnh ra chim đã gọi bầy khắp nơi
Đêm qua mưa gió toi bời
Trong vườn đâu biết hoa rơi ít nhiều.

HUỆ KHẢI dịch

XUÂN HIỂU

Thụy khởi khải song phi
Bất tri xuân dĩ quy
Nhất song bạch hồ điệp
Phách phách sấn hoa phi.

TRẦN NHÂN TÔNG
(1258-1308)

春曉

睡起啓窗扉
不知春已歸
一雙白蝴蝶
拍拍趁花飛
陳仁宗

SỚM MAI XUÂN

Sớm mai mở cửa nhìn ra
Nào hay xuân đã la đà ngoài sân
Một đôi bướm trắng chập chờn
Đuổi theo cánh cánh dập dờn hoa bay.

HUỆ KHẢI dịch

Chùm thơ
VÕ VĂN PHO

GỌI

phải xuân?
gọi gió
bâng khuâng.
gọi non nồn lá
gọi tần ngần mây.
gọi cổ hương
bấm ngón tay
bóc tờ lịch gọi
ơì ngày chóng qua.
gọi nắng reo
đậu sân nhà
hoàng mai đơm nụ
vàng hoa cải chờ.
gọi mùa riêng
những ngẩn ngơ
lòng tôi
ngờ cũng
xanh bờ
cỏ quê.

MƯA VỖ

nụ cười
dẫn lối nhớ xưa
nhận ra nhau
giữa chiều mưa,
ngõ ngang.
người yên lặng
kẻ miên man
nghe mưa vỗ
phía thời gian
lở bồi.

GÁNH QUÊ

gánh quê
bày bán bên đàng.
mừng non xanh mượt
rau lang, mướp, cà
mừng vàng bông bí,
khổ qua.
nú chân,
nhớ quá quê nhà.
Mẹ ơi!

MƠ ƯỚC LÚC GIAO MÙA

THANH CẦN

Vòng luân chuyển của một đời người là sanh, lão, bệnh, tử; vòng luân chuyển của sự vật là thành, trụ, hoại, không; vòng luân chuyển của thời tiết là xuân, hạ, thu, đông. Vòng tuần hoàn luân chuyển lại qua từ vô thủy đến nay vẫn không ngưng nghỉ. Tuy nhiên, nếu chúng ta tách riêng ra hai mảng thời gian của mùa đông và mùa xuân rồi gắn vào thân phận con người để xem kiếp người bị hai mảng thời gian đó chi phối ra sao, thì chúng ta sẽ thấy được khoảnh khắc giao mùa.

Giao mùa khiến chúng ta liên tưởng đến sự thay cũ đổi mới, đến sự chuyển giao hiện tại cho tương lai, cho những việc đã qua và những điều sắp tới. Thừa dịp giao mùa, có lẽ ai trong chúng ta cũng đều cảm nhận những nỗi vui buồn pha trộn trong lòng trước sự ra đi của năm cũ, nhường chỗ cho năm mới bắt đầu, khiến chúng ta hình dung hai ý nghĩa mà điểm giao mùa đã hiện ra.

1. Giao mùa: mùa đông của năm Rắn (Quý Tỵ) chuyển sang mùa xuân của năm Ngựa (Giáp Ngọ)

Xưa nay rắn được dùng làm biểu tượng cho nhiều điều, cả thiện lẫn ác, như trong Kinh Thánh Cựu Ước, rắn tượng trưng cho sự hiểm độc vì đã dụ dỗ ông Adam và bà Eva ăn trái cấm. Rắn còn tượng trưng cho sự thông thái, có khả năng trị bệnh, cải tử hoàn sanh theo truyền thuyết Hy Lạp; về sau ngành Y dùng hình ảnh rắn thần quấn quanh gậy thép của Esculape (*Asclepius*) để làm biểu tượng, và Esculape được tham dự vào hàng tinh tú trong chòm sao

Nhân Mã (*Sagittaire*) mà đời sau xem ông là thần bôn mạng, là ông tổ của thầy thuốc.

Ở đây, chúng ta giả thiết con rắn mùa đông của năm Quý Tỵ tượng trưng cho loài rắn nham hiểm như con rắn trong vườn Địa Đàng (*Eden*), và con ngựa của năm Giáp Ngọ tượng trưng cho loài ngựa chiến có tính năng như chòm sao Phi Mã (*Pegasus*) để ngầm nói lên sự chuyển hóa từ xấu ra tốt, từ dữ ra lành. Vì theo lẽ sinh khắc của Thiên Can và Địa Chi đối với Ngũ Hành, thì Quý thuộc Thủy, Tỵ thuộc Hỏa; Thủy khắc Hỏa tức Thiên Can và Địa Chi của năm Quý Tỵ khắc nhau, rất xấu (đại hung). Còn Giáp thuộc Mộc, Ngọ thuộc Hỏa; Mộc sinh Hỏa tức Thiên Can và Địa Chi của năm Giáp Ngọ tương sinh với nhau, rất tốt (đại cát).

Từ đó ta suy ra, mùa đông của năm Quý Tỵ có nhiều điều xấu ẩn tàng và lắng đọng trong đó. Tình hình kinh tế, xã hội của nước nhà và cả thế giới đã chứng minh điều này. Nhưng quy luật của sự chuyển luân không dừng lại một chỗ, âm cực thì dương sinh, yếu tố hung hiểm của mùa đông năm Rắn sẽ dần dà tiêu hoại đi để mầm cát tường của mùa xuân năm Ngọ tuần tự sinh sôi nảy nở trong thời khắc giao mùa.

Con ngựa tới đây chắc chắn sẽ là con ngựa quý (*bảo mã*), là thiên lý mã, vì họ tên (*Thiên Can, Địa Chi*) của nó hợp nhau: cây làm củi (*Mộc*), củi đốt lên thành lửa (*Hỏa*). Nếu chúng ta cho rằng các mặt tiêu cực trong đời sống xã hội, kinh tế... là sức mạnh hung hiểm, là số phận nghiệt ngã làm cho đời sống con người bị trì trệ thì con ngựa đầy sức lực này sẽ mạnh hơn về lòng dũng cảm và kiên định lập trường để chịu đựng và vượt qua nghịch cảnh.

2. Giao mùa: thời khắc bàn giao và nhận lãnh; củng cố và triển khai

Giao mùa đối với người tu thân, hành đạo cũng được cho là thời khắc rất hệ trọng. Ở đây, chúng ta chỉ căn cứ *theo âm lịch* mà phân ra bốn mùa: tháng Giêng, Hai, Ba là mùa xuân; tháng Tư, Năm, Sáu là mùa hạ; tháng Bảy, Tám, Chín là mùa thu; tháng Mười, Mười Một, Mười Hai là mùa đông.⁽¹⁾ Theo cách tính này, ngày mùng 1 tháng Giêng là ngày đầu của mùa xuân. Còn tính theo đúng khí tiết giao nhau là ngày *Xuân Phân*, nhằm ngày 4 hoặc 5 tháng 2 dương lịch.⁽²⁾

Thời tiết giao mùa đối với thiên nhiên khiến ta liên tưởng đến việc bàn giao và nhận lãnh hay củng cố và phát triển đối với con người.

Bàn giao và nhận lãnh. Ai bàn giao và ai nhận lãnh? Khái niệm về bàn giao và nhận lãnh ở đây chỉ dành cho một chủ thể, một người. Sở dĩ có cái đề bàn giao là vì

⁽¹⁾ Theo dương lịch, việc phân ra bốn mùa không giống nhau ở các vùng trên trái đất. Chẳng hạn, ở bắc bán cầu, mùa xuân từ tháng 3 tới tháng 5; còn ở nam bán cầu, mùa xuân từ tháng 9 tới tháng 11 (... *in the northern hemisphere from March to May and in the southern hemisphere from September to November*. www.oxforddictionaries.com). [Văn Uyển chú]

⁽²⁾ *Xuân Phân*, là điểm giữa của mùa xuân. Tuy nhiên, theo phương Tây thì *Xuân Phân (Vernal Equinox)* lại là thời điểm bắt đầu mùa xuân tại bắc bán cầu. Theo quy ước, tiết *Xuân phân* là khoảng thời gian bắt đầu từ khoảng ngày 20 hay 21 tháng 3 và kết thúc vào khoảng ngày 4 hay 5 tháng 4 dương lịch. Ở nam bán cầu thì thời điểm đó lại là điểm *Thu Phân (Autumnal Equinox)*. [Theo vi.wikipedia.org]

những việc làm theo chỉ tiêu của năm cũ kiểm lại chưa xong, còn tồn đọng, nên tự mình hứa hẹn với mình phải hoàn tất trong khoảng thời gian nhất định nào đó ở năm sau.

Củng cố và phát triển. Điều gì cần phải làm lại cho bền vững chắc chắn thì gọi là *củng cố* để đủ năng lực mở mang rộng lớn hơn lên. Giai đoạn củng cố là thời điểm cuối năm, thời điểm của *đông tàng* lắng đọng, tâm tư ta cũng lắng đọng để nhận thức rõ những thành công và thất bại, những ưu điểm đã gặt hái và những sai lầm đã va vấp. Có mạnh dạn nhìn thẳng vào vấn đề ưu khuyết là đã có dũng khí tiến thủ. Bánh xe bị vướng đầy bùn đất nếu không cạy rửa sẽ không chạy nhanh hoặc không chạy được. Lộ trình tu tiến của ta cũng vậy, nếu không quay vào tâm để soi xét lỗi lầm đã qua còn vướng lại thì không thể tiến thẳng đến mục tiêu giải thoát được, cho dù có tiến thì cũng bị lệch lẽ ngã sang đường khác không phải đường chánh (chánh đạo).

Hành vi *bàn giao và nhận lãnh* hay *củng cố và phát triển* suy cho cùng chẳng khác nào hành vi *tổng cựu nghinh tân*: từ biệt cái cũ, tiếp đón cái mới.

Thời nhà Thương bên Trung Hoa, vua Thang cho khắc trên bôn tấm của mình hàng chữ để hằng ngày nhìn vào ghi nhớ mà sửa mình: *Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân*. 苟日新, 日日新, 又日新; có nghĩa là nếu muốn ngày hôm nay đổi mới thì ngày ngày đều phải luôn đổi mới, lại tiếp tục đổi mới nữa.

Thật ra, “dưới ánh mặt trời không có gì là mới cả”,⁽³⁾ như sách Giảng Viên (Cựu Ước) đã ghi. Nhưng nói mới là

⁽³⁾ *There is nothing new under the sun*. Ecclesiastes 1:9.

nói những điều tốt chưa làm; bỏ qua hóa ra cũ, làm lại trở nên mới; như tấm gương dính bụi lâu ngày, nhìn vào không rõ mặt, trông gương cũ kỹ, một khi lau chùi sạch sẽ rồi thì lại thấy mới.

Đổ ky, hẹp hòi là cũ / xấu. Từ tốn, bao dung là mới / tốt.

Háo thắng, hận thù là cũ / xấu. Khiêm nhường, thương yêu là mới / tốt.

Hám danh vị, chuộng quyền uy là cũ / xấu. Danh vị bất cầu, lợi quyền vô dục là mới / tốt.

Giả tâm xảo ngữ là cũ / xấu. Thành ý cần ngôn là mới / tốt.

Vọng tưởng vạn duyên là cũ / xấu. Nhất tâm bất loạn là tốt / mới...

Kể ra vài đặc tính của cái cũ và mới để ta lấy đó làm gương soi mình lúc giao mùa giữa khoảng đông-xuân.

Con bảo mã Giáp Ngọ ngẩng cao đầu hướng thẳng trên đường thiên lý để phi mau đến đích vinh quang. Cũng thế, là đàn con áo trắng của Đức Chí Tôn, với nghị lực kiên định lập trường, chúng ta hãy nên nhắm thẳng mục tiêu *Thế Đạo đại đồng* và *Thiên Đạo giải thoát* mà gia công, ráo riết đạt cho được những gì còn dở dang, để bù lại những thời gian đã vì lý do này hay lý do khác mà trót để vuột mất, đến nỗi trễ tràng.

THANH CĂN

Xuân là thời gian để lên những kế hoạch và những dự trù. / *Spring is the time of plans and projects.*

LEO TOLSTOY (1828-1910), *Anna Karenina*.

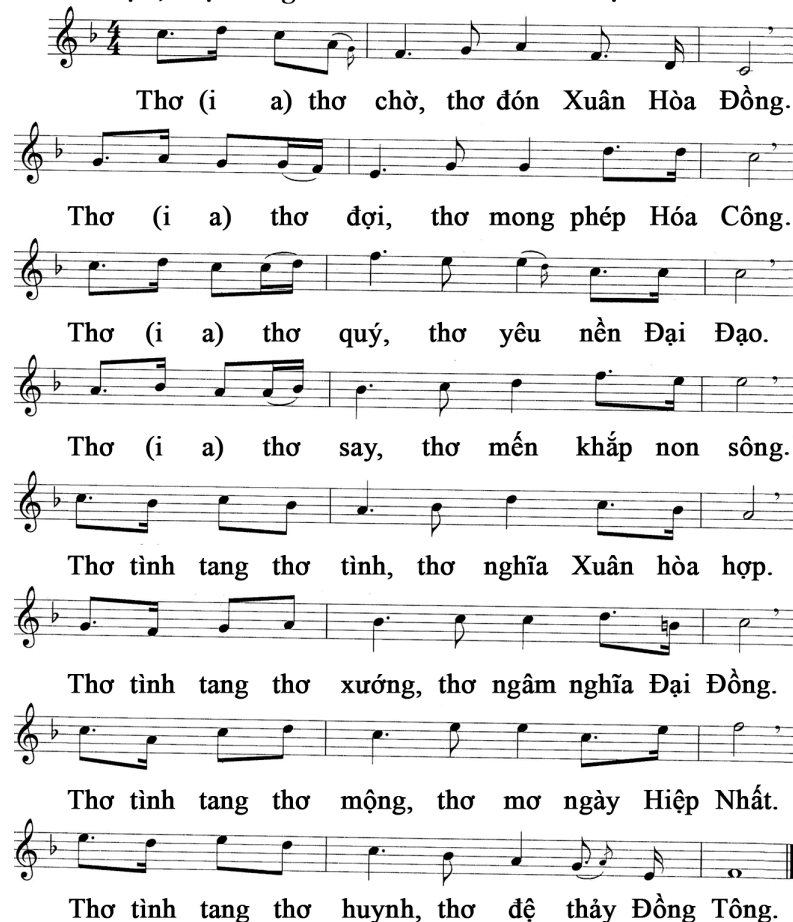
Kính tặng Thi Sĩ Đạo Hugul Minh Tâm
ghi dấu 'Hugul' ngay
giữa chữ 'ta'
Vanhua Bùi Đức Hà

Ý XUÂN

Thơ: Minh Tâm

Nhạc: Bùi Đức Hà

Rất chậm, nhẹ nhàng



Thơ (i a) thơ chờ, thơ đón Xuân Hòa Đồng.

Thơ (i a) thơ đợi, thơ mong phép Hóa Công.

Thơ (i a) thơ quý, thơ yêu nền Đại Đạo.

Thơ (i a) thơ say, thơ mến khắp non sông.

Thơ tình tang thơ tình, thơ nghĩa Xuân hòa hợp.

Thơ tình tang thơ xướng, thơ ngâm nghĩa Đại Đồng.

Thơ tình tang thơ mộng, thơ mơ ngày Hiệp Nhất.

Thơ tình tang thơ huynh, thơ đệ thầy Đồng Tông.

BẢN HỢP XƯƠNG GIỮA XUÂN TÂM VÀ XUÂN CẢNH

THIỆN QUANG

Khi những cơn gió lạnh đầu tháng Chạp thổi về, người Việt Nam chúng ta bắt đầu chuẩn bị đón xuân. Ở các làng quê, người ta chuẩn bị lá dong, gạo nếp, hành kiệu... để gói bánh và làm dưa. Ở những thành phố, người ta cũng vội vã kết thúc những công việc cuối năm để có thể ăn một cái Tết nhàn hạ. Trong bầu không khí xuân ấm cúng của người Việt, các tôn giáo vốn được du nhập từ những nền văn hóa khác cũng chia sẻ những xúc cảm về mùa xuân theo bản sắc văn hóa Việt Nam cổ truyền. Các chùa Phật Giáo thường mở cửa cho khách thập phương đến lễ Phật và xin lộc vào đêm giao thừa. Nhiều giáo xứ Công Giáo tổ chức thánh lễ Misa vào đêm giao thừa lẫn sáng mồng một; còn chiều mồng hai thì có thêm lễ ở nghĩa trang của giáo xứ để tưởng nhớ tổ tiên, và giáo dân có dịp thắp hương trên mộ những người đã khuất.

Đối với đạo Cao Đài – một nền đạo được khai sinh ngay trên đất nước Việt Nam và được xây dựng từ quốc hồn, quốc túy Việt Nam – mùa xuân là một chủ đề giáo lý hấp dẫn và gần gũi dành cho đại chúng. Bất kỳ một người Việt Nam nào cũng có thể tìm thấy nơi đạo Cao Đài một sự đồng cảm qua những trang giáo lý đầy ắp văn chương thi phú về

mùa xuân. Không phải là những vần điệu tả cảnh tả tình để thư giãn đầu năm, giáo lý về mùa xuân đóng một vai trò đặc biệt trong việc minh họa sống động cho sự hiện diện của Thiên Đạo trong nhân thế. Và hơn nữa, Đức Thượng Đế – Đấng khai minh Đại Đạo Cao Đài – còn dạy chúng ta:

“Phương pháp làm cho các con đủ năng lực và tính chất bảo vệ quyền hạn của địa vị con người đều đặt trọn vào ý nghĩa mùa xuân, vì nó là biểu tượng cho sự ấm áp, cho tình thương nơi Thầy và cho sự sống vĩnh cửu hằng hữu với vũ trụ không gian.

Vậy thì các con nên căn cứ vào nghĩa lý ấy mà gìn giữ tâm linh được điều hòa thanh tịnh luôn, hầu nuôi nấng chơn tánh toàn thiện toàn giác của Thầy đã ban cho mỗi con ngày nào.”⁽¹⁾

Hòa điệu giữa xuân cảnh và xuân tâm

Trong giáo lý về mùa xuân của đạo Cao Đài, mới nhìn, chúng ta sẽ thấy có đến hai mùa xuân: một mùa xuân thông thường của ngoại cảnh, được gọi tắt là xuân cảnh; và một mùa xuân huyền diệu của nội tâm, được gọi tắt là xuân tâm.

Tuy nhiên, xuân cảnh mà thiếu xuân tâm thì chỉ là một quang cảnh vô thường giả tạm, còn xuân tâm mà thiếu xuân cảnh lại chỉ là những ý thức cao siêu của bậc tu hành. Muốn thưởng thức được một mùa xuân đúng nghĩa, phải có sự hòa hợp giữa xuân tâm của hồn người và xuân cảnh của thiên nhiên:

⁽¹⁾ Đức Chí Tôn, thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

*Xuân là cảnh thiên thời địa lợi
Có nhân hòa xuân mới thành xuân
Năm qua tháng lại vô ngần
Biết xuân thường được ngày xuân huy hoàng.⁽²⁾*

Xuân chỉ thật sự là xuân nếu có sự phối kết giữa xuân cảnh với xuân tâm. Khi trời đất khởi xướng mùa xuân trong cảnh vật, thì con người phụ họa lại bằng mùa xuân trong lòng mình. Rồi khi xuân tâm nơi con người phát khởi, thì cảnh vật trong trời đất cũng phụ họa theo và trở nên đẹp đẽ hơn, vui tươi hơn đối với con người. Đây là một chuỗi xướng họa liên tiếp nhau giữa xuân tâm và xuân cảnh: khi xuân tâm khởi xướng thì xuân cảnh phụ họa; và rồi ngược lại, cứ như vậy mà diễn tiến một cách nhịp nhàng khoan nhặt qua những cung bậc trầm bổng khác nhau giữa tâm hồn con người và cảnh sắc vạn vật. Những khúc xướng họa giữa xuân tâm và xuân cảnh như vậy sẽ tạo nên những hòa điệu hoàn hảo giữa trời đất và con người. Những hòa điệu này làm nên bản hợp xướng mà ta gọi là mùa xuân.

Trong một bản hợp xướng, thường có nhiều bè được phân chia theo âm vực của chất giọng: nữ cao (*soprano*), nữ trung (*alto*), nam cao (*tenor*), nam trầm (*basso*)... Đây là một loại âm nhạc có nguồn gốc từ Pythagore Giáo ở Hy Lạp cổ đại và được phát triển trong lòng văn hóa châu Âu, nên người Việt Nam mình khi nghe từng bè (của một ca đoàn hợp xướng) hát riêng rẽ, thường có một cảm giác rất khó chịu: sao mà mỗi bè đều hát dở theo một kiểu! Bè này

thì eo éo, bè kia cứ ồm ồm, bè nọ lại ngang phè; đó là chưa kể đến việc các bè phụ cứ hát như thể đối ngược dấu tiếng Việt – ví dụ, thay vì “văn hiển Tiên Rồng” lại hát thành “văn hiển tiền rồng” – nghe thật quá sức mâu thuẫn với bè chính! Tuy nhiên, khi tất cả các bè này hợp xướng, tức là đồng loạt hát lên theo một sự điều khiển có kế hoạch, thì một phép lạ lập tức xuất hiện: mọi mâu thuẫn ngổn ngang trước đây bỗng nhiên biến thành một sự bổ túc đồng điệu cho nhau, bè chính thổi linh hồn vào bè phụ, bè phụ tạo ra sức sống của bè chính, và tất cả những cái dở khác nhau trước đây cũng đồng loạt trở thành những cái hay trong việc tạo ra sức truyền cảm của bài hát vào tâm hồn thính giả.

Phép lạ mà một bản hợp xướng có được – đơn giản thay! – chỉ nằm trong một chữ *Hòa*. Những điều mâu nhiệm của mùa xuân chỉ xuất hiện trong sự hòa hợp giữa xuân tâm và xuân cảnh. Sống được với sự hòa hợp ấy thì cuộc đời mỗi người chúng ta sẽ luôn luôn:

*Có xuân, có cảnh, có tình
Có tâm, có đạo trường sinh bảo tồn
Xuân là đức của Chí Tôn
Thường xuân vui với tâm hồn thiên nhiên.⁽³⁾*

Xuân cảnh

Ngàn hoa đua nở, muôn lộc đâm chồi, cảnh vật trở nên xinh tươi, cuộc đời bừng lên bao sức sống; dưới những nét vẽ vô hình của tình Tạo Hóa, xuân cảnh nơi thế gian này quả là những bức tranh tuyệt tác để con người thưởng

⁽²⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ.

⁽³⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ.

ngoạn. Tuy vậy, Đức Chí Tôn đang cách tân những tập quán thường ngoạn cảnh xuân mà nhân loại đã có từ bao đời, để nhân loại biết đi tìm dáng vẻ tương lai của mùa xuân thánh đức:

“Đại khái xuân đời, cảnh vật có chi các con! Cành hoa chớm nở tươi xinh, các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây, ngửi mùi thơm trong nhụy. Sao các con không vun tưới cội lành Đạo cả, nâng niu sang sửa chơn tâm cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm mầu tự lòng con khai phát?”⁽⁴⁾

Có phải chăng đạo Cao Đài muốn “tôn giáo hóa” mùa xuân, muốn “tuyên truyền” một bầu không khí tu hành vào trong mọi sự việc bình thường của nhân thế? Không phải đâu. Đạo Cao Đài đang dốc sức giải quyết một thảm kịch có thật của hành tinh này: Cả nhân loại chúng ta đang phải sống trong một mùa đông hạ nguơn lòng lộng gió sương – những động đất, sóng thần, bão lụt, hạn hán, bệnh dịch, chiến tranh, khủng bố... ngày càng tràn ngập trên khắp năm châu – và đạo Cao Đài đang đem đến cho nhân loại nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng những nhận thức mới về đạo lý trường tồn của mùa xuân thánh đức. Cuộc đời sẽ không bao giờ có hạnh phúc nếu nhân loại chỉ hài lòng với những niềm vui ngắn hạn, phát xuất từ những sự kiện bên ngoài; mọi cảnh xuân huy hoàng rồi cũng phải nhường chỗ cho những nắng hạ mưa thu giữa cuộc đời dâu bể. Bởi vậy, ta chẳng trách được những vần thơ xuân buồn bã của nhiều thi sĩ ngoài đời:

⁽⁴⁾ Đức Chí Tôn, thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

*Mùa xuân hiện giữa ngàn mai,
Nguyên hình Nữ Chúa trên ngày phù du.*⁽⁵⁾

Trong nỗi buồn của hai câu lục bát này, dù Chúa Xuân có đến cùng với những cảnh vật xinh tươi, thì đó cũng chỉ là những nét đẹp vô thường. Thế nên Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn Huỳnh Ngọc Trác đã để lời cảnh tỉnh:

“Còn người hưởng đạo phải thấy xa hơn, hiểu xa hơn. Chớ nên chú trọng vào xuân cảnh mà phải chú trọng vào cái xuân tâm, vì xuân cảnh là một thời tiết đổi thay trong mấy tuần hoàn của Tạo Vật. Xuân cảnh là tạm ngừng nghỉ một mùa đông gió rét, để làm lại, sắp xếp lại cho tiết đầu năm, rồi cũng hết xuân, chuyển lần qua hạ, thu, đông, luân chuyển xây vùn trong cái thiên luân, trong vòng lẩn quẩn, hết nhân rồi quả, hết quả rồi lại nhân. Hỏi người đời mấy ai hưởng được một mùa xuân bất tận, mà tránh khỏi hạ về thiêu đốt, đông đến cắt thịt se da?”⁽⁶⁾

Cũng may mắn làm sao, từ rất lâu đời, tổ tiên chúng ta đã biến mùa xuân ngoại cảnh của thiên nhiên thành mùa xuân văn hóa trong quốc hồn quốc túy của dân tộc. Người Việt ngày xưa rất chú trọng đến bầu không khí thiêng liêng của những thời khắc đầu năm, vì bầu không khí đậm đà màu sắc tâm linh này có thể đánh thức trong lòng con người những giá trị nhân bản tính. Nhờ vậy, phong vị Tết cổ truyền nằm ở bầu không khí đầm ấm, thân thuộc trong gia đình, dòng tộc, thôn làng, chứ không đơn thuần là những vui chơi hời hợt bên ngoài.

⁽⁵⁾ Thơ Bùi Giáng (1926-1998).

⁽⁶⁾ Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

Tuy nhiên, phải chi chúng ta có dịp ăn một cái Tết ở những thời Lý Trần hay ở một thời đại mà Tam Giáo còn hưng thịnh trong xã hội Việt Nam để cảm nhận cái xuân cảnh mang thực chất của xuân tâm đậm đà hồn Việt, chứ trong gần một trăm năm trở lại đây, phong vị Tết truyền thống của dân tộc cũng đã dần dần bị phai pha theo sự lãng quên những giá trị đạo lý cổ truyền. Văn học sử Việt Nam còn ghi lại hình ảnh cụ đồ Nho bị mờ nhạt dần qua những cái Tết miền Bắc từ thời tiền chiến, với bài thơ *Ông Đồ* của thi sĩ Vũ Đình Liên (1913-1996):

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua
(...)
Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay...*

Sự quên lãng mà người miền Bắc dành cho ông đồ già ngồi bên hè phố trong những phiên chợ Tết ở đầu thế kỷ 20 cũng là một sự báo động xót xa về sự quên lãng mà xã hội Việt Nam hiện đại không chỉ dành cho Nho Giáo mà còn cho cả những giá trị văn hóa tinh thần và những phẩm chất đạo đức cổ truyền trong đời sống của mình. Hậu quả là, người Việt Nam mình dần dần có khuynh hướng vật chất hóa mùa xuân, phàm tục hóa ngày Tết. Người ta chi tiêu nhiều tiền bạc cho việc ăn uống và hưởng thụ trong mấy ngày Tết, tạo ra những dư thừa về ẩm thực quá mức cần

thiết trong những ngày đầu năm để... lấy hên; trong khi đó, những giá trị đạo lý và văn hóa căn bản của ngày Tết lại bị xao lãng. Việc thưởng xuân và ăn Tết rõ ràng đã bị... “thất chơn truyền”, vì sa đà vào xuân cảnh, không phải thứ xuân cảnh thanh tú của thiên nhiên mà là một thứ xuân cảnh trần tục nặng nề do con người tạo nên trong sự hám vọng tiêu thụ vật chất của chính mình. Mùa xuân cũng không còn vẹn toàn những dáng vẻ thiêng liêng, mà bị chìm vào những tuồng đời ảm lạnh, vui buồn trong cõi vô thường giả tạm này.

Xuân tâm

Đằng sau những nét tung bùng rực rỡ của xuân cảnh, chúng ta luôn luôn có thể nhìn thấy xuân tâm của vạn vật và nhân loại, tuy mang những đường nét khác biệt với xuân cảnh, nhưng cũng huy hoàng không kém gì xuân cảnh, nếu không nói là còn hơn cả; bởi vì chính xuân tâm là sức sống thật sự của xuân cảnh. Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy cho chúng ta thấy điều này:

“Thu mãn, đông tàn, xuân lại đến. Cứ như thế, nhật nguyệt âm dương xoay vần theo bánh xe luân, vạn vật đồng luân chuyển quanh theo vòng định luật. Cứ mỗi độ xuân về, cỏ cây đã cởi bỏ lớp lá vàng rơi rụng, mang lên một màu tươi nhuận thắm xanh. Cỏ cây hoa quả tuy rằng là vật vô tri vô giác, nhưng tiềm năng linh ứng Tạo Hóa đã ban cũng chuyển mình trong tiềm thức đón lấy tiết xuân sang để hòa đồng cùng vạn vật.

Mỗi một mùa xuân là mỗi vật đều chuyển mình theo luật tiến hóa từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ một trẻ hài nhi

thơ ngây mộc mạc, trí hiểu biết đã trưởng thành dần theo cơ thể đang tiến, người già cao niên lần hồi sức khỏe giảm bớt để trở về trong quá khứ của lứa tuổi sơ sinh để nhường lại cho mùa xuân đang lên của tuổi trẻ.

Luật sinh trưởng thấu tào không chờ đón một riêng ai, lẽ vô tư của đất trời không dành riêng cho một sinh vật nào. Mỗi độ đông tàn xuân đến là con người đã mang một thể xác vì nhơn, chứa đựng những tâm tư thâm kín, một khối óc tinh khôn, sự hiểu biết phải trái, dở hay, chánh tà cùng khôn đại. Dầu cho từ hạng cùng đinh dân thứ đến hàng trí sĩ đạo đức uyên thâm, dầu muốn dầu không, tâm tư cũng dao động với tiết xuân về. Người vinh hoa phú túc vật chất thái thừa đua đòi thụ hưởng đành rồi, nhưng đối với hạng cơ bản thiếu thốn, sớm có chiều không, dầu lòng có muốn quên đi hoặc phôi pha cho mau qua những ngày xuân đến, cũng cảm thấy nơi tâm tư có những gì rộn rục.”⁽⁷⁾

Sự nảy lộc đâm chồi ở cỏ cây là một biểu hiện của xuân tâm trong tiềm thức của thực vật. Sự rộn rục khi xuân đến ở mỗi người là một biểu hiện của xuân tâm nơi con người. Nhưng, xuân đâu chỉ có thể – Đức Thánh Trần bảo:

*Xuân đến lòng trong khắp mọi người
Sang hèn thanh trực cũng vui tươi
Lẽ đâu xuân chỉ xuân chừng ấy
Mà nợ tang bồng quên đấy thôi.”⁽⁸⁾*

Người, cùng với Trời và Đất, là ba ngôi của vũ trụ mà đạo học phương Đông gọi là Tam Tài. Trong trời đất thì có

Đạo, trong con người thì có Tâm. Cái Tâm này vốn là mùa xuân bất diệt, trường tồn trong con người, và sứ mạng của mỗi chúng ta là gieo rải những hạt giống bất diệt trường tồn ấy vào thế hạ. Đức Chí Tôn dạy:

*Là một trong tam tài định vị
Là muôn trong một lý nhứt nguyên
Con ôi! Phú bẩm do Thiên
Mấy linh Tạo Hóa ban truyền cho con.
Có vũ trụ sông non gồm đủ
Có hình hài riêng thú kiền khôn
Có xuân bất diệt trường tồn
Cho vào thế hạ chiêu hồn vạn sanh.
Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ
Một ra đi, một trở lại Thầy
Dù cho nam bắc, đông tây
Cổ kim nhơn vật do Thầy định phân.”⁽⁹⁾*

Vì con người đã bị lực dục thất tình bao phủ từ lâu đời nhiều kiếp – bởi luân chuyển qua nhiều vòng luân hồi – nên mùa xuân tâm này tự nó không hiển lộ, mà con người phải tìm lại, phải khôi phục, phải đánh thức nó trong lòng mình. Đức Chí Tôn dạy:

“Không cứ phải một mùa xuân cách hạ thu đông, hai mùa xuân hoặc trăm vạn mùa xuân phát sinh vào thời gian ngắn ngủi, mà mùa nào chí những mùa nào, các con vẫn trau luyện tâm mình được tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền,

⁽⁷⁾ Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Giêng Canh Tuất (08-02-1970).

⁽⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Giêng Canh Tuất (08-02-1970).

⁽⁹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

không sân hận, không si mê, không tham vọng, thì các con tự khắc đã gần gũi với Thầy rồi đó.

(...)

Như vậy, các con được sống trong mùa xuân miên viễn, không hạn định, không hủy bỏ theo thời gian. Ấy là xuân đạo đức. Ngày xuân năm nay, Thầy chỉ mong các con dọn sạch lòng mình để chào đón mùa xuân và phải nhớ là mùa xuân đạo đức vĩnh cửu nghe các con.” ⁽¹⁰⁾

Như vậy, xuân tâm là trạng thái tâm hồn tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền, không sân hận, không si mê, không tham vọng... của chính bản thân mỗi người chúng ta. Mùa xuân tâm sẽ đến trong lòng ta, nếu chúng ta thay thế những trạng thái nội tâm thường tình của lục dục thất tình bằng những trạng thái xuân tâm đẹp đẽ này. Đức Chí Tôn dạy:

*Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát
Đạo là xuân, xuân lạc thiên nhiên
Vui xuân vui với tâm điền
Tiết thời hòa dịu người yên vật lành.* ⁽¹¹⁾

Xuân thời thơ ấu

Chúng ta đã nhiều lần thấy được xuân cảnh trong những bức tranh xuân vạm sắc của thiên nhiên. Chúng ta cũng không ít lần thấy được xuân tâm trong trạng thái tâm hồn tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền, không tham, sân, si của chính bản thân mình. Bây giờ, bản hợp xướng giữa hai mùa xuân

⁽¹⁰⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

⁽¹¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

này, chúng ta có thể chứng minh được sự hiện diện của nó ở đâu?

*Trời đất minh minh
Hoa cỏ xinh xinh
Non nước hữu tình
Tìm đâu khúc nhạc thanh bình
Cho nguyên nhân khởi lộ trình phong ba?* ⁽¹²⁾

Trong cuộc đời không lấy gì làm dài của mỗi con người, vào những ngày còn bé thơ, chúng ta đã từng sống trong khúc nhạc thanh bình tưởng chừng như bất tận đó. Và Đức Chí Tôn khơi lại khúc nhạc đó trong ký ức của chúng ta:

*Con nhớ chăng thời xuân thơ ấu
Một thời xuân hòa tấu thiên nhiên?* ⁽¹³⁾

Khi mới chào đời, tâm tánh con người hãy còn thánh thiện hồn nhiên. Đạo học gọi trạng thái đó của tâm tánh là “xích tử chi tâm” (tâm của đứa trẻ sơ sinh còn đỏ hồng). Cái tâm xích tử này còn trong sáng, chưa bị nhuốm bụi trần, và cũng là cái tâm xuân được Trời phú bẩm, tạo nên mùa xuân tự nhiên trong cơ thể con người. Suốt những năm tháng ấu thời, khi mà con người chưa bị lục dục thất tình của chính mình chi phối, chưa biết đến những âu lo, tạp niệm, chấp nhút, cũng chưa biết tham, sân, si, thì con người cũng chưa bị bất kỳ một thứ khổ đau, phiền não hay oan trái nào ràng buộc, mà cứ vui sống thung dung tự tại trong thế giới hồn

⁽¹²⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Hườn Cung Đàn, 29 rạng 01 Quý Mão (24-01-1963).

⁽¹³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

nhiên của trẻ thơ. Đó là xuân tâm ở thời thơ ấu mà mỗi người trong chúng ta đều đã từng có. Xuân tâm ấy không bao giờ phản kháng lại ngoại cảnh mà luôn biết hòa hợp với ngoại cảnh, nghĩa là biết tuân theo quy luật “Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong”. Nhờ sự hòa hợp này giữa tâm và cảnh, nên đối với trẻ con, mùa nào cũng đẹp như mùa xuân, ngày nào cũng vui như ngày tết. Đó là một trạng thái kỳ diệu của đời sống, y hệt như điều mà Đức Chí Tôn mô tả:

*Riêng nhơn loại năng tri vốn sẵn,
Một mùa xuân tất thắng huy hoàng,
Sá chi hạ trường đông tàng,
Cung trời ba sáu thanh nhàn thưởng xuân.*⁽¹⁴⁾

Mùa hạ thật nóng nực nhưng con nít vẫn sướng rơn nồ đùa giữa nắng trưa thời Ngọ, trong khi người lớn lại mệt mỏi thở than vì không khí ngột ngạt oi bức. Mùa thu mưa bão dầm dề nhưng con nít vẫn khoan khoái tắm mưa từ giờ này qua giờ khác, trong khi người lớn lại rầu rĩ sụt sùi với những ho hen cảm cúm vì mắc một chút mưa dọc đường. Mùa đông gió sương lạnh lẽo nhưng con nít vẫn hớn hờ vui chơi suốt những chiều tà lạnh cóng, mặc cho người lớn co ro với những áo ấm áo lạnh. Rồi sang đến mùa xuân, cái mùa duy nhất mà người lớn có thể vui vẻ mặc dù cũng rồi bời lo lắng giữa trăm thứ từ tết gần đến tết xa, thì dĩ nhiên đối với con nít, đó phải là mùa vui sướng nhất. Đường như vào mùa nào người lớn cũng thấy có chuyện để mà khổ,

trong khi con nít bao giờ cũng tự thấy vui sướng, những niềm vui sướng vô hạn giữa một căn khôn rỗng rang chứ chẳng phải vui vì một lý do vật chất nào, đến nỗi ai cũng có thể mạo muội viết lại câu nói lừng danh của Descartes cho thời thơ ấu của mình: “Tôi vui sướng, vậy tôi hiện hữu!”⁽¹⁵⁾ Té ra cái tuổi “ăn chưa no, lo chưa tới” lại là cái thời “sá chi hạ trường, đông tàng; cung Trời ba sáu, thanh nhàn hưởng Xuân” của mỗi con người. Thế thì tại sao, khi lớn lên, con người lại không còn sống được với những trạng thái nội tâm đầy hạnh phúc này nữa? Đức Chí Tôn giải thích:

*Vì vật dục, quả nhân kết cấu
Bời xa nguồn, lạc dấu quày chơn
Mưa thu nắng hạ bao lần
Kim thân lại hóa phàm thân đọa đày.*⁽¹⁶⁾

Vật dục – nghĩa là sự ham mê (*dục*) tất cả những gì thuộc về vật chất một cách trực tiếp hay gián tiếp (*vật*) – là nguyên nhân muôn thuở của tấn bi kịch này. Cái “vật dục” này trong lòng chúng ta nó đáng sợ làm sao, vì nó thường điều khiển chúng ta theo kiểu “ném đá giấu tay”, nên ta khó nhận ra được mặt mũi của nó. Người đời ham tiền ham của, ta bảo đó là do vật dục sai khiến. Đúng rồi! Nhưng người đạo chấp nhứt một chữ, một câu trong lời nói của tha nhân, thì cũng là do vật dục sai khiến đó thôi. Vì sao vậy? Các nhà ngôn ngữ học bảo, lời nói là cái vỏ vật chất của tư

⁽¹⁵⁾ Descartes (1596-1650) nói: Tôi suy tư, vậy là tôi hiện hữu. / *Je pense, donc je suis.*

⁽¹⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

⁽¹⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

tưởng. Khi ta chấp vào lời nói, tức là ta chấp vào cái vỏ vật chất này, ta bám lấy cái vỏ vật chất này, và hành vi này thật sự cũng là một hành vi ham muốn thuộc về vật chất, mà bằng ngôn ngữ bình dân hơn, người ta gọi là... ham cái cọ. Vậy thì, dù là ham tiền bạc hay là ham cái cọ (chẳng hạn), tất cả đều là những cách hiện hình khác nhau của bóng ma “vật dục”. Bóng ma ấy dẫn dụ con người đi dần dần ra khỏi thế giới hồn nhiên thuần phác của xích tử chi tâm, lạc bước dần dần vào những rừng rậm mịt mù của nhân duyên quả nghiệp.

Cái thuở chào đời, tâm con người chưa bị vật dục sai khiến. Hồi tưởng lại tuổi ấu thơ, chúng ta hiểu được cội nguồn đạo lý của giai đoạn hạnh phúc nhất trong đời mình. Sự hạnh phúc đó phần nào hẳn do bản chất hồn nhiên thuần phác của xích tử chi tâm, nhưng phần quan trọng hơn chính là do khả năng hòa hợp của xích tử chi tâm với ngoại cảnh của trời đất. Giữa hai yếu tố tâm và cảnh, phải có một sự hòa điệu thì mùa xuân mới thật sự xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta như một bản hợp xướng diệu kỳ, còn ngược lại, thiếu một trong hai thì mùa xuân vẫn cứ là mùa xuân của những ai xa lạ chứ chẳng thể nào là của chính bản thân ta. Quả vậy, dù trong lòng chúng ta có tràn ngập xuân tâm với những tư tưởng ấm áp, hiền lành, mà cái xuân tâm ấy chưa hòa hợp nổi với xuân cảnh của thiên nhiên, thì có khi chỉ một làn gió Tết mát rượi đầu năm cũng khiến ta phải uống đến mấy ngày thuốc đủ loại – nào trụ sinh, ho, cảm, long đờm... – mà đã vậy thì còn gì là thưởng xuân với ăn Tết nữa!

Nghe qua những cái chuyện rắc rối này, nhiều người cứ

tiếc hùi hụi: “Úi chớ choa, uống cho cái tâm xích tử của tui quá, mà lỡ để mất rồi làm sau tui tìm lại đây?” Ôi, may mắn thay cho những ai biết đặt câu hỏi đó giữa thời đại ân xá Kỳ Ba này. Chính tân pháp Cao Đài dạy con người cách thức khôi phục xích tử chi tâm, làm sống lại bản tâm hồn nhiên thánh thiện. Chẳng thế thì “bác tiều phu già” Đông Phương Lão Tổ đã không nói về sự nghiệp đạo đức trong sứ mạng vô vi của mình tại trời Nam như vậy:

*Tiều già vui vẽ cảnh vân tuyền
Đốn củi, dọn rừng, cắt nghiệp duyên
Đổi chút gạo châu, nuôi xích tử
Gây dòng đạo đức chốn Nam thiên.*⁽¹⁷⁾

Sự nghiệp đạo đức này bắt nguồn từ một ý nghĩa sâu xa khác của mùa xuân: đại ân xá Kỳ Ba giữa đời hạ nguơn mặt pháp.

Mùa xuân của đời mặt pháp

Khi nói về lý đạo của mùa xuân, Đức Chí Tôn đã nhấn mạnh một ý nghĩa rất đặc biệt:

*Kỳ ân xá Thầy khai chánh pháp
Mở rộng đường thâm thập thiện duyên
Sông mê sẵn bát nhã thuyền
Khôn ngoan, cửa Thánh nhà Tiên trở về.*⁽¹⁸⁾

Mùa xuân hiện diện ở chỗ nào trong mấy câu thơ này? Chúng ta có thể tìm thấy lời giải đáp của Đức Chí Tôn

⁽¹⁷⁾ Thiên Lý Đàn, 23-12 Giáp Thìn (25-01-1965).

⁽¹⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

trong một đàn cơ khác:

“Thầy mở cơ tận độ Kỳ Ba này cho các con, cho thế giới nhân loại, cũng như mùa xuân đến với vạn vật.” ⁽¹⁹⁾

Mùa xuân của đời mạt pháp chính là chiếc bát nhã thuyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Thầy đã sẵn chờ trên bến sông mê để đưa vạn linh trở về bờ giác. Thế nên, Đức Giáo Tông Đại Đạo đã khuyên các nguyên nhân trên đường Thiên Đạo phải phát huy cho được mùa xuân này để tự độ và độ tha:

*Non linh đất Thánh trời xuân
Đường trần bao dấu chơn quân lạc loài
Lộc Trời đã giữ trong tay
Đạo Trời vun quén ngày ngày cho xinh
Vui say non nước hữu tình
Đơn phòng bạn lũ vẩn trình vào ra
Ngoài ta nào có cái ta
Vẽ chi thế sự trần la buộc ràng
Bến đời thuyền khách dọc ngang
Biển trần sóng gió phũ phàng ngược xuôi
Trí nhơn biết đạo biết mùi
Há hoài công của như người phàm phu.* ⁽²⁰⁾

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một mùa xuân thiêng liêng bất diệt mà Thượng Đế mang đến cho toàn nhân loại giữa mùa đông của cơ tận diệt này. Chỉ nơi mùa xuân ấy, nhân

⁽¹⁹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

⁽²⁰⁾ Minh Đức Tu Viện, 25-01 Giáp Dần (16-02-1974).

loại mới có thể hy vọng vào tương lai, dân Việt mới có thể khai được Hội Niết Bàn cho vạn quốc. Chính vì phải gầy dựng mùa xuân ấy, mà bao hàng Thiên sứ từ các thời kỳ phổ độ trước đây của Thượng Đế đã xuống thế trong Kỳ Ba để làm dân Việt, chia sẻ những nỗi niềm lịch sử của dân Việt, và khai đường cho sứ mạng lịch sử của dân Việt. Các Tiên Khai Đại Đạo từng tâm sự:

*Một mùa xuân thiêng liêng bất diệt
Xuống cõi trần điểm tuyết non sông
Cỏ hoa chuốc lục khoe hồng
Người người góp mặt đẹp lòng cùng xuân.*

*Giữa cuộc đời hương xuân ngào ngạt
Riêng tình chẳng mảnh đất Giao Châu
Non non nước nước một màu
Ta trông ái Bắc, người sầu Nam quan.*

*Trước án thư mơ màng khói quỳên
Vẳng bên tai những tiếng giao thừa
Vòm trời lấm tẩm sao thưa
Gió xuân chợt thổi tình xưa lạnh lùng.*

*Đốt trầm hương hâu nung nấu lại
Nhắc bút thần họa dải đồng tâm
Ý xuân bình dị thâm trầm
Muôn loài đều hưởng xuân tâm rạng ngời.*

*Xuân tâm ấy của Trời ban phát
Không thời gian, truyền đạt mỗi người
Đời ôi mấy kẻ khóc cười
Dang tay nắm lấy thuyền từ ái tha*

*Phận bé nhỏ đạo nhà nắm giữ
Vai nặng oằn hai chữ nghĩa nhân
Có Trời, có nước, có dân
Dân nguy nước loạn xả thân giúp đời.*⁽²¹⁾

Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn Huỳnh Ngọc Trác dạy:

“Có xuân tâm, con người mới giải thoát, vô ngã, vô chấp, khoan dung, tha thứ. Có xuân tâm, con người mới có tình thương ở tự đáy lòng, đem ra chan hòa cho muôn người, cho vạn vật. Có xuân tâm mới có thể dẫn dắt dân tộc này ra khỏi cảnh tiêu trầm, hướng dẫn nhân loại tránh khỏi nạn diệt vong. Cái xuân tâm ấy là Cao Đài Đại Đạo, mà dân tộc này đã được Thượng Đế bố ban. Cái của quý vô giá đó chỉ chờ nơi lòng xuân của người đời làm cho nó sáng lên, giống cho nó vang lên, bày cho nó tỏ rạng lên.”⁽²²⁾

Sự hiện diện của đạo Cao Đài trên thế gian đặt vào tay con người một sự lựa chọn giữa hai lối rẽ tại ngã ba đường của lịch sử: lối rẽ thứ nhất là con người phải thấp sáng ánh đạo đức trên cõi trần này để biến mùa đông hạ nguon mặt kiếp thành mùa xuân thượng nguon thánh đức; còn lối rẽ thứ hai là con người sống theo vật dục để chứng kiến sự hoành hành của những nghiệp chương do chính mình tạo ra, đẩy nhân loại đến hố sâu tận diệt. Đức Cao Triều Phát dạy:

“Đông tàn, xuân đến. Mấy mùa đông, mấy mùa xuân, đạo đức không tạo được thế nhân hòa, không bình phục được nhơn tâm. Loài người không nhìn nhận, không thực

hiện đạo đức chánh đạo. Tôn giáo chỉ là tôn giáo. Hồn độn vẫn là hồn độn. Nhân loại sẽ theo đông mà tàn, cơ tận diệt sẽ theo xuân mà đến. Đó là lẽ dĩ nhiên trong nhận xét của mọi người.”⁽²³⁾

Trên lối rẽ thứ hai, “nhân loại sẽ theo đông mà tàn, cơ tận diệt sẽ theo xuân mà đến”; chúng ta nhìn thấy những mùa xuân cảnh rừng rợn của cơ tận diệt. Vậy thì người Cao Đài dứt khoát phải đưa nhân loại sang lối rẽ thứ nhất. Phải đánh thức xuân tâm trong nhân loại, phải “làm cho nó sáng lên, giống cho nó vang lên, bày cho nó tỏ rạng lên” như chí hướng của Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn. Bởi vậy, người đạo Cao Đài nếu chưa có đại chí cứu thế thì ít ra cũng phải có tinh thần phụng sự nhân sanh. Những tâm chí, tinh thần như vậy sẽ khởi phát và duy trì mùa xuân nội tâm nơi mọi người. Chẳng những có thể thưởng xuân mà còn giúp mình có đủ sức mạnh thực hiện sứ mạng phụng Thiên sự dân. Chúng ta có thể đọc thấy những điều này từ một lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Xuân là Đạo vận hành biến dịch trong thế dinh hư tiêu tức, còn Đạo vô vi thì huyền nhiệm trường lưu. Con muốn thưởng xuân phải có tâm đạo thì tâm xuân mới phát hiện. Tâm xuân có phát hiện thì thế cuộc dầu có đổi thay phiên nào, lòng con vẫn an định tự nhiên. Có an định tự nhiên mới thông đạt được lý Đạo. Có thông đạt được lý Đạo mới bảo trì quyền pháp phụng Thiên sự dân.”⁽²⁴⁾

Muốn làm việc đó, ta hãy làm giàu cho tâm hồn của

⁽²¹⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

⁽²²⁾ Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

⁽²³⁾ Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

⁽²⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30 rạng 01-01 Bính Thìn.

chính mình bằng xuân tâm; làm cho tấm lòng mình tràn ngập những làn gió tươi mát của khoan dung, những tia nắng ấm áp của tình thương, những đường nét dịu hiền của từ hòa. Một khi lòng chúng ta đã đầy ắp xuân tâm, tự nhiên chúng ta sẽ có nhu cầu trao tặng mùa xuân ấy một cách ân cần và hào phóng cho mọi người chung quanh, dù người ấy là ai, bạn hay thù, thân hay sơ. Và cách làm này thật sự rất giống cách làm của Thượng Đế khi Ngài ân cần và hào phóng đem mùa xuân đến trao tặng cho cả vạn linh trên trái đất này:

“Mặc dầu thời cuộc tang thương, thế trần biến đổi, Thầy cũng dành riêng một mùa xuân ấm áp với vẻ đẹp thiên nhiên, để bù sót lại những lúc đông tàn giá rét, nắng hạ đốt thiêu, mưa thu ảm đạm. Thầy đến với các con một mùa xuân mới. Các con hãy vui vẻ thưởng xuân, đem Đạo Thầy truyền bá khắp nơi, đem hạt giống lành gieo rải lan tràn và đem ân lành phổ cập cho tất cả con cái của Thầy, cho chúng hiểu được lý Đạo, trở về nguyên lý hiệp nhất cùng Thầy, hầu tái lập cõi đời thượng nguơn thánh đức.” ⁽²⁵⁾

Thưởng thức đạo vị của mùa xuân

Là sự khởi đầu của một năm mới trong cõi vô thường, mùa xuân mang đến cho chúng ta những cảm thức rõ rệt về thời gian, và từ đó, về sự vô thường, nhất là những ai đã mới một vì sự chông chênh nặng nề những tuổi đời trên xác thân tứ đại của mình. Đối với người tín đồ Đại Đạo, những cảm thức về thời gian và sự vô thường nhắc chúng ta tự kiểm điểm lại thân tâm của mình sau một năm sống đạo và

hành đạo trong cõi đời. Đức Chí Tôn dạy:

“Mùa xuân, một mùa lập lại công cuộc sanh trưởng thấu tàng. Các con hãy nghĩ lại cái gì nên bỏ và những gì nên đem theo cho cuộc hành trình sắp đến để bước đường trọn vẹn những tiến bộ và trong sạch.” ⁽²⁶⁾

Chính sự kiểm điểm thân tâm này khiến chúng ta thưởng thức được đạo vị của mùa xuân. Điều này thật đáng ngạc nhiên: Tại sao sự tự kiểm lại có tác dụng thưởng xuân? Đức Đông Phương Chưởng Quân giảng giải:

“Ý nghĩa chân thật của hai tiếng thưởng xuân phải ngấm ngấm bọc lộ từ nội tâm mới thật là đúng nghĩa. Còn thưởng xuân trên phương diện hình thức vật chất chỉ tạm cho người thế gian mà thôi. Vì thưởng xuân về vật chất có nhiều khía cạnh, nhưng sau đó thì mệt mỏi uể oải từ thể chất đến tinh thần. Đó là chưa nói đến hậu quả của sự buồn lo, sợ sệt, oán thù theo sau một cơn quá độ. Còn thưởng xuân trong vòng đạo lý là kiểm điểm, ôn cố phân đạo đức hành thiện của mình trong một năm qua. Khi thấy được phần tiến triển với lòng bác ái vị tha trên phương diện Tam Công, lòng hân hoan cởi mở, bát ngát tình thương, động lòng trắc ẩn đối với kẻ bạc phước gởi đất màn sương. Với tinh thần hân hoan ngấm ngấm và bọc phát từ nội tâm, rồi ngồi lại với chén trà đậm bạc, bánh mứt thô sơ, nhưng cõi lòng được nhẹ nhàng và chứa chan niềm hy vọng, tràn đầy đức tin ở phần hậu tri của các Đấng.” ⁽²⁷⁾

⁽²⁶⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

⁽²⁷⁾ Thiên Lý Đàn, 01-01 Kỷ Dậu (16-02-1969).

⁽²⁵⁾ Thiên Lý Đàn, 29-12 Ất Ty (20-01-1966).

Nhờ việc kiểm điểm thân tâm sau một năm hành đạo và nhất là thấy được sự tiến bộ của bản thân, xuân tâm của ta bộc phát những hòa điệu với xuân cảnh. Quả thật, niềm vui có ý nghĩa nhất trong một mùa xuân là vui vì thấy được những thành quả vĩnh cửu mà tâm linh của mình đã gặt hái được trong cõi đời giả tạm. Chỉ khi đó, dòng chảy của thời gian mới không tạo nên những tiếc nuối về một kiếp làm người:

*Đông tàn cảnh wớm trở nên xuân
Xuân nở vườn mai há mấy lần
Lần lựa cho đồ xa bến Thánh
Thánh Tâm mấy kẻ vẹn trau thân?* ⁽²⁸⁾

Bốn câu thơ này nói gì? Chúng ta có thể mượn lời Đức Mẹ để giải thích:

“Con ôi! Mỗi độ Xuân về, lòng Mẹ như băng khuâng lo ngại. Xuân về, xuân lại đi. Con rước lấy của xuân thêm một tuổi đời chồng chất và sắp vượt qua khoảng thời gian trên đường thiên luân trong cõi tạm. Mẹ ngại rằng các con có biết thời gian ấy là quý báu không, để chú trọng đến thời gian qua không bao giờ trở lại? Nếu các con không kịp ghi vào lịch sử đời hoặc đạo một điểm son nào, thì cũng chỉ là triền miên sanh trưởng thâu tàng theo định luật của mọi loài trong vạn vật.” ⁽²⁹⁾

Trong cuộc đời của mỗi người chúng ta, thật không có ai dám nói rằng mình sẽ nhìn thấy mùa xuân đến được mấy

⁽²⁸⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 2, phần Thi Văn Dạy Đạo, bản in 1970, tr.126.

⁽²⁹⁾ Thánh thất Tân Định, 06-01 Bính Ngũ (26-01-1966).

lần mà chân chừ trong việc trau sửa thân tâm. Con dò cứu độ cũng không thể cấm sào đợi chờ mãi mãi – vì đợi chờ mãi mãi có nghĩa là không cứu độ được một ai cả – mà phải rời bến mê trở về bờ giác theo đúng ngày giờ của cơ Trời máy Tạo.

Vài dòng kết

Nếu lắng nghe được những hòa điệu giữa xuân tâm và xuân cảnh trong lòng ta, hoặc nhớ lại được bản hợp xướng ấy của thời thơ ấu, ta thấy có biết bao lý đạo siêu mầu giúp chúng ta gìn giữ tâm linh của mình được điều hòa, thanh tịnh, và nhờ đó, bảo tồn được bản vị cao quý của con người. Ta đã bỏ quên xích tử chi tâm của mình trong sự đi qua của thời thơ ấu, đánh mất cả bản hợp xướng mùa xuân trong những chiều sâu của tâm thức. Có ai giúp cho ta tìm lại bản hợp xướng giữa xuân cảnh với xuân tâm? Chỉ có Đức Chí Tôn Thượng Đế. Và giờ đây, với tân pháp Cao Đài mà Thượng Đế mang đến trong lần cứu độ thứ ba này, chúng ta đang có trong tay bức đồ thơ để tìm lại những giai điệu xuân mầu nhiệm ấy.

THIỆN QUANG

* Âm nhạc có cần chi người thông ngôn hay phiên dịch. / *Music doesn't need interpreters and translators.*

* Âm nhạc là ngôn ngữ của vũ trụ cần khôn, cho phép tất cả mọi người hiệp thông với nhau. / *Music is the universal language that allows all people to communicate with each other.* **ELLEN J. BARRIER**

NGỰA TRONG TRANH TRUNG QUỐC

LÊ ANH MINH

Ngựa là chủ đề quen thuộc trong tranh Trung Quốc. Để hiểu lý do tại sao tranh Trung Quốc thường có chủ đề như vậy, chúng ta cần xét hai điểm: một là ý nghĩa và giá trị đích thực của ngựa trong lịch sử Trung Quốc, và hai là ý nghĩa biểu tượng của ngựa trong quan niệm dân gian.

Ngựa đóng vai trò rất quan trọng trong lịch sử Trung Quốc. Nguồn gốc ngựa của Trung Quốc là từ Trung Á nhưng các chủng loại ngựa phổ biến hiện nay có gốc Mông Cổ. Ngựa đã xuất hiện ở Trung Quốc từ bao giờ? Giống động vật lớn này được thuần dưỡng tại Trung Quốc có lẽ khoảng 2500 năm trước Công Nguyên (TCN), nghĩa là cách nay khoảng trên 4000 năm. Đó là loài gia súc quý báu, sang trọng, cần chăm sóc đặc biệt.

Những mảnh giáp cốt khai quật cho thấy ngựa đã được sử dụng vào đời Thương 商. Cuối đời Thương, việc nuôi ngựa và sử dụng xe ngựa càng thấy rõ. *Sử Ký* Tư Mã Thiên từng ghi chép rằng dân đời Thương rất giỏi buôn bán, họ đã đánh xe đến những nơi xa xôi buôn bán rồi quay về. Từ ngữ *Thương nhân* 商人 ban đầu ám chỉ cụ thể là dân đời Thương về sau được dùng để chỉ tất cả những người hoạt động kinh doanh (cũng giỏi giang như dân đời Thương); và đây chính là từ nguyên của từ tố *thương* trong các từ *thương nghiệp* 商業, *thương mại* 商賣, *thương gia* 商家, v.v...

Nhiều người chưa quen với ý nghĩ cho rằng việc cưỡi ngựa cũng là một phát minh quan trọng như bao phát minh khác. Song song với việc nuôi ngựa là sự xuất hiện các chiến xa hai bánh do ngựa kéo. Tuy nhiên, theo Wolfram Eberhard, xe ngựa không phải là phát minh của Trung Quốc, mà nó được du nhập từ Thổ Nhĩ Kỳ.

Các chiến xa hai bánh phổ biến cuối đời Thương chở ba người: người đánh xe, chiến sĩ (giới quý tộc), và người phục dịch (thí dụ, đưa mũi tên hoặc trao vũ khí cho chiến sĩ). Chiến xa là tài sản quý giá, phải do thợ chuyên nghiệp chế tạo. Lúc đầu xe có hai càng, về sau cải tiến còn một càng cho hai ngựa kéo.

Ngựa luôn đắt và hiếm tại Trung Quốc, và trong nhiều thời kỳ lịch sử của Trung Quốc, ngựa được mua trực tiếp từ các bộ tộc du mục ở phương Bắc và phương Tây. Đồng thời, Trung Quốc đã tiếp thu thuật sử dụng ngựa như chiến mã, thuật nuôi dưỡng, thắng yên cương, v.v... tức là tiếp thu nền văn minh thảo nguyên của các bộ tộc du mục như Đột Quyết, Hung Nô, Si Vu, Mông Cổ.

Trong chiến tranh ở Trung Quốc cổ đại, ngựa giữ vai trò rất quan trọng, có thể gọi là nền tảng sức mạnh quân sự. Các kỵ binh du mục trên lưng các chiến mã thần tốc và dũng mãnh luôn là mối kinh hoàng cho binh quân Trung Quốc. Do đó Trung Quốc rất quan tâm tới vấn đề cung cấp và huấn luyện ngựa cho quân đội. Binh bộ vì thế cũng gọi là Tư Mã 司馬.

Vì ngựa rất cần cho quân đội, nên nghề buôn ngựa có quan hệ đến giới lãnh đạo quân đội và chính trị của triều đình (như trường hợp Lã Bất Vi, tương truyền ông là một người buôn ngựa). Một trong những danh tướng đời Hán là

Mã Viện (14 TCN-49 CN) (tức tướng quân Phục Ba) nổi tiếng là sành ngựa. Tổ tiên của Mã Viện vốn là quan tướng của nước Triệu, một nước chuyên xuất khẩu ngựa và có lực lượng kỵ binh hùng mạnh. Tổ tiên của Mã Viện có danh hiệu là Mã Phục Quân (người giỏi thuần dưỡng ngựa) và vì thế con cháu về sau đều lấy họ Mã. Chính Mã Viện ban đầu là nhà chăn nuôi giàu có ở biên giới phía bắc, chuyên nuôi trâu, bò, cừu, ngựa. Ông có công chiến đấu giúp thành lập nhà Hậu Hán, nên trở thành danh tướng, và đã gả con gái cho một hoàng tử. Mã Viện thích cưỡi ngựa bắn cung. Mã Viện từng lấy một trống đồng (chiến lợi phẩm) nấu ra và đúc thành hình con ngựa, trên đó ghi dấu những vị trí mà người giám định ngựa cần biết, ngoài ra ông còn khắc nguồn gốc hiểu biết và kinh nghiệm về ngựa của ông tức là ông khắc tên thầy dạy ngựa cho ông và tên thầy của vị thầy đó, cứ thế lần lên đến bốn đời thầy dạy ngựa. Ông còn khắc trên tượng ngựa đồng rằng: *Ngựa là cơ sở của sức mạnh quân sự, là tài nguyên lớn của quốc gia*. Theo từ điển *Từ Hải* ghi chép, quan điểm của Mã Viện về chí khí nam nhi phải là xông pha trận mạc, da ngựa bọc thây, chứ không phải nằm chết trên giường trong vòng tay của thê tử.

Ngoài giá trị quan trọng của ngựa trong vận tải và quân sự, người ta còn tìm thấy giá trị y học của ngựa, được mô tả trong *Bản Thảo Cương Mục* (xuất bản 1596). Theo sách này, chữ mã 馬 (ngựa) trong Hán văn là chữ tượng hình 𠂇, phác họa hình dáng của ngựa. Rồi sách liệt kê tên các chủng loại ngựa và loại nào có tác dụng về mặt y học kèm theo mô tả giản lược, chẳng hạn giống ngựa thuần bạch có tác dụng y học rất tốt. Loài ngựa phương nam và phương đông thì nhỏ thó và yếu đuối. Muốn biết tuổi ngựa thì xem

răng của nó. Cho ngựa ăn lúa thì chân nó sẽ nặng nề. Cho nó ăn phân chuột thì bụng nó sẽ dài ra, v.v... (đại khái là cách nuôi dưỡng ngựa).

Một tác phẩm khác xuất hiện vào thế kỷ 17 là *Mã Kinh* (sách kinh điển giảng về ngựa), trong đó ghi chép cách xem tướng ngựa, v.v...

Vì những giá trị thực tế và quan trọng (thậm chí rất quý giá) của ngựa trong lịch sử Trung Quốc như vậy, nên không có gì ngạc nhiên khi ngựa trở thành một đề tài quen thuộc trong hội họa Trung Quốc. Tuy nhiên, còn một lý do khác nữa để giải thích điều này, xuất phát từ quan niệm dân gian.

Dân gian cho rằng ngựa có đức tính trinh tiết, ý thức rõ quan hệ truyền chủng, không vi phạm cái mà luân lý loài người gọi là loạn luân. Như *Dịch Kinh* từ đời Chu đã ca ngợi là *Tấn mã chi trinh* 牝馬之貞 (đức trinh tiết của ngựa cái). Ngựa còn có đức tính trung thành, một đức tính mà Nho Gia rất coi trọng trong các mối quan hệ xã hội. Câu chuyện ngựa xích thố của Quan Vân Trường (tức Quan Công) thời Tam Quốc là một giai thoại tiêu biểu.

Ngựa xích thố mỗi ngày đi nghìn dặm (nên gọi là thiên lý câu). Lúc đầu xích thố thuộc Đổng Trác. Lý Túc và Lý Nho lập mưu bảo Trác đem vàng bạc châu báu và ngựa xích thố tặng cho Lã Bố để mua chuộc Bố bỏ cha nuôi là Đinh Nguyên mà đầu quân bên Trác. Khi Bố thua chạy về thành Hạ Bì, bị quân Tào Tháo vây khốn. Thuộc hạ của Bố là Hứa Thành ban đêm trộm ngựa rồi dâng Tào Tháo. Hôm sau hai thuộc hạ khác là Tống Hiến và Ngụy Tục lừa díp Bố ngủ bèn trộm cây phượng thiên hạ kích và trói gô Lã Bố đem nộp cho Tháo. Sau khi Tháo xử trảm Lã Bố, ngựa

xích thỏ thuộc về Tháo. Khi Quan Vũ tá túc bên Tào Tháo, được Tháo hết lòng trọng đãi, và ngựa xích thỏ là món quà của Tháo nhằm mua lòng Quan Vũ. Về sau, khi Quan Vũ bị Tôn Quyền chém chết, ngựa xích thỏ nhin ăn mà chết. Người đời lập miếu thờ Quan Vũ cũng đắp tượng thờ ngựa xích thỏ, và tục này cũng lan sang Việt Nam.⁽¹⁾ Lòng trung thành đối với chủ của ngựa (mã) cũng như chó (khuyển) luôn được người đời coi trọng. Những kẻ bội tín thường bị mạ lỵ khinh rẻ là thua cả loài chó ngựa.

Ngựa – loài vật quý giá với đức tính trinh tiết và trung thành, đứng hàng thứ bảy trong mười hai địa chi – xuất hiện trong tranh Trung Quốc như là biểu tượng của sự mau chóng và thành đạt.

Thí dụ, bức tranh có chủ đề phổ biến nhất là *mã đáo thành công* 馬到成功 thể hiện qua một bầy ngựa phi nước đại gió bụi mịt mù. Nguyên ý câu này là: Kỳ khai đắc thắng, mã đáo thành công. 旗開得勝馬到成功. (Cờ phát [làm hiệu thì] chiến thắng, ngựa quay về [báo tin] thành công).

Ngày xưa khi xuất binh phải phát cờ hiệu, mà cờ đã phát rồi thì phải chiến thắng; tướng soái khi lấy đầu tướng giặc, chiến mã quay về tắt báo tin thành công.

Ý nghĩa câu *mã đáo thành công* ngày nay chỉ còn tượng trưng là tốc chiến tốc thắng. Và một bức tranh *mã đáo thành công* làm quà khai trương cho một cửa hiệu chỉ đơn giản tương tự như là *khai trương hồng phát* 開張鴻發 (mở

⁽¹⁾ Thanh An Tự (nguyên là đàn Minh Thiện) số 20 đường Hùng Vương, thành phố Thủ Dầu Một, cũng gọi là chùa Ông Ngựa vì trong sân chùa có đắp tượng xích thỏ.

cửa tiệm thì phát đạt lớn) chứ không có ý là mau chóng thành công nhờ ... cửa cổ khách hàng.

Tranh vẽ một chú khi (*hầu* 猴) cười trên lưng ngựa (*mã thượng* 馬上) lại là một lời cầu chúc tốt đẹp. *Hầu* 猴 (khi) đồng âm *hầu* 侯 (tước hầu); *mã thượng* 馬上 còn có nghĩa là ngay tức khắc. Do đó tranh chúc này có nghĩa rộng là chúc cho mau chóng thăng quan tiến chức.

Bát Tuần (tám con ngựa hay) của Chu Mục Vương (1001-746) đời Chu cũng là một chủ đề nổi tiếng trong tranh cổ. Mục Vương có tám tuần mã, đặt tên khác nhau (Xích Ký, Đạo Ly, Bạch Nghĩa, Du Luân, Sơn Tử, Cừ Hoàng, Hoa Lưu, Duyên Nhĩ), và có một xa phu tên Tạo Phụ, đánh xe đưa vua ngao du khắp nơi.

Trong những miếu thờ dọc đường, người ta thấy tranh vẽ Mã Vương vốn là thần nhân xấu xí có ba mắt, bốn tay, mang vũ khí. Đó là thần mà dân nuôi ngựa phải thờ cúng. Tương tự như thế, dân nuôi trâu bò thờ Ngưu Vương, cũng có tranh thờ trong miếu. Mã Vương được vẽ cùng với một con ngựa, Ngưu Vương được vẽ cùng với con trâu. Theo tin tưởng của dân chăn nuôi trâu và ngựa, hai vị thần này có thể bảo vệ ngựa và trâu bò khỏe mạnh, không bị tà ma quấy nhiễu.

Họa gia vẽ ngựa nổi tiếng đời Đường có Hàn Cán 韓幹 và Tào Bá 曹霸; đời Nguyên có Triệu Mạnh Phủ 趙孟頫.

Hàn Cán (không rõ năm sinh và năm mất) người Kinh Triệu 京兆 (nay thuộc Thiểm Tây), có thuyết nói ông người Đại Lương 大梁 (nay thuộc Hà Nam). Ông làm chức Thái Phủ Tự Thừa 太府寺丞 (vào đời Đường, Thái Phủ Tự là cơ quan phụ trách ngân khố của hoàng cung), nhưng

ông lại nổi tiếng về vẽ ngựa và vẽ nhân vật cũng như thầy ông là Tào Bá 曹霸.

Tào Bá (không rõ năm sinh và năm mất) người quận Tiêu 譙 (nay là huyện Bạc 亳 của tỉnh An Huy) là họa gia của triều đình, chuyên vẽ ngựa và chân dung các công thần. Ông giữ chức quan Tả Vũ Vệ tướng quân 左武衛將軍. Nhà thơ Đỗ Phủ xem tranh của Tào Bá vô cùng thích thú và không tiếc lời tán tụng.

Đến đời Nguyên, thư pháp gia kiêm họa gia Triệu Mạnh Phủ (tức Triệu Tùng Tuyết) ghi nhận xét trong *Tùng Tuyết Trai Văn Tập* rằng: *Đời Đường có nhiều họa gia giỏi về vẽ ngựa, nhưng nổi bật nhất là Hàn (Cán) và Tào (Bá).*⁽²⁾

Triệu Mạnh Phủ 趙孟頫 (1254-1322) tự là Tử Ngang 子昂, hiệu là Tùng Tuyết Đạo Nhân 松雪道人, Thủy Tinh Cung Đạo Nhân 水晶宮道人. Ông là đạo sĩ tại gia, nguyên quán Hồ Châu 湖州 thuộc Chiết Giang 浙江, và dòng dõi tôn thất nhà Tống. Cuối đời Nam Tống ông giữ chức Tư Hộ Tham Quân 司戶參軍 ở Chân Châu 眞州. Qua đời Nguyên ông giữ nhiều chức quan như Binh Bộ Lang Trung 兵部郎中, Tập Hiền Trực Học Sĩ 集賢直學士, Tập Hiền Thị Giảng Học Sĩ 集賢侍講學士, Hàn Lâm Học Sĩ 翰林學士, và được phong là Ngụy Quốc Công 魏國公. Người đời khen tặng ông là: *Vinh hiển trải năm đời vua, danh tiếng đầy bốn biển.*⁽³⁾ Khi mất, ông được

⁽²⁾ Đường nhân thiện họa mã giả thậm chúng, nhi Hàn, Tào vi chi tối. 唐人善畫馬者甚眾而韓曹爲之最.

⁽³⁾ Vinh tế ngũ triều, danh mãn tứ hải. 榮際五朝名滿四海.

tên thụy là Văn Mẫn 文敏. Về thư pháp ông giỏi đủ loại thư thể. Thể chữ Khải của ông (gọi là Triệu thể) thật yêu điệu kiều lệ, đứng ngang hàng với ba đại thư pháp gia đời Đường là Liễu Công Quyền, Nhan Chân Khanh, Âu Dương Tuân. Từ đời Nguyên đến nay người luyện chữ Khải phải nghiên tập không ngoài bốn kiểu chữ Khải của bốn nhà thư pháp tên tuổi này. Không chỉ thế, Triệu Mạnh Phủ còn giỏi vẽ ngựa, nhân vật, trúc thạch, sơn thủy. Về vẽ nhân vật, ông chịu ảnh hưởng phong cách đời Tấn, đời Đường. Ông học vẽ ngựa nơi họa gia Lý Công Lân 李公麟, học vẽ sơn thủy nơi các họa gia Đồng Nguyên 董源 và Lý Thành 李成. Giới thưởng ngoạn xem ông là *người đứng đầu hội họa đời Nguyên.*⁽⁴⁾

Đến thời hiện đại, nổi tiếng về ngựa có Từ Bi Hồng 徐悲鴻 (1895-1953). Ông quê ở Nghi Hưng 宜興, tỉnh Giang Tô 江蘇. Từ Bi Hồng từng du học hội họa ở Pháp. Khi về nước ông vừa dạy hội họa vừa sáng tác. Ông chủ trương dung hợp cách vẽ truyền thống của Trung Quốc (gọi là Quốc họa) với lối vẽ theo định luật phối cảnh và một số kỹ pháp khác của hội họa phương Tây.

Nhưng Từ Bi Hồng không phải là người duy nhất theo chủ trương này. Chủ trương dung hợp hội họa Đông Tây bấy giờ là một phong trào mà họa phái Lĩnh Nam do Cao Kiềm Phụ sáng lập là một thí dụ tiêu biểu. Phái Lĩnh Nam về sau được Lương Thiệu Hằng truyền vào Chợ Lớn, Việt Nam, và hiện nay kế tục là nhóm Nam Tú Nghệ Uyển.

⁽⁴⁾ Nguyên họa chi quán 元畫之冠.



Tranh TỪ BỊ HỒNG 徐悲鴻

Trong tranh Trung Quốc người ta thấy rõ hai loại bút pháp: Công bút và ý bút.

Tranh cổ đại đa số là công bút, vẽ vật thể gì thì cũng phải có đường viền, rồi tỉ mỉ tô màu lên, lá lan, lá tre thì cũng thế, nên những đường viền này làm nét vẽ cứng và thiếu sinh động.

Ý bút thì ngược lại, nét bút phóng khoáng sinh động vì loại bỏ các đường viền. Một lá lan, lá tre chỉ do một nét bút nhưng chính độ đậm nhạt của màu đã tạo ra sáng tối và sự sinh động. (Trước lúc vẽ, búp lông của cây bút được tẩm màu tươi sáng, rồi ngọn bút được chấm vào màu tối; do đó chỉ một nét vẽ mà hiệu quả sáng tối đậm nhạt đều có đủ).

Tranh theo chủ trương dung hợp Đông Tây có xu hướng dùng ý bút. Ý bút thể hiện rất rõ trong các tranh vẽ ngựa của Từ Bì Hồng. Những mảng sáng tối, những chỗ chừa trắng, những nét bút phóng khoáng ở bờm và đuôi ngựa, và bố cục theo luật phối cảnh Tây Phương, tất cả những điều ấy đã giúp tranh có sinh khí và thần thái.

Ngoài Từ Bì Hồng, còn có Diệp Túy Bạch là họa gia hiện đại cũng rất nổi tiếng về vẽ ngựa.

LÊ ANH MINH

*

Biết cỡi ngựa chưa đủ, đàn ông còn phải biết ngã ngựa.

It is not enough for a man to know how to ride; he must know how to fall.

— Ngạn ngữ Méhicô

Một con ngựa còn đáng giá hơn của cải.

A horse is worth more than riches.

— Ngạn ngữ Tây Ban Nha

TÍN, NGUYỆN, HẠNH

DIỆU NGUYÊN

Tín, Nguyện, Hạnh nguyên thủy là một yếu điểm của giáo lý Phật Giáo Tịnh Độ Tông. Đức Phật Thích Ca trong thời gian hoằng pháp đã có lần thuyết kinh A Di Đà cho đại chúng. Theo lời Đức Thích Ca, ai phát tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà không xao lãng từ một ngày trở lên thì lúc lâm chung sẽ được Phật A Di Đà rước về nước Cực Lạc của Ngài. Cõi cực lạc của Phật A Di Đà nằm về phương Tây, cách cõi ta bà của chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Đó là một cõi thanh tịnh trang nghiêm; nhà đất, cây cối, tất cả đều là châu báu. Lại có tiếng chim ca ngâm những bài thuyết pháp.

Về sau, pháp môn niệm Phật A Di Đà rất thịnh hành và đã hình thành nên Tịnh Độ Tông là tông phái của những người chuyên trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà với nguyện ước được vãng sanh về cõi cực lạc thế giới của Ngài.⁽¹⁾

Tuy nhiên, để được vãng sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, người tu theo pháp môn Tịnh Độ phải có đủ ba thứ tư lương⁽²⁾ là Tín, Nguyện, và Hạnh. Nếu không có đủ ba món này thì chắc chắn sẽ không thể nào đến được cõi cực lạc của Phật A Di Đà.

Vậy, Tín, Nguyện, Hạnh là gì? Theo giáo lý Tịnh Độ Tông: *Tín* là lòng tin gồm có sáu điều là tin ở mình, tin ở sự

trợ giúp của tha lực, tin nhơn, tin quả, tin sự, tin lý. *Nguyện* là ý nguyện hành giả muốn đạt đến. *Hạnh* (hành) là thực hành chuyên cần, thâm sâu.⁽³⁾

Ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ, qua phương tiện cơ bút, Đức Hà Tiên Cô đã giảng đàn dạy rằng Tín, Nguyện, Hạnh là ba yếu tố căn bản không thể thiếu đối với người tu thiên đạo đại thừa (người cầu tu giải thoát luân hồi sanh tử, tự độ và độ tha).

Trong một khóa tu tịnh tại Bắc Nhã Tịnh Đường (Long Hải), Đức Hà Tiên Cô dạy về Tín, Nguyện, Hạnh như sau:

Đợt tịnh này, Bản Nương cũng đồng ý ai nấy cần học lại bước đầu Dự Bị, đắp nền nền móng cho kiên cố vững bền. Nếu nền tảng không vững chắc thì lâu dài có xây cất cũng bị đổ vỡ. Nên Bản Nương muốn cho mỗi người tu kỹ lập công, cởi mở lòng mình, đừng để hẹp hòi bó buộc.

Phải giữ sao cho trọn ba điều là TÍN, NGUYỆN, HẠNH.

TÍN. Phải có lòng tin vững chắc:

1. Tin sức mình có đủ, dầu khó khăn cũng vượt qua đến chỗ đến nơi.

Xưa nay, tự tin vẫn được xem là bí quyết của mọi sự thành công trên đời. Vị tổng thống thứ hai mươi sáu của nước Mỹ là Theodore Roosevelt (1858-1919) nói: *“Hãy tin rằng bạn có thể làm được và thế là bạn đã đi được nửa con đường.”*⁽⁴⁾

Một tướng quân Nhật tên là Nobunaga quyết định tấn công phe địch. Mặc dù chỉ có một phần mười số người mà

⁽¹⁾ Đoàn Trung Còn, *Phật Học Từ Điển*. Sài Gòn, 1963.

⁽²⁾ **Tư lương**: Những gì cần thiết cho một cuộc viễn hành, như lương thực, lộ phí...

⁽³⁾ Chữ 行 đọc là hành (động từ), nghĩa như trên.

⁽⁴⁾ *Believe you can and you're halfway there.*

cuộc chiến đòi hỏi, Nobunaga tin rằng ông sẽ thắng, nhưng quân lính của ông thấy lực lượng của mình quá ít thì đâm ra lo ngại, thiếu tự tin.

Trên đường chuyển quân, Nobunaga dừng lại ở một ngôi đền Thần Đạo (là tôn giáo cổ truyền của người Nhật) và bảo lính tráng: “Vào đền thờ, ta sẽ dùng đồng tiền xin keo gieo một quẻ. Nếu mặt phải ngửa lên, chúng ta sẽ thắng, nếu mặt trái ngửa lên, chúng ta sẽ bại. Số phận chúng ta nằm trong bàn tay định mệnh.”

Nobunaga vào đền thờ im lặng cầu nguyện. Rồi ông tung đồng tiền lên. Mặt phải ngửa lên. Lính ông hăng hái chiến đấu và họ thắng trận.

Sau trận chiến, một người hầu cận nói với Nobunaga: “Không ai thay đổi được bàn tay định mệnh.”

Nobunaga đáp: “Thật sự không phải thế.”

Ông liền đưa đồng tiền ra. Hai mặt đồng tiền đều giống y như nhau. Có lẽ tướng quân đã kín đáo cho đúc riêng một đồng tiền đặc biệt để làm liệu pháp tâm lý.⁽⁵⁾

Câu chuyện trên đây đã cho thấy giá trị của niềm tự tin đối với sự thành công của con người.

Trong việc tu hành cũng thế, người tu cũng cần phải tự tin rằng mình có khả năng tu thành Thần Thánh, Tiên Phật. Đức Lê Đại Tiên dạy:

Phật là đại giác siêu sanh

Người là chư Phật sẽ thành tương lai.⁽⁶⁾

Vợ chồng Mã Ngọc và Tôn Uyên Trinh cùng tu đắc đạo

⁽⁵⁾ Thiền sư Mujū, *Sa Thạch Tập*: “Trong Bàn Tay Định Mệnh”.

⁽⁶⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974).

thành Tiên trong nhóm Toàn Chân Thất Tử. Thoạt đầu, khi nghe vợ khuyên phải tìm minh sư học đạo thì ông Mã Ngọc trả lời: “Người tu đạo phải có căn tu, nếu không có căn tu thì không thành Tiên, cũng chẳng thành Phật. Cho nên tôi tự xét căn tu mình còn nông cạn, không dám nói hai chữ tu đạo.” Bà Tôn Uyên Trinh nói: “Lời ông sai rồi. Làm người trên đời, ai cũng đều có căn. Nếu không căn sao được làm người? Nhưng căn cơ mỗi người khác nhau.”

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

Có căn mới được kiếp con người

Phải biết mà tu chớ dễ người

Kéo trở lại đời trong thoái hóa

Khó mong gặp đặng phúc ân Trời.⁽⁷⁾

Bà Tôn Uyên Trinh còn nói thêm với ông Mã Ngọc rằng căn cơ không phải là cái bẩm sinh cố định mà có thể tăng bổ, chẳng khác nào ngọn núi, càng đắp càng lớn, càng đắp càng cao. Chẳng hạn như người phú quý so với người tầm thường thì căn cơ sâu dày hơn là do kiếp trước đã biết làm công quả giúp đời. Nếu kiếp này họ biết tiếp tục làm chuyện ích người lợi vật thì căn cơ còn sâu dày hơn nữa, muốn thành Tiên thành Phật hay thành Thánh Hiền đều có thể được.⁽⁸⁾

Mỗi người đều có hạt giống căn lành trong tâm mình, đó là Phật tính, Thượng Đế tính trong mỗi con người. Thế nên, ai cũng có thể tu thành Phật, chỉ khác nhau ở chỗ tu tiến

⁽⁷⁾ Thánh thất Tân Định, 03-01 Ất Tỵ (04-02-1965).

⁽⁸⁾ Lê Anh Minh dịch và chú giải, *Thất Chân Nhân Quả*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012. Quyển 34-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

nhạy hay chậm, dễ dàng hay khó khăn là do mỗi người có biết tự bồi đắp thêm căn lành cho mình hay không và có quyết tâm vượt qua khó khăn gian khổ để tu hành tinh tấn hay không mà thôi.

Thánh Augustine (354-430) nói: “*Không có vị Thánh nào mà không có quá khứ, không có tội nhân nào không có tương lai.*”⁽⁹⁾

Câu nói này đã được minh chứng qua tích Thập Bát La Hán trong truyện cổ Phật Giáo kể về mười tám tên ăn cướp bỏ vũ khí, ăn năn tu hành, đều đắc quả La Hán.

Do đó, điều căn bản đầu tiên đối với người tu là phải tin rằng mình có khả năng tu thành Phật, tin mình có thể vượt qua mọi khó khăn gian khổ để đắc thành đạo quả, chứ đừng tự ti mặc cảm cho rằng mình không có căn tu hay nhiều tội lỗi không thể tu thành chánh quả.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Luật Trời mầu nhiệm lắm ai ơi
Một kiếp vi nhơn quý một đời
Linh tánh khôn ngoan hơn vạn vật
Tu hành chắc thiết sẽ thành Trời.*⁽¹⁰⁾

2. Tin chung quanh còn được bao nhiêu trợ duyên gia hộ, Thần Thánh dắt dìu.

Người tu thường được gia đình, đồng đạo trợ giúp và tiếp nhận được tình cảm quý trọng cùng sự giúp đỡ của mọi người trong xã hội. Đặc biệt, người chơn tu luôn được các Đấng thiêng liêng hộ trì trợ giúp đêm ngày.

⁽⁹⁾ *There is no saint without a past, no sinner without a future.*

⁽¹⁰⁾ Thánh tịnh An Tiên, 02-02 Đinh Mùi (12-3-1967).

Truyện *Thất Chân Nhân Quả* (hồi thứ 11) kể rằng sau khi tự hủy hoại nhan sắc và giả bộ khùng điên, bà Tôn Bất Nhị đi đến thành Lạc Dương và nương thân trong một lò gạch bỏ hoang để tu luyện. Ấy thế mà vẫn có những tên côn đồ rắp tâm hãm hại bà. Tuy nhiên, khi bọn chúng vừa đến gần lò gạch nơi bà trú thân để tu luyện thì liền bị chư Thiên hộ pháp hóa ra một trận cuồng phong, rồi sau đó là mưa đá đổ xuống đánh cho chúng một trận tơi bời, làm chúng phải bỏ chạy té lên té xuống, đầu u trán sưng, máu me đầm đìa. Kể từ hôm ấy không một kẻ xấu nào dám bén mảng đến lò gạch khuấy phá việc tu luyện của bà Tôn Bất Nhị nữa.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhờ cơ bút mà chúng ta biết được rằng các Đấng thiêng liêng luôn âm phò mặc trợ cho người tu, nhất là các bậc Thiên ân sứ mạng hành đạo độ đời.

Một vị đạo trưởng thuở còn trẻ thường đi thuyết đạo buổi tối ở các tỉnh miền Nam sau giờ làm việc hành chánh và trở về Sài Gòn ngay trong đêm và chở thêm một vài bạn đạo. Do làm việc nhiều, mệt mỏi nên có một đêm ông đã ngủ gục và mọi người trên xe hoảng vía khi thấy xe từng chập cứ lên đường xuống ruộng. Tuy nhiên, mọi người không hề hấn gì. Vài ngày sau, ông Địa giáng đàn cho biết chính Ngài đã lái xe giùm đêm ấy.⁽¹¹⁾

Năm 1964, một số vị tiền bối của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý (lúc bấy giờ còn là Ban Phổ Thông Giáo Lý Liên Quan Hành Đạo) được lệnh Ôn Trên đi hành đạo tại miền

⁽¹¹⁾ Diệu Nguyên, *Câu Chuyện Đức Tin*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 9-10. Quyển 25-3 trong Chương Trình Ấn Tổng.

Trung. Sau chuyến trung du hành đạo ấy, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo và Đức Đông Phương Chương Quân đã giáng đàn chủ tọa buổi kiểm thảo chuyến đi để chư Thần tường trình chi tiết từ đầu đến cuối. Nhờ thánh giáo đó, chúng ta mới biết được rằng trong suốt cuộc hành trình, đi đến đâu quý vị cũng được các đấng Sơn Thần trấn nhậm từng địa phương theo sát hộ trì.⁽¹²⁾

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Đừng e chẳng huyền vi tế độ
Chỉ e mình thiếu chỗ đức tin
Đừng lo chẳng có Thần linh
Chỉ e mình thiếu hy sinh tu hành.*⁽¹³⁾

3. Tin có Trời là chủ nơn ông cảm quyền Tạo Hóa.

Nghĩa là tin có Đấng Tạo Hóa chí linh cầm cân công bình, có luật Thiên điều thưởng phạt phân minh để người tu phải cố gắng làm được như lời Đức Mẹ dạy:

*Sống sao người đặng nên Người
Cỏ cây chẳng thẹn, Đạo Trời thung dung.*⁽¹⁴⁾

Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy:

Chỉ cần chánh tâm hành chánh đạo, xả thân giúp đời theo lòng Tạo Hóa, hòa hiệp với thiên nhiên. Sự gì sắp đến sẽ đến, mọi việc sẽ an bài, dầu mình không tự lo tư hữu, cũng có Tạo Hóa an bài cho, được sanh trong vòng trường dưỡng và bảo tồn theo định luật vũ trụ.⁽¹⁵⁾

⁽¹²⁾ Diệu Nguyên, *Câu Chuyện Đức Tin.*, tr. 53-60.

⁽¹³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-4 Nhâm Tý (03-6-1972).

⁽¹⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-11 Canh Thân.

⁽¹⁵⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-3 Đinh Mùi (10-4-1967).

4. Tin có luật báo ứng, gieo nhân gặt quả. Nên cố làm, làm cầu thanh phước ⁽¹⁶⁾ *tiêu giải oan trái tiền khiên.*⁽¹⁷⁾ *Biết mình từ vô thi* ⁽¹⁸⁾ *đến nay tạo lấy tội lỗi hằng hà,*⁽¹⁹⁾ *chác thù kết oán cùng kẻ sống và người chết chưa sao giải được, nên thân này chồng chất vô minh, oan oan trái trái theo hoài.*

Nếu muốn giải thoát suôn sẻ đâu phải dễ dàng. Giết một con thú, làm một việc bất lương cũng đủ ngăn ngại cho ta lúc lên đường, họ xúm nhau mà cản trở. Phương chi mỗi người, dầu ít dầu nhiều, cũng kết buộc oan gia với nợ quý, với súc sanh, với tình ái ân trong gia đình, xã hội.

Nên phải nhờ tha lực Phật Trời âm phò mặc hộ, luôn luôn lân mẫn dắt dìu, ám trợ đường tu. Nhờ thầy sáng bạn lành nương nhau mà giải thoát. Nhờ tâm thường thiết tha cõi bỏ oán thù, phát tâm sám hối gọi sạch tiền khiên.⁽²⁰⁾

Đức Chí Tôn dạy:

Mỗi hành vi của các con dù tốt hay xấu cũng đem lại một kết quả. Sự nhân quả nó liên lạc chặt chẽ nhau, từ cõi vô hình đến cõi hữu hình hiện tại của đời các con. Nhân quả nó theo dõi các con từ kiếp trước sang kiếp này rồi đến

⁽¹⁶⁾ **Thanh phước** 清福: Cái phúc tạo ra không phải để mong hưởng lấy phần thưởng ở kiếp sau, mà là để giải trừ (tháo gỡ, trả sạch) những nợ nần, nghiệp quả của quá khứ và hiện tại.

⁽¹⁷⁾ **Tiền khiên** 前牽: Từ kiếp trước lôi kéo qua kiếp này.

⁽¹⁸⁾ **Vô thi** (thủy) 無始: Không có chỗ bắt đầu. *Từ vô thi* nghĩa là từ rất xa xưa trong tiền kiếp, không thể nói ra được.

⁽¹⁹⁾ **Hằng hà**: Nói tắt của *Hằng hà sa số* 恆河沙數 (nhiều như số cát ở sông Hằng bên Ấn Độ), nghĩa là vô số (innumerable).

⁽²⁰⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 20-02 Nhâm Tý (03-4-1972).

kiếp khác.⁽²¹⁾

Thật vậy, luật nhân quả rất đáng sợ. Sợi dây oan trái của nhân quả buộc ràng con người từ kiếp này sang kiếp khác. Thậm chí các bậc đã tu hành đắc quả vẫn còn bị luật nhân quả tác động đến.

Có lần Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng với rất nhiều đệ tử đi đến một nước nọ. Dân nước này thấy Phật liền đóng cửa lại, không ai chịu tiếp, cũng không ai đến cung kính chào hỏi. Nhưng khi ngài Mục Kiền Liên đến thì cả quốc vương, đại thần và dân chúng đều hướng về Ngài cung kính đánh lễ, tranh nhau đến cúng dường. Các đệ tử Phật thấy thế bèn hỏi Phật: “Tại sao Phật đến nước này không ai chịu cúng dường cả, mà Ma Ha Mục Kiền Liên, đệ tử Phật, đi đến đây lại được mọi người tranh nhau cúng dường?” Phật đáp: “Đó là do nhơn duyên đời trước.” Rồi Phật kể:

Từ vô lượng kiếp về trước, tiền thân Mục Kiền Liên cùng tiền thân Đức Phật⁽²²⁾ ở chung một chỗ. Tiền thân Mục Kiền Liên lên núi đốn củi, còn tiền thân Đức Phật xuống dưới núi sửa đường. Tiền thân Phật không thích bày ong, thường lấy khói hun đốt chúng. Trái lại, tiền thân Mục Kiền Liên rất thích chúng. Tuy bị chúng đốt đau nhức nhưng tiền thân Mục Kiền Liên không dùng lửa hun đốt, trái lại còn phát nguyện: “Về sau tôi đắc đạo, trước hết sẽ độ bày ong có nhiều tánh tu-la này.”

Sau rất nhiều kiếp, bày ong ấy biến thành dân chúng trong một nước; ong chúa là vua, các ong thợ là dân. Ngày xưa tiền thân Đức Phật dùng khói hun đốt chúng, nên bây

giờ Phật đến nước ấy không có ai ra đón tiếp; quốc vương, đại thần, nhơn dân cũng không cúng dường Ngài. Trái lại, tiền thân Mục Kiền Liên đã có phát nguyện sau khi đắc đạo sẽ độ bày ong này, cho nên khi gặp lại nhau thì quốc vương và quan dân nước ấy tranh nhau đến cúng dường. Do đây chúng ta biết rằng nhơn quả rất hệ trọng.⁽²³⁾

Những sợi dây nhân quả chẳng chịt từ bao kiếp trước buộc trói con người vào vòng luân hồi sinh tử và là nguyên nhân trì kéo, cản trở bước đường tu tiến của hành giả. Do đó, nghiệp lực càng nặng, càng khó tu tiến. Vì thế, người tu cần phải nỗ lực giải trừ nghiệp quả tiền khiên và cố gắng không gây tạo thêm nghiệp mới. Người đi vay tiền biết rõ mình mắc nợ bao nhiêu và ráng kiếm đúng bấy nhiêu tiền để trả lại. Nhưng con người đã gây tạo bao nhiêu nghiệp chướng trái oan từ vô lượng kiếp, làm sao con người biết được!?

Do đó, người cầu tu giải thoát cần phải làm cho thật nhiều công đức (nhiều đến mức tối đa) mới có thể hy vọng trả hết những món nợ tiền khiên mà mình đã vay, vì nào ai biết được mình đã vay bao nhiêu oan trái!?

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư khuyên nhủ:

*Một kiếp ráng tu giải nghiệp trần
Từ bao kiếp trước đã gieo nhân
Trong ngoài vịn giữ cho tinh tấn
Nếu chẳng thành Tiên cũng Thánh Nhân.*⁽²⁴⁾

Đức Hà Tiên Cô đã chỉ cho người tu các phương cách để

⁽²¹⁾ *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, quyển I, 1961, tr. 72.

⁽²²⁾ Tiền thân Đức Phật lúc ấy chưa đắc đạo thành Phật.

⁽²³⁾ Hòa thượng Tuyên Hóa lược giải Kinh Phật Thuyết A Di Đà (<http://www.tinhdod.net>).

⁽²⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 12-8 Canh Tuất (12-9-1970).

tháo gỡ những mối dây oan trái cột trói mình và giải trừ những nghiệp quả tiền khiên để đường tu được nhẹ nhàng:

1. Nên cố làm, làm [để] cầu thanh phước tiêu giải oan trái tiền khiên.

Làm để cầu thanh phước tức là làm nhiều công quả âm chất để giải trừ nghiệp quả.

Trong số bảy vị của nhóm Toàn Chân Thất Tử, chúng ta thấy ông Khuru Trường Xuân tu hành vất vả nhất vì nghiệp chướng nặng nề. Chẳng biết trong tiền kiếp ông gây nên tội nghiệp gì mà khi đến xin học đạo với Vương Trùng Dương thì bị Vương tổ sư từ chối không chịu nhận ông làm đệ tử. Một trong các đệ tử là Mã Đơn Dương thương tình nài xin giùm thì Vương tổ sư bảo: “Chẳng phải ta không nhận hấn, nhưng mà gốc khổ của hấn rất nặng, sợ sau này hấn không vượt qua được nạn ma, thì hấn thôi chí nản lòng. Chi bằng đừng nhận hấn thì hơn.”

Quả thật, quá trình tu hành của Khuru Trường Xuân đã gặp phải bao nhiêu là ma chướng và phải chịu nghiệp đói. Tuy nhiên, ông quyết chí tu hành và tích cực làm công quả để giải trừ nghiệp chướng.

Một ngày nọ ông đi đến một nơi có con suối băng ngang đường lộ. Nước suối lớn mà không có cầu, tuy nhiên lòng suối cạn ghe xuồng lại không qua được, chỉ có thể lội qua mà thôi. Khách đi đường nhiều người không dám lội qua.

Khuru Trường Xuân phát tâm dùng chân nơi đây để làm công quả. Ai không biết lội thì ông công qua. Người hảo tâm rộng rãi thì cho ông vài đồng mua thức ăn qua ngày. Có nhiều người ông công qua nhưng chẳng lấy xu nào.

Đến mùa nước rút cạn thì ông đi xin ăn. Sáng xin bảy

nhà, chiều xin tám nhà. Xin được rồi, nếu gặp ai đói lạnh, thì ông cho họ ăn, còn mình chịu đói. Nếu ngày nào mưa giăng tuyết đổ, không đi xin ăn được, thì ngày đó không ăn. Trước sau vài năm ông bị đói hơn trăm lần. Đói lớn bảy mươi hai lần, đói nhỏ vô số kể.⁽²⁵⁾

Ông Khuru Trường Xuân khổ công tu hành như vậy được sáu năm, gặp biết bao gian khổ, kể sao cho hết. Ngày làm công quả, đêm trú miếu lạnh, lúc rảnh việc thì tĩnh tọa, công phu. Nhờ thế mà giải trừ lần lần nghiệp chướng tiền khiên và cuối cùng cũng đắc thành đạo quả.

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy người tu phương cách giải trừ bớt các nghiệp thân, khẩu, ý, nhãn, nhĩ – những nghiệp chướng con người thường hay mắc phải:

*Sự lễ bái cúng lạy quỳ mọp ngoài ý nghĩa trình trọng thi lễ với Phật Trời, lại còn có ý nghĩa câu thúc thân mình trong sự khó khăn để **trừ bớt nghiệp thân**.*

*Tịnh khẩu hoặc niệm Phật tụng kinh để **trừ bớt nghiệp khẩu**.*

*Nhắm mắt tham thiền hoặc ngó ngay vào tượng Phật hoặc ngọn nhang hay ngọn đèn lưu ly là để **trừ lần nghiệp nhãn**.*

*Tham thiền định ý khép chặt không tư tưởng suy nghĩ vẩn vơ phóng túng để **trừ lần nghiệp ý**.*

*Thiền định không chấp nhận mọi tiếng động vào tai để **trừ lần nghiệp nhĩ**.*

Tóm lại, tất cả những điều ấy là những phương pháp trợ

⁽²⁵⁾ Lê Anh Minh dịch và chú giải, *Thất Chân Nhân Quả*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 204.

cho người tu hành được yên ổn trả dứt nghiệp cũ, không gây nghiệp mới và tạo thêm âm chất để làm vốn liếng sản nghiệp vô hình cho kiếp lai sanh hoặc cho ở bên kia thế giới.⁽²⁶⁾

2. Nhờ tha lực Phật Trời âm phò mặc hộ, lân mẫn dắt dìu, ám trợ đường tu. Nghĩa là hành giả cần phải thường xuyên cầu nguyện. Việc cầu nguyện hay niệm danh các Đấng thiêng liêng chẳng khác nào làm một cuộc gọi điện thoại. Phải nhắc máy, quay số thì đầu dây bên kia mới có người trả lời. Thật vậy, có cảm mới có ứng. Người tu phải thường xuyên thông công cùng các Đấng để nhận được sự ban ơn hộ trì của Thiêng Liêng hầu có thể vượt qua những chướng ngại cản trở trên đường tu do nghiệp chướng kéo trì.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Nên nhớ rằng, mỗi một người tu hành trong lúc này đều có một bậc Chơn Linh hoặc Thiêng Liêng âm phò mặc trợ. Mỗi ngày nên tưởng niệm để nhắc nhở tâm thức, liên lạc thông công với phần Thiêng Liêng hộ trì. Nếu để trống không, Bản Sĩ e khó tránh khỏi những tà quái ngạ quỷ giết giành. Hãy nhớ câu truyền khẩu từ xưa rằng: Buổi hạ nguơn mặt kiếp, hễ con Phật, Phật rước; con ma, ma dẫn.⁽²⁷⁾

3. Nhờ thấy sáng bạn lành nương nhau mà giải thoát.

Một trong những điều may mắn nhất của người tu là gặp được thầy sáng bạn lành, tức là gặp được minh sư dẫn dắt mình đi đúng chánh pháp và có những người đồng tu đức

hạnh trợ giúp.

4. Nhờ tâm thường thiết tha cõi bỏ oán thù, phát tâm sám hối gọi sạch tiền khiên.

Một trong những phương pháp giúp cho người tu được nhẹ nhàng thẳng tiến trên đường tu chính là thường xuyên quán xét tâm mình và thành tâm sám hối những lỗi lầm mà mình đã gây tạo.

Đức Tề Thiên Đại Thánh dạy:

Sám hối được thì nghiệp chướng có thể giải được một phần ba, còn không thì nặng nề, tu không tiến, học không thông, hành đạo bị trở ngại. Buộc phải sám hối vì ai mà khỏi lỗi...

Chính vì thế mà trong đạo Cao Đài, nhiều thánh thất thánh tịnh đều tổ chức tụng kinh Sám Hối hai ngày mỗi tháng vào buổi tối trước hai ngày sóc vọng.

NGUYỄN. Lòng tin mãnh liệt mà phát ra nguyện lực rộng lớn như Quan Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, Đức Phật Di Đà:

*Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành,
Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.*

Được vậy thì cảm động trời đất, cảm động chư Thiên, Bồ Tát. Họ sẽ giúp ta mọi mặt để tác thành quyền pháp. Minh sư sẽ gặp, chỉ một lời là đắc đạo thành Tiên.

Sau khi đã có lòng tin thì điều tiếp theo là người tu cần phải lập nguyện để tinh tấn tu hành.

Trong *Tứ Đại Điều Quy Giảng Nghĩa*, tiền bối Nguyễn

⁽²⁶⁾ Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Kỷ Dậu (30-8-1969).

⁽²⁷⁾ Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, 01-4 Đinh Mùi (09-5-1967).

Minh Thiện (1897-1972) ⁽²⁸⁾ viết về sự cần thiết phải lập nguyện như sau:

“Thử xem các vị Phật Tiên thuở trước có ai không nhờ thế nguyện mà đặng thành chánh? Cho nên người tu trước phải thế nguyện làm tin, rồi sau mới vững lòng mà hành đạo.

Trong kinh có câu: Vô nguyện bất thành Phật dữ Tiên, Phật Tiên vô nguyện bất điều hiền, nghĩa là người không lập nguyện chẳng thành Phật Tiên, còn Phật Tiên cũng chẳng độ người không lập nguyện. Lời này đủ chứng tỏ sự thế nguyện là quý trọng dường nào.”

Thật vậy, các Đấng Phật Tiên xưa nay đều lập đại nguyện.

Một trong bốn mươi tám lời đại nguyện của Đức Phật A Di Đà như sau:

Lúc tôi thành Phật, nếu trong cõi nước tôi có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì tôi không ở ngôi chánh giác.

Hai trong số mười hai lời đại nguyện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát như sau:

- *Nguyện rằng chúng sanh ở cõi ta bà hay cõi u minh mà có lời cầu nguyện thì sẽ đến nơi để tận độ.*

- *Nguyện ngày đêm tuần du khắp chốn, đến cả cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh để độ rồi chúng sanh khỏi vòng tổn hại.*

Sang Tam Kỳ Phổ Độ, khi Đức Chí Tôn rời Bạch Ngọc Kinh xuống trần lập đạo Cao Đài, Thầy cũng lập đại

⁽²⁸⁾ Đắc quả vị Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát.

nguyện:

Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành, Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ. ⁽²⁹⁾

*Muôn kiếp các con chịu lạc đường
Thấy vậy Thầy luống động lòng thương
Nên đoan thế với hàng Tiên Phật
Lập Đạo không thành chịu tội ương.* ⁽³⁰⁾

Lời đại nguyện của các Đấng thật là cao cả, vĩ đại. Riêng đối với người tu chúng ta, trong cuộc sống tu hành thường nhật, chúng ta quán xét xem mình còn phạm những khuyết điểm sai lầm gì thì nên lập nguyện khắc phục những lỗi lầm ấy để giúp cho bản thân tu hành tinh tấn, bởi lẽ nếu không lập nguyện thì sẽ không có cố gắng và quyết tâm.

Chẳng hạn như ông Khuru Trường Xuân lúc bắt đầu tu hành, đã lập vài lời thế nguyện, làm thành bài thơ viết trên tấm gỗ như sau:

*Niệm quấy muốn trừ, mãi chữa thành
Nay trên tấm gỗ viết rành rành
Vọng ngôn quấy nghĩ đều trừ hết
Vọng tưởng quấy tham quét sạch sanh
Nhận quấy bạc tiền: tay đứt đoạn
Miệng ham ăn uống: loét không lành
Bên mình mọi việc luôn xem xét
Sáu dục bảy tình khỏi phát sanh.* ⁽³¹⁾

⁽²⁹⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 32. Quyển 36-1 trong Chương Trình Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

⁽³⁰⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 34.

⁽³¹⁾ Lê Anh Minh dịch và chú giải, *Thất Chân Nhân Quả*. Hà

Nếu không lập nguyện thì hành giả dễ mắc phải chứng bệnh giải đãi, biếng lười nên tu hành bê trễ, không tinh tấn siêng năng. Đức Phật Thích Ca ngày xưa khi ngồi tĩnh tọa dưới cội cây bồ đề đã nguyện rằng nếu không đắc thành chánh quả thì nhứt định không đứng dậy.

Và như lời Đức Hà Tiên Cô dạy, người tu có lập nguyện và khổ công tu hành để thực hiện cho tròn lời nguyện thì sẽ làm cảm động trời đất, cảm động chư Thiên, Bồ Tát, sẽ được các Ngài giúp đỡ mọi mặt để tác thành quyền pháp.

HẠNH. Nếu niềm tin kiên cố, nguyện lực sâu dày, mà còn giới hạnh đủ đầy, tạo cho hành giả một quyền năng, đủ oai nghi hạnh đức, quỷ phục thần khâm.⁽³²⁾

Giới quy⁽³³⁾ để làm ranh hạn chế tâm tà. *Giới quy* để tô tạo cho con người trở nên thánh khiết. *Giới* có giữ trọn thì *định* mới sanh. Nhờ *giới* kềm chế vọng tâm, tiêu trừ chướng nghiệp,⁽³⁴⁾ tạo nên công đức thù thắng,⁽³⁵⁾ đặng quả chơn định⁽³⁶⁾ mà trí huệ sinh ra. Trí huệ có rồi thì trời đất với ta là một.

Đây là Phật. Đây là tự do, huyền năng ghê gớm, hàng phục⁽³⁷⁾ *chúng ma.*⁽³⁸⁾ *Vạn hạnh đủ khiến cho chúng sanh*

Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 189-190.

⁽³²⁾ **Quỷ phục thần khâm** 鬼服神欽: Quỷ thần khâm phục (kính trọng và theo giúp).

⁽³³⁾ **Giới quy** 戒規: Giới luật và quy tắc răn cấm.

⁽³⁴⁾ **Chướng nghiệp** 障業: Nghiệp quả xấu cản trở người tu.

⁽³⁵⁾ **Thù thắng** 殊勝: Vượt trội hơn hết. **Công đức thù thắng:** Công đức lớn hơn hết thầy.

⁽³⁶⁾ **Quả chơn định:** Kết quả được trạng thái định tĩnh vững chắc.

⁽³⁷⁾ **Hàng phục** 降伏: Thân phục, bắt phải vâng theo, phục tùng.

tĩnh ngộ hồi đầu, an ủi nỗi khổ đau cho muôn loài vạn vật.

Ấy là TÍN, NGUYỆN, HẠNH.

Kinh sách xưa nay vẫn thường dạy rằng: “Đức trọng quỷ thần khâm” nghĩa là người có đức hạnh tròn đầy sẽ phát lộ ra một dáng vẻ oai nghi khiến cho ma quỷ phải kiêng sợ không dám quấy phá và Thần Thánh khâm phục hăng che chở hộ trì. Người tu muốn có đức hạnh tròn đầy tỏa sáng thì cần phải trì giới cho tinh nghiêm vì giới quy là hàng rào ngăn chặn tâm tà tánh tục, là khuôn khổ nắn đúc con người trở nên thánh khiết.

Ngày xưa, khi Đức Phật Thích Ca sắp nhập Niết Bàn, môn đệ tỏ lòng thương tiếc và lo sợ khi không còn được sự điều dắt của Đức Phật thì Ngài trở lại rằng: Sau khi ta nhập diệt rồi, các người noi theo giới luật mà gìn giữ để tu hành. Giới luật là Ta tại thế đó.

Ngày nay, Đức Chí Tôn dạy:

Giới luật là con đường của Thầy dựng nên để cho các con đi về cùng Thầy. Giới luật là một nấc thang để các con bước lên Thiên Đàng. Các con có chịu bước thì mới đến, không bước lên mà trượt xuống thì làm sao đến được. Giới luật là một phép lạ để các con xua đuổi tất cả loài ma quỷ ra khỏi người các con để các con đắc thành Phật quả. Con giữ được phép lạ ấy thì loài ma quỷ kia sẽ tránh xa, con không giữ được phép lạ ấy thì ma quỷ sẽ đến gần các con, rồi các con sẽ là ma quỷ.⁽³⁹⁾

⁽³⁸⁾ **Chúng ma** 眾魔: Gọi chung ma quỷ, những tà quái cản trở, phá hoại người tu.

⁽³⁹⁾ *Thánh Truyền Trung Hưng*, Tịnh Đường, 08-11 Ất Tỵ (30-11-1965).

Xưa nay tất thấy mọi người được đắc thành quả vị Phật Tiên cũng nhờ ở nương theo giới luật, không có một người nào ngoài giới luật mà đắc thành quả vị bao giờ.⁽⁴⁰⁾

Nếu không giữ được giới luật thì hành giả không mong gì đắc thành đạo quả. Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

Hễ tâm giới không giữ trọn thì ma quỷ sẽ thừa cơ hội mà lôi kéo vào nơi sa đọa của chúng nó, nơi sa đọa ấy là gì?

Kẻ nào ưa danh thì nó cho danh, kẻ nào ưa lợi thì nó cho lợi, kẻ nào ưa sắc thì nó cho sắc. Khi các hiền đã sa vào danh lợi sắc tài rồi thì lòng mình chỉ còn biết vui sướng đắm đuối theo những vật ấy, có còn nghĩ chi đến việc tu hành để thành Tiên tác Phật nữa đâu. Các hiền cũng tu đấy, nhưng chỉ mặc cái áo tu bề ngoài, còn trong tâm thức thì chỉ toàn là danh lợi sắc tài mà thôi. Tu như thế thì làm sao mong ngày đắc quả bồ đề, chứng ngôi chánh giác, hỡi chư hiền?⁽⁴¹⁾

Một khi giới đã giữ trọn thì tâm sẽ không còn điên đảo vì những vọng niệm ý tà mà sẽ đạt được trạng thái an định. Nội tâm có an định thì trí huệ mới phát sinh. Đức Hà Tiên Cô dạy:

Trí huệ có rồi thì trời đất với ta là một. Đây là Phật, đây là tự do, huyền năng ghê gớm, hàng phục chúng ma.

Điều mà Đức Hà Tiên Cô nói đây là đỉnh cao của trí huệ. Chúng ta hiểu rằng, tùy theo mức độ tinh tấn trong việc giữ giới và an định nội tâm mà người tu có thể đạt được trí huệ

⁽⁴⁰⁾ *Thánh Truyền Trung Hưng*, Tịnh Đường, 16-11 Ất Ty (08-12-1965).

⁽⁴¹⁾ *Thánh Truyền Trung Hưng*, Tịnh Đường, 08-11 Ất Ty (30-11-1965).

sáng suốt theo từng mức ấy. Trước hết là có thể phân biệt chánh tà để khỏi phải lạc lầm vào bàng môn tả đạo, tiếp theo là có thể hiểu được đúng thánh ý Thiêng Liêng chỉ dạy để thực hành cho đạt kết quả. Người tu được bao nhiêu đó cũng là điều rất đáng quý rồi.

Vạn hạnh đủ khiến cho chúng sanh tỉnh ngộ hồi đầu, an ủi nỗi khổ đau cho muôn loài vạn vật.

Người có giới hạnh đủ đầy thì không cần nói nhơn sanh cũng cảm mến theo về.

Tôn giả Xá Lợi Phất là vị đại đệ tử trí tuệ bậc nhất của Đức Phật Thích Ca. Từ lúc còn là một chàng thanh niên hai mươi tuổi, Xá Lợi Phất đã nổi tiếng thông minh xuất chúng. Ông đi khắp nơi tìm thầy học đạo nhưng không tìm được một vị nào khiến cho ông cảm phục. Ấy thế mà tôn giả đã trở thành đệ tử của Đức Phật sau khi gặp tỳ kheo A Thuyết Thị, một trong năm vị tỳ kheo đầu tiên xuất gia làm đệ tử của Đức Phật.

Tỳ kheo A Thuyết Thị có một khuôn mặt ngời sáng và một dáng vẻ trang nghiêm, thanh thoát lạ thường. Mỗi cử chỉ đi, đứng của vị tỳ kheo ấy đều tỏ rõ oai nghi đức hạnh của bậc chơn tu. Thoạt nhìn thấy, Xá Lợi Phất bỗng cảm thấy tâm hồn rung động không thể tả được! Xá Lợi Phất liền đến hỏi xem thầy của A Thuyết Thị là ai. A Thuyết Thị trả lời bằng bốn câu kệ gọi là “Duyên Khởi Kệ”. Nghe xong, ngài Xá Lợi Phất liền trực nhận ngay về lý “Có sinh thì có diệt”, về thuật lại cho bạn là Mục Kiền Liên nghe rồi hai người cùng xin Phật cho gia nhập tăng già, trở thành đệ tử của Đức Phật.

Hạnh đức của Ngài Minh Thiện lúc còn tại tiền cũng đã

được Đức Hưng Đạo Đại Thánh khen ngợi như sau:

Hồi Minh Thiện còn tại tiền, vì đức lớn tài cao, ngồi một chỗ mà thấy được khắp nơi, nói ít thiên hạ nghe nhiều, không la rầy mà ai cũng sợ, chẳng nịnh nọt mà người quyền quý mến yêu, không ban ơn thí vật mà người người như được cậy nhờ nhiều lắm. Vì đức độ, vì uy nghi, vì quên thân cầu Đạo mà quần chúng quy tụ một cách nồng nàn. Mỗi lúc mỗi thấy sum suê thêm nhiều cái hay cái đẹp.⁽⁴²⁾

Qua đó, chúng ta thấy rằng người tu đức hạnh trang nghiêm có thể độ được người theo đạo một cách dễ dàng.

*

Tóm lại, theo lời dạy của Đức Hà Tiên Cô, người cầu tu giải thoát cần phải giữ trọn ba điều: Tín, Nguyên, Hạnh.

TÍN là có lòng tin vững chắc: Tin mình có đủ sức vượt qua mọi khó khăn để đắc thành đạo quả. Tin được sự trợ duyên gia hộ của Thiêng Liêng và mọi người xung quanh. Tin có Đấng Tạo Hóa cầm cân công bình và an bài tất cả. Tin có luật báo ứng gieo nhân gặt quả để cố công tu hành giải trừ oan trái tiền khiên và không gây nghiệp mới.

NGUYÊN là lập nguyện kiên cố để tinh tấn tu hành với một tâm chuyên nhất bất thối chuyển.

HẠNH là giới hạnh đủ đầy⁽⁴³⁾ tạo cho hành giả một huyền năng, đủ oai nghi hạnh đức, quý phục thần khâm để cảm hóa người chưa giác ngộ vào đường đạo đức và tự thân hành giả được phát sinh trí huệ.

⁽⁴²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 02-01-1973.

⁽⁴³⁾ Chữ 行 đọc là *hạnh* (danh từ), nghĩa như trên.

Nhìn xem mấy áng phù vân
Chợt tan, chợt tụ, bao lần tụ tan
Xuân qua, xuân lại trần gian
Chỉ người giác ngộ huy hoàng đón xuân
Dầu trong cõi tạm hồng trần
Trọn gìn tâm đạo thì xuân vĩnh tồn.

PHỤC ĐỨC TÔN THẦN

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý (10-02-1975)

Đặc biệt, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người môn đệ Cao Đài còn có thêm một niềm tin nữa, đó là tin vào luật đại ân xá của Đức Chí Tôn. Những ai quyết chí tu hành chơn chánh thì có thể được giải thoát ngay trong một kiếp như lời Đức Mẹ dạy:

*Kỳ ân xá vô ngần duyên phước
Một kiếp tu mà được đắc thành
Thoát vòng hệ lụy tử sanh
Nghiệp xưa trả dứt, quả lành kết tinh.*⁽⁴⁴⁾

Xin nguyện cầu Đức Hà Tiên Cô cùng các Đấng thiêng liêng ban ơn hộ trì cho tất cả huynh tỷ, đệ muội chúng con luôn giữ trọn được ba điều Tín, Nguyên, Hạnh mà Thiêng Liêng đã chỉ dạy ngõ hầu có thể thẳng tiến trên đường cầu tu giải thoát, tự độ và độ tha.⁽⁴⁵⁾

DIỆU NGUYÊN

⁽⁴⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi.

⁽⁴⁵⁾ Bài nói chuyện tại Hội Trường Thuyết Minh Giáo Lý Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, ngày 15-11 Quý Tỵ (Thứ Ba, 17-12-2013).

ĐỨC QUAN THẾ ÂM CỦA TRẺ THƠ

HUỆ Ý

Thuở nhỏ, tôi sống với bà nội ở tỉnh.

Từ Sài Gòn, ba tôi về...

- Tâm, ba cho con cái này.

Hộp kem Hynos với anh Bảy Chà nhe hàm răng trắng và bàn chải răng được ba giơ lên cao. Tôi theo ba ra lu nước dưới gốc me.

- Coi và làm theo ba.

Lột bàn chải ra khỏi bao, vặn nút hộp kem, bóp nhẹ một ít kem vào đầu lông bàn chải, lấy gáo múc nước. Hóp một ngụm nước rồi nhổ ra, nhúng đầu bàn chải vào nước cho mềm, đưa lên miệng, chà hàm trên, chà hàm dưới, chà sâu vào bên trong, chà lại bên ngoài. Thêm mấy ngụm nước, súc miệng cho sạch, rửa bàn chải, rửa mặt. Ba làm trước, tôi làm sau.

- Chải răng, súc miệng, rửa mặt được, con bữa nay làm người lớn rồi nhe!

Quay qua người em họ, dù lớn tuổi hơn, đang đứng kế bên nhe răng cười coi tôi học chải răng:

- Tui bữa nay làm người lớn rồi nhe!

- Làm người lớn đâu chỉ biết chải răng, súc miệng; mình phải làm nhiều việc lớn khác, phải không con?

- Dạ.

Tôi nhanh nhẩu hét to.

- Đi theo ba.

Tôi oai vệ bước theo, đi ngang chỗ bà nội đứng, tôi cũng đồng dạc:

- Bà nội, con bữa nay làm người lớn rồi.

Bà nội xoa xoa đầu tôi:

- Ủ, làm người lớn rồi nội khỏe; tôi không cho đứa nào nằm trong nách hết.

Tôi tần ngần chưa biết trả lời sao, thì ba vừa mang đến trước mặt bà một bao vải nhỏ được gói cẩn thận. Bà tháo dây ra, bên trong là một cái mõ nhỏ với cái dùi. Ba tôi trao cho bà nội vừa mõ lẫn dùi, với hộp Hynos và bàn chải răng:

- Má dạy nó *Kinh Cứu Khổ*, rồi mỗi tối, trước khi đi ngủ, súc miệng, chải răng xong, vô tụng kinh.

Chưa biết mặt chữ, tôi được nội dạy học miệng hết một tuần lễ mới thuộc *Kinh Cứu Khổ* và *Chú Vãng Sanh*.

Lốc, cóc... cóc... Từ đó hằng đêm, nội thắp cho tôi một cây nhang; cả nhà nghe tôi tụng kinh, lần lượt ba biến Cứu Khổ, ba biến Vãng Sanh là hoàn kinh.

Tôi bắt đầu làm người lớn như thế.

Mỗi mùa xuân tới, về thăm nội, tôi đứng trước tủ đựng đồ chơi của mình thuở nhỏ vẫn còn y nguyên và tần ngần tìm cái mõ xưa...

*

Thêm một lần nữa, ba tôi về Thủ Dầu Một...

- Cậu dặn bà ngoại dạy anh Tâm đọc Kinh Cứu Khổ để chi vậy, thưa cậu Hai?

Thủy, em họ, con cô Tư tôi hỏi.

- Lớn lên rồi con biết. Cuộc đời nhiều đau khổ lắm: bệnh khổ, buồn khổ, lo khổ, giận khổ... Đọc kinh hết khổ. Đức Quán Thế Âm dạy: Đọc một ngàn lần con sẽ hết khổ; đọc mười ngàn lần cả nhà sẽ hết khổ.

Tôi không hiểu các điều ba tôi giải thích cho Thủy, tôi chỉ nhớ một câu “đọc kinh hết khổ”.

*

Mấy năm sau, ba đem tôi xuống Sài Gòn để đi học. Về nhà, mỗi ngày tôi phải trình tập: một là sạch, hai là chữ không cua bò, ba là từ bảy điểm trở lên thì Chủ Nhật được đi nhà sách và ăn kem. Thiếu một trong ba tiêu chuẩn trên là tay bị khê roi mây.

Một hôm, tôi với đứa bạn giành nhau cái bình mực không đổ, vậy mà ba giọt mực cũng văng ra tõe loe trên tập. Tôi sắp bị đòn rồi, tôi sắp khổ rồi, làm sao? Ký ức hiện về: “Đọc kinh hết khổ.” Đọc kinh mau lên! Tôi trốn vào kẹt tủ thờ và lâm râm: “Nam mô...”

Dừng xe đạp xong, ba bước vào phòng, nhìn thấy ba cái nút khoén mực trên tập, ba vói tay lấy roi mây...

- Tâm đâu? Tại sao?

- Dạ.

Tôi rón rén rời kẹt tủ thờ.

- Xòe tay ra...

Cây roi giờ cao lên.

- Bà cố xuống, bà cố xuống, ông ngoại ơi!

Tiếng Hưng gọi ngoài sân.

Ba hạ roi xuống bàn, bước ra đón bà.

- Thưa má mới xuống.

Còn tôi đứng một mình. Tôi chấp tay lên trán vái thầm: “Con xin cảm ơn Đức Quán Thế Âm. Con chưa đọc hết ba biến kinh, Ngài đã cho bà nội đến cứu con rồi.”

- Tâm của nội đâu?

- Dạ.

Chỉ chờ có thế, tôi bỏ chỗ thụ hình chạy ra sân.

- Bà nội, bà nội.

- Con làm gì đó?

Ba dòm tôi.

Tôi nín bà xuống thì thầm vào tai:

- Dạ, ta bà ha. Con đang tụng Kinh Cứu Khổ.

*

Sau này vào đời, tôi nhiều lần đọc Kinh Cứu Khổ; đó không còn là niềm tin của trẻ thơ nhưng chính là đã trực nhận sự ban ân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và diệu dụng của Kinh Cứu Khổ: “*Năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu tam tai bất nạn khổ.*”

HUỆ Ý

*** Hãy có lòng tin, hãy dũng mãnh và hãy tin ở bạn!!!**

Have faith, be strong and believe in you!!!

RICARDO HOUSHAM

(Huấn luyện viên thể thao, nhà tư vấn, người Úc)



Nhân kỷ niệm ngày sinh của Thánh Phanxicô Atxidi, (26-9-1181 / 03-10-1226), theo tinh thần sống hòa bình và vui tươi của Thánh Phanxicô, cũng như theo chủ trương đối thoại liên tôn của Ngài, sáng Thứ Bảy 28-9-2013, tu viện Phanxicô Đa Kao tổ chức một buổi hội thảo chia sẻ liên tôn với chủ đề “*Quan Niệm Niềm Vui theo Phật Giáo, Cao Đài và Công Giáo*”. Sau đây là bài tham luận của hiền hữu Thiện Quang (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo).

NIỀM VUI THEO QUAN NIỆM ĐẠO CAO ĐÀI

THIỆN QUANG

“Vui” là một trạng thái tình cảm mà trong đó con người đạt được sự hài lòng do thỏa mãn ước muốn của mình. Trong tiếng Việt của chúng ta, chữ “niềm” trong cụm từ

“niềm vui” được dùng để nhấn mạnh rằng trạng thái tình cảm này là một trạng thái của nội tâm hơn là trạng thái của ngoại cảnh; người Việt mình hiểu rằng, trên thực tế, không bao giờ tồn tại những cảnh vật vui tươi đối với một người đang buồn, mà cũng không có chuyện gì thật sự đáng buồn đối với một người đang vui. Như vậy, niềm vui là một trạng thái nội tâm thể hiện sự hài lòng do thỏa mãn ước muốn; và bản chất của niềm vui phụ thuộc vào bản chất của ước muốn.

Quán xét những kinh nghiệm nơi bản thân và nơi tha nhân, chúng ta thấy rằng mọi niềm vui của con người ở thế gian này có thể được phân thành hai loại cơ bản: một loại giúp con người nâng cao giá trị của mình, còn một loại lại làm cho phẩm giá của con người bị hạ thấp. Nếu sử dụng ngôn từ theo phong cách Cao Đài, loại thứ nhất là *niềm vui đúng đạo lý*, và loại thứ hai là *niềm vui trái đạo lý*. Trong niềm vui đúng đạo lý, con người càng đạt được sự hài lòng bao nhiêu thì càng thánh hóa được bản thân và tha nhân bấy nhiêu; ngược lại, với niềm vui trái đạo lý, con người càng thỏa mãn thì càng trở nên vô minh, mê muội, và do đó càng dễ làm lỗi. Thế nên, niềm vui đúng đạo lý là loại niềm vui mà mỗi cá nhân cần tạo ra, nuôi dưỡng, và phát triển nơi bản thân cũng như tha nhân; còn niềm vui trái đạo lý là cái mà tất cả chúng ta phải phòng ngừa và xa lánh.

NIỀM VUI ĐÚNG ĐẠO LÝ

Nói đến đạo lý là nói đến cả ba giá trị: chân, thiện, mỹ. Thuộc về đạo lý phải là những gì vừa đúng đắn (chân), vừa tốt lành (thiện), vừa đẹp đẽ (mỹ). Đây cũng là ba giá trị nhân bản, nghĩa là ba giá trị căn bản của nhân loại tính, mà mọi người từ tận trong tiềm thức của mình đều khát khao

hoặc ngưỡng vọng. Bởi vậy, trong sự vươn đến chân, thiện, mỹ, một bước tiên bé nhỏ cũng có thể đem đến cho con người sự hài lòng to lớn. Điều này giải thích tại sao bất cứ con người nào trên cõi đời này cũng tìm thấy những niềm vui tuyệt diệu khi nắm bắt được một vài tia sáng của chân lý, trải nghiệm được một vài ý tưởng thánh thiện, hay thực hiện được một vài hành động đẹp đẽ. Chúng ta hãy xét mấy ví dụ.

Thứ nhất là niềm vui do trải nghiệm cái đúng đắn (chân). Khi còn là học sinh, nhiều người trong chúng ta đã trải nghiệm được niềm vui khó tả khi giải được một bài toán hóc búa. Lớn lên, bước vào đời, mỗi lần phát huy trí tuệ và giải quyết thành công những bài toán trong bốn phạm làm người, niềm vui tương tự lại xuất hiện. Các nhà tư tưởng trên thế giới vẫn trải nghiệm được niềm vui đó mỗi khi khám phá ra được một sự thật còn đang được ẩn giấu trong tự nhiên hay xã hội. Còn với những người có đức tin tôn giáo, mỗi khi chúng nghiệm được một sức mạnh của tâm linh, một điều kỳ diệu của đức tin hoặc nhận thức được một nội dung giáo lý cao siêu, đều thấy cả trí tuệ lẫn tâm linh mình phấn khởi lạ thường. Đó là những trải nghiệm hồn nhiên và có ý nghĩa về niềm vui dưới ánh sáng chân lý.

Thứ hai, niềm vui do trải nghiệm cái tốt lành (thiện). Mỗi khi chúng ta làm được một việc thiện, giúp ích cho thể nhân, lòng chúng ta thấy vui sướng nhẹ nhàng. Chúng ta hãy thử xem điều gì sẽ xảy ra nếu mình mở rộng phạm vi giúp ích? Chẳng hạn, ban đầu là việc giúp cho những người nghèo đói bệnh tật có được cơm áo thuốc men, dần dần tiến đến việc cảm hóa những thành phần bất hảo trong xã hội trở nên những người có ích cho xã hội. Càng mở rộng

phạm vi giúp ích, việc thiện càng trở nên khó khăn hơn, đòi hỏi chúng ta phải quên mình nhiều hơn, hy sinh cho tha nhân nhiều hơn, nhưng chính vì vậy, tác dụng của sự giúp ích sẽ sâu rộng hơn, số người hưởng được sự giúp ích cũng nhiều hơn, và niềm vui của chúng ta cũng gia tăng thêm. Như vậy, niềm vui của sự thánh thiện càng to lớn khi chúng ta càng dẹp bỏ bản ngã riêng tư của mình và hy sinh cho hạnh phúc của đại chúng.

Thứ ba, niềm vui do trải nghiệm cái đẹp đẽ (mỹ). Chúng ta tìm thấy niềm vui này khi chúng ta hạ mình để đem những vinh quang đến cho tha nhân trong ánh sáng của đạo đức, hoặc khi chúng ta thương yêu những người oán ghét chúng ta, lấy tình thương đền đáp lại sự thù hận. Đây là sự trải nghiệm cái thâm mỹ, cái trác tuyệt trong nhân cách, và rõ ràng, bất cứ ai cũng tràn ngập hạnh phúc khi thấy được cái thâm mỹ, cái trác tuyệt đó xuất hiện trong nhân cách của chính mình.

Đó là một số ví dụ về niềm vui đúng đạo lý, do sự trải nghiệm chân, thiện, mỹ. Trên thực tế, cả ba giá trị chân, thiện, mỹ thường xuất hiện đồng thời. Chẳng hạn, việc đem yêu thương báo đáp sự thù hận chẳng những là một lối hành xử tuyệt đẹp, mà còn là một việc làm hết sức tốt lành, hết sức đúng đắn.

Mọi niềm vui đúng đạo lý đều có bản chất sâu xa là sự an lạc. Chữ “an lạc” ở đây có nghĩa là “vui, vì đạt được sự bình yên trong tâm hồn”. Sự bình yên này không thể do một tác nhân ngoại tại nào đem đến, mà chỉ có thể do chúng ta chủ động tạo ra bằng cách tự giữ cho nội tâm của mình thanh tịnh trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời. Người thanh tịnh sẽ không để cho mình bị xao động, và dĩ nhiên,

không để cho mình bị kích động vì những tác động khác nhau của ngoại giới. Một người như vậy càng gặp những thử thách qua những nghịch cảnh càng cảm nhận được những niềm vui thánh khiết, vì những cái khắc nghiệt ấy của cuộc đời là cơ hội để trui rèn và gia tăng những giá trị nhân bản trong con người mình.

Mục đích của đạo Cao Đài là “thể đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát”. Diễn giải ra, mục đích ấy có nghĩa là vừa đưa toàn nhân loại đến thể giới đại đồng, vừa đưa từng cá nhân trở về cõi thiêng liêng hằng sống mà Kitô Giáo gọi là Nước Trời và Phật Giáo gọi là Niết Bàn. Trong cả phạm vi cá nhân lẫn phạm vi xã hội, sự an lạc đều đóng một vai trò quan trọng.

Ở phạm vi cá nhân, sự an lạc là một động lực tích cực trong việc giải thoát tâm hồn ra khỏi những dục vọng tầm thường. Những dục vọng này, tự chúng, không hề tồn tại trong bản thể của con người. Chúng chẳng phải là cái gì khác hơn những trạng thái bị kích động của tâm hồn dưới tác động của ngoại cảnh; nhưng nếu chúng cứ xuất hiện liên tục, cái này được sinh ra và rồi chồng chất lên cái khác, chúng sẽ trở thành những cơn bão ham muốn không giới hạn, ngăn cản không cho con người sống với bản thể của chính mình. Thế nên, càng giữ cho tâm hồn được thanh tịnh, thì theo thời gian, những dục vọng càng suy thoái rồi tiêu vong. Một khi chúng đã tiêu vong, con người sẽ thấy được bản thể, và hơn nữa, sẽ thấy rằng bản thể ấy chính là Thượng Đế, là Phật trong tự tại. Vì sự an lạc chỉ có thể có nơi một tâm hồn thanh tịnh, nên sự an lạc là một động lực mạnh mẽ giúp cho tâm linh của con người tiến hóa, trở thành Phật và huyền đồng với Thượng Đế.

Ở phạm vi xã hội, sự an lạc là một trong những yếu tố giúp xây dựng các xã hội nhân hòa, nghĩa là những xã hội hòa bình. Trong phạm vi này, giáo lý Cao Đài chủ trương “*tạo lập trật tự an lạc để thực hiện hạnh phúc cho nhân sanh.*”⁽¹⁾ Chỉ khi nào trật tự xã hội là một trật tự do sự an lạc mà có thì mọi người mới thật sự hạnh phúc và xã hội mới thật sự trở thành xã hội an lạc. Nhưng muốn có được xã hội an lạc, trước hết, phải có được những cá nhân an lạc. Những cá nhân ấy không phải là những con người cầu an, nhưng là những con người đã giải thoát được tâm hồn mình ra khỏi những dục vọng tầm thường và đạt được sự an lạc tự tại. Nhờ vậy, con người đó mới phát huy được lòng từ bi bác ái để dẫn thân vào những nghịch cảnh của cuộc đời, giải tỏa những khổ nạn của chúng sinh, trong khi vẫn duy trì và phát triển được sự thanh tịnh, sự bình an trong tâm hồn và thể xác của chính mình. Đây cũng là điều mà Thánh Phanxicô Átxidi đã viết: “*Những ai chịu đựng mọi gian khổ trên đời vì lòng yêu mến Chúa Giêsu Kitô, mà vẫn giữ được tâm hồn và thân xác bình an, họ mới thật là người xây dựng hòa bình.*”⁽²⁾

NIỀM VUI TRÁI ĐẠO LÝ

Những niềm vui trái đạo lý là những cái vui không phù hợp với ba giá trị căn bản của nhân loại tính. Đó là những cái vui không đúng đắn, chẳng tốt lành, mà cũng chẳng đẹp

⁽¹⁾ Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

⁽²⁾ Norbertô Nguyễn Văn Khanh, ofm., *Thánh Phanxicô Átxidi, Con Người Của Hòa Bình.* <http://www.ofmvn.org/linh-dao/thanh-phanxico/1378-. . .>, 27-09-2013.

đề. Chúng không nằm trong bản thể chân như. Khi Thiên Chúa tạo dựng con người, Ngài không tạo ra chúng. Thế thì chúng do đâu mà có?

Theo giáo lý Cao Đài, trong cơ cấu của một con người mà Thiên Chúa đã tạo dựng, có sáu cơ quan làm nền tảng tâm-sinh lý cho sự nhận thức. Sáu cơ quan đó được gọi là lục căn, bao gồm: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý (nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, và ý). Đây là “*sáu cơ quan tối trọng để tạo thành con người hiện hữu nơi thế gian*”.⁽³⁾ Tựa như những hệ thống radar, chúng thường ở vào tình trạng sẵn sàng thu nhận các tác nhân kích thích tương ứng của ngoại cảnh. Tình trạng sẵn sàng này của chúng tạo thành sáu loại ham muốn ở cả mức độ cảm giác và lẫn mức độ tri giác của con người. Sáu loại ham muốn ấy được gọi là lục dục, bao gồm: nhãn dục, nhĩ dục, tỵ dục, thiệt dục, thân dục và ý dục. Nếu linh hồn biết làm chủ lục căn, sử dụng chúng vào những việc đúng đạo lý, thì lục dục sẽ trở thành sáu phép mầu nhiệm để thông thiên đạt địa. Ngược lại, nếu linh hồn không làm chủ được lục căn, thì lục dục sẽ mù quáng thực hiện những điều sai đạo lý và trở thành “*sáu ngã đường tà vạy*”⁽⁴⁾ làm cho con người phải sa đọa triền miên.

Mức độ và cường độ của sự thỏa mãn hoặc không thỏa mãn các loại dục vọng nói trên sẽ làm xuất hiện trong con người bảy trạng thái tình cảm khác nhau; đó là các trạng thái: mừng (hỷ), giận (nộ), buồn (ai), vui (lạc), thương (ái), ghét (ô), sợ (cụ). Bảy trạng thái tình cảm này được gọi là

⁽³⁾ Đức Chí Tôn, “Đoạn Trừ Lục Dục”, *Tam Thừa Chơn Giáo*, quyển 2. Đà Nẵng ngày 08-11-1961.

⁽⁴⁾ Đức Chí Tôn, “Đoạn Trừ Lục Dục”, *Tam Thừa Chơn Giáo*, quyển 2. Đà Nẵng ngày 08-11-1961.

thất tình. Chúng đều là những trạng thái bị kích thích của nội tâm, xuất hiện khi con người chịu những tác động từ ngoại cảnh mà không có sự chủ động an định nội tâm của linh hồn. Những trạng thái này chỉ là những trạng thái giả tạo và tạm thời; mỗi trạng thái trong số chúng sau khi xuất hiện chỉ có thể tồn tại một thời gian nào đó rồi chuyển hóa thành một trạng thái khác.

Niềm vui trái đạo lý chính là trạng thái “vui” trong bảy trạng thái tình cảm vừa nêu. Những niềm vui này phát sinh và tồn tại dựa vào lục dục, nên chúng chỉ là những hưng phấn giả tạm do sự thỏa mãn các ham muốn tâm-sinh lý trong bản năng vô thức của con người. Nếu nói một cách khác, qua ngôn ngữ tâm phân học của Sigmund Freud chẳng hạn, những niềm vui này bắt nguồn từ những “xung lực phát ra từ [những] tổ chức thể chất”⁽⁵⁾ và là sự thỏa mãn những đòi hỏi thể chất trong tâm thần của con người.⁽⁶⁾

Nếu người ta vui vì mắt của họ được nhìn thấy những sắc đẹp giới tính, hay những sắc thái hoa lệ của sự giàu sang về vật chất... thì đó chỉ là cái vui của nhãn dục. Nếu vui do tai được nghe những lời tâng bốc, ngợi khen, những lời thêu dệt, xiểm gièm... thì đó chỉ là cái vui của nhĩ dục. Nếu vui do mũi được ngửi những mùi hương tạo nên sự phấn khích cho thể xác, đó chỉ là cái vui của tỵ dục. Nếu vui do lưỡi được nếm những thức ăn ngon, đó chỉ là cái vui của thiệt dục. Nếu vui do thân được thỏa mãn những ham muốn khác của xác thịt, đó chỉ là cái vui của thân dục. Và nếu vui do tư tưởng được thỏa mãn những suy nghĩ cần quý,

⁽⁵⁾ D. Stafford-Clark, *Freud Đã Thực Sự Nói Gì?*, tr. 151.

⁽⁶⁾ Sách đã dẫn, tr. 154.

phóng túng, sa đọa... đó chỉ là cái vui của ý dục.

Cái vui của ý dục là môi trường dung dưỡng những cái vui của mọi loại dục vọng khác. Đằng sau khả năng nhận thức sinh lý học của các cơ quan thể chất (ví dụ cái thấy của đôi mắt sinh học, cái nghe của đôi tai sinh học...) còn có khả năng nhận thức tâm lý học của những bản năng vô thức tương ứng (ví dụ cái thấy của bản năng vô thức, cái nghe của bản năng vô thức...). Cái thấy, cái nghe... của bản năng được khơi dậy trong tâm thần thông qua hoạt động của các cơ quan thể chất và được nuôi dưỡng bằng ý dục. Những ham muốn do bản năng vô thức như vậy mới là phần đáng sợ nhất của lục dục.

Đối với những ham muốn do bản năng vô thức, con người không thể kiểm soát và chế ngự chúng bằng ý thức hay lý trí, nhưng phải bằng một quá trình tu tập lâu dài trong suốt cuộc đời mình. Việc hướng dẫn cho con người cách thức tu tập hiệu quả, trên thế gian này, ngoài các tôn giáo ra, không ai có thể thực hiện thành công. Và đây cũng là một lý do giải thích vì sao nhân loại cần đến tôn giáo.

SỐNG VỚI NHỮNG NIỀM VUI HÀNG NGÀY

Niềm vui đúng đạo lý và niềm vui trái đạo lý, như vừa được trình bày bằng những ngôn từ của giáo lý Cao Đài, cũng đã được các tôn giáo trên thế giới đề cập đến với những cách thức có thể ít nhiều khác nhau nhưng nội dung về cơ bản thì tương đồng. Trong Phật Giáo, có những kinh sách dùng chữ “an lạc” và “dục lạc” để chỉ hai loại niềm vui này.⁽⁷⁾ Trong Kitô Giáo, Thánh Thomas Aquinas phân

⁽⁷⁾ Pháp Nguyễn, *An Lạc Và Dục Lạc*, http://chuahaiquang.com.vn/NewsDetails.aspx?_214=268. 25-9-2013.

biệt cái vui thực và cái vui giả, cũng như cái vui tốt và cái vui xấu.⁽⁸⁾

Nơi những con người bình thường, mỗi niềm vui đều có thể thuộc một trong hai, hoặc cũng có thể là một tổ hợp nào đó giữa hai loại niềm vui trên đây. Việc nhận diện ra bản chất mỗi loại có ý nghĩa thiết thực trong việc tạo nên giá trị của bản thân. Điều này đòi hỏi con người phải rèn luyện thói quen theo dõi, kiểm soát, chế ngự và chọn lọc các trạng thái tâm lý của chính mình.

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta có thể gặp những niềm vui mà dường như không thuộc loại nào trong hai loại kể trên. Vui vì tốt nghiệp được đại học, vui do mới tìm được việc làm, vui nhờ đi du lịch, vui bởi Tết sắp đến... Thật ra, tính chất “đúng đạo lý” và “trái đạo lý” không nằm ở bản thân những sự kiện như “tốt nghiệp đại học”, “tìm được việc làm”, “du lịch” hay “Tết”, mà nằm ở mức độ bình an của nội tâm, nghĩa là mức độ tự chủ lấy nội tâm, khi chúng ta trải qua sự kiện đó. Ví dụ, nếu trong tâm hồn của người sinh viên, tốt nghiệp đại học là niềm vui do hoàn tất một bốn phần đối với gia đình, đánh dấu một bước tiến của bản thân, thì đó là niềm vui đúng đạo lý; bởi ở chỗ này, giống như đã được Thánh Thomas Aquinas định nghĩa, sự vui sướng là trạng thái an tĩnh của tâm hồn sau khi đã đạt được mục tiêu, tức là điều thiện.⁽⁹⁾ Tuy nhiên, nếu người sinh viên xem việc tốt nghiệp đại học là cái vui trút bỏ vĩnh viễn những nhiệm vụ học hỏi, hoặc, trong một sự hào hứng

⁽⁸⁾ Lm Giuse Phan Tấn Thành, op., *Thần Học Niềm Vui 03: Chứng Nhân Niềm Vui*, <http://2010menchuayeuongui.blogspot.com/2010/01/than-hoc-niem-vui-03-chung-nhan-niem.html>. 25-9-2013.

⁽⁹⁾ Lm Giuse Phan Tấn Thành, op., đã dẫn.

bốc đồng khác, là cái vui dẫn đến việc nhậu nhẹt ăn mừng, rồi say sưa không làm chủ được bản thân, dẫn đến những tai nạn cho bản thân hoặc người khác, thì đó là cái vui trái đạo lý.

Để nhận diện được trong tâm hồn mình niềm vui đúng đạo lý và niềm vui trái đạo lý, cũng như, để ngăn ngừa cái thứ hai và phát triển cái thứ nhất, con người rất cần đến sự giúp đỡ của tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều có những phương thức thích hợp dành cho những đối tượng khác nhau. Đạo Cao Đài có phương pháp Tam Công. Phương pháp này bao gồm: Công Quả, Công Trình và Công Phu.

Công Quả là làm những việc có ích cho tha nhân trong tinh thần hiến dâng, không nghĩ đến bản thân mình, cũng không vọng cầu bất kỳ hình thức thưởng nào kể cả những phần thưởng do Thượng Đế hay các Đấng thiêng liêng ban cho. Thánh giáo Cao Đài dạy: “*Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hãnh diện khi xả thân cho tha nhân.*”⁽¹⁰⁾ Việc hy sinh cho tha nhân là một niềm vui mà trên đời không phải ai cũng có cái may mắn được trải nghiệm, mặc dù những cơ hội hy sinh như vậy xuất hiện mọi lúc mọi nơi. Và niềm vui này tự nó đã là một phần thưởng vô giá.

Công Trình là rèn luyện cá tính, trau dồi nhân cách và sửa đổi tác phong theo tiêu chuẩn chí chân, chí thiện, chí mỹ. Với sự trợ giúp của giới luật, Công Trình là cách thức chủ yếu để theo dõi, kiểm soát, chế ngự hoặc đào thải những niềm vui trái đạo lý. Nỗ lực căn bản của Công Trình

là làm chủ lấy lục dục và thất tình, chuyển hóa chúng thành những sức mạnh đúng đạo lý của bản thân.

Công Phu là thiền định. Ở mức độ phổ thông, việc thiền định được thực hiện thông qua sự tập trung tư tưởng lúc đọc kinh, cầu nguyện trong các thời cúng, trong các buổi lễ, và trong nhiều sinh hoạt thường nhật khác (trước khi ăn cơm, trước khi đi ra đường, sau khi trở về, trước khi đi ngủ...). Ở các mức độ nâng cao và chuyên sâu, việc thiền định được thực hiện nhờ hệ thống các pháp môn thuộc phần nội giáo tâm truyền của đạo Cao Đài. Sự thiền định một mặt giúp con người thường xuyên giao cảm với các Đấng thiêng liêng, nhưng mặt khác quan trọng hơn, giúp con người rèn luyện sự thanh tịnh tự chủ trong nội tâm. Do đó, thiền định là giải pháp cho phép vừa diệt trừ mọi nguồn gốc phát sinh những niềm vui trái đạo lý, vừa xây đắp nền tảng vững bền cho sự an lạc nội tâm.

Như vậy, sống với những niềm vui hằng ngày, theo đạo Cao Đài, là “đạo lý hóa” bản chất của chúng, làm cho chúng trở thành những niềm vui chân, thiện, mỹ nếu như chúng chưa đạt được những giá trị căn bản ấy của nhân loại tính. Cách sống này, tự nó, cũng là một niềm vui đúng đạo lý, một niềm vui bất tận trong cuộc đời mỗi con người đang tìm lại bản thể chân như trong ơn cứu độ của Thượng Đế.

Khóa tịnh Thu Phân, Quý Tỵ (27-9-2013)

THIỆN QUANG

● **Khi bạn làm những điều xuất phát từ tâm hồn, bạn cảm thấy trong bạn một niềm vui như dòng sông tuôn chảy. / When you do things from your soul, you feel a river moving in you, a joy. RUMI (nhà thơ Ba Tư, 1207-1273)**

⁽¹⁰⁾ Đức Cao Triều Phát, thánh thất Nam Thành, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

TƯỢNG NHỚ TỔ TIÊN

DIỆU NGUYÊN

Theo truyền thống đạo đức Á Đông từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam ta vẫn luôn xem hiếu hạnh đứng đầu trăm nét tốt qua câu *Nhơn sanh bách hạnh hiếu vi tiên*. Và cũng xuất phát từ truyền thống hiếu đạo này mà dân gian ta lại có câu: *Sự vong như thể sự tồn*, nghĩa là phụng thờ ông bà tổ tiên đã khuất như lúc các vị còn sống. Chính vì thế mà trong nhà hầu hết các gia đình người Việt đều có bàn thờ gia tiên với hoa quả hương đăng cúng kính hằng ngày.

Ngoài ra, hằng năm con cháu còn tổ chức lễ giỗ, kỷ niệm ngày thoát xác của ông bà cha mẹ. Vào những ngày giỗ kỵ này, tùy theo điều kiện của mỗi gia đình, người ta thường làm mâm cơm cùng các thức bánh ngon truyền thống như bánh ít, bánh tét, v.v... để dâng cúng người đã khuất. Nhiều gia đình tổ chức lễ giỗ thật linh đình với đủ các món cao lương mỹ vị. Ở vùng nông thôn, nhiều nhà còn mổ heo mổ gà rồi mời cả làng đến dự, chè chén say sưa.

Truyền thống hiếu đạo tưởng nhớ tổ tiên ông bà của người Việt Nam thật đáng quý, tuy nhiên, về hình thức tổ chức giỗ kỵ như thế đã đúng chưa, chúng ta cần phải xem xét lại.

Từ khi đạo Cao Đài ra đời, qua phương tiện cơ bút, các Đấng Phật Tiên Thánh Thần đã ban truyền cho nhơn sanh rất nhiều thánh ngôn thánh giáo, trong đó có cả lời dạy về ý nghĩa và cách thức tổ chức lễ giỗ tưởng nhớ người thân đã quá vãng.

Thật vậy, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã chấn chỉnh những suy nghĩ sai lầm của thế nhân trong việc cúng giỗ như sau:

“Hằng năm, đến ngày kỵ giỗ ông bà tổ tiên nơi nhà thờ phụng tự, nếu tất cả con cháu còn tưởng nhớ đến người được tưởng nhớ, thì dù có phương tiện gì cứ theo phương tiện ấy mà đến thể hiện lòng thành của mình. Chớ nên mang ý nghĩ rằng đến ngày kỵ giỗ tiên nhơn⁽¹⁾ rồi, trong nhà thì nghèo túng, biết làm món gì để cúng và đãi khách bây chừ, rồi đi chạy nợ chạy nần để lo tròn những cỗ đầy thịnh soạn. Đối với những hàng họ ở xa cũng nao nao trong lòng rằng nếu không đến thì xem chừng không được, mà đến lễ ông bà thì phải có vật gì đây. Và tất nhiên phải cố gắng lo đủ lễ phẩm vật để cúng dường tiên tổ cho hả lòng theo thông lệ nhân gian. Hơn nữa, nếu người đời mượn giỗ kỵ để chung nhau ẩm thực say sưa, không ơn ích gì cho tinh thần mình, chỉ miễn cưỡng trả rồi cái lệ giả tạo hời hợt ấy thôi. Lão muốn chư hiền đệ muội và các cháu lưu ý điều đó.”⁽²⁾

Nhiều năm trước đó, Ngài đã dạy về cách tưởng nhớ tổ tiên đúng nghĩa nhất:

“Nếu còn tưởng đến Lão thì hãy làm và làm cho thật nhiều những gì Lão đã truyền dạy khi còn sanh tiền và những điều đã dạy xuyên qua các đàn cơ từ ngày Lão thoát xác đến giờ. Nếu đặt vấn đề sùng phụng cúng bái Lão mà không làm được việc đạo có ích lợi cho gia đình và cho nhơn sanh thì Lão khuyên nên tạm gác phần cúng bái mà

⁽¹⁾ **Tiên nhơn** (nhân) 先人: Người đã qua đời.

⁽²⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Tân Hợi (18-01-1972).

thiếu ý nghĩa đó.”⁽³⁾

Một lần khác, Ngài căn dặn:

“Cúng tế các Đấng vô hình là để trọn lòng cung kính. Dầu một cây nhang, một chung nước mà thể hiện được lòng thành, vẫn được chứng nhận như đại lễ. Đừng sát sanh hại vật cúng tế như thời kỳ thứ hai⁽⁴⁾ mà không nên và phản tiến hóa.

Bần Đạo muốn nói về lãnh vực cúng tế để cho các cháu quan niệm rõ ràng cái chơn lý của nó. Mỗi sinh vật đều có thực phẩm riêng biệt của nó. Mỗi thế giới đều có sự sinh hoạt riêng biệt, nhưng cái chơn lý duy nhất là tâm thành cùng tư tưởng và đức tin để giao cảm nhau. Đừng quan trọng quá hình thức cúng tế mà phạm tội sát sanh.”⁽⁵⁾

Về ý nghĩa và tác dụng của việc tổ chức ngày giỗ kỵ, tế lễ tiên linh, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy như sau:

“Người xưa để phần hương hỏa lại cho phủ thờ không phải đánh giá ở sự nhiều hoặc ít, mà chỉ đánh giá ở tình thần thương yêu gắn bó giữa con cháu của bốn tộc đó. Vì lễ phần hương hỏa là không ai được quyền bán. Nhờ đó mỗi năm tới ngày lễ kỵ, các tông chi trong bốn tộc đều tựu họp quây quần về đó để gặp mặt nhau, thăm viếng nhau, han hỏi nhau nổi thành bại hưng vong, vui buồn đắc thất, còn mất của người thân. Đó là mối tình nhứt thống của bốn tộc mà người xưa đặt điều lệ rồi trở thành tập quán, và đó cũng là điển hình cho mối tình ‘Cây có cội, nước có nguồn,

chim có ổ, người có tổ tiên’, và đó cũng nhắc cho con người phải nhớ giống dòng dân tộc quốc gia mà đừng chia cắt lãnh thổ, phân rẽ giống nòi dân tộc.

Đó ý nghĩa trọng đại của phần hương hỏa đã nói lên ý nghĩa cao quý như vậy, chớ không phải người xưa để phần hương hỏa rồi bắt buộc con cháu phải thờ phượng cúng kiếng cho mình đâu. Vì khi rũ bỏ thể xác, linh hồn sang qua sinh sống ở một thể xác khác hoặc thế giới này hoặc thế giới khác. Có hiểu như vậy mới đánh giá được ngày giỗ kỵ tế lễ tiên linh.”⁽⁶⁾

Trong một lần giảng đàn tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý vào ngày 26-8-1969, Đức Diệu Hạnh Tiên Cô dạy đạo tử Ngọc Kiều⁽⁷⁾ về trường hợp mẫu thân của đạo tử là bà Nguyễn Thị Hồ đã quá vãng như sau:

“Hiện giờ hiền muội Ngọc Kiều đã có công tu bồi âm chất trong mọi mặt để trợ giúp cho mẫu thân. Trong lúc đó còn những người khác trong gia quyến lại sát sanh hiến lễ trong ngày kỷ niệm. Biết rằng linh hồn đã qua một thế giới khác, không thể nào ẩm thực những lễ vật hiến tế của thế giới này, nhưng nếu thân nhân nói rằng vì ngày kỷ niệm cho linh hồn người này tôi sát sanh để cúng tế, linh hồn đương nhiên phải gánh nặng thọ lãnh phần sát sanh đó.

Ngu Tử thường thường gặp gỡ hiền tử Nguyễn Thị Hồ, chỉ dùng lời đạo đức khuyên giảng chớ không làm cách nào hơn trong sự cứu rỗi. Ngu Tử xin chuyển lời của hiền tử đến hiền muội Ngọc Kiều: Nếu vì quyền hạn hoặc uy tín đức độ

⁽³⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

⁽⁴⁾ Thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

⁽⁵⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 21-6 Kỷ Dậu (03-8-1969).

⁽⁶⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 21-6 Kỷ Dậu (03-8-1969).

⁽⁷⁾ Thế danh Lê Thanh Kiều, nguyên Chủ tịch Nữ Chung Hòa, đắc quả vị Hồng Quang Thánh Nương.

của hiền muội có giới hạn đối với người anh, không thể độ dẫn vào đường đạo lý để cùng góp sức siêu bạt cho vong linh hiền tỷ, thì cũng cố gắng khuyên người anh đừng sát sanh hại vật trong ngày lễ giỗ. Nếu có lòng thành thương mẹ, chỉ sắm hoa quả hương đăng với tấm lòng thanh tịnh, anh chị em út lớn bé trong nhà hãy thương yêu hòa thuận trong bầu không khí yên lặng để tưởng nhớ đến mẹ hiền, sẽ có hiền tỷ về chứng lễ.

Nhân tiện đây, Ngu Tỷ cũng xin trình bày khía cạnh đó cho quý hiền huynh, hiền tỷ còn tại tiền có quan niệm về sự hiển tế người quá vãng.

Với luân lý của người Việt Nam, phần lớn ảnh hưởng về Khổng Giáo, đã xem sự sanh như thể sự tồn. Do đó, đến ngày kỷ niệm thân nhân quá vãng, đều sắm lễ vật hiến dâng để thể hiện ‘Cây có cội, nước có nguồn, chim có tổ, người có tông’, làm gương hiếu đạo cho con cháu hậu tấn. Đó là việc làm quý báu. Nhưng sự cúng tế phải trọng tâm về mặt tinh thần hơn là mặt vật chất.

Một thí dụ: Người sống tại thế gian này, mỗi quốc gia dùng tiền tệ mỗi khác, từ quốc gia này sang du lịch hoặc thương mại ở quốc gia khác phải đổi tiền tệ khác.

Một thí dụ khác: Người trước khi lìa bỏ cõi đời này, từ bệnh nhẹ đến bệnh nặng, lần hồi không ăn không uống, rồi đứt hơi thở cuối cùng. Có thể nói vì không ăn uống để thu nhập sự dinh dưỡng mới gọi là chết. Khi qua thế giới khác, linh hồn phải từng theo mọi sinh hoạt ở thế giới đó, đâu thể nào trở lại dùng thực phẩm ở thế giới này. Do đó sự cúng tế trong đạo Cao Đài tuyệt đối không dùng giấy tiền vàng bạc, giấy đất đồ mã cùng sát sanh để hiến lễ. Nếu có làm vì muốn đáp ơn trả nghĩa thì làm một dịp khác, đừng nói rằng

sát sanh để cúng người quá vãng mà tội nghiệp cho linh hồn.”

Đức Ngọc Lịch Đại Tiên năm xưa cũng đã từng dạy ái nữ của Ngài là đạo tỷ Bạch Tuyết⁽⁸⁾ về việc tổ chức lễ giỗ của Ngài:

“Bạch Tuyết nhục nữ! Ta mừng thương cho con được noi chí Ta mà hành đạo. Vậy ngày kỷ niệm thoát xác của Ta đúng với ngày phái đoàn khởi hành thăm viếng miền Trung. Con vì lòng hiếu đạo có thể sắm một nhánh bông, một trái cây, một chén bạch thủy, vào đầu giờ Mẹo mừng 2 tháng 9 Mậu Thân. Ta sẽ đến chứng cho con tại bàn thờ Tiền Bối quá vãng, rồi con kịp giờ khởi hành cùng phái đoàn. Khi biết được Đạo, muốn báo đáp hiếu thân thì con hãy hành cho được cái đạo và cái chí của Ta năm xưa mới là đáng kể, chớ phản hình thức trang trọng đối với Ta không thành vấn đề.

Các cháu con đến ngày kỷ niệm Ta hãy tụ họp lại Vĩnh Nguyên với lễ nghi đơn giản và đạm bạc. Cần yếu là soạn lại những lời của Ta đã dạy từ mấy năm qua và hành cho được cái lý đạo đó. Có Ta đến chứng lễ cho.”⁽⁹⁾

Qua các lời dạy trên đây của Thiêng Liêng, chúng ta có thể ghi nhớ những điểm chính yếu sau đây:

① Không được sát sanh để cúng tế vong linh người thân trong các ngày giỗ kỵ, vì làm như vậy chẳng những người còn sống mang tội sát sanh mà người quá vãng cũng phải gánh chịu nghiệp quả nặng nề ấy, khó mong siêu thoát khỏi

⁽⁸⁾ Thế danh Lê Ngọc Trang, nguyên Cố Vấn Nữ Chung Hòa, đắc vị Quán Pháp Chơn Tiên.

⁽⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 28-8 Mậu Thân (19-10-1968).

địa ngục A Tỳ hoặc thăng tiến phẩm vị thiêng liêng.

② Sau khi rũ bỏ nhục thể, linh hồn hoặc đi đầu thai mang một thể xác khác hoặc sang qua một thế giới khác, đâu thể nào dùng những thực phẩm mà người còn sống cúng tế. Vì thế, tưởng nhớ đến tổ tiên ông bà, chỉ cần sắm hoa quả hương đăng dâng cúng với tấm lòng thanh tịnh. *“Dầu một cây nhang, một chung nước mà thể hiện được lòng thành, vẫn được chứng nhận như đại lễ.”*⁽¹⁰⁾ Tuyệt đối không đốt giấy tiền vàng bạc hay đồ hàng mã.

③ Tưởng nhớ đến tổ tiên ông bà cha mẹ, điều quan trọng và ý nghĩa nhất là phải biết noi theo tấm gương đạo đức của người xưa, sống và làm theo lời dạy dỗ của người xưa để lại hoặc lập thân hành đạo làm rạng rỡ tông môn và cứu độ cửu huyền thất tổ, chứ không phải tưởng nhớ bằng cách tổ chức cúng tế linh đình tốn kém.

④ Các ngày lễ giỗ hàng năm trong gia tộc là dịp để bà con họ hàng quyến thuộc tụ họp quây quần, gặp gỡ thăm hỏi nhau hân hân giữ gìn và thắt chặt thêm mối tình gia tộc huyết thống. Đôi khi hàng xóm láng giềng cũng được mời đến tham dự, góp phần củng cố thêm tình làng nghĩa xóm và truyền thống đoàn kết dân tộc.

Mong rằng người tín hữu Cao Đài sẽ luôn thực hành đúng lời dạy của các Đấng thiêng liêng trong Tam Kỳ Phổ Độ để góp phần làm tăng thêm nét đẹp văn hóa đạo đức của truyền thống hiếu đạo tưởng nhớ tổ tiên từ ngàn xưa của dân tộc Việt Nam.

DIỆU NGUYỄN

⁽¹⁰⁾ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 21-6 Kỷ Dậu (03-8-1969).

BUỔI EM VỀ

Có loài cỏ nép góc quê
Hắt hiu đợi buổi em về trở bông
Hương e ấp giấu vào trong
Bước trắng nhè nhẹ rồi lòng mùa xanh.

Có chiếc lá chẳng rời cành
Giữ hoài sắc nhớ để dành sang thu
Buổi em về còn lời ru
Ầu ơ quê mẹ vi vu gió đồng.

Có dòng sông thức cạn dòng
Đêm mơ chớp bể ngày mong mưa nguồn
Về thôi em! Giọng cánh bướm
Cùng quê thổi tắt nến buồn ngày qua.

VÕ VĂN PHO

HOA MƯỜI GIỜ

Khoảnh sân bông tươi màu nắng
Hoa chọn giờ nở thật hay
Bao nhiêu tình nguyên trời đất
Thu về một sắc ban mai.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

GIÁNG MA XỬ LÀ GÌ?

HUỆ KHẢI

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 22 rạng 23-4-1926 (11 rạng 12-3 Bính Dần), Đức Chí Tôn dạy ba vị tiền bối Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, Cao Quỳnh Cư: “Ba con nghe dạy cuộc sắp Thiên phong.”

Về phần tiền bối Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thầy dạy: “Cư! Nghe dặn. Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó). Biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón...”

Cười... Đáng lẽ nó [Phạm tiền bối] phải sắm khôi giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo, Thầy không biểu. Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt ngay vô ngôi Giáo Tông, lấy chín tác vải điều đắp mặt nó lại.”

Rồi Thầy dạy tiền bối Lê Văn Lịch: “Lịch! Con viết một lá phù giảng ma xử đưa nó [Phạm tiền bối] cầm.”

Theo lời dạy trên thì giảng ma xử là lá bùa (phù).

Nhưng một vài tác giả giải thích nó là một món bình khí có hình cái chày, cũng là một bửu bối của Đức Hộ Pháp để đánh dẹp tà ma, quỷ quái.

Có bạn đạo hỏi: *Giảng ma xử là bùa hay là bình khí? Có cần viết hoa không?* Tôi tuân tợ trả lời như sau:

① Giảng ma xử 降魔杵 cũng gọi là hàng ma xử (bởi vì chữ 降 đọc là giáng, còn đọc là hàng).

Giảng ma / hàng ma: Khuất phục, chế ngự tà ma, yêu quái (to overcome devils).

Xử: Cái chày (*pestle*). Chính vì nghĩa này mà có người giảng rằng giảng ma xử là món binh khí có hình thù giống cái chày. Thực ra, xem ảnh minh họa dưới đây, chúng ta thấy nó chẳng giống cái chày giã gạo, chày giã thuốc bắc, hay chày giã tiêu... chút nào cả.



Giảng ma xử 降魔杵

Hình trên đây chụp cây giảng ma xử mà nghệ sĩ tuồng Trung Quốc hiện còn sử dụng. Tôi tìm được hình này tại địa chỉ giới thiệu các đạo cụ là vũ khí của nghệ thuật tuồng Trung Hoa.⁽¹⁾

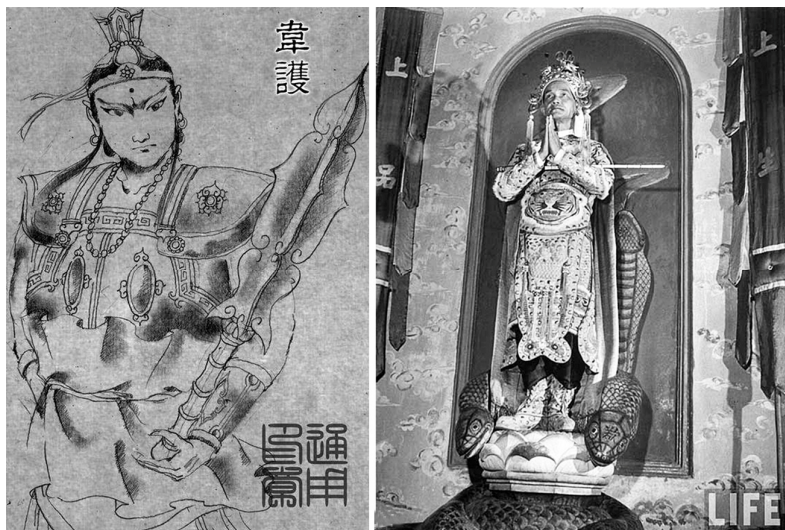
② Rõ ràng giảng ma xử là tên gọi một món binh khí, cũng như đao, kiếm, giáo mác, trường thương, búa, chùy, câu liêm, v.v... vì vậy, nó là danh từ chung (*common noun*), không cần viết hoa.

③ Trong truyện *Phong Thần Diễn Nghĩa* (tương truyền do Hứa Trọng Lâm viết) có nói tới vị tướng Vi Hộ 韋護 theo giúp Khương Tử Nha (nhà Tây Chu) đánh tan quân nhà Thương (vua Trụ). Binh khí của Vi Hộ là giảng ma xử.

Một văn bản của người Hoa viết: “Vi Hộ, (...) binh khí thị giảng ma xử, bang trợ Khương Tử Nha phụ trợ Tây Chu, diệt liêu Thương triều.”⁽²⁾

⁽¹⁾ <http://www.wumeizhongguo.com>.

⁽²⁾ 韋護, (...) 兵器是降魔杵, 幫助姜子牙輔助西周, 滅了商朝. http://tc.wangchao.net.cn/baike/detail_762439.html.



Tại văn bản đó, họ minh họa Vi Hộ vác giáng ma xử, và nhìn nó chẳng giống cái chày tí nào (ảnh trên, bên trái).

④ Người Trung Hoa đồng hóa Vi Hộ với Hộ Pháp Vi Đà 韋陀 (thường thấy tranh trong kinh Phật, và tượng trong chùa Phật). Do đó, Hộ Pháp Vi Đà cũng vác giáng ma xử đánh dẹp quỷ ma, bảo hộ người chơn tu, bảo hộ chánh pháp. Từ niềm tin này của họ, chúng ta hiểu vì sao trong kinh cúng đại tượng của đạo Cao Đài có câu:

*Giáng linh Hộ Pháp Vi Đà
Chuyển cây ma xử đuổi tà trục tinh.*

⑤ Cuối cùng, giáng ma xử tại sao lại là lá bùa (phù 符 / talisman, amulet) như thánh giáo Thầy dạy ngày 22 rạng 23-4-1926?

Ngày nay, viếng Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh, nhìn về

Hiệp Thiên Đài ta đều thấy pho tượng tiền bối Phạm Hộ Pháp mặc “*khôi giáp như hát bội*” [lời Thầy].

Thật ra, lúc còn tại thế, tiền bối Phạm Hộ Pháp đã từng mặc khôi giáp đứng trên đài sen, và tạp chí ảnh LIFE nổi tiếng của Mỹ đã chụp rất đẹp. Trong ảnh này (xem trang trước, ảnh phải), tiền bối Phạm Hộ Pháp không dùng cây giáng ma xử (và có vẻ như đang dùng một thanh kiếm).

Trở lại với đoạn thánh giáo thời khai Đạo. Thầy thương Phạm tiền bối nghèo, nên không buộc sắm khôi giáp mà cho phép mặc áo phục bình thường, đội nón chứ không đội mào. Đã không buộc mặc khôi giáp và khỏi đội mào, thì chẳng lẽ không miễn luôn món binh khí giáng ma xử?

Vâng, Thầy đã miễn cho món binh khí vật thể hữu hình; nhưng không thể miễn món bửu bối mà Hộ Pháp cần phải có để chế ngự tà ma. Thế nên Thầy dạy tiền bối Lê Văn Lịch viết ba chữ Nho giáng ma xử 降魔杵 làm lá bùa trao cho Phạm tiền bối cầm trong tay, thay cho món bửu bối.

Do ân điển, quyền phép thiêng liêng ban bố, lá bùa hôm đó có đủ oai lực nhiệm mầu thay thế cho cây giáng ma xử để chế ngự tà ma.

Tóm lại, giáng ma xử là binh khí, là bửu bối của Hộ Pháp. Chỉ một lần duy nhất nó được thay thế bằng lá bùa như đã nói trên; bản thân giáng ma xử không phải là lá bùa.

HUỆ KHẢI
16-12-2013

● **Chất lượng nghĩa là khi chẳng có ai để mắt tới, mình vẫn cứ làm cho đúng đắn.** / *Quality means doing it right when no one is looking.* **HENRY FORD** (1863-1947)

XUÂN THU LÀ KINH GÌ?

LÊ ANH MINH

Trong đạo Thầy hay nói tới kinh Xuân Thu. Biểu tượng Tam Giáo của Đạo Thầy là Xuân Thu, phát chủ, bát vu. Trong *Phật Mẫu Chơn Kinh* có câu:

*Xuân Thu, phát chủ, bát vu
Hiệp quy Tam Giáo hữu cầu chí chơn.*

Trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, phần *Thi Văn Đại Đạo*, có câu:

*Xuân Thu định vững ngôi lương tử
Phát chủ quét tan lũ nịnh thần.*

Vậy, kinh Xuân Thu là kinh gì?

*

Kinh *Xuân Thu* 春秋 là một trong sáu kinh của Nho Gia (*Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu*).

Thiên *Thiên Hạ* trong sách *Trang Tử Nam Hoa Kinh* chép:

“*Thi* để dẫn dắt ý chí, *Thư* để dẫn dắt công việc, *Lễ* để dẫn dắt hành vi, *Nhạc* để hòa, *Dịch* để hiểu âm dương, *Xuân Thu* để nói về danh phận. Sáu thứ này là sáu môn học mà Nho Gia đem ra giảng dạy cho người ta.”

Đời Hán, sử gia Tư Mã Thiên 司馬遷 (145-86 trước Công Nguyên) cho rằng Đức Khổng Tử soạn bộ kinh này:

“Khổng Tử dựa vào sử ký mà soạn bộ *Xuân Thu*, chép từ

đời vua Ân Công (722-712) đến năm 14 đời vua Ai Công (tức năm 481 trước Công Nguyên) của nước Lỗ 魯, gồm mười hai đời vua.”

Và:

“Ý nghĩa của kinh *Xuân Thu* được thi hành thì bọn loạn thần tặc tử phải sợ.” (*Sử Ký*, quyển 47, *Khổng Tử Thế Gia*).

Thế nhưng, hiện nay các học giả đều cho rằng sáu kinh này không phải Đức Khổng Tử trứ tác, ngài chỉ sửa sang tu bổ sáu kinh có sẵn từ trước mà thôi. Sáu kinh ấy vốn là các môn học của giới quý tộc. Đức Khổng Tử là người đầu tiên đem sáu kinh ấy ra giảng dạy cho thường dân.

Phần đông cho rằng Đức Khổng Tử muốn thực hành chủ nghĩa chính danh nên mới soạn kinh *Xuân Thu*. Đức Mạnh Tử nói Đức Khổng Tử soạn kinh *Xuân Thu* là để cho “loạn thần và tặc tử phải sợ.” (*Mạnh Tử, Đằng Văn Công Hạ*).

Kinh *Xuân Thu* thực chất là sách sử của nước Lỗ, cũng như các sách sử nước khác trong thời Xuân Thu (770-476 trước Công Nguyên). Đức Mạnh Tử nói:

“*Thặng* 乘 của nước Tấn, *Đào Ngột* 檮杌 của nước Sở, và *Xuân Thu* 春秋 của nước Lỗ đều là các sách có cùng tính chất chép sử như nhau. Chủ đề là sự việc của Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, còn văn phong là của sử.” (*Mạnh Tử, Ly Lâu Hạ*).

Các vua nước Lỗ là dòng dõi của Chu Công và Lỗ là nước có lễ nghĩa, có lễ thể mà kinh *Xuân Thu* của nước Lỗ chân thực hơn các bộ sử của các nước khác. Hàn Tuyên Tử sang nước Lỗ, khi xem sách ở quan thái sử,⁽¹⁾ rất chú ý

⁽¹⁾ **Thái sử** 太史: Chức quan chép sử, làm việc tại triều đình.

Xuân Thu của Lỗ. Hoặc có lẽ *Xuân Thu* của Lỗ có chỗ đặc biệt hơn *Thặng* của Tần, *Đào Ngột* của Sở, cho nên trước Đức Khổng Tử đã có người lấy *Xuân Thu* làm sách giáo khoa. Sách *Quốc Ngữ* chép:

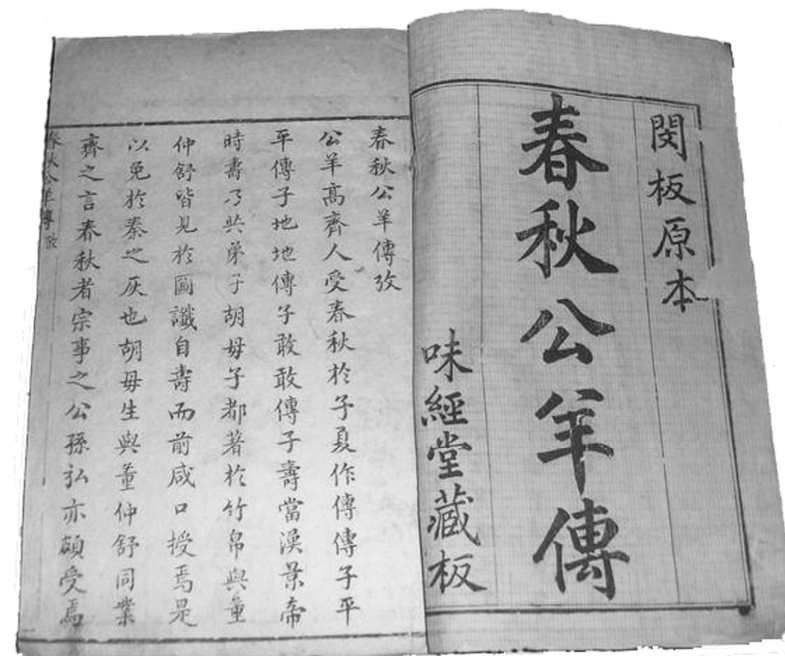
“Sở Trang Vương sai Sĩ Vĩ dạy thái tử Châm. Sĩ Vĩ hỏi ý Thân Thúc Thời, Thời nói: Dạy *Xuân Thu* để khuyến thiện trừng ác và để rắn lòng.” (*Quốc Ngữ*, quyển 17, *Sở Ngữ Thượng*).

Đến đời Hán, Nho học độc tôn, địa vị Đức Khổng Tử và giá trị kinh điển Nho Gia càng được nâng cao. Khoảng năm 136 trước Công Nguyên, Đồng Trọng Thư 董仲舒 (179?-104?) dâng đổi sách lên vua:

“*Xuân Thu* là bộ sách thâm tóm tất cả. Nó là lẽ thường của trời đất, là nghị luận thông suốt xưa nay. Nay các thầy có đạo khác nhau, mọi người ngôn luận khác nhau, trăm nhà khác nẻo, ý chỉ bất đồng. Vì vậy trên không có người giữ mỗi thống nhất, pháp chế thay đổi mấy lần, kẻ dưới không biết đâu mà theo. Cứ ý của ngu thần thì bất cứ khoa gì không thuộc lục kinh, không phải học thuật của Đức Khổng Tử thì cứ diệt chúng đi, không cho bành trướng. Những thuyết tà vạy mà dứt rồi thì mới có thống nhất, pháp độ mới rõ ràng, dân mới biết nên theo về đâu.” (*Tiền Hán Thư*, quyển 56, *Đồng Trọng Thư Truyện*).

Trong hệ thống kinh điển của Nho Gia, *kinh* vốn cô đọng hàm súc khó hiểu, nên về sau có sách giải thích kinh, gọi là *truyện*. Theo *Hán Thư - Nghệ Văn Chí*, có năm truyện giải thích kinh *Xuân Thu* là:

Tả Thị Truyện 左氏傳,
Công Dương Truyện 公羊傳,



Mẫu bản nguyên bản 閔板原本

Xuân Thu Công Dương Truyện 春秋公羊傳

Vị Kinh Đường tàng bản 味經堂藏版

Bản gốc do Mẫu Tề Cấp 閔齊伋 khắc in năm Thiên Khải đời Minh (tức Minh Hy Tông 熹宗, trị vì 1620-1627).

Cốc Lương Truyện 穀梁傳,
Giáp Thị Truyện 夾氏傳, và
Trâu Thị Truyện 鄒氏傳.

Hai truyện sau đã mất, hiện còn ba truyện trước, gọi là *Xuân Thu Tam Truyện* 春秋三傳.

Tả Thị Truyền 左氏傳 (cũng gọi *Xuân Thu* *Tả Thị Truyền* 春秋左氏傳, *Tả Truyền* 左傳, *Tả Thị Xuân Thu* 左氏春秋) được biên soạn cuối thời Chiến Quốc (475-221 trước Công Nguyên). Soạn giả tương truyền là Tả Khâu Minh 左丘明, nhưng từ đời Đường các học giả đã hoài nghi, không chắc Tả Thị là Tả Khâu Minh.

Công Dương Truyền 公羊傳 (cũng gọi *Xuân Thu Công Dương Truyền* 春秋公羊傳, *Công Dương Xuân Thu* 公羊春秋) tương truyền do Công Dương Cao 公羊高 người nước Tề thời Chiến Quốc biên soạn. Công Dương Cao là học trò của Tử Hạ 子夏 (tức Bốc Thương 卜商) mà Tử Hạ là học trò của Đức Khổng Tử.

Cốc Lương Truyền 穀梁傳 (cũng gọi *Xuân Thu Cốc Lương Truyền* 春秋穀梁傳) tương truyền do Cốc Lương Xích 穀梁赤 (còn gọi Cốc Lương Hỷ 穀梁喜, Cốc Lương Thục 穀梁淑), người nước Lỗ thời Chiến Quốc, là học trò của Tử Hạ, biên soạn.

*

Tranh tượng Quan Thánh thường vẽ Quan Vũ ngồi giữa hổ trưởng, tay cầm quyền kinh Xuân Thu, bởi vì sinh thời, Quan Vũ thường xuyên đọc kinh Xuân Thu. Ngài giảng cơ tự thuật trong kinh Minh Thánh (đời nhà Thanh):

Ta thường đọc kinh Xuân Thu, ấu thơ xem sách của Khổng Tử và Mạnh Tử, chỉ lấy hiếu để làm đầu, lấy sửa mình giúp nước làm gốc.

Kinh Bình Minh Đệ Nhứt (Sài Gòn, 1968, tr. 25-26) có nói đến việc Quan Vũ lập chí theo kinh Xuân Thu:

*Bộ Xuân Thu nằm lòng vẹn giữ
Sống phải lo cư xử cho tròn
Đối cùng với nước với non
Sao ra nghĩa khí lòng son một màu.*

Đó cũng là lý do khiến các câu đối ở đền thờ Đức Quan Thánh hay nhắc đến kinh Xuân Thu:

- *Chí tại Xuân Thu, công tại Hán / Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên.*

- *Duy xã tắc, công cao Vũ Mục / Độc Xuân Thu, đức phối Văn Xương.*

- *Khổng Phu Tử, Quan Phu Tử, vạn thế lưỡng Phu Tử / Tu Xuân Thu, độc Xuân Thu, thiên cổ nhất Xuân Thu.*

- *Thanh dạ độc Xuân Thu, nhất điểm đăng quang xán kim cổ / Cô chu phạt Ngô Ngự, thiên thu hạo khí quán càn khôn.⁽²⁾*

LÊ ANH MINH

15-12-2013

Người biết ta cũng chỉ ở kinh Xuân Thu.

Người trách tội ta cũng chỉ ở kinh Xuân Thu.

Tri ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ.

Tội ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ.

知我者, 其惟春秋乎. 罪我者, 其惟春秋乎.

ĐỨC KHỔNG TỬ

⁽²⁾ Huệ Khải, *Quan Thánh Xưa Và Nay*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 13-14. Quyển 59 trong Chương Trình Ấn Tống.

NÂNG CAO Ý THỨC TU HỌC CỦA NỮ PHÁI

CÁT TƯỜNG

Trong những lần Hội Thánh Truyền Giáo mình có lễ lớn, chị em bạn đạo các nơi tụ hội về Trung Hưng Bửu Tòa, hề gặp nhau lại hay xúm xít hàn huyên, tâm sự nhiều điều. Có lần, một chị từ họ đạo L.B. kể với tôi, giọng bức xúc. Đại để thế này:

Chị cất công ra quầy sách của Ban Kinh Hộ ở Hội Thánh mình thỉnh một số kinh sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo và đem về một dòng tu nữ của Hội Thánh mình để giới thiệu nữ phái trau dồi, nâng cao trình độ giáo lý... Nhưng có vài chị nữ tu lắc đầu bảo: “Đạo Thầy chuộng học trò dốt chớ không cần học nhiều. Học nhiều thì hay ỷ giỏi chữ giỏi nghĩa rồi canh cái mất chơn truyền. Cứ tu dốt cũng về với Thầy Mẹ. Bằng cứ hỏi mới truyền đạo ra Trung, Thầy tuyển chọn các môn đệ là thiếu niên nhỏ tuổi, học hành đâu có bao nhiêu, thế mà ngày nay vẫn lập thành Hội Thánh lớn đó! Không thấy sao?”

Tôi nghe kể cũng muốn... bức xúc như chị bạn nọ, nhưng lòng vẫn mong rằng ý kiến đó chỉ là cá biệt của một vài người, rất ít ỏi trong hàng ngũ chị em chúng ta.

Nhớ tới chuyện ấy tôi suy nghĩ và thử chia sẻ xem nữ tín đồ chúng mình có cần học không? Học những gì, học ở đâu, học vào thời gian nào?

① Từ ngày khai Đạo đến nay đã gần chín mươi năm, chỉ hơn mười năm nữa là Đại Đạo tròn một trăm tuổi. Một thế kỷ qua đi là có biết bao điều đáng nói.

Về những ứng dụng trong đời sống xã hội, khoa học kỹ thuật đã có sự tiến bộ thần tốc, vượt bậc để phục vụ con người. Máy móc, phương tiện sử dụng cho con người đều là những thành tựu từ công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, y học... Họ miệt mài tìm kiếm những kết quả ngày một tốt hơn ngõ hầu làm cho đời sống con người trên mặt đất ngày càng thoải mái, sống lâu hơn, khỏe mạnh hơn.

Ấy là sự tiến bộ về phương diện vật chất; và để đạt được những điều đó, người ta đều phải tích cực học tập, mở mang sự hiểu biết, giỏi giang trong tính toán mới có thể phát minh, sáng chế những máy móc phương tiện hiện đại phục vụ loài người.

Vai trò của người phụ nữ ngày nay đã có nhiều thay đổi chứ trước đây vẫn còn khiêm tốn lắm. Thế kỷ trước, chị em chúng ta đâu được học hành nhiều, thường chỉ được học nữ công, gia chánh... Nếu chị em nào thuộc hàng danh gia vọng tộc, con nhà khá giả thì được học thêm phần lễ chứ ít được chú trọng chữ nghĩa để mở mang trí tuệ.

Thế thường là vậy, còn nữ tín đồ mình thì sao? Chị em chúng ta đa phần là giới bình dân nên hầu như không được học hành nhiều. Nữ tiên bối Trần Doãn Cơ (sau đắc quả vị Bảo Thọ Thánh Nương) được theo học thầy Huỳnh Ngọc Trác (Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn), đây là một trong mấy trường hợp hiếm hoi.

Thời kỳ mới đưa Đạo về Trung, luôn luôn lo lắng, thương yêu, tội nghiệp cho đám con gái nên Đức Mẹ

thường giảng đàn dạy dỗ nữ phái ráng lo tu học:

“Điều quan trọng là ngày nay *nữ phái thất học*, đành chịu phận quê mùa, kiến thức chưa mở mang, lý tưởng chưa đầy đủ, nghe đâu tin đó, mê tín dị đoan, dễ bị tà ma gạt gẫm. Mẹ đau lòng cho lập NỮ PHÁI LIÊN ĐOÀN và dạy các con có hai điều trước nhất:

- Chị em đoàn kết, thương yêu đùm bọc, nhắc nhở nhau.
- Vận động *chống nạn thất học ở nữ lưu*, hầu sớm dắt nhau lên con đường tân đạo đức.”⁽¹⁾

Đạo mới sơ khai thôi mà Đức Mẹ đã *vận động chống nạn thất học ở nữ lưu*, hướng chị nữ tín đồ chúng ta hôm nay, nền Đạo Kỳ Ba trải qua tám mươi tám năm thì sự học của chị em ta là một yêu cầu càng phải được coi trọng.

“Nhìn lên cao. Học rộng thêm nữa, tìm cách vươn lên cao mãi.” Louis Pasteur (1822-1895). Dù là đời hay đạo, sự học lúc nào cũng cần thiết, không bao giờ là đủ. Từ cổ chí kim, chúng ta thấy rõ cách đối nhân xử thế giữa người hiểu biết (và ngược lại) rất khác biệt nhau, cũng do sự học.

② Chính vì vậy nữ tín đồ chúng ta nhất thiết phải mở mang hiểu biết, để làm gì? và bằng cách nào?

- *Lớp trẻ*: Cần trau dồi văn hóa, chuyên môn để kịp sự tiến hóa của xã hội song song với việc rèn luyện đạo đức của người tín đồ.

- *Lớp trung niên hoặc lớn tuổi hơn*: Chúng ta không còn hoặc ít điều kiện tham gia công việc ngoài đời thì hãy thiên về mặt tinh thần hay tâm linh, tìm hiểu tư tưởng đạo giáo. Điều đó sẽ giúp chúng ta rất nhiều trên đường tu học.

⁽¹⁾ *Hồi Ký Thanh Long*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2007, tr. 399.

Có người nghĩ rằng cần chi phải học cho nhiều, ngày xưa quý tiền bồi có học nhiều đâu mà vẫn đạt phẩm vị khi quy thiên? Cũng có đấy! Nhưng thử hỏi một trăm năm trước và một trăm năm sau, sự tiến hóa xã hội có chịu đứng yên? Những thay đổi không ngừng kéo theo văn hóa, tư tưởng của con người (nhất là lớp trẻ) thay đổi theo chiều hướng mới. Về vấn đề tín ngưỡng tâm linh, họ không dễ tin một cách mù quáng mà thường tìm hiểu kỹ, dựa trên những lý luận tôn giáo vững chắc, đi kèm đức tin. Một số khác còn có sự phản biện, tỏ ra hoài nghi bởi chuyện buồn thần bán thánh đội lốt tôn giáo. Đó là điểm khác biệt rõ ràng của thời nay so với thời kỳ mở Đạo. Chính điều đó làm công cuộc truyền giáo trở nên khó khăn hơn.

Nam mô nhưt nguyện Đại Đạo hoằng khai. Đại Đạo hoằng khai đứng hàng thứ nhất trong Ngũ Nguyên; mà muốn *hoằng khai* thì cần phải làm cho nơn sanh, chúng dân đều biết đến Đạo, biết thánh sở, biết tín đồ Cao Đài, nhất là còn phải biết đến nữ phái – vì nữ chiếm số đông trong hàng ngũ tín đồ.

Vậy, người nữ tín đồ có góp phần làm cho Đại Đạo hoằng khai được không? Chắc chắn được! Ngoài những vị lãnh trách nhiệm trong công tác phổ tế, phước thiện... có diện hoạt động rộng thì nữ tín đồ chúng ta cần chứng tỏ được *đạo hạnh*, *sự hiểu biết* lý Đạo cao siêu, ưu việt của tôn giáo mình cho người ngoại giáo thấy và hiểu, giải thích cặn kẽ những thắc mắc cần giải đáp... Nếu mỗi nữ tín đồ đều làm được vậy thì lo gì cơ Đạo không sớm thành công.

Người xưa nói: *Học ăn, học nói, học gói, học mở*. Ra vậy, cái gì cũng cần phải học. Trong bốn đạo ta, có người nói: Học chi cho nhiều, ý mình giỏi, làm theo ý mình, lần

lần mất chơn truyền của Đạo. Có đúng thế không? Chúng ta cần xem xét kỹ. Thật ra, một người tin Đạo, yêu Thầy thật lòng, một tín đồ chân chính thì dù có tài giỏi bao nhiêu cũng giữ vững Thiên điều, giới luật, không thể đi chệch hướng, làm sai lệch chánh pháp của Đạo Thầy. Ta học những gì thuộc về đạo pháp, giữ vững, đi theo đúng đường lối, tôn chỉ, mục đích Đại Đạo thì chẳng bao giờ mất chơn truyền được. Muốn vậy ta cần:

- *Học và làm theo thánh giáo*: Thánh giáo là một kho tàng khổng lồ chứa biết bao lý Đạo cao siêu, bao nhiêu lời hay ý đẹp mà Thầy Mẹ, chư Phật Tiên Thánh Thần dạy dỗ. Chúng ta cần học, hiểu và hành. Nếu thuộc lòng được bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, để luôn được nhắc nhở, ngăn ngừa mình khỏi làm điều sai trái.

- *Tân Luật, Pháp Chánh Truyền*: Chúng ta cần biết rõ để giữ đúng giới luật, làm đúng các quy định Thiên Liêng đã dạy. Nhờ đó mà giữ mình, phát triển mình trở nên người đạo hạnh, tôn trọng đạo pháp.

- *Kinh sách Đại Đạo*: May mắn vô cùng cho tín đồ chúng ta hôm nay khi nguồn kinh sách nhà Đạo vừa phong phú về nội dung, vừa rất đẹp về hình thức. So với kinh sách nhà Đạo được in xưa nay, thì sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo luôn luôn dùng loại giấy ngoại nhập trắng nhất, tốt nhất. Quan trọng hơn thế nữa là các câu văn, chữ nghĩa rất được chăm chút; lỗi chánh tả hầu như không có, từ ngữ điển tích Đông Tây được giảng giải kỹ càng... Thế mới biết quý huynh tỷ phụ trách Chương Trình đã dày công nhọc trí như thế nào!

Chịu khó đọc kỹ trên bảy mươi quyển do Chương Trình Ấn Tổng thực hiện và đã phát hành rộng khắp, với nhiều

thể loại và chủ đề phong phú khác nhau, chúng ta có dịp lãnh hội những trang thánh ngôn, thánh giáo cao siêu mà thật gần gũi với cuộc đời tu học. Chúng ta biết thêm nhiều gương sáng hy sinh hành đạo của quý tiền bối khả kính để lấy đó làm gương cho mình tu học, vượt qua thử thách. Chúng ta thường thức nhiều mẫu chuyện đạo lý góp nhặt Đông Tây kim cổ để chứng minh cho câu Vạn Giáo Nhứt Lý. Chúng ta cũng được những giây phút rung cảm theo những áng thơ hay và đẹp của đạo hữu Cao Đài để mà vui mừng biết rằng đồng đạo chúng ta đang làm giàu thêm cho văn hóa Cao Đài, góp phần phụng sự văn hóa đạo đức của dân tộc...

Một nguồn sách đạo bổ ích như thế, lại được biếu tặng miễn phí! Nếu chị em chúng ta vì lý do này hay lý do khác mà không trang bị đầy đủ cho tủ sách gia đình, không dành thời gian để đọc kỹ, suy gẫm... há chẳng là uổng phí biết bao! Trí tuệ, kiến thức nữ phái chúng ta làm sao mở mang?

③ Chúng ta sẽ học như thế nào? Ở đâu?

Với những nữ tín đồ có yêu cầu học để chu toàn nhiệm vụ giáo hóa nữ đồ, nâng bậc phẩm vị, thì có Hội Thánh tổ chức những lớp bài bản dài ngày, ngắn ngày: năm năm, ba năm, một tháng, một tuần...

Còn nữ tín đồ cấp thấp hơn hoặc hàng đạo tâm thì rất dễ dàng. Ta có thể học tất cả điều hay ở người chung quanh mình, hoặc rút tỉa điều dở từ họ để bản thân tránh vết xe đổ của họ. Cho nên Đức Khổng Tử dạy: *Ba người cùng đi ắt có người làm thầy ta.* (Luận Ngữ, Thuật Nhi)

Nữ tín đồ chúng ta còn học bằng cách nghe giảng đạo trong những ngày sóc vọng ở thánh thất, thánh tịnh, sinh hoạt Thiên bàn, giáo lý hằng tuần...

Đễ hơn nữa là tự học bằng cách đọc kinh sách. Có thể khi nghỉ ngơi buổi trưa hoặc tối, mỗi ngày ta dành từ ba mươi phút đến một giờ đồng hồ để đọc. Sách in là một thuận lợi với nữ tín đồ chúng ta. Mang theo trong túi xách để tiện dịp thì lấy đọc, bớt đi thói quen nhàn rỗi thì túm tụm “buôn dưa lê” những điều vô bổ mà các cụ chê là ngồi lê đôi mách.

Làm được như thế cũng là thực hành Công Trình trong pháp môn Tam Công. Làm được như thế tức là thi hành đúng lời khuyên dạy của Đức Chí Tôn:

*Theo lối thẳng góp vào chương sự
Bước Công Trình hội dự nữ nam
Thì giờ rồi rảnh con làm
Dạy nhau lập chí lẫn đam đức hiền.*

...

*Bỏ những lúc nhàn dung đôi mách
Dạy từng lời tư cách tiếp giao
Bỏ xa thế lực phú hào
Dạy tôn phẩm vị đặt vào nhơn phong.*

...

*Bỏ khi lêu lổng chiều mai
Dạy nên cần mẫn giới mài điểm linh.⁽²⁾*

Tóm lại, chị em chúng ta hãy dành nhiều thời gian hơn trong việc học hỏi nâng cao hiểu biết về đạo lý, giáo lý; giữ vững đức tin, truyền rao đức tin để công cuộc hoằng dương Đại Đạo sớm được thành công như Thầy Mẹ hằng mong. Đó còn là nghĩa vụ của mỗi tín đồ chúng ta, nhất là nữ phái,

⁽²⁾ *Tam Thừa Chơn Giáo*. Phẩm Tiểu Thừa. Bài Tam Công, đàn 17-8 Canh Tý (07-10-1960).

hãy gắng làm theo lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*Tu đi, phải học lý cho thông
Vạn vật thiên nhiên cũng một dòng
Chỉ tại vô minh mà ám muội
Bao giờ trở lại chốn hư không.⁽³⁾*

Đức Mẹ dạy:

*Tu phải học hiểu qua giáo lý
Giáo lý là kim chỉ hướng nam
Cho con nhập thánh siêu phàm
Khỏi vòng luân chuyển con tầm nhộng tơ.
Học cho hiểu bến bờ mê giác
Học cho thông thiện ác đạo siêu
Học nhiều con sẽ hiểu nhiều
Hiểu hành càng kỹ càng siêu thoát về.⁽⁴⁾*

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nhắc nhở:

“Đạo pháp trường lưu, bao la lớn rộng, nào ai dám nói rằng mình đã hiểu rớt ráo, biết tận cùng, dầu đó là hàng Phật Tiên Thánh Thần, và các bậc ấy vẫn còn đang học đạo kia mà...”⁽⁵⁾

Đó! Phật Tiên Thánh Thần vẫn còn đang học đạo, hà huống là chị em chúng mình!

CÁT TƯỜNG

Thánh thất Trung Thành

⁽³⁾ Thánh tịnh Ngọc Chiếu Đàn, ngày 05-01 Ất Tỵ (06-02-1965).

⁽⁴⁾ Thánh tịnh Kim Thành Long, 18-02 Quý Sửu (22-3-1973).

⁽⁵⁾ Minh Lý Thánh Hội, 01-8 Kỷ Dậu (12-9-1969).

NỖI NHỚ HOA QUÊ

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Tôi quen anh chị trong một cuộc gặp mặt đồng hương Quảng Nam. Vốn cùng quê từ “cấp xã” nên tôi và anh chị thân nhau lắm. Anh chị xem tôi như em út trong nhà, có việc gì cũng nhắc nhe, trao đổi.

Có thể nói, anh chị là những người thành đạt. Anh là tiến sĩ khoa học một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước tại Vũng Tàu. Chị là chuyên viên của Sở Tài Nguyên Và Môi Trường. Anh chị có hai con. Các cháu đều ngoan và học giỏi. Gia đình anh chị sống trong một chung cư cao cấp, tiện nghi không thiếu thứ gì. Một mẫu gia đình trẻ ở thành phố mà nhiều người mơ ước.

Đạo tháng 11 năm ngoái, tôi ghé nhà anh chị chơi. Thấy anh và hai cháu đang lui cui trước khoảnh sân nhỏ xíu trước nhà. Thì ra, anh vừa làm vừa chỉ cho các cháu cách cấy những cây hoa vạn thọ mỏng manh như que tăm sang mấy cái chậu lớn. Nhìn cách anh tỉ mỉ chỉ cho hai con cách làm tơi xốp đất, cách nâng niu khi đặt rễ cây xuống đất ra sao, cách cắm cho cây không gãy đổ, cách tưới nước như thế nào, tôi thâm ngán ngẫm. Ở thành phố biển chật chội này, khoảng sân trước chung cư quý lắm, lại linh kinh chậu to, chậu nhỏ. Mà để tìm một chút đất mùn đâu phải dễ, nói gì đến công chăm chút, gieo giống. Tôi buột miệng:

- Ôi trời! Hoa vạn thọ thì thiếu gì! Góc chợ nào mà chẳng có, lại rẻ như bèo! Thời buổi này, thiếu gì hoa đẹp, lại sang trọng. Hoa Đà Lạt có, hoa ngoại nhập cũng có, đủ cả. Anh trồng làm gì thứ hoa này cho nhọc xác!

Anh lặng thinh, mỉm cười. Đợi công việc xong xuôi, anh mời tôi vào nhà, pha một ấm trà. Đợi trà ngấm, anh rót ra chén mời tôi. Sau vài câu xã giao thời tiết chẳng đâu vào đâu, anh từ tốn nói:

- Cậu ạ, mình xa quê đã hơn hai mươi năm. Chẳng hiểu sao, mỗi lần sắp tết, mình lại bồi hồi nhớ cái màu hoa, cam chẳng ra cam, đỏ chẳng ra đỏ, cái mùi hăng hắc của hoa vạn thọ đến thế. Mình lại quay quắt nhớ đến vuông sân rộng trước nhà ở quê. Cứ mỗi năm, vào khoảng 23 tháng Mười âm lịch, lúc đó không còn những cơn mưa lớn tầm tã nữa. Chỉ còn cái nắng se vàng đầu đông và phơn mưa nhẹ mà mẹ mình gọi là mưa gieo cái. Đó là thời điểm mẹ mình đem cái gói hạt giống hoa vạn thọ được cất kỹ trên giàn bếp từ mùa trước ra gieo, để đúng dịp tết thì trở hoa. Khoảng sân rực thắm trong tiết xuân về. Mẹ mình chọn những cành hoa to nhất, đẹp nhất để dâng lễ chùa và chưng cúng trên bàn thờ ông bà... Cậu biết đấy, quê mình nghèo lắm! Gánh hoa vạn thọ của mẹ rải khắp phiên chợ quê ngày cuối năm cùng với các loại rau củ khác. Giêng hai giáp hạt mà! Mẹ bòn chắt từng đồng còm cõi nuôi mấy anh em mình ăn học. Mình vượt qua mấy năm đại học là nhờ đôi quang gánh hoa của mẹ... Mẹ mình cũng thích hoa này lắm, vì nó gắn bó với mẹ không biết bao nhiêu mùa xuân về!

Trong đôi mắt anh, tôi chợt nhận thấy một vùng xa xăm trong ký ức, đầy yêu thương, khắc khoải. Anh kể tiếp:

- Cậu biết không, chính những cây hoa vạn thọ mà mình đang ươm là hạt giống từ giàn bếp quê nhà, bà nội nâng niu gửi vào bằng đường bưu điện cho các cháu... Mình dạy các cháu cách trồng hoa là dạy cho các cháu biết yêu thương,

biết nhớ về bà nội, biết nhớ về quê hương, gốc gác. Dạy cho các cháu biết yêu quý, trân trọng và thấu hiểu những quãng đời đời gian khó mà mình đã từng trải, để có ý chí vươn lên trong cuộc sống. Các cháu được như ngày hôm nay chính là nhờ những cây hoa vạn thọ, bé xịu, quê mùa này đây, cậu ạ!

Tôi chỉ còn biết lặng người. Thầm xấu hổ và khó chịu vì suy nghĩ bộp chộp của mình. Các con anh thật là hạnh phúc vì đã có cha mẹ như thế, được chăm chút trong tình yêu thương bình dị mà đầm ấm. Hóa ra, niềm an vui và hạnh phúc có được khi ta biết chắt chiu, biết cảm thấu những sự việc dù là nhỏ nhoi trong cuộc sống bằng một cái tâm, cái tình chơn thật. Tôi tin rằng, sau này khi các con anh lớn lên, cái màu hoa vạn thọ của vùng quê thương khó, đầy kỷ niệm ấy sẽ theo suốt cuộc đời. Dù ở đâu, làm gì, chúng vẫn có một nơi chốn vững chắc để nhớ thương, hướng về. Như hoa vạn thọ quê mùa mà bền bỉ, âm thầm dâng hương sắc cho đời, dệt nên mùa xuân quê hương ấm áp tình người...

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Nhớ xuân xưa, khi còn thơ, giao thừa thơm thơm, thơm bông vạn thọ. Bên bàn thờ, khói nhang bay bay, mẹ tôi lâm râm cầu khẩn. Nghe mẹ cầu, khẩn cho năm sau, nhà tôi lúa về tốt mùa, chén cơm ấm lòng. Rồi từng mùa xuân qua rất nhanh. Xuân nay vui hơn xuân nào, đâu còn bóng dáng mẹ tôi. Chiều nay, xuân về muôn sắc hoa tươi, thương sao cây bông vạn thọ. Thương nhiều bóng dáng mẹ tôi.

VÕ THIÊN THANH

Bài hát *Bông Vạn Thọ* (trích)

KHÚC RU TUỔI NĂM MƯỜI

Nắng ơi, xin hãy dịu dàng
Bởi tôi mỏng mảnh như màn sương bay
Đi qua ngày rộng tháng dài
Năm mươi tuổi thấy dở hay cũng mình
Tri tâm cùng với tri thiên
Câu thơ cùng với gạo tiền sống đôi
Một vừa hai phải thì thôi
Bàn tay mệt mỏi giữa đời buông ra
Cái thương cái giận cho qua
Cái còn ở lại: Ta và lặng thinh
Àu ơ, khúc hát ru mình
Buồn vui hóa giải cho thành trẻ thơ
Ngủ ngoan đi nhé, ầu ơ
Hoàng hôn xuống để đón chờ bình minh
Hai màu sợi tóc lung linh
Ngủ ngoan cho trắng viễn trình nhân gian
Gió ơi, xin hãy khẽ khàng
Bởi tôi dễ vỡ như làn sương mai.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

THÁNH GIÁO DẠY VỀ LIÊN TÔN

DI LẠC THIÊN TÔN giảng cõi trần
Chào chư Thiên mạng bọc nguyên nhân
Mừng chung thiện tín hàng tâm đạo
Để nghiệm lời đây đạo đức phân.

. . . Chư môn đồ ơi! Kỳ này là kỳ đại ân xá, ai tu hành cũng có thể được đắc quả vị; mà cũng chính thời kỳ này là thời kỳ hoàng kim, khoa học tiến bước vượt bậc, những chủ thuyết hiện sinh đang tràn ngập thị trường sách báo, những vật chất xa hoa đua đòi thụ hưởng cũng dễ quyến rũ hấp dẫn. Vì vậy, cũng chính thời kỳ này là thời kỳ dễ sa đọa, làm tiêu tán bốn chơn linh, nguyên nhân khó trở lại.

. . . Còn một điều quan trọng nữa sau đây: Tất cả những môn đồ tín hữu hoặc con chiên của Trời, của Phật, của Chúa, v.v... hãy vì lòng đạo mà thương yêu đoàn kết, quây quần với nhau thành một khối vĩ đại để kết tụ một khối tinh thần đạo đức vĩ đại; thường xuyên liên giao thân hữu, thăm viếng để trao đổi học hỏi đạo lý thuần chơn. Hễ đạo đức thắng thì ma vương tà mị thối. Ngược lại, nếu đạo đức còn chia rẽ là đạo đức thối, ắt ma vương tà mị thắng.

Nhớ đạo đức nơi đây có nghĩa là thuần túy tôn giáo. Có thuần túy tôn giáo mới thuận lòng Trời, hợp lòng người, mới mong thế gian được đạo đức bảo tồn trong kỳ hạ nguon mặt kiếp này.

Đức **DI LẠC THIÊN TÔN**

Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Kỷ Dậu (30-8-1969)

VỀ ĐỀN THÁNH

CÁT TƯỜNG

“Về Đền Thánh!” – như âm vọng đâu đây lời mẹ tôi. Bao giờ cũng vậy, người thường bảo: “Về Đền Thánh!” Không đến, không đi, mà là về. “Về Đền Thánh!” Ba từ ấy tự thân đã nói lên được sự linh thiêng, huyền diệu nơi đây.

Hôm nay, ngày mùng chín tháng Giêng – như mọi mùng chín tháng Giêng khác – tôi lại về đây dâng lễ ngày Thánh Đản Đức Chí Tôn.

Khi nhạc tấu Quân Thiên, điệu xàng xê của thời hồng mộng được trỗi, lòng tôi lại rộn lên bao cảm xúc bồi hồi, xốn xang khi nhớ lại thuở nào.

Hội Thánh thành lập bao nhiêu năm là tôi được bấy nhiêu tuổi, ba tôi thường nói vậy, vì tôi chào đời đúng vào dịp khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa. Vinh hạnh thay! Chẳng thế mà khi còn được bế trên tay, tôi đã thường được mẹ bông về Đền Thánh. Quả là Đền, với trí óc non nớt vì còn quá bé, tôi thấy Đền Thánh thật to lớn và đẹp biết bao!

Tôi được thả xuống bên hành lang nữ phái (chắc mẹ mỏi lắm vì phải ẵm tôi trên tay đi bộ suốt quãng đường dài). Mẹ thì thoát gánh nặng, còn tôi lại vô cùng sung sướng: lết tới lết lui, bò lên bò xuống từ đầu này đến títt đầu kia giữa những bóng người áo trắng. Cơ hồ như muốn lau cho nền gạch thêm sạch thêm bóng. (Chẳng trách được, vì nhà tôi lúc bấy giờ chỉ là mái tranh vách đất.)

Nền gạch ca-rô đỏ, trắng lúc ấy mới tinh, tươi đẹp làm sao. Hơn năm mươi năm qua rồi, tôi vẫn nhớ như in cảm giác thích chí khi vừa tuột thoát khỏi vòng tay mẹ để lăn lê

bò toài trên nền gạch Đền Thánh sạch bóng, mát rượi.

Thế nên, đối với tôi, hành lang không chỉ là lối đi mà còn là một kỷ niệm in sâu, khó phai trong đời. Lòng thầm nghĩ: Nếu mai này Đền Thánh được xây mới lại thì sẽ hoành tráng hơn, đẹp đẽ hơn; nhưng với tôi sẽ có nhiều mất mát, đầy nuối tiếc! Khi ấy, dấu vết thời thơ ấu không dễ gì tìm lại được, sẽ mất đi những gì gọi nhớ nhất của những ngày tháng êm đềm.

Giờ đây, tuy đã lăm tuổi, tôi vẫn nhớ và thêm cảm giác như hồi còn bé: được áp mặt dưới nền gạch hành lang nữ phái, để lắng nghe bao lời thiêng liêng lên tiếng trong lòng.

Cũng vậy, từ rất nhỏ tôi đã được nghe nhạc lễ, nên những âm điệu tiếng kèn tiếng trống luôn khắc sâu trong ký ức. Mãi mãi và mãi mãi, một cảm xúc khó diễn tả thành lời, tiếng nhạc Quân Thiên đã dẫn dắt tôi từ lúc bé thơ cho đến tận giờ.

Hai mươi tuổi, tôi ít có điều kiện để gần gũi chùa tháp, nhưng bao giờ tôi cũng cố gắng về Đền Thánh trong những ngày lễ lớn như mùng chín tháng Giêng, rằm tháng Tám, mùng một tháng Sáu âm lịch hằng năm. Đặc biệt, năm nào tôi cũng chụp một tấm hình với Đền Thánh vào ngày đầu năm để đánh dấu được thêm một tuổi: Tuổi đời, tuổi đạo, để thấy mình từ khi bé thơ đến lúc bắt đầu già đi vẫn được lớn lên bên Đền Thánh từng ngày.

Cũng là điều kỳ lạ, không hiểu sao tôi rất thích được chụp hình với Đền Thánh, với tòa Tam Đài đồ sộ đã in vào tâm trí từ những ngày thơ ấu.

Đứng trước nơi này, Trung Hưng Bửu Tòa, lòng tôi lúc nào cũng dạt dào tình cảm. Lòng yêu thương, lẽ hằng sống của Đấng Đại Từ Phụ đã soi sáng, dẫn lối tôi bước đi trên

con đường chánh đạo. Những tâm niệm của tôi, của bạn, của tất cả tín hữu chúng ta là cả suối nguồn yêu thương, dịu dặt cùng nhau đi lên, trên bước đường tìm về Thầy Mẹ.

Tôi, bạn, chúng ta hãy yêu thương nhau thật lòng. Tay trong tay cùng nhau nuôi dưỡng, chặt chiu giữ gìn và xây đắp tô bồi thêm để tình cảm ấy ngày càng nồng nàn gắn bó như lời Thầy Mẹ bao lần dặn dò, dạy bảo.

Tôi yêu Đền Thánh, gắn liền tuổi thơ tôi, bắt đầu từ hành lang nữ phái với những vuông gạch đỏ, trắng xen nhau. Theo thời gian, và từng bước một, tôi yêu những buổi sinh hoạt của ngành Đồng, ngành Thiếu, những buổi học đạo của Thanh Tân Thanh Niên, những lần đi cứu trợ, công tác thiện nguyện... với lòng say mê tràn trề nhiệt huyết của tuổi mới lớn.

Đặc biệt, những buổi dâng lễ, cầu kinh... làm tôi chừng chạc hẳn. Từng lời kinh, thánh giáo như thấm sâu vào hồn và trở thành kim chỉ nam cho đời sống tinh thần tôi. Nhất là khi đọc lịch sử Đại Đạo, lòng tôi nghe quặn thắt nhưng đồng thời cũng bùng lên một niềm tin mãnh liệt và rất đổi tự hào về những bậc Tiền Bối của mình.

Qua những trang sử ấy, đức tin và lòng yêu thương của tôi ngày một lớn hơn, vững vàng hơn, un đúc tinh thần tôi – một tín đồ Đại Đạo – mãi sắt son, giữ trọn lòng thành với Thầy Mẹ thiêng liêng.

Giữa không gian và thời gian đầy huyền diệu linh thiêng của ngày mùng chín tháng Giêng, tôi đã cầu xin và ước mơ. Ước mơ, kỳ vọng vào một tương lai không xa với bao điều tốt đẹp sẽ đến cùng Đại Đạo...

CÁT TUỜNG

TẢN MẠN KINH NGHIỆM TỰ HỌC CHỮ HÁN CỔ

TRẦN VĂN CHÁNH

Chữ Hán từ thế kỷ trước đã trở thành một thứ vốn liếng quý hiếm đối với người Việt.

Ngày nay, phần đông chúng ta học ngoại ngữ chủ yếu để tìm lợi ích vật chất trên đường công danh sự nghiệp. Ấu cũng là lẽ tự nhiên, không nên phê phán.

Tuy nhiên, đối với người học đạo, và đặc biệt đối với người có tâm đạo muốn xiển minh giáo lý Đại Đạo Kỳ Ba, thì chữ Hán quá cần thiết, không thể bỏ qua.

Xưa nay, thánh ngôn thánh giáo hay bị chép sai sót, hiểu lầm và giảng lầm, vốn có nhiều nguyên nhân. Một nguyên nhân không thể phủ nhận, đó là vì người đạo chúng ta thiếu chữ Hán!

Văn Uyên giới thiệu sau đây bài viết của nhà nghiên cứu TRẦN VĂN CHÁNH – một người đã tự học chữ Hán thành công, đã soạn một sổ sách tự học chữ Hán và từ điển Hán Việt. Mong rằng quý đạo hữu quan tâm tới việc tự học chữ Hán sẽ thấy hữu ích.

*

Tôi chọn lối “tản mạn” để không bị ràng buộc phải theo một bố cục chặt chẽ khi trình bày một số vấn đề liên quan. Nói tới học chữ Hán, với một người mới chỉ có ý thích và ý

định thôi nhưng thực tế chưa từng học qua thì tâm lý chung thường dẫn họ đến mấy câu hỏi đầu tiên đại loại như: Chữ Hán với chữ Nho và chữ Nôm có gì giống và khác nhau? Học chữ Hán dễ hay khó? Học chừng bao lâu thì đạt được kết quả như mong muốn? Có thể tự học được không hay bắt buộc phải có thầy dạy?...

Trước hết có thể xác định: Học chữ Hán, nếu là chữ Hán cổ với tính cách là một tử ngữ, học để nghiên cứu, đọc sách, viết hoặc dịch thuật... thì có thể tự học được. Học Hán ngữ hiện đại (tức tiếng phổ thông hay bạch thoại) nếu cũng chỉ nhằm vào những mục đích tương tự như trên mà không nhằm giao dịch bằng lời nói thì cũng có thể tự học. Trái lại, nếu học Hán ngữ hiện đại với tính cách nó là một sinh ngữ dùng để đàm thoại trong giao dịch thông thường hoặc làm ăn mua bán thì thường thường, nếu không muốn nói nhất thiết, phải có thầy dạy, và những lớp dạy Hoa ngữ như vậy hiện nay đang có khắp nơi trong nước, ai muốn học đều có thể ghi danh dễ dàng.

Trước hết, để nói cho người chưa nhập môn, chúng ta nên phân biệt Hán cổ và Hán hiện đại, mà người ta còn gọi là văn ngôn và bạch thoại. Đây là hai thể văn của người Trung Quốc, trong đó bạch thoại còn gọi ngữ thể là thể văn viết theo tiếng nói thực tế ngoài xã hội, còn văn ngôn hay cổ văn (hay Hán cổ) là loại bút ngữ chỉ dùng trong việc biên chép hoặc trứ thuật thời trước. Ngày nay, văn ngôn đã trở thành một tử ngữ chỉ dùng cho việc nghiên cứu văn hóa lịch sử của các triều đại, mà người Trung Quốc nếu không được dạy thêm cũng không thể viết hoặc đọc hiểu. Do vậy, ngay tại đất nguồn, người Trung Quốc cũng phải học cổ văn gần giống như học một ngoại ngữ, hoặc như người Việt

học Hán cổ (chỉ khác về cách phát âm), mới có thể tiếp cận, thường thức được các công trình của tổ tiên họ. Rất nhiều sách dạy cổ văn từ bậc tiểu học đến bậc đại học đã được xuất bản, phổ biến tại Trung Quốc (kể cả lãnh thổ Đài Loan). Hầu hết các sách Hán cổ của họ đều đã được dịch ra và chú giải bằng bạch thoại (Hán ngữ hiện đại), gọi là “ngôn văn đối chiếu”, hoặc “dịch chú”, “đối dịch”, “thông dịch”, “tân dịch” (bản dịch mới)...., giúp thế hệ con cháu đọc hiểu được tư tưởng của tiền nhân trong các sách cổ *Thi Kinh, Luận Ngữ, Lão Tử, Trang Tử, Cổ Văn Quan Chi, Đường Thi Tam Bách Thủ, Tam Tự Kinh, Thiên Tự Văn*... Cũng nhờ vậy mà người Việt Nam chúng ta ngày nay cũng dùng “kế” vào được, điều đó có nghĩa một người thông thạo Trung văn (Hán ngữ hiện đại) mà chưa rành cổ văn cũng có thể tham khảo đọc hiểu được các bản cổ văn đã được chuyển dịch sang bạch thoại.

Văn ngôn tương đương với cái mà chúng ta gọi chữ Nho. Ngày xưa các cụ học chữ Nho là để đọc sách thánh hiền chứ không để nói; khi gặp một người Trung Hoa có học vấn, hai bên có thể “bút đàm” với nhau, như trường hợp cụ Phan Bội Châu thời xưa khi qua gặp Lương Khải Siêu (Trung Quốc) hoặc Khuyển Dưỡng Nghị (Nhật Bản) cũng phải giải quyết trở ngại ngôn ngữ bằng kiểu đó. Đây cũng là khía cạnh độc đáo của chữ Hán cổ, một loại chữ viết – văn viết chứ không để nói, mà thứ chữ đó đầu tiên được cấu tạo bằng các lối tượng hình, hội ý..., không ghi lại theo âm thanh của tiếng nói như trong trường hợp chữ Nôm ghi âm đọc tiếng Việt, hoặc các ký tự Latinh ghi âm đọc của chữ Pháp, chữ quốc ngữ...

Lại nói về chữ Nôm và Hán Nôm. Chúng ta thường gặp

những người đã có trình độ học vấn phổ thông rồi nhưng vẫn chưa phân biệt được chỗ khác nhau giữa chữ Hán với chữ Nôm, và Hán Nôm khác với Hán ngữ nói chung như thế nào. Họ không hiểu rõ chữ Hán là chữ của dân tộc Hán tức người Trung Hoa, được viết bằng những nét “ngoằn ngoèo rối rắm” nhưng trông vào thì có vẻ đẹp hấp dẫn, còn chữ Nôm chính là một loại chữ Việt cổ, mượn nét của chữ Hán và phép cấu tạo hài thanh của nó để ghi thanh âm tiếng Việt, như khi Nguyễn Du làm câu thơ đầu truyện *Kiều Trăm năm trong cõi người ta* 冪辭醜瘳些 thì phải viết toàn chữ Nôm (chữ Việt cổ). Trong khi đó, nếu chữ Hán thì *trăm năm* phải nói *bách niên, bách tuế*... ; *trong* là *trung*; còn *cõi người ta* là *nhân gian, nhân sinh*... chẳng hạn. Câu thơ trên khi Hoàng Dật Cầu (Trung Quốc) chuyển truyện *Kiều* sang chữ Hán, phải dịch là *nhân sinh bất mãn bách* 人生不滿百, là chỉ dịch thoát. Chữ 冪 (*trăm*) trong chữ Nôm được tạo nên bằng chữ 百 (*bách*) ở trên là *trăm* để chỉ ý nghĩa, và chữ 林 (*lâm*) ở dưới để chỉ âm đọc, cũng là một lối chữ hình thanh, có cách cấu tạo tương tự chữ Hán.

Do chữ Nôm cấu tạo bằng những nét và thể thức của chữ Hán nên phải biết chữ Hán kha khá trước rồi mới có thể học qua chữ Nôm được.

Còn Hán Nôm là gì? Hán Nôm thường để gọi gộp chung chữ Hán và chữ Nôm, đồng thời cũng chỉ vào những thư tịch cổ của người Việt Nam viết bằng chữ Hán, như các sách *Khâm Định Việt Sử* (Quốc Sử Quán triều Nguyễn), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh* (Lê Hữu Trác), *Hoạt Nhân Toát Yếu* (Hoàng Đôn Hòa), *Hoàng Việt Văn Tuyển* (Bùi Huy Bích), *Thượng Sĩ Ngữ Lục*, *Thiên Uyển Tập Anh Ngữ Lục* (đời Trần)... hoặc những truyện Nôm, thơ Nôm, văn

cúng viết bằng chữ Nôm..., đều là nằm chung trong kho tàng Hán Nôm của người Việt. Về mặt từ vựng và ngữ pháp, khi người Việt xưa sử dụng chữ Hán (mượn của Trung Quốc) để diễn đạt những vấn đề và sự vật của nước mình, đã phải sáng tạo ra một số từ ngữ mà Trung Quốc không có, như nói *ngưu lao* 牛牢 là trâu bò, *cao* 高 là sào (đơn vị đo ruộng), *tượng phường binh* 象坊兵 là lính giữ voi, *kiên than* 堅炭 là than đá, *nam trân* 南珍 là trái lòng boong..., đều là những từ ngữ không tìm thấy trong bất kỳ từ điển nào của người Trung Quốc. Một số từ Hán Việt hiện đại như *hoa hậu*, *hải phận*... cũng không có trong kho từ vựng của Trung Quốc. Về ngữ pháp, một số hư từ đã được dùng riêng theo lối Việt Nam như *hồ nhi* (sao mà), *tồn như* (còn như)... cũng không thấy trong tiếng Hán chính thức của người Hán.

Còn về ngữ âm, thì người Trung Quốc đọc chữ Hán theo âm của họ (khác nhau tùy theo địa phương), người Việt đọc theo âm Hán Việt, như hai chữ 天地 (trời đất) đọc theo âm Quảng Đông là *thín tì*, theo âm Bắc Kinh là *thí-én tí*, đọc theo âm Hán Việt là *thiên địa*; chữ 三 (ba) âm Quảng Đông đọc *xám*, âm Bắc Kinh đọc *sán*, âm Hán Việt đọc *tam*... Như vậy dù đọc theo âm nào, ở đâu, ai biết chữ nhìn vào chữ 三 (tam) cũng biết ý nghĩa nó là *ba* (số lớn hơn 2, nhỏ hơn 4).

Cách đọc Hán Việt thường được hiểu đơn giản là cách đọc chữ Hán ở Việt Nam, bằng lối đọc riêng của người Việt. Theo các nhà nghiên cứu, cách đọc này bắt nguồn từ hệ thống ngữ âm tiếng Hán thời Đường, cụ thể là Đường âm dạy ở Giao Châu vào khoảng thế kỷ VIII-IX, nhưng dần

dần có sự biến đổi theo quy luật ngữ âm tiếng Việt để trở thành một cách đọc riêng biệt của người Việt...⁽¹⁾

Chữ Hán cổ đọc theo âm Hán Việt (tức chữ Nho) từ khá lâu đã trở thành một từ ngữ nhưng nó vẫn giữ vai trò rất quan trọng vì trong tiếng Việt hiện đại, có đến 50-70 % từ ngữ gốc Hán. Nếu không am hiểu chữ Hán sẽ rất khó hiểu đầy đủ và vận dụng tiếng Việt một cách chính xác, thuần nhĩ. Ngoài ra, để đi sâu nghiên cứu văn hóa – lịch sử cổ của Việt Nam, cũng như để thưởng thức được những danh tác thơ, văn, triết lý của cả Trung Quốc lẫn Việt Nam vốn chứa đựng nhiều tinh hoa tư tưởng phương Đông rất thâm trầm sâu sắc liên quan đến mọi lĩnh vực của đời sống, nếu không biết chữ Hán thì cũng khó đi vào, đừng nói chi thâm nhập. Nói như ông Dương Ngọc Dũng có vẻ khẳng định nhưng không xa sự thật là mấy: “*Đối với người Việt Nam học triết phương Đông đồng nghĩa với học tiếng Tàu mà tiếng Hán cổ thì khó quá. Ngay cả người Trung Quốc còn phải than tiếng Hán cổ là khó hiểu hồ là người Việt... Nếu chỉ cần đọc chơi cho biết thì không nói làm gì chứ thực sự muốn nghiên cứu dài hơi thì không thể không vượt qua khâu học tiếng Hán... Khó thì khó thật nhưng phần thưởng thật là lớn lao, xứng đáng. Không có niềm vui sướng nào lớn hơn khi nhìn thấy qua những nét bút ngoằn ngoèo phức tạp cả một thế giới ý nghĩa từ từ hiện ra. Có lẽ đó chính là niềm thích thú của những người học cổ văn. Đối với kẻ khác đó là một kho tàng bí mật mà chìa khóa đã bị quăng mất, nhưng đối với người am hiểu, kho tàng mở ra với bao nhiêu điều thú vị, những điều mà ngay cả một bản dịch tốt*

⁽¹⁾ Nguyễn Tài Cẩn, *Nguồn Gốc Và Quá Trình Hình Thành Cách Đọc Hán Việt*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1979, tr. 14-15.

nhất cũng chỉ là những tiếp cận nhạt nhẽo không có sức sống, không có linh hồn...”⁽²⁾

Trước năm 1975, ở miền Nam, theo chương trình giáo dục chính quy, chữ Hán cổ được dạy mỗi tuần một giờ ở bậc trung học, nhưng ít có trường nào thực hiện đúng vì thiếu giáo viên và cũng vì ít có giá trị thực dụng hơn so với tiếng Anh, tiếng Pháp, tuy nhiên lúc đó người ta vẫn duy trì ban D là ban cổ ngữ ở cấp thi tú tài I và tú tài II để thí sinh có thể tùy chọn giữa hai môn Hán cổ và cổ ngữ La Tinh. Trên thực tế, chữ Hán chỉ được dạy chính thức ở các khoa Văn, Sử, Triết của bậc đại học (mỗi tuần vài giờ), hoặc trong một lớp chuyên tu Hán Nôm nào đó, và ở một số chùa chiền, còn phần lớn là học trong các sách tự học. Mà những người có cơ may học trong trường lớp, nếu không đeo đuổi tự học thêm thì sau một thời gian bao nhiêu chữ cũng trả lại hết cho thầy, đến đọc một đôi câu đối hoặc dòng chữ Hán trong toa thuốc bắc cũng không hiểu nổi!

Như trên đã nói, chữ Hán cổ hoàn toàn có thể tự học được, mặc dù nếu có thầy dạy thì vẫn tốt hơn. Theo sự hiểu biết của tôi thì một số cụ tiên bối giỏi Hán cổ như Phạm Quỳnh, Đào Duy Anh, Nguyễn Hiến Lê, Phạm Tất Đắc, Phùng Tất Đắc (Lăng Nhân)... đều là những người chủ yếu tự học. Thế hệ bây giờ vẫn tiếp nối có những dịch giả với nhiều công trình nghiên cứu, dịch thuật khá giá trị như Lý Việt Dũng, An Chi (Huệ Thiên, tức Võ Thiện Hoa), Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Duy Chính, Lê Anh Minh, Phạm Hoàng Quân, v.v... đều do tự học mà đạt được

⁽²⁾ *Đường Vào Triết Học*. Nxb Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 58.

những thành tích rất đáng trân trọng.

Trong khoảng 50-60 năm trở lại đây, khi Hán học suy tàn, sách tự học chữ Hán trái lại được xuất bản lần lượt khá nhiều, như một cách để cứu vãn tình thế, còn trước đó nữa thì hầu như không có sách tự học. Truy lại khoảng những năm 40 của thế kỷ trước, chúng ta được biết, ngoài những cuốn như *Nhất Thiên Tự*, *Tam Thiên Tự*, *Ngũ Thiên Tự*, *Minh Tâm Bảo Giám*... được một số dịch giả (có lẽ Trương Vĩnh Ký là người đầu tiên) đem ra phiên âm, dịch nghĩa, còn thì loe hoe chỉ có mấy cuốn đáng gọi “tự học” như:

Hán Tự Tự Học của Nguyễn Xuân Lâm (1942),

Hán Học Tiếp Kính và *Hán Văn Quy Tắc* của Nguyễn Di Luân và Trần Quốc Trinh (cuốn sau, thư viện chùa Huệ Quang mới sưu tầm được),

Hán Văn Tự Học (sau đổi thành *Nho Văn Giáo Khoa Toàn Thư*) của Nguyễn Văn Ba,

Hán Tự Tân Phương của Tạ Quang Phát ...

Để bổ sung, người tự học đôi khi phải tìm thêm những sách dạy, nhất là về ngữ pháp, của một số tác giả người Pháp như Cordier, Margouliès, Wiegner, Ramusat... nhưng phần lớn những sách này đều biên soạn rất sơ sài.

Tại miền Nam trước năm 1975, còn có nhiều sách tự học chữ Hán của một số tác giả khác như Võ Như Nguyệt và Võ Hồng Giao, Lưu Khôn, Nguyễn Khuê, Trần Trọng San, Trần Văn Quế, Huỳnh Minh Đức, Đào Mộng Nam, v.v... Mỗi cuốn đều có ưu khuyết điểm riêng và cuốn nào dùng cũng lợi ích, nhưng riêng tôi thích nhất bộ *Hán Văn* của Trần Trọng San (Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh có tái bản lần thứ nhất năm 1996), chủ yếu lấy các bài khóa từ bộ *Tân*

Quốc Văn của Trung Quốc làm giáo trình, nhưng biên soạn cẩn thận, trình bày sáng sủa ngắn gọn mà có phương pháp, lại có thêm phần văn phạm (ngữ pháp) và văn tuyển. Học hết quyển đó có thể bắt đầu đọc gần hiểu được những sách thông thường viết bằng cổ văn, với điều kiện là phải chịu khó tra thêm những chữ khó chưa biết.

Trong suốt thời gian 50-70 năm, góp thêm vào việc tự học chữ Hán cổ, phải kể đến hai bộ tự / từ điển *Hán Việt Từ Điển* của Đào Duy Anh (1931) và *Hán Việt Tự Điển* của Thiều Chửu (1942). Hai bộ này tuy còn không ít khuyết điểm nhưng đều có công rất lớn cho việc tự học chữ Hán của người Việt Nam trong suốt mấy mươi năm dài. Riêng cuốn của Thiều Chửu, nhờ có số tự nhiều hơn và chứa đựng nhiều từ ngữ Phật Giáo nên được các nhà sư dùng nhiều, đến nay vẫn còn hữu dụng và được biên tập lại cho hợp lý hơn để tái bản nhiều lần.

Nói “Hán học suy tàn”, nhưng càng về sau, sách dạy chữ Hán cả cổ lẫn hiện đại đều xuất hiện mỗi ngày một thêm nhiều, hoặc soạn mới, hoặc được tái bản từ những sách cũ trước đây. Riêng sách tự học Hán cổ, có những sách như *Giáo Trình Hán Văn* của Chu Thiên (do nhóm biên tập Bùi Xuân Trường, Lạc Thiện, và Nguyễn Thịnh thực hiện, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 2002), *Toàn Thư Tự Học Chữ Hán* của Trần Văn Chánh và Lê Anh Minh...; cuốn sau này nhờ biên soạn sau nên gom góp tham khảo được một số ưu điểm của những người đi trước và hiện cũng đang được dùng khá phổ biến. Về ngữ pháp, có những sách của Phạm Tất Đắc, Trần Văn Chánh, và một cuốn gọn hơn, *Ngữ Pháp Hán Văn* của nhà sư Thích Tuệ Dũng dùng thích hợp cho các tu sĩ Phật Giáo. Về hư từ, có những sách của Trần

Thước, Trần Văn Chánh... Riêng về từ điển Hán Việt (không kể của Đào Duy Anh và Thiều Chửu) thì có khá nhiều, người học có thể tự chọn một quyển nào thích hợp cho hoàn cảnh mua sắm và mục đích học tập của mình.

Ai biết tiếng Anh, có thể tìm thêm mấy cuốn sau đây, biên soạn rất tốt:

- J. Brandt, *Introduction to Literary Chinese*. New York: Frederick Ungar Publishing Company.

- Harold Shadick, *A First Course in Literary Chinese*. Ithaca and London: Cornell University Press, 1992.

- Gregory Chiang, *Language of the Dragon*. USA: Cheng and Tsui Company, 1998.

Chuyên về ngữ pháp Hán cổ, nếu có điều kiện, có thể tìm cuốn *Outline of Classical Chinese Grammar* của Edwin G. Pulleyblank, do UBC Press / Vancouver in năm 2000.

- V.v...

Như vậy tính ra, với điều kiện mới bây giờ, người tự học chữ Hán có được thuận lợi hơn những lớp người đi trước đến cả chục lần, ấy là còn chưa kể đến những phương tiện hiện đại (nhất là các sách công cụ, từ điển lớn nhỏ, từ điển chuyên dùng đủ loại...) mà chúng ta có thể truy cập bất cứ giờ phút nào trên internet.

Khi học được một vài trong số những sách đã được giới thiệu trên đây, coi như hết chặng đường đầu, người học tự nhiên sẽ có khả năng tham khảo trực tiếp dần những sách viết bằng chữ Hán xuất bản tại Trung Quốc, và khi đó tha hồ lựa chọn mà chẳng mấy cần phải có ai hướng dẫn, vì nó phong phú vô cùng, hiện có thể tìm được ở hiệu sách Đại Thế Giới (quận 5) hoặc Fahasa Tân Định, và vài hiệu sách

tư nhân nhỏ ở góc Triệu Quang Phục và Nguyễn Trãi trong Chợ Lớn.

Ở giai đoạn này, bạn có thể đọc vài tiểu thuyết chủ yếu viết bằng văn ngôn như *Tam Quốc Chí*, *Thủy Hử*, *Đông Chu Liệt Quốc Chí*... (bán rất nhiều ở mấy hiệu sách tiếng Hoa với giá rẻ) để vừa thưởng thức, vừa tự rèn luyện thêm khả năng đọc hiểu Hán cổ. Cụ Nguyễn Hiến Lê khi tự học chữ Hán đến giai đoạn này, đã ghi lại cảm tưởng của mình trong quyển *Tự Học Một Nhu Cầu Thời Đại*:

“Trước bạn học thấy khó nhọc bao nhiêu, thì bây giờ bạn thấy thú bấy nhiêu. Công của bạn đã được đền bù. Không bao giờ tôi quên được những phút say mê, khi mới biết lôm bôm ít chữ Nho, tôi đọc lời bình phẩm *Tam Quốc Chí* của Thánh Thán: Trời thì rét căm, ngọn đèn thì lù mù mà tới 11 giờ khuya tôi vẫn còn ngồi trước cuốn sách. Tôi tưởng ai học chữ Hán cũng được phần thưởng vô giá ấy.” (Sài Gòn: Nxb Thanh Tân, 1967, tr. 133-134.)

Để có thể tham khảo được sách Trung Quốc, người tự học trước đó cũng nên tự học qua văn bạch thoại, bằng cách tìm hiểu các từ ngữ và ngữ pháp riêng của tiếng Hán hiện đại (khác nhiều với Hán cổ), và như thế trong từ sách cũng không thể thiếu một bộ từ điển tiếng Hán hiện đại đáng tin cậy mà mình có thể lựa chọn thoải mái ở các hiệu sách với giá không cao lắm. Như vậy, để vừa học thêm cổ văn, đọc được các tác phẩm cổ từ Tứ Thư Ngũ Kinh đến bách gia chư tử... thông qua các bản dịch bạch thoại, vừa có thể đọc được sách báo hiện đại của Trung Quốc.

Ngoài ra trong nhà cũng nên có sẵn một số bản dịch tiếng Việt các tác phẩm kinh điển, để vừa đọc vừa học, như *Thi Kinh* (các bản dịch của Tản Đà, Tạ Quang Phát,

Nguyễn Thị Hảo...), *Luận Ngữ* (các bản dịch của Đoàn Trung Còn, Lê Phục Thiện, Nguyễn Hiến Lê...), *Đại Học* (các bản dịch của Đoàn Trung Còn, Tạ Thanh Bạch...), *Trung Dung* (các bản dịch của Đoàn Trung Còn, Phan Khoang, Tạ Thanh Bạch...), *Mạnh Tử* (của Nguyễn Đôn Phục và Nguyễn Hữu Tiến...), *Lão Tử* (các bản dịch của Nghiêm Toản, Nguyễn Duy Cần, Phan Ngọc...), *Đường Thi* (các bản dịch của Tản Đà, Ngô Tất Tố, Trần Trọng Kim, Trần Trọng San, Lê Nguyễn Lưu...), *Cổ Văn* (tức *Cổ Văn Quan Chỉ*, các bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, Hoàng Khôi...), *Sử Ký Tư Mã Thiên* (các bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, Nhữ Thành...). Một số loại sách đặc biệt khó đọc như *Văn Tâm Điều Long* của Lưu Hiệp... thì người đọc nhất thiết phải tham khảo bản dịch sang bạch thoại của Trung Quốc hoặc sang tiếng Việt (như của Nguyễn Thị Hảo), mới có thể hiểu được, vì đối với loại sách này, các học giả phần lớn phải khảo từng câu từng chữ để khám phá các ý nghĩa, chứ không ai đọc ron rớt được.

Ở Trung Quốc, có khá nhiều sách công cụ để tra cứu riêng cho từng thể loại văn cổ, như có những sách tra riêng cho tiểu thuyết, thơ Đường, nhân danh, địa danh... Tự điển, từ điển Hán cổ phổ thông thì nên có ít nhất ba bộ, trước đây thông dụng là *Khang Hi Tự Điển*, *Từ Nguyên*, *Từ Hải*, còn bây giờ có thể chỉ cần *Hán Ngữ Đại Tự Điển*, *Hán Ngữ Đại Từ Điển* và một bộ *Từ Hải* là đủ. Bộ sau cùng vừa có tính ngôn ngữ vừa có tính bách khoa, còn hai quyển đầu tính cho đến hôm nay vẫn là công trình từ thư⁽³⁾ quốc gia lớn nhất của người Trung Quốc, nhưng nếu chưa có nhu cầu gì lớn, có thể chỉ cần mua bản rút gọn hay bản phổ cập (*súc*

⁽³⁾ *Từ thư*: Gộp chung các loại tự điển và từ điển. [Văn Uyển chú]

ấn bản, phổ cập bản) cho rẻ (cách nay mấy năm, giá ở các hiệu sách chừng năm, sáu trăm ngàn).

Muốn đọc được chữ Hán theo lối phiên thiết, nên có bộ *Khang Hi* hoặc *Từ Hải* bản in cũ (vì ấn bản mới, phần chú âm phiên thiết đã bị loại bỏ), nhưng nếu có cơ hội, nên tìm bộ *Vương Lực Cổ Hán Ngữ Tự Điển* (Trung Hoa Thư Cục, 2000), trong đó phần chú âm phiên thiết rất rõ ràng mạch lạc. Về Hán ngữ cận đại, tức những từ ngữ xuất hiện từ khoảng Đường, Tống trở về sau, nên tham khảo quyển *Cận Đại Hán Ngữ Từ Điển* của Tri Thức Xuất Bản Xã in năm 1992, hơi khó tìm, nhưng tôi được biết tại thư viện Tu Viện Huệ Quang hiện có giữ được bản photocopy.

Nên nhớ, mỗi loại sách đều có đặc điểm ngôn ngữ và phong cách diễn đạt riêng, ai “chuyên trị” lĩnh vực nào thì chỉ quen đọc hiểu sành hơn trong lĩnh vực đó. Về Hán cổ mà thuộc Hán Nôm, nên tìm cho được bộ *Cơ Sở Ngữ Văn Hán Nôm* do Lê Trí Viễn chủ biên, gồm bốn tập (Nxb Giáo Dục, 1984-1987), trong đó riêng tập bốn có giới thiệu một số thể loại Hán văn đặc thù như văn bia, thần tích, sắc, luật lệ, bằng, trát, bẩm, biên từ, đơn, văn tự, chúc thư, gia phả, văn cúng... của Việt Nam, mà nếu chỉ học cổ văn thông thường thì chúng ta không thể đọc hiểu chúng một cách chính xác.

Riêng đối với các kinh luận, Phật thư, nó là một loại ngôn ngữ pha trộn giữa Hán cổ với cận đại (một thứ bạch thoại cổ), có pha lẫn nhiều từ phiên âm gốc Phạn ngữ nên đọc ra thấy khác hẳn kinh truyện của Nho gia, đặc biệt là những tập ngữ lục của thiền sư Trung Hoa, Việt Nam. Khác về từ vựng lẫn ngữ pháp, như kiểu cấu trúc *hành thâm* (thay vì *thâm hành*) trong *Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm*

Kinh, như *thị ngã văn* (thay vì *ngã văn như thị*) của hầu hết các kinh... Để đọc hiểu kinh Phật, chúng ta còn nên tham khảo thêm các loại từ điển riêng của Phật Giáo. Ở Việt Nam ngoài quyển của Đoàn Trung Còn thông dụng đã lâu, hiện còn có thêm những quyển mới khác như *Từ Điển Phật Học Hán Việt* của Kim Cương Tử (chủ biên), *Từ Điển Phật Học* của Chân Nguyên và Nguyễn Tường Bách, *Từ Điển Phật Học Huệ Quang* (tám quyển, do Thích Minh Cảnh chủ biên), *Phật Quang Đại Từ Điển* (tám quyển) do Thích Quảng Độ dịch. Hai quyển sau cùng đầy đủ nhất, nhưng chi phí mua hơi cao (đều trên dưới ba triệu đồng). Đặc biệt, nếu muốn đọc hiểu những thư tịch của Thiền Tông, chúng ta nên có thêm bộ *Từ Điển Thiền Tông Hán Việt* do Hân Mẫn và Thích Thông Thiền biên dịch, trong đó chứa đựng rất nhiều đặc ngữ của Thiền Tông, khác hẳn với ngôn ngữ cổ thông thường và cũng không giống với Hán ngữ hiện đại. Ngoài ra, người học khi đã ở trình độ kha khá, có thể tham khảo thêm những kinh điển Phật Giáo của người Trung Quốc dịch ra bạch thoại, trong đó có những lời chú giải khá kỹ cho những chỗ dùng đặc biệt về ngữ nghĩa và ngữ pháp, đại khái như các sách *Phật Giáo Nhập Môn Tam Tự Kinh* (Thượng Hải Cổ Tịch Xuất Bản Xã, 2002), *Phật Học Văn Học Túc Biên* (Thượng Hải Cổ Tịch Xuất Bản Xã, 1999)...

Khi mới “nhập môn” bạn có thể dùng bất cứ loại sách tự học nào như đã kể trên kia. Trong các sách này, các tác giả phần lớn đều giới thiệu qua một số khái niệm và tri thức cơ bản, như sáu phép cấu tạo chữ Hán (gọi là Lục Thư), giới thiệu 214 bộ chữ Hán truyền thống (các từ điển mới về sau đã có cải cách, nên không còn đúng 214 bộ nữa), chữ Hán phồn thể (viết đủ nét) và giản thể (viết rút gọn), cách tra và

đọc chữ Hán trong các loại từ điển (theo bộ, theo số nét, theo tứ giác hiệu mã...), cách viết chữ Hán (theo lối “bút thuận”)... Việc nắm vững sáu phép cấu tạo, cũng như học thuộc từ từ 214 bộ chữ Hán có ý nghĩa rất quan trọng, vì tuy nói chữ Hán “ngồn ngoèo phức tạp” nhưng thật ra chúng cũng có quy củ nhất định. Nếu hiểu được sáu cách cấu tạo và thuộc được dần dần các bộ chữ Hán (trương đương như 214 chữ cái), chúng ta đã nắm được cái chìa khóa đầu tiên để đọc và nhớ được chữ Hán một cách không khó khăn lắm. Ngoài ra ta còn có thể căn cứ vào đó để đoán nghĩa tổng quát cho một số chữ Hán mới gặp. Chẳng hạn đã biết chữ 同 đọc là *đồng* (cùng, cùng nhau), thì có thể đoán ra các chữ 桐, 筒, 銅 cũng đọc *đồng* nhưng chữ thứ nhất viết bộ *mộc* 木 thì có nghĩa liên quan đến cây cối (cây ngô đồng), chữ thứ hai viết bộ *trúc* 竹 nên có nghĩa là cái ống, còn chữ thứ ba viết bộ *kim* 金 nên có thể hiểu là một thứ kim loại có tên đồng (ký hiệu hóa học là Cu). Chữ *tiêm* 尖 (nhọn) cấu tạo theo phép hội ý gồm chữ *đại* dưới, chữ *tiểu* trên, bởi vật gì trên nhỏ dưới lớn tất phải nhọn...

Muốn đọc được những chữ Hán lạ nhưng chưa được ghi trong các từ điển Hán Việt đã xuất bản, ta lại phải học thêm cách đọc phiên thiết, mà tôi đã có dịp trình bày trong bài “Đọc Chữ Hán Bằng Phương Pháp Phiên Thiết” đăng trong tập sách *Suối Nguồn* số 1 (tháng 5-2011).

Đến đây, chúng ta vẫn chưa trả lời hai câu hỏi học chữ Hán dễ hay khó, học chừng bao lâu... là những câu hỏi mà bất kỳ ai đang có ý định học cũng nôn nóng muốn biết.

Ở đây xin mượn kinh nghiệm của nhà văn hóa – học giả Nguyễn Hiến Lê (mà ông tự đánh giá là chỉ có trình độ

thông minh trung bình như phần đông mọi người), kể lại trong cuốn *Tự Học Một Nhu Cầu Thời Đại* mà tôi đã có dẫn trên kia. Ông học trong bốn vụ hè, mỗi vụ chừng một tháng thì đạt được số vốn chừng 1.000 chữ. Rồi học thêm bốn tháng nữa, mỗi ngày ít nhất chín giờ và dụng ngữ học được tăng lên khoảng 3.000 chữ, cộng là 4.000. Lúc đó, nghĩa là sau tám tháng học có gián đoạn, ông đã bắt đầu đọc *Tam Quốc Chí* trong bản chữ Hán được. “*Cuốn này văn rất giản dị, tôi lại biết truyện rồi, mà đọc cũng chỉ hiểu sáu phần mười mà thôi. Vậy một người thông minh trung bình học liên tiếp sáu tháng, mỗi ngày bảy, tám giờ thì thuộc được độ 4.000 tiếng, tạm đủ để đọc những sách Nho thông thường.*”⁽⁴⁾

Theo kinh nghiệm cụ Nguyễn Hiến Lê, nên chia đoạn đường dài ra làm nhiều chặng cho đỡ ngán, chẳng hạn khi chưa biết một chữ Hán nào, nên lập **chặng đầu** (từ ba tới sáu tháng tùy theo thì giờ rảnh), học chừng 1.000 chữ và chút ít ngữ pháp. **Chặng thứ nhì** học thêm 1.500 chữ nữa và nhiều ngữ pháp (cũng từ ba tới sáu tháng vì lúc này học đã dễ hơn trước rồi). Nhưng muốn thông chữ Hán thì còn phải học thêm nhiều nữa, phải nhớ điển tích, thuộc cổ văn và học lối chữ thảo (chữ viết tháu, tức thảo thư). “*Những bạn nào muốn học chữ Nho mà còn do dự hãy mạnh bạo tiến đi! Dù chẳng tới nơi tới chốn thì ít nhất cũng thuộc được ít ngàn chữ thông thường. Một người Việt Nam có học thức không thể thiếu cái gốc chữ Hán ấy được.*”⁽⁵⁾

Tác giả Nguyễn Hiến Lê còn nêu thêm kinh nghiệm

⁽⁴⁾ *Tự Học Một Nhu Cầu Thời Đại*, tr. 125.

⁽⁵⁾ *Tự Học Một Nhu Cầu Thời Đại*, tr. 135.

dùng thẻ để học chữ Hán, mỗi thẻ dùng cho một chữ, như học về chữ 梅 (mai) thì ghi trên thẻ: 梅 và số nét: 11; tên bộ 木 và số nét: 4; cách đọc; những nghĩa của nó; những từ ngữ có chữ mai; những nhận xét riêng về chữ ấy, chẳng hạn nên phân biệt nó với chữ 海, vì cả hai đều có bộ phận chữ 每 (mỗi) ở bên... Khi học được 3.000-4.000 chữ sẽ có được 3.000-4.000 thẻ, nếu sắp lại theo bộ sẽ có một bộ từ điển để dùng riêng, rất thích thú vì đó là kết quả công phu của chính mình...

Ngoài hai kinh nghiệm chia đoạn đường dài ra làm nhiều chặng, và lối học thẻ, ta không thấy học giả Nguyễn Hiến Lê cung cấp kinh nghiệm gì thêm. Tôi đã thử mở một trang diễn đàn trên mạng (*Sachxua.net*) nói về phương pháp học tiếng Hoa thế nào cho có hiệu quả, có hàng chục người tham gia đóng góp ý kiến / kinh nghiệm liên quan chữ Hán cổ, nhưng tựu trung cũng chỉ thấy có mấy kinh nghiệm thông thường như sau (ở đây chỉ xin tóm tắt và lấy ý viết lại cho gọn, mỗi gạch đầu dòng là ý kiến của một người):

- Chịu khó mỗi ngày học một bài trong giáo trình, học cả văn phạm, từ vựng... chịu khó tìm tòi từ nguyên, tại sao nó có nghĩa như vậy, sẽ nhớ được lâu. Học được khoảng 3000 từ thì chịu khó đọc sách tiếng Hoa mỏng mỏng, rồi từ từ dày lên theo số vốn từ mình học được.

- Chuyện nhớ chữ à? Vào trang từ nguyên của Richard Sears, cũng có giải nghĩa nhiều chữ. Cứ kiên nhẫn mỗi ngày mỗi học sẽ dễ. Giống như dậy sớm tập thể dục. Dậy được đã khó. Tập mấy ngày đầu thì rêm mình nhức mẩy. Nhưng theo chừng một hai tháng thì quen.

- Học như thế nào thì hiệu quả, điều đó cũng tùy thuộc

vào năng khiếu và điều kiện của từng người: ① *Khuynh hướng của từng người*: Mỗi người có cách nhớ khác nhau, người thì nhìn và viết hoài sẽ nhớ; người thì phải phân tích tới cội nguồn mới nhớ; có người thích ghi nhớ qua âm thanh, phát âm đi chung với từ thì sẽ nhớ; ② *Hoàn cảnh*: Có người nhờ nhân duyên tốt, gặp được thầy giỏi sách hay, có tiền mua tài liệu hoặc có thời gian rảnh rỗi đi học, có người thì phải mầy mò tự học thiếu những tài liệu hay, không người chỉ dẫn nên bỏ rất nhiều thời gian mà kết quả không cao. Do vậy, phải biết được mình để xác định phương thức hiệu quả nhất.

- Nên học căn bản trước, nắm được sơ sơ về các nguyên tắc của chữ Hán rồi thì cứ ôm Thiệu Chử mà tụng. Có ba điều lưu ý thế này:

- ① *Không nên học thuộc hết 214 bộ*. Học ngoại ngữ nhưng đừng bao giờ có tư tưởng phải học thuộc cái gì. Ngôn ngữ là phải tự nó ngấm vào mình qua quá trình cọ xát, tiếp xúc chứ ép vào đầu nhanh thì nó cũng ra khỏi đầu nhanh. Cụ thể ở đây, chỉ cần nắm được vài chục bộ thủ thường gặp để tra từ điển là đã bao quát được gần hết các chữ cơ bản rồi.

- ② *Cách tụng Thiệu Chử* là chữ nào tiếng Việt mình còn dùng thì học trước. Chính những chữ đó về nghĩa mình cũng đã hiểu sơ sơ rồi, không cần câu nệ từ nguyên nhiều quá. Nên học từ các tác phẩm, tốt nhất là các tác phẩm văn học quen thuộc cho dễ nhớ. Tuy vậy, với đặc thù chữ Hán, nên nắm được nghĩa riêng lẻ và trong tương quan với các chữ khác.

- ③ *Không học theo một giáo trình nào cả* mà cứ thấy chữ Hán ở đâu thì mở xé bằng từ điển. Dù sao nó cũng là một

từ ngữ rồi, không thể giữ cách học như một sinh ngữ với các bài text khi mà khó có thể gặp lại trong cuộc sống. Chính các câu đối, hoành phi, thơ ca ta gặp mới là giáo trình sinh động và hiệu quả nhất.

- Phương pháp phân tích ngữ pháp Hán cổ bằng ký hiệu của Thích Minh Thanh (giảng viên môn Hán cổ tại Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TP.HCM soạn) rất khoa học và dễ hiểu cho người học, quen rồi khi nhìn vào sẽ hiểu không cần phải dùng ký hiệu nữa.

- ① *Tại sao phải học thuộc 214 bộ chữ Hán khi mới nhập môn Hán cổ?* Bộ thủ 部首 là thành phần cốt yếu của từ tiếng Hán, nó đóng vai trò gần như một *bộ chữ cái* trong tiếng Hán. Hầu hết các chữ trong 214 bộ thủ đều là chữ độc thể tự, là những chữ không thể phân tích nhỏ ra được nữa, nếu phân tích ra, các thành phần đều vô nghĩa, vì vậy phải học thuộc bộ thủ.

② *Tại sao phải nhớ?* Để tra tự điển, tra tự điển theo bộ có phần dễ dàng hơn là đếm nét, vì đếm thường hay đếm sai.

③ *Chiết tự giúp nhớ lâu chữ Hán*, đây mới là việc quan trọng. Ví dụ 休 (hưu) có nghĩa là nghỉ ngơi, thì được ghép từ hai chữ *nhân* 人 đứng và *mộc* 木, là việc lấy hình ảnh con người khi làm việc mệt, hoặc đi đường mệt thường tựa vào gốc cây (bộ mộc) để nghỉ, do đó ta có chữ *hưu* là nghỉ; ④ *Đoán nghĩa của chữ*: khi biết bộ thủ thì một cách tương đối ta có thể đoán được chung chung nghĩa của từ, như thấy bộ *thủy* 水 (氵) là biết nghĩa sẽ liên quan đến sông nước, bộ *mộc* 木 liên quan đến cây cối, bộ *tâm* 心 (忄) liên quan đến tình chí, cảm xúc của con người... Chiết tự xảy ra với cả ba

mặt *hình, âm, nghĩa* của chữ Hán, nhưng chủ yếu là ở hai mặt hình và nghĩa. Chẳng hạn: *Ba xe kéo lê lên đường, âm vang như sấm, đó là chữ oanh* 轟. Chữ *oanh* được viết với ba chữ *xa* 車 (xe) và có nghĩa là *tiếng động của nhiều xe cùng chạy* (chiết tự về mặt ý nghĩa)...⁽⁶⁾

- *Thời gian học dài*: Người học chữ Trung Quốc phải mất hai, ba năm mới nhớ được mặt chữ của ba bốn ngàn từ thường dùng; nếu dùng lối tượng thanh thì nhanh và đơn giản hơn; chữ viết phức tạp, nhiều nét: có những chữ trên hai mươi lăm nét. Cái lợi của chữ Trung Hoa cũng hiển nhiên: khi nhớ mặt chữ của một từ thì người học rất khó quên được ý nghĩa của nó, chẳng hạn chữ *an* 安 gồm *nữ* 女 (đàn bà) ở dưới *miên* 宀 (mái nhà) nên có nghĩa là *an ổn*, hoặc chữ *minh* 明 gồm *nhật* 日 (mặt trời) và *nguyệt* 月 (mặt trăng) nên có nghĩa là sáng. Như vậy mỗi từ của Trung Hoa có tính chất sống động hơn từ của phương Tây và vì vậy đọc một bài thơ Trung Hoa viết bằng chữ Hán thì cảm thấy có ý nghĩa hơn, thú vị hơn khi đọc cũng bài thơ đó phiên âm ra chữ quốc ngữ.

Đối với những người chưa biết nhiều về chữ Hán, thì thường có một quan niệm sai lầm là họ cứ tưởng chữ Hán rất khó học. Thật ra không hoàn toàn đúng, nếu so sánh với việc học tiếng Anh, thì chữ Hán dễ học hơn. Lý do thật đơn giản vì người học chữ Hán chỉ cần nhớ được ba ngàn chữ đơn là có thể đọc viết được các loại sách báo hay tạp chí, trong khi người học chữ Anh phải cần phải nhớ đến hơn con số đó nhiều...

- Có lẽ vì món Hán cổ vừa khó, ngữ pháp phiền nhiễu,

⁽⁶⁾ Xem *Phụ Chú* cuối bài. [Văn Uyển chú]

nhất là các bản kinh *Thư, Luận Ngữ, Sở Từ*... nhiều câu, nhiều đoạn phải tự luận, hoặc đối chiếu với văn cảnh phía trên mới hiểu tàm tạm được..., thế nên chẳng có mấy người học được... Theo tôi, cứ cố gắng đọc, đọc không được, không hiểu văn bản thì đem tới hỏi các bậc cao nhân, tiếp đó, bổ túc thêm kiến thức về âm vận, ngôn ngữ lịch sử nữa (để đọc thêm chữ Nôm, nhất là Nôm thế kỷ XVII về trước).

- Đọc các văn bản Hán cổ (văn ngôn) của Trung Quốc như kinh *Thư, Luận Ngữ, Sở Từ*... nên tìm đọc các bản dịch bạch thoại của chúng trước khi đọc chính văn thì sẽ dễ hiểu hơn (vì hầu hết các văn bản Hán cổ của Trung Quốc đều đã được họ chú thích và dịch sang thể bạch thoại). Còn về ngữ pháp văn ngôn, chỉ cần nắm vững bốn hư từ *Chi 之 Hồ 乎 Giả 者 Dã 也* là đủ xài rồi. Nắm vững chúng ta sẽ phân tích được câu, mà đã phân tích được câu thì sẽ hiểu được văn bản, còn mức độ hiểu nhiều hay ít lại còn tùy thuộc vào kiến thức nền của mình!

- Học chữ Hán, ngoại trừ việc chuyên cần, chăm chú viết lách, còn phải cố gắng trau dồi những kiến thức liên ngành như lịch sử, văn học, địa lý, ngoại ngữ, văn hóa – tư tưởng... Bởi tiếng Hán, chữ Hán chỉ là công cụ để từ đó ta hiểu hơn về ngôn ngữ, văn hóa của dân tộc và rộng ra là cả thế giới! Vậy, học chữ Hán cổ nâng cao cũng không thể bỏ qua yếu tố văn hóa Trung Quốc và điển tích Trung Hoa...

Trích dẫn tới đây, tôi tưởng chắc cũng khó thể nêu thêm được một kinh nghiệm mới mẻ nào khác. Phần kinh nghiệm cá nhân tôi, mặc dù chẳng đáng kể ra cho lắm, nhưng thú thật tôi học cũng không có bài bản, không có ghi chép kỹ lưỡng như ông Nguyễn Hiến Lê chỉ dẫn, mà chỉ theo cách “mò đá qua sông” (*mô trước thạch đầu quá hà*),

vừa mò mẫm tiến tới vừa tích lũy kinh nghiệm... Do lúc còn rất trẻ thích văn chương, triết học Trung Quốc, nên vớ được bộ sách nào có chèn chữ Hán trong đó, như sách *Minh Tâm Bảo Giám*, bộ *Nho Giáo* của Trần Trọng Kim, tập *Đường Thi* của Ngô Tất Tố... thì đều để ý nhớ được một số câu chữ Hán có ý nghĩa sâu xa thâm trầm mà mình thích. Sau đó, chừng lớp Đệ Tam (tức lớp 10 bây giờ), tôi học thêm trong vài cuốn sách dạy chữ Hán của người đương thời biên soạn, nhưng không học hẳn cuốn nào, và cũng thiếu tính hệ thống. Trong lúc học, tôi đặc biệt thích môn ngữ pháp, vì sớm nhận ra rằng nếu không am hiểu ngữ pháp và các hư từ Hán cổ (đâu phải chỉ có CHI, HỒ, GIẢ, DÃ) thì khó dịch được chính xác chữ Hán cổ, mới tìm được mấy cuốn như *Văn Ngôn Hư Tự* của Lữ Thúc Tương, *Hư Tự Dụng Pháp Cập Luyện Tập* của Chu Dục Tân, *Cao Đẳng Quốc Văn Pháp* của Dương Thụ Đạt... mua trong các tiệm sách cũ, mới ở Chợ Lớn. Càng đọc (chứ chưa phải học) càng thấy có sự lồi cuốn, tôi mới “liều mạng” tự biên soạn một tập ngữ pháp Hán văn ghi chép tay đầy trên bốn cuốn sổ bìa đen, cộng lại dày chừng 800 trang giấy ca-rô khổ lớn. Cùng khoảng thời gian này, ngày nào tôi cũng vào Thư Viện Quốc Gia Sài Gòn (bây giờ là Thư Viện Tổng Hợp TP.HCM) và Thư Viện Viện Khảo Cổ (bây giờ là Thư Viện Khoa Học Xã Hội TP.HCM) ghi chép các tài liệu chữ Hán và chữ Pháp, biên soạn được một quyển lấy tên *Lịch Sử Tiểu Thuyết Trung Hoa*, được một nhà xuất bản nhận in nhưng sau đó vì thời cuộc mà nhà xuất bản phải dẹp và mất luôn bản thảo. Riêng bản thảo về ngữ pháp mãi đến hơn mười năm sau mới được chỉnh lý lại để xuất bản thành cuốn *Sơ Lược Ngữ Pháp Hán Văn* (Nxb TP.HCM), là một trong những sách ngữ pháp Hán cổ còn rất hiếm hoi ở Việt

Nam trong những năm 80 của thế kỷ trước. Trước đó một thời gian, do phải sống trong một tình trạng gần như thất nghiệp, tôi rị mọ dịch đại quyền *Lão Tàn Du Ký* của Lưu Ngạc (1850-1910), một trong bốn bộ *kiển trách tiểu thuyết* tức tiểu thuyết hiện thực phê phán nổi tiếng của Trung Quốc (giai đoạn cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20), mà trong tay chỉ có vốn vẹn hai quyển từ / tự điển của Đào Duy Anh và của Thiều Chửu (và dường như còn có thêm bộ *Từ Vị* của Đài Loan xuất bản nữa, và một bản dịch tiếng Pháp của nhà Gallimard xuất bản dưới sự bảo trợ của UNESCO). Đến năm 1989 thì sách này mới được xuất bản. Tôi dịch không hay, mà bây giờ gần như cũng đã quên đi, nếu đọc lại chắc chắn sẽ thấy có một số chỗ sai sót đáng tiếc, nhưng phải nhận rằng sau lần dịch đó, số dụng ngữ thủ đắc được đã tăng tiến lên khá nhiều. Vậy nếu nói kinh nghiệm, thì kinh nghiệm của tôi là không đợi phải chín muồi rồi mới bắt tay biên soạn, dịch thuật, mà làm ngay như thể một cách tự ra bài tập cho mình làm, làm đến đâu học thêm đến đó. Giờ đây, được biết có một số bạn đồng thanh khí của tôi cũng tiến bộ được bằng con đường tương tự như thế. Điều này quả đúng với lời khuyên của cố học giả Nguyễn Hiến Lê, cũng là tên một chương trong quyển *Tự Học...* của ông: “*Viết sách và dịch sách cũng là một cách để tự học.*”

Tôi tự xét không phải thuộc hạng người thông minh hoặc có ý chí sắt đá. Còn nói kinh nghiệm, thật ra cũng chẳng có hệ thống kinh nghiệm nào cho ra hồn cả, mà dường như chính sự đam mê, từ đó hứng thú, đã dẫn dắt người ta tự tìm lấy con đường học tập thích hợp cho chính mình. Đã có hứng thú thì không còn biết nệ nhọc mệt tìm tòi cho dù thức khuya dậy sớm, từ đó luôn tay tra cứu, *thủ bất thích*

quyển (tay không rời sách), dần dần thâm nhập, thông qua một quá trình khổ học mà không cảm thấy khổ, công phu mà không thấy bỏ sức công phu, để đạt được những kỹ năng mong muốn lúc nào không hay. Và chẳng, kinh nghiệm nếu thật là kinh nghiệm thì cũng khó trao truyền, như câu chuyện “*Độc Sách Cổ*” kể trong *Cổ Học Tinh Hoa* (của Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân), với lời bình của dịch giả: “... *Cái hay nhiều khi miệng không thể nói ra được, bút không thể tả hết được... Những kẻ hay mượn bã giả của cổ nhân để buông ra những học thuyết đông dài làm ra sách vở để dạy đời, ta tưởng cũng lắm lắm.*”

Nói chung không nên tin có một bí quyết hay “bí kíp” thần thông nào cả. Chỉ có thể khẳng định một kinh nghiệm đúng cho hầu hết mọi người, đó là học bất kỳ môn gì cũng nên bắt đầu từ lúc còn trẻ, còn có tinh thần hăng hái. Đợi đến từ quá bốn mươi trở lên nhiệt huyết không còn, trí nhớ cũng suy kém đi nhiều, một chữ tra từ điển đôi khi đến hơn mười lần vẫn không nhớ được!

Trong điều kiện hiện nay, nếu được tiếp cận với một lớp học chuyên tu chữ Hán (như các lớp ở khoa chuyên Văn trường đại học, ở trường cao cấp Phật Học, ở Tu Viện Huệ Quang và một số chùa chiền khác) rồi tự học thêm thì sẽ đỡ vất vả và mau tiến bộ hơn nhiều, vì ít ra cũng có thầy hướng dẫn với sự ràng buộc và chương trình để theo. Nhưng cuối cùng muốn thật sự giỏi thì cũng phải tự học thêm, bằng tất cả mọi phương tiện, mà hiện nay đang rất phong phú so với thời trước. Nên thường xuyên đọc mọi loại sách chữ Hán cổ mình thích, rồi tự tập dịch những bài từ ngắn đến dài, từ dễ đến khó, chỗ nào không biết cứ hỏi người khác giỏi hơn hoặc tra từ điển. Các cuốn sách tra cứu

cũng là ông thầy vì thật ra ông thầy cũng học từ các sách vở mà ra. Điều quan trọng là không câu nệ, cũng không nhất thiết phải có một ông thầy hay cuốn sách nào nhất định, theo lối học rộng mở *vô thường sư chi hữu* của Khổng Tử và *tận tín thư tắc bất như vô thư* của Mạnh Tử. Nếu có ý định dịch thuật thì càng phải đọc sách cho nhiều để tích lũy kiến thức và rèn luyện kỹ năng, ngoài chữ Hán ra phải trau dồi thêm tiếng Việt để luôn cải tiến nghệ thuật diễn đạt, hành văn.

Nói về thời gian cần dành ra, cũng như mức độ thành tựu và những cảnh giới có thể đạt được trong việc học chữ Hán thì nó cũng mênh mông lắm. Học để đọc được sách báo phổ thông hoặc vài đoạn kinh Phật thông thường thì có khác hơn học với trình độ thâm cứu, dịch thuật, trứ tác nghiêm túc.

Nghe kể, có một dịch giả chuyên dịch tiếng Nga, sau tiếng Nga ít dùng, chuyển qua tự học chữ Hán chỉ trong vòng vài tháng, đã dịch được đến một, hai chục tác phẩm chữ Hán. Đó là một sự thật đáng nể. Dịch giả đó hiện nay đã quá cố, chúng ta không hỏi nhưng đoán chắc ông là người thông minh, và học theo cách vừa làm vừa học mới mau được như vậy. Để đạt được những công trình có chất lượng đi vào chiều sâu với những đề tài khó khăn hơn, chắc phải mất thời gian nhiều hơn. Cách nay mấy năm, báo chí phần khởi đưa tin, nhờ sự hỗ trợ của công cụ máy vi tính, người ta có thể dịch trọn bộ Đại Tạng Kinh từ Hán ra Việt chỉ mất khoảng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, nhưng thật ra đây chỉ là một *ảo tượng* phát sinh trong lúc vội vội vàng vàng quá tin tưởng vào sự thần diệu của máy móc. Bởi cứ cho như máy tính lập trình sẵn có thể giúp ta được một

phần bằng cách dịch từng chữ Hán này ra từng chữ Việt kia, thì công tác biên tập lại cho tròn vành rõ nghĩa sao cho vừa dễ hiểu vừa có ý vị văn chương cũng phải mất thời gian thậm chí còn lâu hơn cả lối dịch thủ công cổ truyền nữa, trừ khi máy tính có thể làm thay con người tất cả mọi thứ.

Ốc thực dụng đôi khi tốt nhưng không phải lúc nào cũng tốt cho việc học tập chữ Hán cổ. Bởi vì, ngay trong các kinh sách Hán cổ, nhất là kinh Phật, dường như đã chứa đựng sẵn sự phê phán ốc thực dụng đó rồi. Trong việc học chữ Hán cổ, cần thực học không cần hư danh, bởi nếu chỉ chuyên chú chạy theo hư danh, hoặc quyền lợi đơn thuần vật chất, rất khó đạt được kết quả mỹ mãn, vì tinh thần thiếu sự chuyên nhất, tập trung. Nhưng như vậy cũng có một nghĩa khác có lẽ phải tạm chấp nhận, là bằng con đường học chữ Hán cổ và chữ Nôm, ít ai có thể làm giàu lên được! Nếu chọn được một công việc vừa hợp sở thích vừa tạm đủ ăn qua ngày, như thế đã là may mắn và hạnh phúc lắm rồi. Còn đối với một số nhà sư dịch kinh Phật, thì tính bất vụ lợi lại càng rõ hơn, chỉ cần ăn chay niệm Phật mỗi ngày, các thầy vẫn có thể hoan hỷ làm việc hăng hái được.

Các nhà nghiên cứu ghi nhận chữ Hán có đến khoảng 85.000 đơn tự nhưng số lượng thực tế sử dụng chỉ nằm trong khoảng từ 6.000 đến trên 12.000. Nếu không tính những chữ thuộc loại chuyên dùng thì số chữ được dùng chỉ vào khoảng sáu, bảy ngàn, như vậy nếu siêng học liên tục chừng hai năm có thể nhớ được. Tuy nhiên bề học thì mênh mông, nhiều khi để đọc được một đoạn Hán cổ, người ta phải “khảo” từng chữ chứ không thể đọc như đọc

sách báo thông thường được, và kinh nghiệm thực tế cho thấy lắm khi chỉ một chữ nào đó trong cùng văn bản nào đó mà nhiều nhà chú giải giảng không giống nhau, các từ điển cũng giải khác nhau, không biết ai trúng ai trật, hễ ai có lý thì tạm được đa số chấp nhận. Nhiều từ ngữ đọc mãi không hiểu mà tra hết các sách vẫn không chỗ nào giúp cho ta giải hoặc được. Chính vì vậy mà đức khiêm tốn trong học vấn có lẽ là một thứ đạo đức đáng được đề cao, trong tinh thần càng học càng thấy mình càng kém, và cái đạo của học vấn, nói theo Mạnh Tử, không phải là thứ gì khác, chẳng qua chỉ là để tìm lại cái tâm chất của mình đã bị đánh mất đi mà thôi, tức có nghĩa không để cho mình vì sự tăng trưởng của tri thức mà trở nên ngã mạn, đến bị vong thân, tha hóa, mình không là mình (*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ*). Còn nói theo Lão Tử thì *Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn, tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi* (Theo đường học thì mỗi ngày một tăng thêm, theo đường đạo thì mỗi ngày một giảm đi, giảm rồi lại giảm, cho đến lúc chỉ còn số không). Người ta nói, học chữ Nho cũng là học đạo, để khám phá tiền nhân và soi rọi lại chính mình, nhằm cải thiện cuộc sống chủ yếu về phương diện tâm linh chứ không phải vật chất, có phải là những nghĩa như thế này chăng?

TRẦN VĂN CHÁNH

PHỤ CHÚ: NGƯỜI VIỆT CHIẾT TỰ CHỮ HÁN

Muốn dễ nhớ mặt chữ Hán, người Việt dùng thơ lục bát để chiết tự. Sau đây là một số thí dụ thú vị.

1. Chiết tự chữ **đức** 德 (đức độ):

*Chim chích mà đậu cành tre 𣎵
Thập 十 trên, tứ 四 dưới, nhất 一 đè chữ tâm 心.*

2. Chiết tự chữ **hiếu** 孝 (hiếu thảo): thổ + phiệt + tử.

*Đất thì là đất bùn ao [chữ thổ 土 (đất)]
Ai cắm cây sào sao lại chẳng ngay [bộ phiệt 𠂔]
Con ai mà đứng ở đây [chữ tử 子 (con)]
Đứng thì chẳng đứng, vịn ngay vào sào. [chữ hiếu 孝]*

3. Chiết tự chữ **phu** 夫 (chồng):

*Thương em, anh muốn nên duyên
Sợ e em có chữ thiên 天 trời đầu. [chữ phu 夫]*

4. Chiết tự chữ **tư** 思 (nhớ, nghĩ): điền + tâm.

*Ruộng kia ai cắt lên cao [chữ điền 田 (ruộng)]
Nửa vàng trăng khuyết, ba sao giữa trời. [chữ tâm 心]*

5. Chiết tự chữ **pháp** 法 (phép):

*Hột thóc, hột thóc, phẩy đuôi trê [bộ thủy 氵 (nước)]
Thập 十 trên nhất 一 dưới bẻ què lê 厶. [chữ pháp 法]*

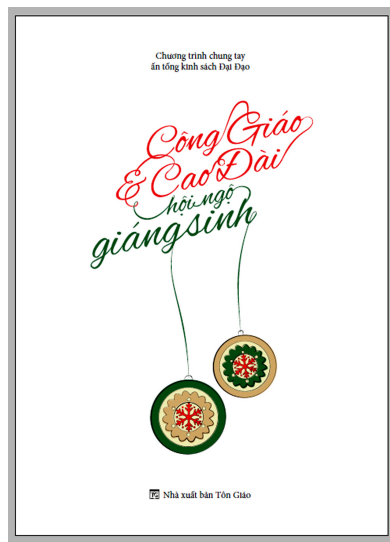
6. Chiết tự chữ **mỹ** 美 (đẹp): dương + đại.

*Con dê ăn cỏ đầu non [chữ dương 羊 (con dê)]
Bị lửa cháy hết không còn chút đuôi. [bỏ chữ đại 大 bên dưới chữ mỹ 美 thì còn chữ dương 羊]*

Trong thánh giáo Cao Đài có lắm khi Ôn Trên giảng cơ xung danh bằng cách chiết tự. Văn Uyên sẽ giới thiệu với quý đạo hữu trong một dịp khác.

[Văn Uyên chú]

Đọc sách: **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI** **HỘI NGỘ GIÁNG SINH**



Kính mừng Giáng Sinh Quý Tỵ (2013), Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo liên kết nhà xuất bản Tôn Giáo (Hà Nội) vừa kịp thời ra mắt quyển sách thứ 70, với nhan đề **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH** (đầy 96 trang 14,5x20,5cm, kèm thêm 4 trang phụ bản màu).

Như nhan đề sách nói rõ, đây là một hiệp tuyển đặc biệt vì gồm hai bài thuyết đạo của hai tín hữu Cao Đài cùng với hai bài thuyết đạo của hai vị linh mục Công Giáo, sắp xếp theo trình tự thời gian:

- *Sống Hiển Vinh Cùng Thiên Chúa* (Đơn Tâm, 1991)
- *Kinh Thánh Tân Ước Qua Góc Nhìn Cao Đài* (Thiện Quang, 1993)
- *Thiên Chúa Ở Cùng Chúng Ta* (Lm Phanxicô Xaviê Bảo Lộc, 2012)
- *Giáng Sinh Hòa Bình* (Lm Giuse Trần Đình Thụy, 2013)

Kể từ thập niên 1960 đến nay, tính ra đã hơn nửa thế kỷ, hàng năm vào sáng ngày 24 tháng 12 dương lịch, thánh thất Bàu Sen đều trân trọng tổ chức đại lễ kính mừng Đức Chúa giáng sinh; vào buổi tối (giờ Tý, 23.00) thì thiết thánh lễ tại chánh điện (trên lầu), sau khi đêm nhạc mừng Giáng Sinh trong khuôn viên thánh thất, có hang đá, có cây thông... của các đạo hữu áo trắng đã khép lại.

Điểm nhấn của cuộc lễ 24-12 hàng năm tại thánh thất là bài thuyết đạo, trước đây thường do tín hữu Cao Đài trình bày. Từ năm 2012 trở đi, thánh thất muốn có “làn gió mới” nên đã mời quý linh mục Công Giáo đến thuyết giảng (và sẽ lần lượt mời thêm các nữ tu Công Giáo đến giảng). “Làn gió mới” này nhằm tích cực hưởng ứng đường lối Công Đồng Vatican II, nhất là hưởng ứng lời mời gọi đối thoại liên tôn khắp hoàn vũ từ Đức Giáo Hoàng Phanxicô – *một cuộc đối thoại liên tôn trong tinh thần xây dựng, tôn trọng xác tín và căn tính tôn giáo của nhau*.

Bởi thế cũng dễ hiểu vì sao thánh lễ Giáng Sinh hàng năm tại thánh thất Bàu Sen luôn luôn có đông khách quý đến từ các nhà thờ, dòng tu, giáo xứ Công Giáo. Những cuộc hội ngộ này thể hiện tinh thần hòa ái giữa hai cộng đồng tín hữu Kitô và Cao Đài càng ngày càng nảy nở, giống như những bông trái mỗi lúc một thêm sum suê tươi tốt. Ban Cai Quản thánh thất nhận định (tr. 7):

“Đây là ơn phước chung cho cả hai đạo. Không có ơn phước này mà chỉ cậy nhờ vào ý phàm trí tục trên thế gian thì chúng ta làm sao đủ sức bắc được nhịp cầu tương tri tương kính, đắp được con đường tương ái tương liên để nối liền con tim Công Giáo với con tim Cao Đài, mang lại sinh khí tu học và hành đạo hăng say trong ý hướng phụng sự

nhân quần xã hội, điểm tô văn hóa đạo đức nước nhà.”

Cầm tập sách xinh xắn trên tay, ngắm trang bìa thanh nhã như tấm thiệp Giáng Sinh, nhìn hai quả châu được cách điệu, chúng ta không chỉ liên tưởng tới trái châu thường dùng trang trí cây thông noël, mà còn nghĩ xa hơn: Mỗi trái châu tượng trưng cho một tôn giáo trong cuộc hội ngộ song phương đầy đạo vị này. Có lẽ ân ý của họa sĩ là như vậy.

Tập sách còn cung cấp khá nhiều ảnh minh họa cho những lần hội ngộ thân thương, hòa ái giữa Công Giáo và Cao Đài. Ảnh đen trắng và ảnh màu, đều là những chứng từ xác định các dấu mốc trên hành trình tìm hiểu nhau, chia sẻ với nhau về đức tin giữa hai cộng đồng tín hữu. Trong đó, đặc biệt hơn cả là hình ảnh Đức Hồng Y G.B. Phạm Minh Mẫn trò chuyện với các đạo hữu Cao Đài trong một buổi cơm chay mừng Giáng Sinh tại Tòa Tổng Giám Mục năm nào.

Đức tin Cao Đài chấp nhận không tranh biện về sự tái lâm của Đức Giêsu trong Tam Kỳ Phổ Độ, qua cơ bút. Người Cao Đài vì thế từ năm 1926 tới nay rất cung kính thờ Chúa Giêsu trên bàn thờ (Thiên Bàn) của mình, và thành tâm tìm học lời Chúa dạy bằng quốc ngữ trong thánh giáo Cao Đài. Khá nhiều thánh thi của Đức Giêsu được dẫn lại trong tập sách chúng ta đang nói tới. Trong đó còn có cả một bài thánh giáo dài được tiếp nhận tại thánh thất Bàu Sen vào giờ Ngộ ngày 24-12-1967.

Hôm ấy, Chúa đến thế gian, cất lời tha thiết (tr. 9):

*Ta đến với một mùa đông đầy gió rét
Để hy sinh cứu rỗi cho nhân loài.
Ta lại đến trong cơn lửa bóng dầu sôi
Để cất tiếng từng hồi gọi đàn chiên lạc lõng*

*Chúa Cứu Thế muôn đời còn mãi sống
Sống muôn đời và sống mãi muôn đời
Việt Nam ơi! Hồng Lạc ơi!
Đấng Thượng Đế, Đức Cao Đài đang ngự trị.*

Đức Chúa gọi dân tộc Việt này là dân tộc được chọn cho sứ vụ mới để thực thi ơn cứu độ Kỳ Ba. Thánh giáo Cao Đài chép lại lời châu tiếng ngọc của Chúa ban trao:

“Hỡi dân tộc được chọn! Hỡi dân tộc được thương yêu!” (tr. 10)

“Hãy xem gương Do Thái, lấy đó làm gương cho chư hiền. Không một phần thưởng nào không ban cho đấng khôn ngoan. Không một trách phạt nào không ban cho đấng phản lại ý thành của Bề Trên.” (tr. 11)

“Kìa, xem quá khứ, hiện tại và tương lai. Có bao giờ Ta ngự trên ngai vàng vua Do Thái. Chính cái ngai vàng David đã vùi chôn về cho David, mà cái tâm tư của nhơn sinh âu vẫn là ngai vàng bất diệt. Hãy noi gương Ta mà hành tròn sứ mạng.” (tr. 12)

“Sứ mạng của kẻ chăn chiên trong mùa đông là canh chừng. Phải hiền từ hơn tất cả kẻ hiền từ. Phải khôn ngoan hơn tất cả kẻ khôn ngoan.” (tr. 13)

“... hãy làm con chiên khôn ngoan hơn là làm người chăn chiên u tối. Giá rét nào không trở lại mùa đông? Sứ mạng nào không trao cho người đã chọn?” (tr. 14)

*

Là một tín hữu Cao Đài, tác giả Đơn Tâm trình bày lý lẽ sống hiền vinh cùng Thiên Chúa như sau:

“Tôn vinh Thiên Chúa chẳng phải chỉ trong ngày vui

Noël hằng năm. Con người thật sự biết tôn vinh Thiên Chúa sau khi giác ngộ rằng nếu không nhờ ánh sáng cứu độ của Ngài thì đời mình sẽ quẩn quanh trong vòng tội lỗi, chẳng biết đường ngay nẻo chánh để quay về nguồn cội vinh quang của mình. Do đó mà người hiểu đạo ngày ngày thăm tạ ơn Thiên Chúa, biết ơn Thượng Đế, và không ngớt tôn vinh Ngài.

Tôn vinh Thiên Chúa cũng chẳng phải chỉ bằng những hình thức lễ bái bề ngoài, mà tôn vinh Thiên Chúa với tâm gần gũi, thương yêu, tôn kính và nguyện xin được đón mừng Chúa ngự nơi tâm mình.” (tr. 20)

Tác giả Đơn Tâm trình bày cách hiểu Phúc Âm qua góc nhìn Cao Đài rất thú vị như sau:

“Kính Thánh chép rằng một hôm Chúa cùng môn đồ đi thuyền trên biển Galilê. Trong khi Chúa ngủ quên thì sóng to gió lớn nổi lên sắp nhận chìm thuyền. Các môn đồ đánh thức Chúa dậy, Chúa bèn giờ tay phán: “Hỡi sóng to, hãy yên lặng!” và quả thật sóng gió lại yên. (Matthêu 8:23-2)

Câu chuyện dụ ngôn (parable) này giúp chúng ta suy nghĩ: Bảo rằng Chúa ngủ quên, nhưng phải tự xét rằng tại chúng ta quên Chúa, để Chúa ngủ quên, mà hễ bỏ quên Chúa, không thường xuyên giữ đường dây thông công liên lạc để trao đổi tín hiệu, báo cáo tiến độ công quả, công trình, công phu, và tình hình cơ đạo cùng Ngài, hễ bỏ quên Ngài thì lập tức tà niệm cùng lục đục thất tình dậy lên, gây sóng gió trong đời sống tâm linh của chúng ta.” (tr. 26)

Cũng vậy, bài của Thiện Quang phản ánh kiến giải của người môn đệ Cao Đài khi học Phúc Âm. Sau khi trích dẫn Matthêu (6:1-4; 6:14-15; 7:1-5), Thiện Quang viết:

“Nhìn theo quan điểm thế nhân, những lời giảng dạy trên đây của Chúa cho phép khẳng định rằng Thiên Chúa Giáo là một tôn giáo nhân bản, bởi vì tôn giáo này không hướng về việc thờ cúng thần linh, mà hướng về việc hoàn hảo hóa con người và xã hội; hơn nữa, thực hiện đường hướng đó bằng một phương cách đầy tình người.” (tr. 33)

Trích dẫn Phúc Âm rất nhiều, lấy đó làm chứng cứ, Thiện Quang xác tín:

“Đức Chúa Giêsu không bảo nhân sanh phải từ bỏ những nhu cầu vật chất thiết yếu trong đời sống thường nhật, cũng không bảo nhân sanh sống ý lại vào Thượng Đế; nhưng nếu con người hoàn toàn không nhận thức được sự an bài của Thượng Đế, thì mọi cố gắng của con người trong cuộc đời trước sau cũng đều hướng vào việc giải quyết những ham muốn về vật chất; và nếu thế thì tư tưởng con người tất yếu phải bị lệ thuộc nhiều vào vật chất.

Vì vậy, Chúa nói về sự an bài của Thượng Đế là để dẫn dắt nhân sanh trở về với đời sống tâm linh. Hơn nữa, Ngài nhấn mạnh đến sự đối lập giữa tính chất giả tạm của cuộc sống vật chất và giá trị vĩnh cửu của cuộc sống tâm linh để từ đó, Ngài chỉ ra con đường tu tâm cho các tín đồ.” (tr. 35)

Nghe người Cao Đài nói về Thầy Giêsu của mình, nói về Đạo Chúa của mình như thế, có lẽ người Kitô hữu sẽ hân hoan nhận ra rằng, khi suy niệm lời Chúa qua Phúc Âm, các đạo hữu Cao Đài đã bày tỏ trọn cả tấm lòng thành kính.

*

Linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc bày tỏ: “Chúa Giêsu là Anh Cả của mọi người và thay mặt đàn em phụng sự

Cha, đồng thời nhân danh Cha dưỡng dục nhân loại theo ý Cha.” (tr. 65).

Khi nghe như vậy thì người Cao Đài lập tức cảm thông, thấu suốt liền tức khắc. Bởi lẽ trong đạo Cao Đài dạy rằng Trời (Ngọc Hoàng) là Cha; còn Phật Tiên, Thánh Thần mỗi khi giáng cơ đều gọi tín đồ là các em (hiền đệ, hiền muội).

Linh mục Giuse Trần Đình Thụy nói:

“Các tôn giáo phải quy về một mối để khỏi xung đột nhau. Quy nguyên, phục nhất không có nghĩa là các tôn giáo sẽ tổng hợp lại thành một tôn giáo mới duy nhất là đạo Cao Đài. Nói như vậy là trái với giáo lý Cao Đài.” (tr. 80)

Rõ ràng vị giáo sư Đại Chúng Viện Thánh Quý (Cần Thơ) đã hiểu đạo Cao Đài rất tường tận và chính xác! Người đạo Cao Đài nào đọc tới đó ắt cũng sung sướng và càng thêm cảm phục tâm hồn rất Đại Đạo của vị học trò Chúa Giêsu.

*

CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH là thể đó, là tình thương chân thật chan hòa giữa hai cộng đồng tôn giáo chung thờ một Đức Chúa Trời theo tín lý riêng của mình, nhưng vẫn gặp nhau ở con tim rộng mở để cùng nhìn nhận Tâm Linh không hề có ranh giới phân chia, không hề mang sắc màu dị biệt.

NGHÊ DỮ LAN

Phú Nhuận, 16-12-2013

LÒNG MẸ

Đã bao năm cửa nhà không khóa
Ngày mở toang, đêm chỉ khép hờ
Mẹ chẳng đành nhìn con đứng đợi
Một phút bên ngoài, biết mấy bơ vơ.

Đã bao năm cửa nhà chẳng đóng
Ngon ngóng con nắng sớm mưa chiều
Gió lùa vào cũng se lòng im lặng
Chạm tuổi già mây trắng đầu hiu.

Đã bao năm cửa nhà vẫn vậy
Chờ con yêu, nào sợ mất gì
Đối với mẹ con là tất cả
Hãy quay về, đừng vĩnh viễn ra đi!

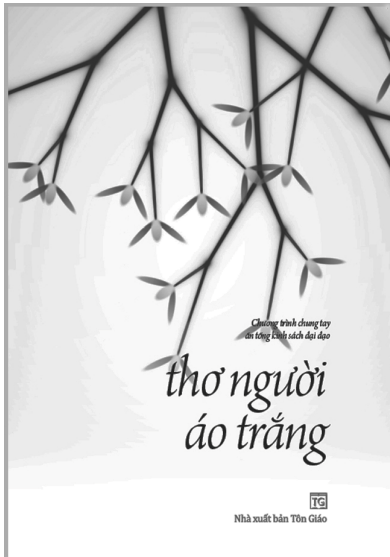
VÕ VĂN PHO

SÔNG

Vượt núi băng rừng về với biển
Trăm nghìn khe suối hóa thành sông
Lúc nương mái đẩy reo đầu sóng
Khi trải lòng ra tươi ngọt đồng
Bến lở bến bồi không để có
Nước ròng nước lớn có rồi không
Đục trong, xin gửi thân muôn tuổi
Nhẹ hẫng thành mây trắng lại nguồn.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

HỒN ĐẠO TRONG THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG



CAO KIM

Bạn trao vào tay tôi hiệp tuyển *Thơ Người Áo Trắng*.⁽¹⁾ Tên thơ giản dị, bìa cũng thật khiêm tốn, chỉ vài nhánh cây mảnh mai điểm những đợt non be bé đơn sơ. Thoạt trông, lòng đã có cảm giác nhẹ nhàng.

Buổi sáng hơi se lạnh, tôi nhẩn nha nhấp ngụm cà phê nóng, ngắm dòng kênh xa xa còn phủ chút mù sương, nhìn những dòng xe cứ lần lượt ào tới rồi lướt đi trước mắt, âm thanh mỗi lúc một hồi hã òn ào hơn. Chung quanh tôi là một không gian động, rất động, nhưng tập thơ của những người áo trắng lại mang đến cho tôi cảm giác tĩnh lặng đến lạ thường.

⁽¹⁾ *Thơ Người Áo Trắng*, hiệp tuyển. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013. Quyển 66-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Có thể mỗi người có một cách riêng để thưởng thức thơ. Phần tôi, không mong tìm những câu thơ “tân kỳ”, những cấu trúc lạ (có khi chúng chỉ làm tôi thêm hoang mang về trình độ thưởng thức thơ của mình!), tôi chỉ đi tìm điều ẩn chứa sau những câu những chữ của bài thơ, tôi tìm hồn thơ! Và tôi đã gặp được những hồn thơ tưởng chừng rất quen, như đã từng nhiều lần chạm mặt thuở còn thông thả đạp xe trên những con đường thênh thang chưa thấy mây ai vội vã.

Lạ sao giữa xã hội náo động hôm nay lại có những câu thơ rất đối thông dong “*trăng đèn, gió quạt..., trà nhấp, thơ ngâm...*”; hóa ra sự thông dong phát xuất từ một hồn thơ đã trải nghiệm đủ để nhận ra hư thực của đời sống:

*Có có không không tuồng thế sự
Thua thua được được chuyện trần gian.*

(*Chữ Nhàn – Đạt Đức*)

Không chấp vào tuồng thế sự, chuyện trần gian nên có nhà thơ xem đời nhẹ tựa cơn gió thoảng:

*Tay không ta đến giữa đời
Buồn vui, mất được, khóc cười... hư không
Một mai cánh gió phiêu bồng
Tay không ta lại thông dong trở về.*

(*Thuyền Thơ Lục Bát – Kim Anh*).

Nhưng không phải ai cũng có được cái tâm an ấy ngay từ buổi đầu tiên nên người đọc vẫn tìm thấy những vần thơ đầy băn khoăn dằn vặt trước khi tìm được đường về với đạo:

*Gối tay ngủ dưới bầu trời
Đất buồn đất trách: Lòng người đa đoan
Trái oan chồng chất trái oan
Đã không chịu trả còn toan xuống đò.
(Giữa Cõi Thực Hư – Trần Dã Sơn)*

*Trót vương vào lối trần tù
Sợi thê sợi tử rối mù quần quanh
Tại mình, nào trách Cao Xanh
Bình tâm ngồi gỡ mối manh buộc ràng.
(Một Thoáng Bụi Phàm – Huyền Chơn)*

*Chưa rảnh rồi ta vẫn về tự hỏi
Ta là ai trong vạn kiếp phù sinh?
Đường thiên lý loanh quanh chùn chân bước
Phút tâm an ta chợt gặp chính mình...
(Hỏi – Nguyễn Quốc Huân)*

Có ung dung tự tại, có khắc khoải giằng co, nhưng trên hết vẫn là cái hồn đạo trong thơ, khiến cho *Thơ Người Áo Trắng* mang một nét đặc trưng riêng, từ ái, nhẹ nhàng của những hồn thơ thấm đạo, như tác giả Huệ Khải đã “*th nghiệm ra*”, đạo không phải là điều gì xa vời cao siêu ở ngoài ta hay trên ta, đạo thấm đẫm trong ta để toát ra bằng hành vi cử chỉ nghĩ suy của người chơn đạo:

*Từ độ người đi tôi nghiệm ra
Đạo không chi cả, chẳng gần xa
Nhưng trong cuộc sống người chơn đạo
Đạo hiện nên hình qua chính ta.
(Nhớ Bác Chơn Thiện Minh – Huệ Khải)*

Cái “*chơn đạo*” ấy, người đọc nhìn thấy bằng bạc suốt những bài thơ trong hiệp tuyển dù không có lời kinh tiếng kệ đi kèm.

Chơn đạo là đây, những câu thơ dịu dàng đầy lòng từ ái:

*Con xin như Mẹ
Thương con chim lạc đàn
Thương con nai ngơ ngác
Thương con hổ hung tàn
Con xin như Mẹ
Yêu cảnh liễu thướt tha
Yêu giọt sương trên lá
Yêu dòng suối chảy qua*

...

(Giọt Tình Thương – Đơn Tâm)

là niềm mong ước thế giới đại đồng:

*Chắp tay nguyện giữa thanh không
Từ bi hoa nở kết vòng yêu thương
Hẹn nhau chung một con đường
Đại đồng thế giới mười phương hòa bình.
(Tâm Ca Áo Trắng – Kim Anh)*

là tâm rung cảm trước những phận người nhỏ nhoi:

*Dòng người vẫn hàng ngày ngược xuôi hối hả
Có ai để ý bên đường
Một dáng ngồi chờ vợ nón lá
Chị nhuộm xanh mặt đất cho bầu trời trong hơn.
(Người Trồng Cỏ Bên Đường
– Nguyễn Quốc Huân)*

là cái tâm không phân biệt của người thấu lẽ Trời:

*Tôi là cây cỏ
Người là hướng dương
Ai đâu thấu tỏ
Cỏ cũng như người.
(Không Đề – Cát Tường)*

hay:

*Không tâm không cảnh đâu trần cấu
Không ngã không nhân chẳng dị đồng.
(Chữ Không – Đạt Đức)*

là ý niệm bình đẳng trong chuyển đồ đời:

*Không có vé hạng xoàng
Không có khoang hạng nhất
Sông rộng chung bờ xa tít
Bình đẳng thời gian
Bình đẳng nắng mưa.
(Qua Phà – Nguyễn Quốc Huân)*

Ngay đến cả những câu thơ lãng mạn trong tuyển tập cũng mang theo đạo vị của người làm thơ.

*Dịu dàng áo trắng chung chiêm
Em về thánh thất tịnh nhiên cõi lòng.
(Tâm Ca Áo Trắng – Kim Anh)*

hay:

*Chân mây nhuộm ánh hoàng hôn đỏ
Ai luyện lò cừ, ngún lửa thiêng?
(Chiều Vĩnh Nguyên – Hàn Ngọc)*

Thử hỏi ngoài kẻ chơn tu, ai có thể nhìn thấy trong ánh hoàng hôn đỏ ngọn lửa thiêng của lò cừ?

Và rồi, đạo đã trở thành cứu cánh giúp người đạt đến tâm bằng an:

*Tạ ơn Thầy âm thầm đưa con tới
Chiếc thuyền từ giữa bể khổ đầy vơi
Thân nghiệp chướng nếu không Thầy soi lối
Con làm sao thành thật biết ơn đời.
(Tạ Ôn – Huệ Khải)*

*Niệm đi ta niệm nhiều lần
Nghiệp duyên giữ sạch xa lằn bến mê
Niệm đi niệm đến ngày về
Không còn oan trái nào nề theo ta.
(Tịnh Niệm – Kim Liên)*

*Xuôi tay xác hóa thi ma
Ích gì ôm lấy cái ta muộn phiền
Chi bằng vun vén tâm điền
Gieo mầm từ huệ định yên thân hồn.
(Một Thoáng Bụi Phàm – Huyền Chơn)*

*Qua ghềnh thác vịn câu kinh
Qua năm tháng vịn công trình, công phu.
(Nơi Trọn Lành – Nguyễn Văn Sanh)*

*Ở về là lịnh Từ Bi
Ở lo quét dọn, về trì chân kinh.
(Dẫn Lòng – Trần Dã Sơn)*

Ngẫm lại, tâm đạo phát ra từ thơ đạo đã quý lại càng quý

hơn trong thời đại đảo điên, lòng người dậy sóng, ít kẻ bình tâm phân biệt giác mê.

Tập thơ xếp lại, vẫn còn nghe lằng lằng thi vị lảng động êm ả của những ý thơ giàu cảm xúc đạo ngay giữa lòng đời. Người đọc như vừa được tưới gáo nước mát lành cho trôi tuột hết cái nắng bụi trần gian. Có phải nhờ vậy, nắng của buổi sáng nay như trong trẻo hơn, dịu dàng hơn mặc cho trên những con đường kia, nhiều người vẫn đang mướt mồ hôi bôn ba theo ảo vọng!

CAO KIM
30-12-2013

VỀ LINH THÁP

Về đây dẫn ngọn cỏ mềm
Cũng vô ưu vọng một niềm Chí Tôn
Đất lành nhuộm máu tim hồng
Hòa chan mây trắng ung dung bốn mùa
Còn nghe hơi thở người xưa
Tay châu, tay sách như vừa đầu đây
Còn nghe danh niệm Cao Đài
Vượt qua sinh tử, tháng ngày, nước non
Còn ngời đức hạnh Chơn Nhơn
Tháp linh xây giữ lòng con Đạo Thầy
Hương lòng một nhánh thơm bay
Dâng lên mưa nắng đất này, Đất Tin!

NGUYỄN QUỐC HUÂN

THIÊN CHÚA LÒNG LÀNH

Trước Thiên Chúa lòng lành, con khề nguyện
Cho nhân gian cội đạo nở đầy hoa
Gió Đông lạnh cuối trời, ai tống tiễn?
Mong Xuân này ấm lại tấm tình Cha!

Trước Thiên Chúa lòng lành, con khề nguyện
Cho nhân gian ít dữ đề nhiều lành
Dừng tay lại, sẽ không còn tương chiến
Xuân hòa bình, quả đất thắm màu xanh.

Trước Thiên Chúa lòng lành, con kính lễ
Cầu liên tôn tín hữu kết chung tâm
Không ngăn cách bởi đôi bờ thánh thể
Bản nhạc Trời giao hưởng những thang âm.

Trước Thiên Chúa lòng lành, con bái tạ
Bởi hồng ân cao cả hiện tin mừng
Mọi cuộc đời đều nhận phần phép lạ
Trọn niềm vui, đang rộng cánh Thiên Thần.

HUYỀN CHƠN

28-01-2014

www.nhipcautamgiao.net

CHUYỆN ‘NHÀ THƯƠNG’

Văn Uyên: Khoảng những năm 60 của thế kỷ trước, chúng tôi còn nghe đồng bào miền Nam nói “đi nhà thương”. *Nhà thương* tức là bệnh viện; đến đó để được thương yêu chăm sóc, chữa trị bệnh tật. Lần hồi cách gọi *nhà thương* bị lãng quên lúc nào chẳng ai hay biết. Còn những năm gần đây, xã hội rộn lên vấn nạn y đức (đạo đức người thầy thuốc, đạo đức bệnh viện)!

Nhưng vui thay, tấm lòng lành của người dân mình vẫn còn đó, vững vàng giữa cơn bão lũ tham dục kim tiền. Đó là sự ra đời của nhiều phòng khám từ thiện – những *nhà thương*, hiểu đúng theo nghĩa của hai chữ *tình thương*.

Trên *Văn Uyên tập Lợi & Trinh* (quý Ba và Bốn năm 2013, tr. 222-223), chúng tôi có nhắc tới Phòng Khám Nhân Đạo Kinh 7 (liên tôn giáo) tại huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, cách TpHCM khoảng 250 cây số. Chúng tôi vừa đọc được bài viết *Phòng Khám Năm Tôn Giáo*, trên báo Thanh Niên Online, bài và ảnh của **TIẾN TRÌNH**.⁽¹⁾ Xin mạn phép nhà báo để đăng lại đây, ngõ hầu quý đạo hữu biết thêm về hoạt động y tế liên tôn này.

Từ ý tưởng của một linh mục, các lương y, tín đồ Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành, Công Giáo cùng nhau góp sức lập nên phòng khám bệnh nhân đạo chẩn trị cho bệnh nhân nghèo.

⁽¹⁾ www.thanhnien.com.vn/pages/20131221/phong-kham-5-ton-giao.aspx; đăng ngày 22-12-2013, lúc 09:05 giờ.

Hơn hai mươi năm qua, đã có hàng trăm ngàn người được chữa trị ở nơi người dân hay gọi là “phòng khám năm tôn giáo” này.

Không phân biệt nhà thờ, chùa chiền. Khá lâu rồi, linh mục Nguyễn Đức Thịnh (78 tuổi) không còn lên sân khấu biểu diễn ảo thuật để mang đến cho bệnh nhân những trận cười nghiêng ngả, quên đi bệnh tật. Hơn hai mươi năm qua, vị lương y - linh mục vui tính này chưa bao giờ vắng lâu đến thế. Nằm bệnh, trong căn phòng nhỏ nơi ít người lui tới cạnh phòng khám, thỉnh thoảng vị linh mục lại hỏi thăm những người qua lại phòng khám về các bệnh nhân, về bếp ăn có đủ gạo để bà con no bụng không.

Hồi đầu tháng 12, vị linh mục mới tới cũng đã đăng “đơn xin gạo” để chuẩn bị cho mùa trở trời, dự kiến sẽ có đông bệnh nhân tới chữa trị. Ở đây, ngoài việc được lo thuốc men, những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn còn được cho gạo, thậm chí cho tiền lộ phí. “Mình phải lo trước, không để những người bệnh tật lại thêm thiếu miếng ăn”, một tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, trông coi bếp cơm từ thiện tại phòng khám, bộc bạch.

Trở lại thời điểm cách nay hơn hai mươi năm, khi linh mục - lương y Nguyễn Đức Thịnh gặp gỡ những thầy thuốc trong vùng bàn về ý tưởng mở một nơi chẩn bệnh, bốc thuốc cho bệnh nhân nghèo. Những thầy thuốc tâm huyết như các ông Hai Hóa, Ba Tài, Sáu Dầu, Sáu Ngon, Hai Lượm... đều rất sẵn sàng với ý tưởng làm phước giúp đời (...) [tuy mỗi người đều theo tín ngưỡng khác nhau].

Linh mục Thịnh bảo: “*Chúng ta làm không phải để phân biệt nhà thờ này hay chùa chiền kia, mà mục tiêu cuối cùng là giúp đỡ người bệnh, bất kể tôn giáo, giàu nghèo.*”



Thấp lên những tia hy vọng. Thế rồi một khu nhà lá năm gian được dựng lên, biệt lập phía sau nhà thờ giáo xứ Thánh Giuse Kinh 7 (huyện Tân Hiệp, Kiên Giang). Hằng ngày, các lương y có uy tín trong vùng lui tới để xem bệnh, châm cứu, bốc thuốc cho người dân địa phương. Tiếng lành đồn xa, bệnh nhân tìm tới cơ sở chữa bệnh ngày càng đông. Năm 1991, cơ sở được Hội Chữ Thập Đỏ huyện Tân Hiệp hỗ trợ nâng lên thành Phòng Khám Nhân Đạo với bảy mươi giường. Nhưng phòng khám nhanh chóng quá tải, bởi mỗi ngày đều có hơn hai trăm lượt bệnh nhân đến điều trị.

Phần lớn bệnh nhân là những người đến điều trị sau tai biến, xương khớp, thần kinh, tim mạch... Nhiều bệnh nhân cố giữ được mạng sống thì kinh tế đã kiệt quệ nên tìm đến đây. Không ít người đã hết hy vọng cứu chữa ở những cơ sở y tế khác cũng được đưa đến để mong thấp lên những tia hy vọng mong manh. Cũng có người mắc phải bệnh tật lâu ngày nhưng không tiền thuốc thang, được các tổ chức từ thiện gửi gắm lại nơi này.

Phòng khám không chỉ khám miễn phí cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, đồng bào dân tộc ít người, mà còn cấp phát gạo nếu bệnh nhân và người nhà không có gạo ăn, cho tiền lộ phí nếu bệnh nhân không có tiền đi lại... Những người có điều kiện hơn thì được chữa trị với mức viện phí chỉ tương đương 10% so với viện phí bên ngoài và đây là nguồn thu chủ yếu để chăm lo lại cho người nghèo.

“Không thể bỏ nhau.” Khi bệnh nhân đến ngày càng đông, nhu cầu đội ngũ thầy thuốc càng nhiều. Bên cạnh các lương y có mặt những ngày đầu tiên khi phòng khám thành lập, đến nay đã có gần bốn mươi y, bác sĩ tình nguyện đến

phục vụ bệnh nhân. Nói tình nguyện là vì họ không nhận lương, mà chỉ hưởng mức hỗ trợ tiền cơm nước, đi lại.

Quẹt mồ hôi trán sau buổi sáng khám cho hàng trăm bệnh nhân, bác sĩ Trịnh Duy Thắng với nụ cười thường trực trên môi, nói: “Ở đây, người ta cần những thầy thuốc như mình lắm.”

Mười năm trước, khi có trong tay tấm bằng bác sĩ, nghe lời giới thiệu của một người quen, anh Thắng đã vác ba lô từ Hà Nội xuôi thẳng tới nơi này, từ chối những lời mời hậu hĩnh để nhận “lương” trên dưới một triệu đồng mỗi tháng. Có người nói anh “gàn”, nhưng anh Thắng nói thời gian dài ở đây càng cho anh thấy chọn lựa của mình là đúng: “Mình theo đạo Công Giáo. Kinh Thánh dạy nên làm điều tốt, giúp đời, giúp người. Nhiều anh em ở đây cũng đã bỏ tiền túi ra phục vụ người bệnh đấy thôi. Không thể nói không có những phòng khám nhân đạo thì người nghèo, người bệnh không biết phải đi đâu..., nhưng có một chỗ như thế này thì cuộc đời bớt đi một phần gánh nặng”.

Thời gian phục vụ ở đây, Thắng nói anh đã gặp rất nhiều bệnh nhân khó khăn cùng cực, những người đã tắt hết hy vọng cũng đã được cứu chữa lành lặn... Không ít lần anh phải xuất những đồng thù lao ít ỏi của mình để tặng cho bệnh nhân.

Cũng vì “đạo nào cũng dạy người ta làm việc thiện giúp người” nên cụ Nguyễn Văn Đậm (80 tuổi), một tín đồ của Phật Giáo Hòa Hảo, từ An Giang sang trông coi bếp ăn từ thiện tại phòng khám đã hơn tám năm nay và “sẽ làm việc này cho đến khi nào không còn sức lực để làm mới thôi”. Cụ Đậm cho hay tuy phòng khám ở vùng hẻo lánh của Kiên Giang, nhưng hằng ngày các tiểu thương ở An Giang

THÁNH THI

Tình nhân loại cũng đồng một khối
Ráng thương nhau, cứu rồi cùng nhau
Con ôi! Cuộc thế khổ đau
Ráng mà điu dặt đồng bào nhứt tâm.

Đức **NGỌC HOÀNG THUẬN ĐỀ**
Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển I, bài 55.

cũng gom góp rau quả gửi sang để phục vụ. Ngoài ra, các tín đồ Công Giáo, Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành... cũng hằng ngày có mặt cùng đội ngũ các y, bác sĩ – người phục vụ cơm nước, người tình nguyện chăm sóc bệnh nhân neo đơn.

Tình người là chất keo kết dính họ lại với nhau. Nói về điều này, linh mục Thịnh có cách lý giải của riêng mình: “Cùng sống chung cộng đồng, chúng tôi không thể bỏ nhau được.”

Trong tờ rơi mô tả hoạt động của Phòng Khám Nhân Đạo Kinh 7, có đoạn: “Về tâm lý, phòng khám có xây dựng một sân khấu và trang bị dàn nhạc đầy đủ để trình diễn văn nghệ... giúp bệnh nhân thư giãn vui cười và quên đi những đau đớn, phiền muộn, góp phần chữa trị nhanh hơn. Linh mục Thịnh hay trình diễn trò ảo thuật quốc tế: Con trai biến thành con gái rất hấp dẫn làm cho bệnh nhân ngạc nhiên và thích thú. Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ là như thế đó.”

TIẾN TRÌNH



VẪN LÀ CHUYỆN ‘NHÀ THƯƠNG’

Văn Uyên: Một chuyện “nhà thương” khác ở huyện Tân Châu, tỉnh An Giang. Xin đăng lại từ trang báo cũ.⁽²⁾

Chuyện lạ ở một phòng khám, chữa bệnh nhân đạo

Nhìn những dãy nhà khang trang với phòng ốc sạch đẹp, chúng tôi cứ ngỡ rằng đây là một bệnh viện do nhà nước đầu tư xây dựng. Thế nhưng, thật bất ngờ khi biết rằng đây là công trình được xây dựng từ hàng ngàn tấm lòng hảo tâm ở [ấp Long An A, thuộc xã Long Phú,] huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, với mục đích hết sức cao quý: khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo trong cả nước.

⁽²⁾ www.thanhnien.com.vn/news1/pages/200651/174872.aspx; đăng ngày 20-12-2006, lúc 21:46 giờ. Bài của **TẤN TỬ**.

Năm 2004, Hội Chữ Thập Đỏ huyện Tân Châu, An Giang nhận thấy trên địa bàn trong và ngoài huyện có quá nhiều đồng bào nghèo mắc bệnh mà không có điều kiện để đi bệnh viện. Sẵn có một số tiền tích lũy sau hơn mười lăm năm hoạt động, Hội Chữ Thập Đỏ Tân Châu quyết định xây một phòng khám bệnh miễn phí có quy mô lớn dành cho người nghèo, những người bệnh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không thể đi xa chữa trị được...

Quá trình xây dựng phòng khám là một câu chuyện hết sức lạ lùng. Sau khi Hội Chữ Thập Đỏ Tân Châu mua được hơn 2.000m² đất ruộng với giá hơn 120 triệu đồng, người dân trong huyện nô nức kéo đến thay nhau làm đê bao, thổi cát, đắp nền cao hơn mặt ruộng cũ đến 1,4m mà không đòi một xu tiền công. Nhà thầu (cũng chính là Phó Ban vận động xây dựng phòng khám nhân đạo) ngoài diện tích nhận xây còn cho xây thêm nhà vệ sinh ở tất cả các phòng, nhiều phòng tắm, bồn nước và cả một nhà ăn tập thể có diện tích trên 100m². Khởi công xây dựng từ ngày 3-10-2004, đến ngày 13-4-2006 đưa vào sử dụng thì chi phí xây dựng và mua sắm thiết bị đã lên đến hơn 1,7 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền đều do sự đóng góp của các nhà hảo tâm và nhân dân trong vùng. Điều lạ là khi chúng tôi hỏi tên những nhà tài trợ (đang có mặt tại phòng khám) thì ai cũng lắc đầu và không chịu cho biết tên.

Thạc sĩ Ngô Thị Thiên Hoa, phụ trách chuyên môn cho biết: “Hiện phòng khám có ba khoa chính. Đó là các khoa: Nhận bệnh và phân loại bệnh, Y học dân tộc và Vật lý trị liệu. Tuy chỉ điều trị bằng đông y, chữa trị các bệnh hậu tai biến, nhức mỏi thấp khớp... nhưng từ ngày mở cửa đến nay, bệnh nhân đến nhiều vô kể...”

Mở sổ khám chữa bệnh, chỉ tính từ tháng 8-2006 đến tháng 11-2006, chúng tôi tính được có đến 7.940 bệnh nhân đến khám và chữa trị, trong đó có 2.429 bệnh nhân đến để châm cứu. Phòng khám đã bốc hơn 50.000 thang thuốc cho bệnh nhân trị giá gần 200 triệu đồng.

Qua tìm hiểu, chúng tôi biết rằng bất cứ bệnh nhân nào, dù nghèo, dù giàu khi vào đây đều được đối xử bình đẳng. Họ được thầy thuốc tận tình chăm sóc, được uống thuốc không tốn tiền, cả bệnh nhân và người nhà khi lưu lại trong những ngày chữa trị đều được nuôi cơm ngày hai bữa miễn phí, từ gạo và tiền mà Hội Chữ Thập Đỏ Tân Châu quyên góp được.

Đã có không ít những ca bệnh khi đến đây trong cảnh thập tử nhất sinh và đã lành bệnh trở về nhà. Như bệnh nhân Nguyễn Thị Lan, ba mươi ba tuổi ở xã Tân An, huyện Tân Châu bị gù lưng do hẹp ống sống, có hội chứng ép tủy dẫn đến liệt hai chân. Đã điều trị một thời gian dài ở nhiều nơi, tiền không còn mà bệnh vẫn không khỏi, tinh thần bệnh nhân suy sụp... Sau hơn ba tháng được các lương y chăm sóc, tinh thần của chị đã ổn định, cơ thể đã hết đau nhức, hiện chị đang ráo riết tập vật lý trị liệu hy vọng hai chân có thể khá hơn.

Không chỉ chữa trị cho người dân trong nước, Phòng Khám Tân Châu còn khám và chữa bệnh miễn phí cho nhiều người dân từ nước bạn Campuchia qua. Ca gần đây nhất là bà Chao Hel, năm mươi tám tuổi. Khi bệnh nhân được đưa sang, do không thể trao đổi bằng lời nói với nhau (vì không biết tiếng Khmer) nên các lương y ở đây chỉ chẩn đoán lâm sàng và đã chữa được bệnh tai biến mạch máu não, liệt nửa người cho bệnh nhân. Ngày về nước, bà Chao

Hel đã ôm chầm lấy các lương y và khóc nức nở thay cho lời cảm ơn...

Để có số lượng lớn thuốc nam dùng trong điều trị, Hội Chữ Thập Đỏ Tân Châu mỗi tháng tổ chức nhiều đoàn đi khắp trong và ngoài tỉnh sưu tầm, hái thuốc. Họ coi việc đi tìm thuốc là công việc từ thiện của mình. Thường những người hăng hái đi tìm cây thuốc là những người đã được Phòng Khám Tân Châu chữa cho lành bệnh.

Chuyện lạ cuối cùng ở Phòng Khám Nhân Đạo Tân Châu mà chúng tôi muốn đề cập, là tập thể ba mươi lương y, nhân viên đang tình nguyện làm việc tại đây. Bên cạnh các lương y giỏi, lớn tuổi, nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp, đa số còn lại rất trẻ và họ tự nguyện không nhận đồng lương nào từ trước đến nay. Lý giải cho việc này, y sĩ Lương Ngọc Trạng, hai mươi tuổi, quê ở Tiền Giang nói: “Tốt nghiệp trung học y tế, nghe tin Phòng Khám Nhân Đạo Tân Châu cần người, tôi liền về đây làm việc. Gia đình tôi không hiểu sao lại rất ủng hộ trong khi nhiều bạn bè tôi lại bảo tôi bị điên. Ai nói gì thì nói, nhưng tôi hiểu được công việc mình đang làm, có thể tôi sẽ gắn bó lâu dài với phòng khám này...”

Còn y tá Trần Trung Phú, hai mươi bốn tuổi, thì nói ngắn gọn: “Bà con đến đây trị bệnh phần đông rất nghèo. Giúp họ lành bệnh. tôi thấy vui và thanh thản. Trước mắt tôi làm không cần phải tính đến lương bổng. Cơm đã có Phòng Khám lo, ở đây có cần chi tiêu gì đâu. Tôi còn trẻ, kiếm tiền lúc nào chả được, làm từ thiện trước đã...”

TÂN TÚ



CHIẾC XE TÌNH THƯƠNG

Ở phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, có anh Võ Văn Phước (bốn mươi sáu tuổi), vừa xuất tiền mua xe, vừa trực tiếp lái xe chở bệnh nhân cấp cứu hay người bị tai nạn giao thông đến bệnh viện miễn phí, bất kể ngày nắng đêm mưa...

Bốn tháng trước, người dân thành phố Cần Thơ ngạc nhiên khi thấy chiếc ô tô nhỏ có dấu chữ thập đỏ và dòng chữ trên xe: *Cấp cứu người bệnh, người bị tai nạn giao thông, đến bệnh viện miễn phí* cùng số điện thoại 0939311858. Chiếc xe sơn màu vàng, trắng, giống xe vận chuyển thư bưu chính, dần dần được mọi người nhớ đến và liên hệ khi có nhu cầu.

Anh Phước, chủ nhân cũng là tài xế trực tiếp. Bất cứ lúc nào nhận được điện thoại nhờ chở người đi cấp cứu, anh

cũng tạm gác mọi việc và nhanh chóng có mặt, hỗ trợ người nhà đưa bệnh nhân đến bệnh viện.

Dáng người cao to, khỏe mạnh, cách nói chuyện bình dân, gần gũi, anh Phước dễ tạo thiện cảm cho những người tiếp xúc. Anh tâm tình: “Tôi biết và gặp nhiều trường hợp người bị tai nạn giao thông hoặc người bệnh nặng... cần kịp thời đưa đến bệnh viện cấp cứu, nhưng do gia cảnh quá nghèo hoặc gặp khó về phương tiện, đến bệnh viện quá trễ nên đã qua đời. Thấy cảnh ngộ đó, tôi xót xa lắm, nên từ lâu ấp ủ dự định sắm chiếc ô tô nhỏ làm xe cứu thương từ thiện để giúp đỡ người bệnh, người gặp nạn trên đường.”

Giữa năm 2013, khi sắp xếp công việc và có điều kiện kinh tế, anh Phước liền bắt tay thực hiện dự định. Anh được cơ quan (Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Huy's Cần Thơ) và nhà hảo tâm Sĩ Mỳ hỗ trợ một phần kinh phí, để mua chiếc ô tô cũ làm xe cứu thương. Đầu tháng 6-2013, anh Phước bắt đầu lái xe giong ruổi các tuyến đường lớn trong nội ô hoặc đậu xe ở các hàng quán, để thu hút sự quan tâm của người dân và in sẵn nhiều danh thiếp phát cho mọi người...

Khi nhận được cuộc gọi nhờ chở bệnh nhân đến bệnh viện, anh lập tức lên xe ngay. Thỉnh thoảng, có trường hợp bệnh nhân xuất viện nhưng sức khỏe còn yếu mà gia đình nghèo, không có điều kiện đi taxi, anh Phước cũng nhiệt tình giúp đỡ. Số cuộc gọi ngày càng tăng lên. Dù nắng hay mưa, dù ngày hay đêm, anh đều cố gắng có mặt, trợ giúp bệnh nhân, người gặp nạn qua cơn ngặt nghèo. Đôi khi, do bận công tác xa hoặc giải quyết việc quan trọng, anh đành từ chối chở người đến bệnh viện, cứ cảm thấy day dứt không yên.

Nhiều trường hợp để lại trong anh ấn tượng khó quên như: xe đang chạy bon bon thẳng tiến đến bệnh viện, người nhà bệnh nhân yêu cầu anh quay về vì người bệnh đã tắt thở. Có khi, đưa bệnh nhân vào phòng cấp cứu xong, vừa quay xe ra khỏi bệnh viện được một lúc, anh nhận được điện thoại của người nhà, nhờ quay lại đưa bệnh nhân về vì đã qua đời.

Anh Phước kể: “Vài trường hợp người bệnh qua đời ở bệnh viện hoặc người sắp tắt thở, gia đình nhờ đưa đến chùa hộ niệm đến khi qua đời gọi điện nhờ tôi chở về nhà vì không có điều kiện thuê xe riêng, tôi cũng nhận lời. Tình cảnh đáng thương như thế, từ chối sao đành, tôi nhận lời giúp đỡ, lòng thấy thanh thản lắm!”

Vì chiếc xe quá nhỏ, việc vận chuyển rất khó khăn, bất tiện. Do đó, gần đây, anh Phước đã bán chiếc xe cũ, bù thêm tiền mua ô tô bảy chỗ loại cũ, rồi tân trang, nâng cấp, làm xe cứu thương.

Hiện nay, anh Phước chỉ nhận chở giúp những trường hợp bệnh nhân ở các quận Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy và huyện Phong Điền. Các nơi khác, anh Phước không nhận chở vì quá xa, nếu lỡ có sơ suất gì sẽ nguy hại tính mạng bệnh nhân.

Bà Ngô Thị Mỹ Nga, Chủ Tịch Hội Chữ Thập Đỏ phường Lê Bình, quận Cái Răng, cho biết: “Hội Chữ Thập Đỏ phường tạo điều kiện để anh Phước gia nhập Hội với tư cách tình nguyện viên. Bên cạnh đó, Hội liên hệ với công an phường cho phép anh đậu bên hông cầu Cái Răng vì hẻm vào nhà anh quá nhỏ, không thể chạy xe vào. Chúng tôi đang có kế hoạch vận động các doanh nghiệp, mạnh thường quân hỗ trợ xăng và trang bị bình oxy để xe cứu

thương của anh Phước hoạt động tốt hơn, có điều kiện giúp đỡ các hoàn cảnh hoạn nạn, thập tử nhất sinh.”

Hiện nay, chi phí xăng dầu, bảo trì, sửa chữa xe do anh Phước đảm trách. Tâm nguyện lớn nhất của anh Phước là được các nhà hảo tâm, mạnh thường quân chung tay hỗ trợ anh duy trì hoạt động xe cứu thương từ thiện. Tất cả đều xuất phát từ tấm lòng thiện nguyện, mong muốn góp chút công sức, làm việc có ích cho đời và giúp đỡ những người khó khăn, bất hạnh.⁽³⁾

LỆ THU

XE TÌNH THƯƠNG Ở ĐỒNG NAI

Mặc dù gia đình chưa được dư dả nhưng cách đây mấy năm, ông Lưu Tiến Dũng (ngụ tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai) đã làm một việc kỳ lạ: Bỏ ra cả đồng tiền mua một chiếc xe hơi chỉ để chở cấp cứu những người bị tai nạn giao thông quanh vùng ông sinh sống.

Nhiều người không biết nhờ đâu mà sau gần hai mươi năm trời chỉ hành nghề xe ôm ở ngay ngã ba trên tuyến quốc lộ 51 ông Dũng lại có tiền mua xe hơi. Ông cười: “Tôi bán lô đất vườn bố mẹ để lại.”

Việc làm cao cả của ông đã và đang mang đến những hiệu quả to tát khi hàng trăm người đã may mắn thoát khỏi tay thần chết nhờ được ông kịp thời chở nhanh đến bệnh viện, và miễn phí.

⁽³⁾ www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=77&id=140897; đăng ngày 22-10-2013, lúc 21:15 giờ.



Thấy người bị tai nạn giao thông tôi thương lắm

Hiện nay, tai nạn giao thông là một vấn nạn trên toàn quốc. Từ những tuyến đường cao tốc cho tới những con hẻm nhỏ ở vùng nông thôn xa xôi đều có thể xảy ra tai nạn nếu người lái xe chỉ một giây mất cầu thả.

Chúng kiến rất nhiều tai nạn giao thông trên tuyến quốc lộ 51 chạy ngang qua nhà, ông Dũng thấy mọi người phần đông chỉ đứng xem, bàn tán. Những chiếc xe chạy ngang qua cũng không chịu dừng để chở giúp nạn nhân đi vì nhiều lý do khác nhau. Xe bệnh viện hoặc xe cứu thương từ tổng đài cấp cứu 115 thường rất chậm trễ, nếu có ai đó gọi. Nhiều tài xế taxi sợ xui xẻo nếu nạn nhân chết trên xe, nên đều từ chối chở người bị tai nạn giao thông đi cấp cứu.

Thấy vậy, ông Dũng (một người hầu như cả đời sống bằng nghề xe ôm ở lề đường) rất buồn, và thương xót các nạn nhân. Thế nên, ông thường dùng xe máy (phương tiện mưu sinh của mình) chở nạn nhân đi cấp cứu. Có điều, người bị thương mà chuyển bằng xe máy đến bệnh viện thì gặp khá nhiều phiền toái và bất tiện. Vì thế, ông nảy ra ý định mua một chiếc xe hơi để chở những người bị tai nạn giao thông đến bệnh viện nhanh hơn, mong giúp họ giành lại sự sống mong manh trong lúc hiểm nghèo đó.

Nói về điều này, ông Dũng cười: “Chuyện mình đưa người bị tai nạn giao thông đi cấp cứu đã được gần hai mươi năm nay rồi. (...) Mãi tới năm 2009, sau một thời gian dài chạy xe ôm, dành dụm được một ít tiền, và tôi bán một phần đất vườn ở nhà thì mới đủ tiền mua chiếc Nissan cũ bảy chỗ của một gara trên thành phố Biên Hòa với giá 85 triệu đồng, tương đương khoảng hơn 25 cây vàng khi đó.”

Ban đầu, vợ và các con ông Dũng không thể nào hiểu nổi việc ông làm. Hằng ngày, bà và các con vất vả kiếm tiền bằng nghề làm băng keo dán, thu nhập chỉ đủ sống. Con trai đầu lòng của ông bà sắp vào đại học, phải lên Sài Gòn trọ học, sẽ tốn kém lắm. Vậy mà ông lấy gần hết gia tài mua xe hơi làm từ thiện giúp “người dung”. Thế nhưng, sau một thời gian dài, vợ con ông đã hiểu và thông cảm với việc làm đầy lòng nhân ái của ông.

Ngoài việc thuyết phục vợ con, ông Dũng còn phải cất công đi học bằng lái xe A2 trên thành phố Biên Hòa nữa. Với một người cả đời chạy xe máy như ông, việc chuyển qua học lái xe hơi bảy chỗ là vấn đề lớn. Thế nhưng, bằng quyết tâm, sau nửa năm, ông đã có thể lái xe thành thạo. Từ ấy, khắp trong vùng trong phạm vi vài chục cây số, ở đâu

có điện thoại cầu cứu thì ông tức tốc lên đường, bất kể ngày đêm, mưa nắng.

Hiện nay, ngoài công việc cấp cứu kịp thời những người bị tai nạn giao thông, ông Dũng còn cùng với trạm y tế của xã thành lập đội cứu hộ thường xuyên với khoảng mười lăm thành viên, gồm những người sinh sống trong vùng, hành nghề cắt tóc, chở nước đá, lái xe ba gác...

Đi cứu người và chỉ mong ít người gọi mình

Chúng tôi nhìn chiếc xe sơn màu trắng sữa còn khá mới, đậu dưới tàn cây trướng cá cạnh nhà, tiếng máy nổ khá êm. Trong lòng xe đã được sửa lại để có thể đủ chỗ đặt cáng cứu thương. Ông Dũng trầm ngâm kể: “Lúc còn chạy xe ôm chở người đi cấp cứu thì nhiều lắm, nhớ không xuể! Từ lúc mua xe hơi đến giờ tính sơ sơ có khoảng hơn năm chục vụ với gần trăm người được tôi chở đi bệnh viện đa khoa Biên Hòa, hay bệnh viện đa khoa Long Thành... Hồi Tết Quý Ty, ở Long Bình Tân có người đàn ông bị xe tải chở cát quệt ngã gãy xương sườn. Được dân chúng gọi điện báo tin, dù lúc đó trời mưa rất to, tôi vẫn lái xe tới giúp. Khoảng nửa tháng sau, ông ấy ra viện tìm đến nhà tôi để cảm ơn, đòi trả tiền xăng tiền bồi dưỡng, nhưng tôi nhất quyết không nhận.”

Ông Dũng tâm sự: “Mặc dù có tâm nguyện cứu những người bị tai nạn giao thông, nhưng tôi chỉ mong ít ai gọi tới.”⁽⁴⁾

Theo **XUYÊN MỘC**

⁽⁴⁾ <http://hcm.24h.com.vn/tin-tuc-trong-ngay/> ...; đăng ngày 09-12-2013 lúc 00:05 giờ.

LÁ THƯ HƯƠNG MỸ

Hương Mỹ, ngày 01-12 Quý Ty.

Tôi là **Lễ Sanh Thượng Vui Thanh**, sanh năm 1937 (Đinh Sửu), hiện cư ngụ tại nhà số 46x, ấp Bình Đông 2, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, số điện thoại 07565463xx. Tôi nhập môn vào Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại thánh thất Hương Mỹ (Ban Chính Đạo) ngày 15-01-1960.

Từ năm 2012 đến nay, tôi hân hạnh được xem một số kinh sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo ấn hành và kính biểu. Hôm nay, tôi viết bức thư này bằng tất cả tấm lòng quý mến chư hiền hữu.

Mặc dù chưa gặp gỡ tận mặt, nhưng tôi đã thấy được hình ảnh của quý hiền hữu in trên các sách. Tôi rất đồng tình và hoan nghênh sáng kiến của quý hiền hữu quyết tâm thành lập Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Kinh sách Đạo bây giờ chư hiền in ấn trên giấy dày dặn, trắng trẻo, chữ in rõ ràng. Nhứt là phần chú thích có kèm theo chữ Hán, ngữ nghĩa rành rẽ. Quý hiền đã tra cứu các từ điển thật là công phu. Tôi chưa biết phải dùng lời gì để khen ngợi công lao và tỏ bày lòng vô cùng thán phục việc làm của chư hiền hữu.

Quý hiền hữu thuộc giới trí thức Đại Đạo, chấp nhận dấn thân, chẳng sợ khó khăn, không ngại gian lao khổ cực, đêm ngày cặm cụi sưu tầm từng trang tài liệu, tổng hợp, chọn lọc từ nhiều nguồn khác nhau: từ Nho, Thích, Đạo, đến Minh Lý Thánh Hội, các Hội Thánh Cao Đài, Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo, Thiên Tông, điển hay tích lạ...

Tôi chắc rằng đêm ngày quý hiền thường xuyên nhìn lên màn hình, truy cập Internet, nhiều khi quên ăn quên ngủ để tìm cho được một tài liệu mà mình cần, rồi biên soạn thành văn bản, viết nên những chủ đề mà toàn Đạo khắp nơi đang khao khát muốn tìm biết, học hỏi. Lại còn làm thủ tục xuất bản, in ấn, lo phát hành... Đây là công quả lớn lao mà chư hiền cống hiến vào cơ cứu rỗi của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tôi thường nguyện cầu Đức Cao Đài Tiên Ông, Phật Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương, chư Phật Tiên Thánh Thần... bố diễn cảm hóa, thức tỉnh nhiều người quan tâm ủng hộ để cho kinh sách Đại Đạo mỗi ngày được in ấn thêm nhiều, tái bản thêm nhiều, phát hành rộng rãi đến những nơi xa xôi nhứt, để cho nhiều người được đọc được xem.

Tôi cảm ơn quý hiền hữu Đạt Linh, Đạt Truyền và các vị khác đã đi xuyên suốt từ Nam ra Bắc, đến các đảo, cù lao xa xôi để ghi hình các thánh sở Cao Đài, giúp cho đồng đạo gần xa được thấy.

Bất kỳ ở đâu, xứ nào, bất luận ngày hay đêm, lúc nào cũng có Đấng Cao Đài, chư Phật Tiên Thánh Thần tuần hành, giám sát. Tôi tin rằng phần công quả của chư hiền điều hành Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo sẽ được Bề Trên ghi nhận xứng đáng...

Tôi xin cảm ơn quý hiền hữu đã cung cấp cho tôi những kinh sách Đạo quý giá, được trình bày trang nhã, có sự xem xét chỉnh sửa cho chính xác, chấm dứt việc tam sao thất bản.

Nguyện cầu Ôn Trên bố diễn khai minh cho hàng trí thức Đại Đạo ngày càng có thêm người đông đảo. Nguyện cầu Đấng Chí Tôn và chư Phật Tiên Thánh Thần phò hộ cho quý hiền lúc nào cũng dồi dào nghị lực, đủ đầy sức khỏe, minh mẫn tinh thần để tiếp tục công việc hữu ích của quý hiền hữu.

Kính chúc Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo trường tồn.

Kính chào quý hiền hữu.

Lễ Sanh THƯỢNG VUI THANH

*

Thưa hiền huynh Lễ Sanh Thượng Vui Thanh trọng kính,

Lá thư hiền huynh gửi phát chuyển nhanh tới tay chúng tôi vào sáng ngày 02-01-2014 (02-12 Quý Ty). Năm mới vừa sang, lá thư đầy ấp tình cảm của hiền huynh tựa như làn gió mát xua tan mọi nhọc mệt suốt ba tháng cuối năm 2013, vì chúng tôi phải ráo riết chạy đua với thời gian để kịp hoàn tất một số sách mới ấn tổng nhằm kết thúc năm 2013; trong đó, đặc biệt có *Văn Uyển* tập Lợi & Trinh năm Quý Ty (sổ kép) và *Văn Uyển* tập Nguyên (mừng xuân Giáp Ngọ 2014).

Cứ tạm ước tính tổng số tín hữu chúng ta là hai triệu (thực tế thì ít nhiều hơn); kinh sách ấn tổng in để biếu mỗi kỳ năm ngàn bản (tức là chỉ chiếm tỷ lệ 0,25% so với tổng số tín đồ), vậy mà nhiều khi còn bị tồn đọng! Sách không bán mà còn đạt tỷ lệ thấp như thế; con số 0,25% này đang nói lên điều gì trong phần đông tín hữu Cao Đài chúng ta? Chúng tôi nghĩ tới thực trạng này mà xôn xang! Đến bao giờ chúng ta mới có thể tăng số lượng in lên vài trăm ngàn bản cho mỗi đầu sách! (Chúng ta không sợ thiếu tài chánh; chỉ sợ thiếu người đạo chịu khó quan tâm tìm đọc để nâng cao trình độ giáo lý.)

Văn hóa đọc trong toàn xã hội đang suy giảm, nên văn hóa đọc của bốn đạo chúng ta có trì trệ âu cũng là chuyện thường. Tuy nhiên, nếu người đạo chúng ta không tập thói quen siêng năng đọc kinh sách thì biết bao giờ dân trí nhà Đạo mới phát triển và nâng cao?

Tâm tình như vậy để xác tín rằng – cũng như các thư khác chúng tôi đã nhận – hai trang thư của hiền huynh đối với chúng tôi vô cùng quý giá; bởi vì những lá thư như thế này giúp chúng ta hy vọng rằng dù sao vẫn còn những tâm hồn thanh cao yêu sách, quý trọng sách, xem việc dành thời gian hàng ngày để nghiêm túc đọc kinh sách là một nội dung thuộc về công trình luyện kỹ tu thân (thuộc về pháp môn tam công).

Ban Ấn Tổng kính thành cảm ơn tình cảm nồng hậu của hiền huynh. Ước mong hiền huynh thường xuyên viết bài cộng tác với Văn Uyển. Chúng tôi hoan hỷ đăng sau đây bài thất ngôn bát cú mà hiền huynh gửi kèm theo thư, để họa lại các bài *Chung Sức Vun Bồi* đã in trên Văn Uyển tập Nguyên năm Quý Ty, trang 42-43.

*Tín hữu Cao Đài khắp bốn phương
Nhập môn Đại Đạo bước chung đường
Chí Tôn thường nhắc nên hành thiện
Phật Mẫu hằng khuyên khá mến thương
Nữ phái ghi lòng câu Tứ Đức
Nam nhân tạc dạ chữ Tam Cương
Bốn giờ tịnh luyện đừng sai sót
Quyết tu đắc đạo giữa đời thường.*

Kính chúc hiền huynh Thượng Lễ Sanh và họ đạo Hương Mỹ thăng tiến trên đường dài lập công bồi đức, góp phần xương minh chân lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Xin chúng ta cùng cầu nguyện cho nhau nuôi bền tình cảm gắn bó trên đường hoằng pháp Kỳ Ba, để may ra có thể gọi là báo đáp Ôn Thầy Mẹ và các Đấng Tiên Khai trong muôn một.

BAN ẤN TỔNG

✉ **Hiền tỹ Phạm Thị Th.**
(giáo viên nghỉ hưu, cù
lao Châu Ma, ấp Phú
Thuận, huyện Hồng Ngự,
tỉnh Đồng Tháp):

GIÓ BỐN PHƯƠNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

“Tôi vui mừng được đọc
tập Thơ Người Áo Trắng. Nhà nghiên cứu Trần Văn Chánh
nhận định rằng với tập thơ này ‘đường như đã có dấu hiệu
xuất hiện một thứ lãng mạn Cao Đài Giáo bằng bạc trong
tất cả những bài thơ được tuyển chọn, và điều đó cho phép
chúng ta xác tín trong tương lai sẽ có một nền văn chương
– văn hiến – văn hóa Cao Đài mang tính đặc thù của người
Việt, hoàn toàn tương xứng với khả năng phát triển ngày
càng sâu rộng của tôn giáo Cao Đài.’ (tr. 16)

“Tôi rất trân trọng và cảm kích ý kiến của ông, và tôi
gạch dưới những chữ mà tôi nhấn mạnh, vì muốn các đạo
hữu Cao Đài sẽ chú ý tới tâm nhìn của một người không
phải là tín hữu Cao Đài.

“Sau đây, tôi xin nhờ Văn Uyên giải thích vì sao trong
một số thánh giáo Cao Đài, *On Trên* có khi gọi người Pháp
là Lang Sa.” (Trích thư ngày 03-12-2013.)

Ban Ấn Tống: Hiền tỹ trọng kính, đa tạ hiền tỹ quan tâm
tới tập thơ nhỏ nói trên. Cũng xin chia sẻ với hiền tỹ niềm
vui này: Sau khi tập *Thơ Người Áo Trắng* phát hành, trên
trang điện tử *Nhịp Cầu Tâm Giao* (nhipcautamgiao.net) của
Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn (Tổng Giáo Phận
TpHCM), ngày 02-11-2013 đã trân trọng giới thiệu. Tiếp
theo đó, hầu như mỗi ngày trong tuần, trang điện tử này lại
trích đăng lần lượt vài bài thơ, đến nay (tháng 12-2013) thì

gần trọn nội dung tập thơ đã được tải lên mạng quốc tế,
giúp phổ biến tới các Kitô hữu và những đạo hữu đạo tâm
yêu thơ. Chúng ta thật cảm kích tấm lòng của quý linh mục
và quý vị phụ trách Nhịp Cầu Tâm Giao.

Về câu hỏi của hiền tỹ, sau đây là ý kiến của đạo hữu **Lê
Anh Minh:**

Người Việt mình gọi nhân danh và địa danh nước ngoài
phần lớn dựa theo cách chuyển âm (*transliterating*) của
người Trung Quốc. Thí dụ: England được chuyển âm là
英吉利, họ đọc theo giọng Quan Thoại là [yīng-jí-lì], nghe
na ná như âm ['ɪŋɡlənd] của từ England. Dựa vào đó,
người Việt đọc theo âm Hán Việt là Anh Cát Lợi, rồi rút
gọn là Anh (nước Anh, tiếng Anh).

Vậy, người Trung Quốc lấy âm Quan Thoại để chuyển
âm tiếng phương Tây, còn người Việt mình mượn lại chữ
Hán của họ rồi đọc theo âm Hán Việt. Cho nên, chữ
inspiration [ɪnspɪ'reɪʃən] (cảm hứng) được họ chuyển
thành 煙士非 [披]理純, và ta đọc là *yên sĩ phi lý thuần*
thì nghe chả dễ hiểu tí nào cả!

Trở lại câu hỏi của hiền tỹ, danh từ France (nước Pháp)
được người Trung Quốc tách ra ba âm là F-ran-ce, rồi
chuyển âm nhiều cách như: 坡郎沙 [po-lang-sha], 葩郎沙
[pa-lang-sha], 富浪沙 [fu-lang-sha], 法蘭西 [fa-lan-xi].
Nếu các cụm chữ Hán này đọc theo âm Quan Thoại thì
nghe na ná như âm France [fra:ns].

Người Việt mình dựa các chữ Hán đó và đọc theo âm
Hán Việt là: 坡郎沙 Pha Lang Sa, 葩郎沙 Ba Lang Sa,
富浪沙 Phú Lãng Sa, 法蘭西 Pháp Lan Tây.

Cách đọc thứ tư rút gọn thành Pháp (hay Tây) còn thông dụng tới nay. Ba cách đọc đầu rút gọn thành Lang Sa bây giờ không còn dùng, nhưng thuở xưa lại thông dụng, còn thấy chép trong các sách Hán Nôm.

Sang đầu thế kỷ 20, người Việt vẫn còn dùng từ Lang Sa. Đạo Cao Đài mở ra lúc ấy thì tất nhiên từ Lang Sa có dùng trong các thánh ngôn tiếp nhận vào thời đó.

*

☒ **Hiền huynh Tr. Q. Hùng** (hungqtr57@xxx):

Ở thánh thất chúng tôi, sau khi bầu lại Ban Cai Quản thì một vị cao niên không còn được giữ chức vụ cũ. Ban Cai Quản vừa được công cử mời vị này làm cố vấn. Do nhiều năm quen làm lãnh đạo, trong các cuộc họp thường kỳ của thánh thất, vị cố vấn này luôn luôn chủ động đưa ra ý kiến chỉ đạo, khiến cho họ đạo nghĩ rằng vị ấy vẫn đang thi hành chức trách của nhiệm kỳ cũ, và dường như muốn lấn lướt Ban Cai Quản đương nhiệm! Xin hỏi, theo lẽ thường, vai trò của cố vấn thật sự là gì?

Minh Tuệ Khai: Hiền huynh trọng kính, cố vấn 顧問 là chữ Nho; nên trước hết hãy căn cứ theo chữ Nho mà hiểu.

Vấn là hỏi. Cố là ngoảnh lại nhìn, quay đầu lại ngó. Bề trên mà đoái nhìn tới kẻ dưới là hạ cố 下顧. Quay đầu lại nhìn cũng là hồi cố 回顧 (to look back).

Xét theo nghĩa đó, nếu không được lãnh đạo quay đầu lại nhìn mình mà hỏi ý kiến mình, thì vị cố vấn không nên chủ động đưa ra ý kiến trước. Cố vấn nên chờ được hỏi.

Ngày xưa, triều đình cũng có chức cố vấn, và họ chỉ dâng ý kiến nếu vua hỏi tới. Vua không hỏi thì chẳng dám

vượt quá thân phận chủ động tâu trình, dễ bị vua trách phạt.

Chúng ta nên biết rằng ở Trung Quốc, trước thế kỷ 1 đã có chức cố vấn, vì vào đời Đông Hán (25-220) ông Ứng Thiệu 應劭 cho biết như vậy. Ứng Thiệu (tự Trọng Viện 仲瑗, không rõ năm sinh, năm mất) là một vị quan học rộng, sử gia kiêm văn gia. Một tác phẩm danh tiếng của Ứng Thiệu (mang tính bách khoa) nhan đề *Phong Tục Thông* 風俗通, ở chương *Thập Phản* 十反, viết như sau:

Tục cũ thường lấy con cháu của sĩ đại phu, dung mạo cử chỉ đoan trang nghiêm túc, học vấn tinh thông bác lãm, phụ trách cố vấn, làm chức ngự sử.⁽¹⁾

Còn ngày nay, chúng ta thấy có nhiều công ty tư vấn pháp luật (người Hoa gọi là pháp luật cố vấn công ty 法律顧問公司); họ phải chờ khách hàng có nhu cầu tìm tới hỏi, chứ họ đâu có thể nào chủ động bán kiến thức luật pháp của họ cho bá tánh.

Tóm lại, cố vấn không phải là người thi hành (executive) công việc của một tổ chức (dù đời hay đạo). Lãnh đạo có thể hỏi ý của cố vấn để tham khảo, nhưng lãnh đạo vẫn có quyền không nghe theo, không làm theo ý kiến đó.

Xét theo những ý nghĩa cơ bản như vậy, nếu vị cố vấn ở thánh thất của hiền huynh chỉ vì lòng quá nhiệt thành với đạo mà thường hay hăng hái phát biểu ý kiến trong các cuộc họp, khiến cho tín hữu phải nghĩ rằng vị đó vượt quá cương vị của mình, thì quả đáng tiếc thật!

⁽¹⁾ 舊俗常以衣冠子孫，容止端嚴，學問通覽，任顧問者，以爲御史。Crowe thường dĩ y quan tử tôn, dung chỉ đoan nghiêm, học vấn thông lãm, nhậm cố vấn giả, dĩ vi ngự sử.

✉ **Bác sĩ Trần Bảo Lâm** (Chánh Hưng, thư 15-12-2013):

“Một đạo hữu chép cho tôi bốn câu thơ của Đức Giáo Tông Đại Đạo Lý Thái Bạch, dạy tại Minh Đức Tu Viện (Vũng Tàu), vào giờ Tuất ngày 25-01 Giáp Dần (16-02-1974). Bốn câu thơ ấy như sau:

*Vui say non nước hữu tình
Đơn phòng bạn lữ vân trình vào ra
Ngoài ta nào có cái ta
Về chi thế sự trần la buộc ràng.*

Bạn tôi viết là vẽ (dấu ngã); vậy là về vội phải không? Nhân tiện, kính nhờ Văn Uyên giảng luôn bốn câu thơ tôi đọc thấy hay mà chưa hiểu rõ nghĩa cho lắm.”

Huệ Khải: Một trong nhiều nhược điểm của giọng miền Nam là không phân biệt dấu hỏi và dấu ngã; nếu sơ ý sẽ dễ chép sai thánh ngôn. Vì vậy, chữ vẽ trong câu thơ của Đức Lý Đại Tiên Trưởng đã bị chép sai thành về.

Đúng ra, phải viết về (dấu hỏi). **Về chi** nghĩa là *nào có đáng chi, chẳng đáng chi cả*.

Đơn (đan) **phòng** 丹房 là phòng (buồng) riêng để ngồi tu tịnh (tu thiền). Đạo Lão gọi tu thiền là “luyện đơn nấu thuốc”; âm dương và ngũ hành trong cơ thể là dược liệu sẵn có (*nội dược* 內藥) để luyện thành kim đơn...

Lữ 侶 là bạn bè. **Bạn lữ** 伴侶 cũng là bạn bè.

Vân trình 雲程 là đường mây. Các vị Tiên cỡi mây mà đi; đường đi của Tiên là đường mây.

Thế sự 世事 là việc đời.

Trần la 塵羅 là lưới trần. Con người sống ở đời thường

đam mê bốn thứ *từu khí sắc tài* (rượu, ma túy, sex, tiền bạc), nên bị chúng sai khiến. Ngoài ra còn bị bốn thứ khổ là *sanh lão bệnh tử* ràng buộc, không ai thoát được (*trần la tứ khổ*). Cho nên cõi trần được ví như tấm lưới bủa giăng, vây hãm và con người bị nhốt chặt trong đó. Ngoài ra trần gian còn được ví như nhà lao, nhà tù (*trần lao* 塵牢, *trần tù* 塵囚).

Bốn câu thơ này ca ngợi thú tiêu dao thoát tục của bậc Tiên Gia vui chơi với thiên nhiên xinh đẹp (câu 1), làm bạn với đạo pháp, tự do tự tại (câu 2), làm chủ lấy mình (câu 3); và được như thế rồi thì việc đời đâu có đáng chi (*về chi thế sự*) để mà buộc ràng, trói trằng mình vào đó (câu 4).

*

✉ **Hiền huynh Phạm Văn Cự** (Bến Tre, thư 25-12-2013):

“Kính nhà Phật thường viết **Di Lạc**. Thánh giáo Cao Đài hay viết **Di Lạc**. Xin giải thích giúp tôi chữ nào đúng?”

Huệ Khải: Người Hoa khi dịch hồng danh Đức *Maitreya* (tiếng Sanskrit) hay *Metteyya* (tiếng Pali) ra chữ Hán đã viết là 彌勒. Người Việt đọc và viết là Di Lạc.

Bản thân chữ Lạc này có nhiều nghĩa: ① (Danh từ) Cái dầm để chằng đầu và mõm ngựa. Thí dụ, mã lạc 馬勒: Dây cương ngựa (*bridle*). ② (Động từ) Ghì, gò. Thí dụ, lạc mã 勒馬: Ghì (gò) cương ngựa cho đi chậm lại (*to rein in a horse*). Từ nghĩa đó, có thêm các nghĩa như: ③ (Động từ) Kềm chế, bắt buộc. Thí dụ, giáo lạc tử tôn 教勒子孫: Dạy dỗ, kềm chế con cháu (bắt chúng vào khuôn phép); ④ (Động từ) Đè nén, áp chế (*to throttle, to suppress*); bóp cổ cho chết ngạt (*to strangle*). Thí dụ, lạc tử 勒死 bóp cổ hoặc

thắt cổ cho nghẹt thở đến chết. ⑤ Khắc chữ (*to carve, to engrave*). Thí dụ, lạc thạch 勒石: Khắc chữ lên đá; lạc bi 勒碑: Khắc chữ lên bia. ⑥ (Động từ) Cầm quân. Thí dụ, lạc binh lai kinh 勒兵來京: Thống lĩnh quân binh kéo về kinh đô.

Qua những nghĩa đó, chữ Lạc 勒 không liên quan gì tới hồng danh Đức *Maitreya*. Người Hoa khi nói mí lệ (Di Lạc) có lẽ cũng chẳng nghĩ gì tới bộ cương ngựa hay ý nghĩa trời buộc, áp bức hàm chứa trong đó.

Vậy, nói hay viết DI LẠC, tức là noi theo truyền thống kinh điển Phật Giáo Trung Quốc trong Nhị Kỳ Phổ Độ.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, thánh ngôn thánh giáo Cao Đài thoát ra khỏi cách dịch của Phật Giáo Trung Quốc, mang lại cho hồng danh Đức *Maitreya* (*Metteyya*) một ý nghĩa đẹp: DI LẠC, vì Lạc 樂 là vui sướng (*cheerful, happy*). Theo kinh điển từ Nhị Kỳ Phổ Độ sang qua Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Di Lạc làm chủ mở Hội Long Hoa, mở ra đời thánh đức, nhân loại thái hòa. Thế thì Di Lạc mà mang nghĩa hạnh phúc, sống vui thì rất phù hợp.

Trong đạo Cao Đài, có nhiều lần Đức Di Lạc giáng cơ, xưng danh qua các bài thơ quán thủ (khoán thủ) hay quán tâm (khoán tâm); qua đó, Ngài dùng chữ LẠC theo nghĩa vui sướng như nói trên.

① Vào năm Ất Hợi (1935), Ôn Trên ban cho quyền kinh *Thánh Đức Chuyển Mê*. Đàn cơ ngày mùng 3 tháng 6 Ất Hợi, Đức Di Lạc giáng lâm, xưng danh qua bài thơ quán tâm như sau:

Đạo đức DI truyền mấy nhiệm sâu
Huyền vi LẠC cảnh đạt cơ màu

Hào quang THIÊN mạng soi trần tối
Chiếu sắc TÔN oai diệt tận sâu.

Trong câu 2, LẠC là vui; lạc cảnh 樂景 là cảnh vui.

② Năm Bính Tý (1936), Ôn Trên ban thêm *Thánh Đức Chơn Kinh*. Trong một đàn cơ (không ghi ngày), Đức Di Lạc giáng lâm, xưng danh qua bài thơ quán thủ như sau:

DI luân chuyển động mỗi cơ Trời
LẠC thú thông đồng đồng đẳng thoi
THIÊN vãng khứ khứ nào có lậu
TÔN truyền yếu nhiệm sửa cơ đời.

Trong câu 2, LẠC là vui; lạc thú 樂趣 là thú vui, niềm vui (*pleasure, joy*).

③ Cũng trong quyển *Thánh Đức Chơn Kinh* này, bài thứ mười (nhân đề *Chơn Truyền Đạo Giáo*), Ngài xưng danh:

DI truyền chơn giáo buổi tang thương
LẠC đạo nhân tâm kẻ biết đường
Tuyên bố mỗi giềng cùng chúng khổ
Quang minh chơn lý với tai ương
Phật Đà pháp nhiệm chưa ai rõ
Giáng thế huyền vi mấy kẻ tường
Ngọc điệp lưu ly trau quý giá
Đàn Tiên học tập lánh trần dương.

Trong câu 2, LẠC (động từ) là vui; lạc đạo 樂道 là vui với đạo.

④ Đầu tháng 2 Mậu Dần (1938), Ôn Trên ban thêm quyển kinh *Thánh Đức Chơn Truyền*. Trong một đàn cơ (không ghi ngày), khi giáng dạy đề tài *Dại Khôn*, Đức Di

Lạc xưng danh qua bài thơ bát cú như sau:

DI truyền chơn giáo buổi Tam Kỳ
LẠC đạo tâm thành khả đắc tri
Tiên bút nhuận ban nhơn tỉnh thức
Quang minh bố diễn vật năng vi
Phật môn khai ngộ hườn minh pháp
Giáng thể Long Hoa hội chỉ huy
Khai sáng chơn truyền toan cứu chúng
Kinh màu thông triệt Đấng huyền vi.

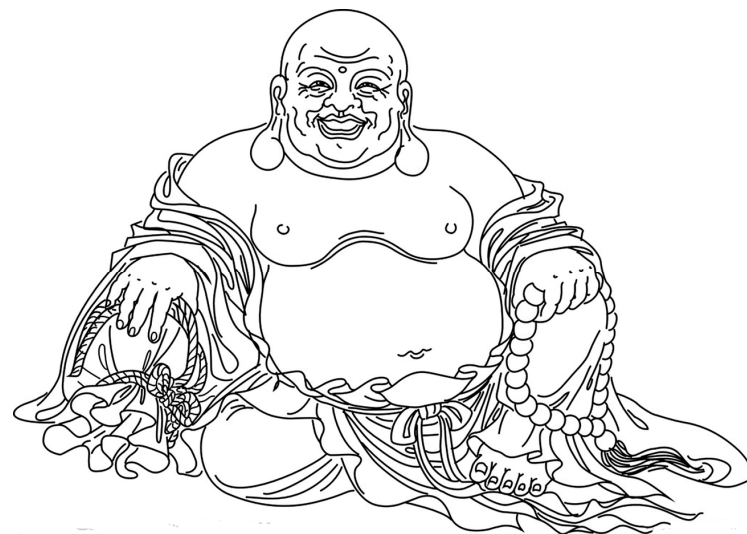
Trong câu 2, lạc đạo 樂道 cùng nghĩa như câu 2 bài ❸.

Tóm lại, nói hay viết DI LẠC là theo Tam Kỳ Phổ Độ, với ý nghĩa Lạc là vui. Có thể nói đây là một đóng góp của đạo Cao Đài cho tiếng Việt. Nghĩa vui này cũng phù hợp với hình ảnh rất quen thuộc trong dân gian: Đức Di Lạc là vị Phật đáng ngồi thoải mái, miệng cười rạng rỡ, như các ảnh tượng thường lưu truyền trong dân gian (xem tranh vẽ Đức Di Lạc ở trang sau).

Tuy nhiên, cần lưu ý: Khi muốn viết DI LẠC ra chữ Hán, thì chữ Di không thể lúc nào cũng viết như chữ Di 彌 (tròn đầy, đầy đủ / full, complete) của Phật Giáo Nhị Kỳ Phổ Độ. Chẳng hạn, theo ý nghĩa chữ Di trong ba bài thơ ❶, ❸ và ❹ trích dẫn trên đây, thì Di 詒 là lưu truyền, truyền lại (to hand down). Trong bài ❷, có thể hiểu chữ DI 移 là biến đổi, di dời, chuyển dịch (to change, to move, to remove...).

Nói như thế nghĩa là cần chú ý tới cách dùng từ Hán Việt (đồng âm dị nghĩa) trong từng bài thánh giáo để chọn chữ Hán cho tương thích.

THÁNH NGÔN



DI LẠC THIÊN TÔN

Điều quan trọng hơn là ở nội tâm. Nội tâm, có nhớ lời Bản Tăng phân giải năm ngoái cùng chăng? Và đã làm được những gì trong các điểm ấy?

Cúng lạy pho tượng tạm đặt tên Bản Tăng để thể hiện lòng sùng kính một Đấng Từ Bi cứu thế, nhưng phải cần làm và làm cho nhiều theo đức độ và giáo lý đã chỉ truyền mới mong tự cứu rồi thân tâm. Chớ quá chú trọng về mặt hình thức lễ bái cầu xin mà thiếu về phần nội tâm tự tu tự cứu, Bản Tăng cũng không làm sao cứu rồi giúp.

Trúc Lâm Thiền Điện (Vĩnh Long)
Đàn giờ Ngọ, ngày 02-01 Bính Ngọ (22-01-1966)

✉ **Hiền huynh Nguyễn Văn Thế** (phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thư 27-12-2013):

“Ở quê, ngày còn nhỏ, bọn trẻ con chúng tôi thích chạy đuổi theo mấy xe quảng cáo mà xin các tờ giấy mỏng nhiều màu của gánh hát hay rạp chớp bóng để coi tóm tắt tuồng tích. Con nít chúng tôi hồi đó gọi là tờ “pồ-gam”, sau này mới biết là *programme* (tiếng Pháp), tức chương trình. Có dịp đi dự lễ ở các thánh thất, chúng ta thường thấy ban tổ chức mở màn bằng cách “*thông qua chương trình buổi lễ*”, tức là đọc các tiết mục sẽ lần lượt tiến hành...

Trong lịch sử đạo Thầy, có nhiều tổ chức ra đời, hoặc gọi là Ban, là Hội, là Cơ Quan, v.v... nhưng không ai xưng danh là “chương trình” giống như Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo đã hơn năm năm nay! Xin vui lòng cho hỏi: Hai chữ Chương Trình (như quý huynh tỷ đang dùng khi ấn tống kinh sách) có nghĩa là gì?”

Huệ Khải: Thưa hiền huynh, hồi nhỏ sống ở miền Tây tôi cũng mê các tờ “pồ-gam” này lắm. Các rạp hát, chớp bóng (chiếu phim) thường in và phát không (miễn phí) các tờ này, noi theo cách làm của đồng nghiệp họ ở nước ngoài. Từ điển *Merriam-Webster* rất danh tiếng của Mỹ giải thích: Chương trình là một tập sách mỏng hay một mảnh giấy cung cấp thông tin về một buổi hòa nhạc, vở kịch, thi đấu thể thao, v.v... (*a thin book or a piece of paper that gives information about a concert, play, sports game, etc.*)

Còn nghĩa thứ hai (ở các cuộc lễ) như hiền huynh nói tới, cũng đúng nữa. Vẫn từ điển *Merriam-Webster* giải thích: Chương trình là một loạt các việc làm để đạt được một kết quả cụ thể (*a plan [a set of actions] of things that are done in order to achieve a specific result*).

Cả hai nghĩa này đều không đúng với danh xưng “Chương Trình Chung Tay Ấn Tống”; hiền huynh quả nhận xét chí lý. Tức là còn có ý nghĩa thứ ba, nói dưới đây.

Hiền huynh biết rằng Liên Hợp Quốc (UN: *United Nations*) có nhiều hoạt động toàn cầu vì mục đích nhân đạo; mỗi hoạt động đó được gọi là *Programme* (tiếng Anh) hay *Program* (tiếng Mỹ), là chương trình. Chẳng hạn:

- UNDP: *The United Nations Development Programme* (Chương Trình Phát Triển của Liên Hợp Quốc).

- UNEP: *The United Nations Environment Programme* (Chương Trình [bảo vệ] Môi Trường của Liên Hợp Quốc).

- WFP: *The World Food Programme* (Chương Trình [trợ giúp] Lương Thực Thế Giới).

Từ điển *Merriam-Webster* giải thích: Chương trình là một kế hoạch hay hệ thống theo đó có thể thực thi hoạt động hướng về một mục tiêu (*a plan or system under which action may be taken toward a goal*).

Trải qua nhiều thập niên dài, cộng đồng tín hữu Cao Đài chúng ta rất thiếu kinh sách in ấn kỹ lưỡng (nghĩa là sạch lỗi chánh tả, cú pháp và thuật ngữ đạo giáo chính xác rõ ràng, v.v...); do đó, gây trở ngại chẳng nhỏ cho người trong và ngoài đạo Cao Đài muốn tìm hiểu về đạo Thầy.

Trước thực trạng này – là một nhóm tín hữu Cao Đài không phân biệt chi phái, cũng không thuộc về một Hội Thánh, hay một tổ chức Cao Đài bất kỳ – chúng tôi cảm thấy “bức xúc” nên tự tìm một “lối thoát”. Chúng tôi gọi hoạt động ấn tống là “Chương Trình”, theo đúng nghĩa thứ ba, như từ điển *Merriam-Webster* (www.merriam-webster.com) giải thích.

24-12-2013 Mùa Giáng Sinh năm Quý Ty, khoảng năm trăm khách đạo và đời đã quang lâm thánh thất Bàu Sen để dự đại lễ kỷ niệm ngày Chúa Cứu Thế lâm trần.

**ĐẾN
VỚI NHAU**
*Có bạn phương xa đến, cũng
chẳng vui ư? (Luận Ngữ 1:1)*

Ngoài đại biểu các cơ quan công quyền, đoàn thể địa phương, còn có đông đảo quý vị Thiên ân chức sắc, chức việc, tu sĩ, nữ tu, tín hữu của Baha'i, Cao Đài (nhiều Hội Thánh và thánh thất đơn lập), Công Giáo, Minh Đức Nho Giáo, Phật Giáo, Phật Giáo Hòa Hảo, phóng viên báo Công Giáo Và Dân Tộc...

Linh Mục Giuse Trần Đình Thụy (giáo sư Đại Chung Viện Thánh Quý, Cần Thơ) thuyết giảng đề tài “*Giáng Sinh Hòa Bình*”. Tỳ kheo Thích Minh Quang (trụ trì tịnh xá Ngọc Thạnh, Hóc Môn), Anh Lớn Bảo Thế Nguyễn Văn Lãnh (Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo, Bến Tre), v.v... đã phát biểu cảm tưởng.

Trong phần nhạc đạo, các nữ tu trẻ thuộc dòng Mân Côi Chí Hòa (94 Bành Văn Trân, Tân Bình) đã cùng các bạn trẻ Cao Đài hát chung bài “*Gần Nauh*” rất nhịp nhàng, dưới bàn tay điều khiển của nhạc sĩ Bùi Đức Hà (tức hiền huynh Giuse Bùi Văn Hóa, Phó Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn, Tổng Giáo Phận TpHCM).

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã ấn hành quyển thứ 70, nhan đề *Công Giáo Và Cao Đài Hội Ngộ Giáng Sinh* (năm ngàn bản). Sách được chánh thức phát hành, làm quà biếu tất cả quý khách dự lễ.

Sau buổi cơm chay do họ đạo Bàu Sen thiết đãi, rất nhiều đạo hữu đã đến gặp Linh Mục Giuse Trần Đình Thụy bày

tỏ lòng mến mộ vì phong cách thuyết đạo vui vẻ, gần gũi, tự nhiên, thu hút của vị giáo sư sắp gần ngưỡng bảy mươi – một giáo sĩ “lão luyện” trong sứ vụ đào tạo linh mục.

Buổi tối, trong lúc các tín hữu Bàu Sen hân hoan tổ chức đêm nhạc mừng Chúa Giáng Sinh trong khuôn viên thánh thất, thì hiền huynh Đạt Tịnh, Trần Văn Quang, và Huệ Khải cùng với mười huynh tỳ, đệ muội đến dự thánh lễ tại dòng tu nữ Mân Côi Chí Hòa, theo lời mời của quý nữ tu. Cùng đi có hai vị tỳ kheo (Đại Đức Thích Minh Quang, Đại Đức Thích Minh Trụ) và hai ni cô đến từ tịnh xá Ngọc Thạnh (Hóc Môn). Tại dòng tu, cả đoàn đã hội ngộ nhóm Tu Tập Sinh Cao Đài, khoảng hơn hai mươi bạn trẻ đến từ thánh thất Trung Minh (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

28-12-2013 Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu: 82 Cao Thắng, phường 4, quận 3, TpHCM) long trọng tổ chức lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai lần thứ chín mươi mốt.

Lúc 15.30 giờ, Ban Ấn Tổng (hiền huynh Trần Văn Quang và Huệ Khải) đã đến dự. Trọng tâm buổi lễ là bài thuyết trình của đạo huynh Đại Khai, nhan đề: *Tiêu Ngữ Minh Lý Đạo Và Con Đường Phấn Bốn Hoàn Nguyên*.

Mở đầu phần phát biểu cảm tưởng của đại diện các tôn giáo bạn, Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) nhấn mạnh tới tiêu ngữ *Bình Đẳng, Cộng Tác, Hòa Ái* của Minh Lý Đạo. Thượng Giáo Sư nói rằng con người phạm trần chúng ta không nên quên rằng tiêu ngữ này còn áp dụng cho con người với các Đấng thiêng liêng. Con người bình đẳng với các Đấng, vì Phật dạy: “*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.*” Đức Cao Đài dạy: “*Thầy là các con, các con là Thầy.*” Con người cộng tác với các Đấng, vì nguyên lý hành đạo của Cao Đài

là *Thiên nhân hiệp nhất*. Thánh giáo còn dạy: “*Có Trời phải có người thêm sức / Trời hiệp cùng người mới đủ tay.*” Con người học theo gương hòa ái của các Đấng để sống hòa ái giữa người với người.

Kế tiếp, nữ tu Mai Thành (dòng Đức Bà) thay mặt Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn (Tổng Giáo Phận TpHCM) nhấn mạnh tới ý nghĩa cộng tác và hòa ái trong công tác khám và chữa bệnh từ thiện giữa các tôn giáo, giúp đồng bào nghèo khổ vui nhẹ gánh nặng trần gian. Trước khi kết thúc phần cảm tưởng của mình, vị nữ tu tuổi cao đức trọng này đã mời bốn hiền tỷ trong Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn hát bài *Kinh Hòa Bình* do nhạc sư Kim Long (linh mục Phêrô Nguyễn Kim Long, sinh năm 1941) phổ nhạc.

Thế là, tiếng hát trong trẻo, thanh tao của bốn hiền tỷ Maria Lý Ngọc Anh, Matta Nguyễn Thị Kim Chung, Maria Teresa Bùi Thị Thu Thảo, và Matta Nguyễn Thị Anh Xuân rót vào tâm hồn những lời ca truyền cảm:

Lạy Chúa từ nhân,

Xin cho con biết mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người.

Lạy Chúa, xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa,

Để con đem yêu thương vào nơi oán thù,

Đem thứ tha vào nơi lạng nhục,

Đem an hòa vào nơi tranh chấp,

Đem chân lý vào chốn dối lừa.

Để con đem tin kính vào nơi nghi nan,

chiếu trông cậy vào nơi thất vọng,

Để con dọi ánh sáng vào nơi tối tăm, đem niềm vui đến chốn u sầu.

Lạy Chúa xin hãy dạy con:

Tìm an ủi người hơn được người ủi an,

Tìm hiểu biết người hơn được người hiểu biết,

Tìm yêu mến người hơn được người mến yêu...

Cuối cùng, hiền huynh Diệp Đình Hữu (Phó Tổng Thư Ký Hội Đồng Tinh Thần Tôn Giáo Baha'i Việt Nam) nhấn mạnh sự kiện từ ngày 12-11-2013 Việt Nam chính thức là thành viên Hội Đồng Nhân Quyền Liên Hợp Quốc. Ngoài ra, hiền huynh còn nhắc lại: Giáo lý Đức Bahá'u'lláh dạy rằng trái đất là một quốc gia, nhân loại hoàn cầu là công dân của quốc gia trái đất; do đó chúng ta phải biết cộng tác, hòa ái trong tinh thần bình đẳng.

11-01-2014 Ban Cai Quản và bốn đạo thánh thất Bàu Sen cùng với Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã dâng thánh lễ vào giờ Ngọ tại chánh điện để cầu nguyện Đức Chí Tôn ban hồng ân siêu độ cho giác linh Cụ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) sớm về cõi thiêng liêng hằng sống. Cụ là một tác giả ân nhân của Chương Trình Ấn Tổng. Trước khi sang Hoa Kỳ định cư (1982), kể từ năm 1974, Cụ đã dày công đức trong việc giảng dạy giáo lý nhiều tôn giáo, tôn giáo đối chiếu, Kinh Dịch, v.v... cho đông đảo tín hữu Cao Đài trong nước. Cụ quy tiên ngày 07-01-2014 tại Issaquah, Washington.

Sau thánh lễ cầu nguyện, Ban Ấn Tổng đã hội ý và bắt tay xúc tiến ngay một tập sách nhỏ, nhan đề *TUỞNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ (1921-2014)*, để trân trọng làm lễ phẩm ý nghĩa trong dịp tròn một trăm ngày của Cụ.

27-01-2014 (27 tháng Chạp Quý Ty): Lúc 9 giờ sáng, Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đến Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận Tp.HCM, chúc

xuân Đức Hồng Y Tổng Giám Mục Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn và Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn.

Phái đoàn gồm có: Truyền Trạng Thanh Căn (Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên), đạo huynh Đạt Tịnh và đạo huynh Trần Văn Quang (Chánh và Phó Hội Trưởng thánh thất Bàu Sen), đạo huynh Huệ Khải (Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo), đạo huynh Cao Hoàng Phong (Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc), tu sinh Hồ Thị Mộng Tuyền (Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý Đại Đạo).

Trước tiên, phái đoàn biểu quà và chúc xuân Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn tại Văn Phòng Ban. Linh Mục PX Bảo Lộc (Trưởng Ban) và phái đoàn phác họa một vài dự kiến sinh hoạt liên tôn giữa Ban Mục Vụ và Chương Trình Ấn Tổng. Thay lời chúc xuân, đạo tỷ Maria Lý Ngọc Anh đã ngâm bài thơ *Tặng Bạn* của đạo huynh Hòa Duyên (Phó Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn).

Sau đó, Linh Mục Bảo Lộc mời phái đoàn Cao Đài sang phòng khách Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận để chúc Tết Đức Hồng Y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn.

Trong câu chuyện âm áp thân tình, Đức Hồng Y Tổng Giám Mục dành khá nhiều thời gian để chia sẻ những quan tâm đầu xuân của ngài và nhấn mạnh đến *lòng đạo*. Theo Đức Hồng Y, *lòng đạo* đưa con người xích lại gần nhau để phụng sự đồng bào và xã hội hữu hiệu. Truyền Trạng Thanh Căn thay mặt phái đoàn đã chúc Tết Đức Hồng Y.

Trước khi tạm biệt, phái đoàn Cao Đài đã chụp ảnh lưu niệm với Đức Hồng Y, Linh Mục Bảo Lộc và Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn. (Xem ảnh bìa 2.)

02-02-2014 (mùng 3 Tết Giáp Ngọ): Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo (Đh Đạt Tịnh, Trần Văn

Quang, Huệ Khải, Đạt Truyền) mời Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) và Truyền Trạng Thanh Căn (Hội Thánh Truyền Giáo Tiên Thiên) cùng xuất hành đầu xuân lúc 5 giờ sáng, đi Cần Thơ “khai trương” đạo sự liên giao.

Lúc 9 giờ, đoàn ghé tư thất hiền huynh Phan Lương Minh (Chánh Hội Trưởng thánh thất Tây Thành) chúc Tết, và mời hiền huynh tham gia phái đoàn đến Tòa Giám Mục Cần Thơ chúc Tết Đức Giám Mục Stêphanô Tri Bửu Thiên (đặc trách Đối Thoại Liên Tôn và Đại Kết). Lúc 10 giờ, Đức Giám Mục đã tiếp đoàn. Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Trưởng Đoàn) biểu quà xuân và chúc Tết Đức Giám Mục cùng Giáo Phận Cần Thơ. Đức Giám Mục đáp lễ, cầu chúc cho Công Giáo và Cao Đài càng thêm gắn bó, thân thiết. Sau khi chụp ảnh lưu niệm (xem ảnh bìa 2), lúc 11 giờ 30, Đức Giám Mục mời đoàn dùng cơm chay – một tiệc chay thịnh soạn với tài nấu nướng của quý nữ tu.

13 giờ, phái đoàn đến chúc Tết thánh thất Tây Thành (Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế). Truyền Trạng Thanh Căn thay mặt đoàn chúc xuân họ đạo Tây Thành. Hiền huynh Chánh Hội Trưởng Phan Lương Minh đáp lễ, bày tỏ lòng ủng hộ công cuộc phổ thông giáo lý của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Sau khi chụp ảnh lưu niệm với họ đạo Tây Thành (xem ảnh bìa 3), cả đoàn trực chỉ Thánh Đức Tổ Đình. Hiền tỷ Nguyễn Thị Ngọc Diệp (Chánh Hội Trưởng) và hiền huynh Đỗ Tấn Thông (Phó Hội Trưởng Hội Đồng Điều Hành Pháp Môn Trung Ương Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi) cùng một số vị đã nồng nhiệt đón tiếp. Hiền huynh Đạt Tịnh thay mặt đoàn chúc tết. Hiền huynh Trần Văn

Quang kính biểu hai gói sách mới ấn tổng. Hiền tỷ Chánh Hội Trưởng Nguyễn Thị Ngọc Diệp chúc xuân đáp lễ và biểu từng thành viên trong đoàn lộc xuân của Tổ Đình. Trước khi trở về TpHCM, đoàn đã chụp ảnh lưu niệm với nhị vị hiền huynh đại diện Tổ Đình. (Xem ảnh bìa 3.)

Đại Đạo Văn Uyển tập Hanh (quý Hai 2014) sẽ tường thuật chi tiết chuyến Tây du hành đạo khai xuân Giáp Ngọ của Chương Trình Ấn Tổng.

VÂN QUANG



Kinh sách mới ấn tổng đầu Quý 1 năm 2014:

71-1. HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY (Huệ Khải, 5.000 quyển) – Do: ① ĐT LÊ THỊ HỮU, LÊ THỊ NÔ (TT Trường An, HT CĐ Ban Chính Đạo): Tổ 15 Tân Quới Hưng, xã Trường An, TP Vĩnh Long. Hồi hướng giác linh thân mẫu là ĐT BÙI THỊ XỸ (sinh năm 1917; quy 29-02 Quý Tỵ, tức 09-4-2013) và bào muội là LÊ THỊ MÃNH (1951-2013), công quả 20 triệu (gởi đợt 77). ② ĐH NGUYỄN VĂN HIẾN: Hồi hướng giác linh thân phụ (ĐH NGUYỄN VĂN THÔI) và giác linh bào huynh (ĐH NGUYỄN SUM), công quả 3 triệu (gởi đợt 83). ③ ĐT VÕ NGỌC DIỆP (TT Hậu Nghĩa, Long An, HT CĐ Tây Ninh), công quả 1,9 triệu (gởi đợt 70, 71, 72, 76, 77, 78 [hai lần], 80, 81). ④ Thánh Tòa Vô Vi HUỲNH QUANG SẮC (Phạm Thế Hiến, quận 8, TpHCM), công quả 1,6 triệu (gởi đợt 28, 31, 33, 48B, 68, 79).

● **ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN** (Hiệp tuyển thơ văn đạo lý). **Tập Nguyên** – Quý Một năm 2014. Quý vị Mạnh Thường Quân đóng góp nhiều đợt khác nhau. Ban Ấn Tổng tổng kết và phân bổ từ quỹ chung, để ấn tổng 5.000 quyển. Đây là công quả của các vị ân nhân như sau:

Phần A: Xí Nghiệp In Fahasa in tặng bốn đạo 2.000 quyển (trị giá 23.600.000VNĐ, không bao gồm phí xuất bản).

Phần B: 18 phần = 45.017.000 đồng.

- | | |
|---|-----------|
| 01. BAN KINH HỘ (Hội Thánh Truyền Giáo, Đà Nẵng). Gởi đợt 72, 83. | 3.550.000 |
| 02. Thùng tiết kiệm ấn tổng của TT BÀU SEN: mở ngày 30-11-2012 (603.000Đ) đợt 69; mở ngày 10-01 (520.000Đ), mở ngày 25-01 (250.000Đ), mở ngày 30-01 (100.000Đ) đợt 71. Nữ phái TT BÀU SEN. Gởi đợt 82 (300.000Đ). | 1.773.000 |
| 03. ĐH Giác Nhẫn CHÂU THÀNH TRUNG (Mỹ Tho), ĐT CHÂU THỊ BẢO QUYÊN (Tasmania, Úc), ĐT CHÂU THỊ BÍCH QUYÊN (Brisbane, Úc). Gởi đợt 72, 73, 75, 76, 79, 80. | 3.800.000 |
| 04. Giác linh ĐT DIỆU TƯỜNG (Đỗ Tý, 80 tuổi): Đình Công Tráng, Q1. Gởi đợt 82. | 3.000.000 |
| 05. ĐT HỒ THỊ Ý (TT Trung Hiến, HT Truyền Giáo): Gởi đợt 72, 78. | 3.500.000 |
| 06. ĐH HUỲNH AN KHƯƠNG, ĐH HUỲNH VĂN MIẾN, ĐT LÊ THỊ SƯƠNG (TT Lộ Đỏ, HT Ban Chính Đạo): Gởi đợt 68, 70, 74, 76. | 3.500.000 |
| 07. Hồi hướng giác linh thân mẫu là ĐT NGÔ THỊ TẤN: Võ Thành Trang, P11, Tân Bình. (Trưởng nam: Nguyễn Thanh Lâm; trưởng nữ: Nguyễn Thị Đào; các em: Nguyễn Thanh Nhựt, Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thanh Kim, Nguyễn Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Ba). Gởi đợt 64. | 3.000.000 |
| 08. ĐH NGUYỄN MINH CẢNH (TT Trung Bảo, HT Truyền Giáo): Gởi đợt 7, 17, 30, 32, 37, 38, 40, 41, 43, 49, 51, 60, 62, 64, 69, 71, 75, 77, 80. | 1.225.000 |
| 09. ĐT NGUYỄN NGỌC MAI (MOLLY NGUYỄN): Gởi đợt 4 (US\$ 200). | 3.314.000 |
| 10. ĐT NGUYỄN THỊ THU TRANG (TT Toronto, Canada). Gởi đợt 69 (CAN\$150, quy đổi được 3.127.000 VNĐ). | 3.127.000 |
| 11. ĐH NGUYỄN VĂN TÂM (TT Houston): Ortega LN, Houston, TX 77083. Gởi đợt 61 (US\$ 60, ngày 01-3-2012 quy đổi được 1.248.000 VNĐ) | 1.248.000 |
| 12. ĐH PHAN BA, ĐT TRẦN THỊ BẠN (TT Trung Nghĩa, HT Truyền Giáo): Hồi hướng tứ thân phụ mẫu (Phan Luận, Trần Thị Nhân; Trần Đức Đồng, Thới Thị Sụ). Gởi đợt 44, 50, 60, 67, 82. | 1.500.000 |

13. ĐH PHAN VĂN XÍCH, ĐT TRẦN NGỌC SƯƠNG (TTi Phương Quế Ngọc Đài). Gởi đợt 63, 66, 68.	1.500.000
14. Giáo Hữu THUẬN CÔNG THANH ĐỖ Phú Công (Đầu họ đạo TT Trung Hiền). Gởi đợt 48B, 82.	1.210.000
15. Thượng Giáo Hữu TRẦN VĂN CẢN (HT Truyền Giáo): Đường 35, thôn Quảng Thành 1, Nghĩa Thành, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu. Hồi hướng giác linh cha (ĐH Trần Kim Châu), mẹ (ĐT Phạm Thị Hoa). Gởi đợt 32, 61, 74.	1.100.000
16. TT TRUNG THUẬN PHAN THIẾT: thùng tiền chung tay ấn tống kinh sách ngày khánh thành thánh thất. ĐT Hồ Thị Lan gởi ACB 19-8. Gởi đợt 78.	2.720.000
17. ĐT VÕ THỊ PHƯỢNG (TT Trung Chính, HT Truyền Giáo). Gởi đợt 78, 82.	3.100.000
18. ĐH VƯƠNG DUY PHÚ, ĐT LƯU LỆ NHI, ĐH VƯƠNG MINH PHÚC (TTi Ngọc Chiếu): Châu Văn Tiếp, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương. Hồi hướng giác linh ĐH Lê Văn Vĩ, ĐH Lê Hoàng Vũ, ĐT Lê Thị Sầm, ĐT Phạm Thị Diệu, Lễ Sanh Hương Vân (Lê Thị Hoàng Vân). Gởi đợt 48B, 62, 76.	2.850.000

*

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Tám Mươi Hai: Từ ngày 01-12-2013 đến ngày 31-12-2013

Môn sanh, đạo tâm (không xác định thuộc Hội Thánh nào):

01 Chơn linh ĐT NGUYỄN THỊ MỸ AN. Gởi 24-12.	50.000
02 ĐT VÕ THỊ BÍCH KIỀU (Bình Dương). Gởi 19-12.	100.000
03 ĐT NGUYỄN PHƯƠNG THẢO. Gởi 25-12.	100.000
04 ĐH NGUYỄN MẠNH HIẾN. Trần Hưng Đạo, Q1. Gởi 25-12.	200.000
04b ĐT LÊ THỊ THANH LOAN (TT Bàu Sen). Gởi 26-12.	200.000
05 ĐH NGUYỄN VĂN TÂN: Long Thái, Long Khánh B, Hồng Ngự, Đg Tháp. Gởi 01-12.	200.000
06 ĐT VÕ THỊ HẠNH (TT Bàu Sen), ĐT VÕ THỊ THU CÚC, ĐH PHAN GIA QUANG TRUNG, ĐH PHAN VŨ HẬU TRƯNG: Nguyễn Văn Cừ, Q1, TpHCM. Gởi 23-12.	200.000
07 ĐH PHẠM THANH TRUNG (Hồng Đăng): Trà Vinh. Gởi 23-12.	300.000
08 Nữ phái TT BÀU SEN. Gởi 24-12.	300.000
09 ĐH TRƯƠNG THANH TÔNG, ĐT TRẦN THỊ KIỀU VÂN (TT Long Thới). Gởi 06-12.	400.000

10 ĐT ĐINH THỊ HOÀI: TP Tân An, 91 tuổi. Gởi 03-12.	500.000
10b ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG (nguyên chủ tịch UBND Phường 4, Q5, TpHCM). Gởi 24-12.	500.000
11 ĐH PHẠM NGỌC HỒ (TT Bình Trưng): Quận 2. Gởi 12-12.	500.000
12 Giác linh LS PHAN THANH NGHĨA, Giác linh LS MAI TỊNH LAN, PHAN VÔ DANH (Quảng Nam). Gởi 25-12.	500.000
13 ĐH TRẦN VĂN HOÀNG. Gởi 24-12.	1.000.000
14 ĐH TRẦN VĂN BẠCH, ĐT TRẦN THỊ ĐỖM (TT Long Thới). Gởi 06-12.	1.500.000
15 Giác linh ĐH TRƯỞNG KIẾN LƯỢNG (1933-2011): TT Bàu Sen. Gởi 21-12.	2.000.000
16 Giác linh ĐT DIỆU TƯỜNG (Đỗ Tý, 80 tuổi): Đình Công Tráng, Q1. Gởi 01-12.	3.000.000
17 ĐT DORIS TRẦN THỂ (Hongkong): 1.000 HK\$ = 3.000.000 VNĐ. Ấn tống Kinh Sám Hối Minh Họa (in lần thứ ba). Gởi ngày 27-12.	3.000.000
18 ĐT HẠNH HOA (Santa Ana, California): 500 Mỹ kim x 21.200 = 10.600.000 VNĐ. Ấn tống Kinh Sám Hối Minh Họa (in lần thứ ba). Gởi ngày 27-12.	10.600.000

CÔNG GIÁO:

19 BAN MỤC VỤ ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN TGP TPHCM. Gởi 24-12.	1.000.000
20 Linh Mục Phêrô Giuse Maria HÀ THIÊN TRÚC (Ban Mục Vụ ĐTLT). Gởi 24-12.	1.000.000
21. PHẬT GIÁO: Tịnh xá NGỌC THANH (Đông Thạnh, Hóc Môn). Gởi 24-12.	500.000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO:

22 ĐH LÊ TRỌNG TÍN (TT Thăng Tam): Tp Vũng Tàu. Gởi 18-12.	200.000
23 ĐH LÊ VĂN BÔNG (TT Long Điền): Bà Rịa - Vũng Tàu. Gởi 24-12.	300.000
24 ĐH NGUYỄN THANH AN (TT Phú Sơn): Thôn Bằng Tiên 2, Phú Sơn, Lâm Hà, Lâm Đồng. Gởi 03-12.	300.000
25 Lễ Sanh NGỌC THIÊN THANH (TT Đô Thành). Gởi 24-12.	500.000
26 ĐH ĐẦU VÂN HIỆP (TT Thăng Tam): Vũng Tàu. Gởi 24-12.	500.000
27 Cháu PHẠM QUẾ TRÂM (TT Long Phú). Gởi 03-12.	500.000
28 ĐH PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Long Phú). Gởi 03-12.	500.000
29 ĐT TRẦN THỊ LỆ HẰNG (TT Long Phú). Gởi 03-12.	500.000
30 ĐT TRẦN KIM NHUNG (TT An Phú Tây): Gởi 06-12.	500.000
31 Đạo hữu TRÀ VINH (Anh Lớn Bảo Thế chuyển giúp): Gởi 05-12.	500.000
32 Lễ Sanh HƯƠNG LỊNH (TT Quận 8). Gởi 21-12.	500.000
33 ĐT TRẦN THỊ DIỄM KHÁNH (TT Quận 8). Gởi 21-12.	500.000
34 ĐH CHÁNH TRÍ LÊ Quang Hóng (TT An Nhứt): Long Điền, Bà Rịa - Vũng Tàu. Gởi ACB 05-12.	900.000
35 ĐH LÊ TRỌNG BẰNG (TT Thăng Tam): Tp Vũng Tàu. Gởi 18-12.	1.000.000
36 THÁNH THẤT TÂN NHUẬN ĐỒNG (Châu Thành, Đồng Tháp). Gởi 24-12.	20.000.000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO:

37 Phối Sư NGỌC HUỲNH THANH: Hội thánh Minh Chơn Đạo, Hậu Giang	100.000
---	---------

Họ đạo Minh Xuân Quang:		
38	ĐH LÊ QUỐC HẬU	50.000
39	ĐH LÊ TẤN HƯNG	50.000
40	ĐT LÊ VIỆT THẢO	50.000
41	ĐT LÊ VIỆT THU	50.000
42	ĐT DƯƠNG KIM NGỌC MỸ	100.000
43	ĐH DƯƠNG PHƯỚC HƯNG	100.000
44	ĐH DƯƠNG THÀNH SƠN	100.000
45	Đạo hữu LÂM KHÁNH NGỌC	100.000
46	Đạo hữu LÂM PHƯỚC YẾN	100.000
47	ĐH LÊ QUỐC HẢO	100.000
48	ĐH LÊ QUỐC KHÁNH	100.000
49	ĐH LÊ QUỐC THIÊN	100.000
50	ĐT LÊ VIỆT ÁI	100.000
51	ĐT LÊ VIỆT KHANH	100.000
52	ĐT LÊ VIỆT KHOA	100.000
53	Đạo hữu PHẠM KIM XUYẾN	100.000
54	ĐH QUÁCH QUÝ AN	100.000
55	ĐH QUÁCH QUÝ BÌNH	100.000
56	ĐH QUÁCH QUÝ VĨNH	100.000
57	ĐT QUÁCH THỊ BÍCH NGỌC	100.000
58	ĐH QUÁCH VĂN BIỂU	100.000
59	ĐT TÔ KIM NGÂN	100.000
60	Đạo hữu BUI KIM LANH	200.000
61	ĐT HUỆ TRẦN	200.000
62	ĐH LÊ PHƯỚC TIẾN	200.000
63	ĐH LÊ QUỐC NAM	200.000
64	ĐH LÊ QUỐC TIẾN	200.000
65	ĐT TÔ MINH HẾN	200.000
66	Đạo hữu TRƯƠNG KIM NGÂN	200.000
Thân hữu HT Minh Chơn Đạo:		
67	Đạo hữu PHẠM TRÚC PHƯƠNG: Nhân Dân, Giá Rai, Bạc Liêu	50.000
68	Đạo hữu PHẠM TRUNG TÍN: Nhân Dân, Giá Rai, Bạc Liêu	50.000
69	ĐH PHẠM TÝ: Nhân Dân, Giá Rai, Bạc Liêu	50.000
70	Đạo hữu PHẠM VIỆT PHƯƠNG: Nhân Dân, Giá Rai, Bạc Liêu	50.000
71	ĐH ĐÌNH PHI HỒ: ấp 5, thị trấn Hộ Phòng, Bạc Liêu	100.000
72	ĐT LÂM MỸ NGÂN: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, Bạc Liêu	100.000
73	ĐH NGUYỄN ĐĂNG KHOA: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, Bạc Liêu	100.000
74	Nhà xe NGỌC ANH: tuyến Hộ Phòng – TpHCM	200.000

75	ĐH LÂM THÀNH TÂN: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, Bạc Liêu	500.000
76	ĐT NGUYỄN THỊ LIỄU QUYÊN: Phường 9, Cà Mau	500.000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH:

77	ĐT TRẦN THỊ RÁNH (TT Ấp 5): Bàu Tràm, Gò Dầu. Gởi 07-11.	50.000
78	ĐT NGUYỄN THỊ LỆ (TT Ấp 5): Bàu Đón, Gò Dầu. Gởi 07-11.	50.000
79	ĐH LÊ VĂN KHOA (TT Phường 6, Trà Vinh). Gởi 23-12.	50.000
80	PTS LÊ VĂN NGHIỆP (TT Phường 6, HT Tây Ninh, Trà Vinh): Gởi 23-12.	100.000
81	ĐT NGUYỄN THỊ TIẾT. Gởi 03-12.	200.000
82	ĐH HUỆ THÔNG Nguyễn Thanh Bông: Chợ Bến, Long Điền, Bà Rịa - Vũng Tàu. Gởi ACB 05-12.	450.000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN:

83	ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC NHÂM (TTi Thiện Lạc Thai): Hồi hướng chơn linh thân mẫu (ĐT Phạm Thị Khương). Gởi 31-12.	300.000
84	ĐT BUI THỊ TỐ (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà): Gởi 12-12.	500.000
85	ĐH NGÔ VĂN HAI (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà): Gởi 12-12.	500.000
86	TTi BỔNG LAI, TTi NGỌC CHIẾU, TTi NHƯ Ý: Lái Thiêu, Bình Dương. Gởi 24-12.	1.000.000

HỘI THÁNH CAO THƯỢNG BỬU TÒA:

86b	ĐT BẠCH DIỆU (Chánh Hội Trưởng). Gởi 24-12.	200.000
-----	---	---------

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI:

87	Giáo Hữu THƯỢNG CÔNG THANH (Đầu họ đạo TT Trung Hiến). Gởi 24-12.	500.000
88	ĐH VÕ VĂN VÔ (TT Trung Chính). Gởi 13-12.	500.000
89	ĐH NGUYỄN ANH TUẤN (TT Từ Vân): Hồi hướng cửu huyền thất tổ và giác linh con trai (Nguyễn Anh Vô Danh). Gởi 01-12.	500.000
90	ĐH PHAN BA, ĐT TRẦN THỊ BẠN (TT Trung Nghĩa): đường 30/4, P11, TP Vũng Tàu. Hồi hướng tứ thân phụ mẫu (Phan Luận, Trần Thị Nhàn; Trần Đức Đồng, Thới Thị Sự). Gởi ACB 25-12.	600.000
91	ĐT VÕ THỊ PHƯỢNG (TT Trung Chính). Gởi 13-12.	1.500.000

LONG VÂN ĐÀN (Cao Đài Chiếu Minh, Mỹ Tho):

92	ĐH NGỘ TRÍ: Gởi 01-12.	5.000.000
93	ĐH TRÍ MINH: Gởi 01-12.	5.000.000
94	ĐT DIỆU HƯƠNG: Gởi 01-12.	10.000.000
95	Chơn linh ĐT DIỆU LIÊN THANH: Gởi 01-12.	10.000.000
96	ĐT NGỌC NHI: Gởi 01-12.	10.000.000
97	ĐT NGUYỄN LÂM SƠN THUY: Gởi 01-12.	10.000.000
98	ĐH THANH PHƯỚC: Gởi 01-12.	10.000.000

Tổng cộng: **127.050.000 VNĐ**

Đợt Tám Mươi Ba: Từ ngày 01-01-2014 đến ngày 30-01-2014

Môn sanh, đạo tâm (không xác định thuộc Hội Thánh nào / thánh sở đơn lập):

01	ĐH BE. Gởi 05-01.	100.000
02	ĐT CAO KIM QUY (Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận). Gởi 24-01.	300.000
03	ĐH ĐẠT TỊNH (TT Bàu Sen) và gia đình. Gởi 30-01.	1.000.000
04	ĐH HỒNG THIÊN HẠNH (Thiên Trì Đàn). Gởi 18-01, và 22-01.	1.000.000
05	ĐH LỘC (sửa điện thoại). Gởi 30-01.	500.000
06	ĐT NGUYỄN THỊ MỸ AN, ĐH PHẠM THANH HIẾU, em PHẠM MINH CƯỜNG. Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3. Gởi 20-01.	300.000
07	ĐT NGUYỄN TUYẾT HẠNH. Gởi ACB 10-01.	500.000
08	ĐH NGUYỄN VĂN HIẾN: Hồi hướng giác linh thân phụ (ĐH Nguyễn Văn Thôi) và giác linh bào huynh (ĐH Nguyễn Sum). Công quả in <i>Hồ Biểu Chánh Xưa Và Nay</i> . Gởi 10-01.	3.000.000
09	ĐH NGUYỄN VĂN XUÂN. Gởi 15-01.	200.000
10	ĐT PHẠM THỊ HẠNH. Hồi hướng giác linh Phạm Minh Trinh (đồng tử Trinh Quang). Gởi 18-01.	500.000
11	ĐH PHAN TRỌNG, LỄ SANH HƯƠNG HƯỜNG (TT Thái Hòa, Quảng Nam). Gởi 22-01.	500.000
12	ĐT TRẦN THỊ HUỆ (TT Tân Minh Quang). Hồi hướng giác linh thân phụ (ĐH Trần Văn Kiệt, sinh 1929, quy 23-10 Quý Tỵ). Gởi 12-01.	500.000
13	ĐT TRẦN THỊ PHÍ (TT Tân Minh Quang, 71 tuổi). Gởi 12-01.	1.000.000
14	ĐT VÔ THỊ BÍCH KIỂU (Bình Dương). Gởi 13-01.	100.000

CÔNG GIÁO & PHẬT GIÁO:

15	Nữ tu ẮN DANH (dòng Biển Đức): nhà thờ Phú Quý, Phú Nhuận. Gởi 13-01.	500.000
16	Nhà thờ DÒNG CHÚA CỨU THẾ, quận 3 (ĐT Liên Bạch Hoa chuyển). Gởi 07-01.	1.000.000
17	Đại Đức THÍCH MINH QUANG (tịnh xá Ngọc Thạnh): Học Môn. Gởi 26-01.	300.000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO:

18	Đạo hữu TT HÀ NỘI (Anh Lớn Bảo Thế Nguyễn Văn Lành chuyển): Gởi 11-01.	1.000.000
19	ĐH PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Long Phú). Gởi 12-01.	500.000
20	ĐT PHẠM QUẾ TRÂM (TT Long Phú). Gởi 12-01.	500.000
21	ĐT PHẠM THỊ CHUYỂN (TT Long Phú): Gởi 12-01.	1.000.000
22	Giáo Hữu THÁI CẨM THANH (Lê Văn Cẩm), Đầu Họ Đạo TT Tân Thạch, Châu Thành, Bến Tre. Gởi 22-01.	500.000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN:

23	ĐH HOÀNG HỮU THANH (TT Phụng Mỹ): Gởi ACB 13-01, đợt 83.	300.000
----	--	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH:

24	ĐH HUỲNH VĂN MẬT (TT Khổ Hiên Trang): 77 tuổi, Phú Mỹ, Tân Phước, Tiền Giang. Gởi 18-01. Hồi hướng cữu huyền thất tổ.	500.000
25	ĐT LÊ THỊ SÁU (TT Khổ Hiên Trang): Phú Mỹ, Tân Phước, Tiền Giang. Gởi 18-01.	500.000
26	ĐH THIÊN QUỐC HÒA, ĐT TRÀ THỊ KIỂU DIỄM (TT Cẩm Giang). Gởi 18-01.	400.000
27	ĐH VÔ THANH PHÚC (TT Ngụ Phụng). Phú Quý, Bình Thuận. Gởi 21-01.	500.000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIẾN THIÊN:

28	ĐT ĐOÀN THỊ KIM SƠN (TT Ngọc Minh Đài). Gởi 05-01.	500.000
29	ĐT ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC NHÂM (TT Thiện Lạc Thai). Gởi 19-01.	200.000
30	ĐT PHÙNG THỊ CẦN (TT Ngọc Minh Đài). Gởi 19-01.	200.000
31	ĐH TỔNG HOÀI SƠN (TT Ngọc Minh Đài). Gởi 09-01.	100.000
32	Giác linh ĐT TRƯỞNG THỊ ĐÀI (TT Ngọc Linh). Gởi 02-01.	500.000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI:

33	BAN KINH HỘ (thùng chung tay ấn tống, mở ngày 31-12-2013). Gởi ACB 02-01.	1.530.000
34	ĐT DƯƠNG THU HƯƠNG (TT Trung Dương): Lâm Đồng. Gởi 22-01.	100.000
35	ĐT HÀ THỊ HƯƠNG HOA: phường 12, Bình Thạnh. Gởi ACB (02-01).	500.000
36	Giác linh ĐH HỒ VIỆT XẢO (1936-2012, TT Trung Đồng): Gởi ACB (02-01).	1.000.000
37	ĐT HUỆ (TT Trung Đồng): Gởi ACB (02-01).	500.000
38	ĐT NGUYỄN PHI ANH (TT Trung Dương): xã đạo Đà Lạt. Gởi ACB (16-01).	500.000
39	ĐT NGUYỄN PHI ANH (TT Trung Dương): Lâm Đồng. Gởi 22-01.	100.000
40	Giác linh ĐH NGUYỄN PHƯỚC THOẠI, ĐT HÀ THỊ HUỆ (TT Trung Nam). Gởi 22-01.	500.000
41	ĐH NGUYỄN QUỐC HUÂN (TT Trung Nam). Gởi 23-01.	380.000
42	ĐT NGUYỄN THỊ HUỆ (TT Quảng Hòa, Quảng Nam). ĐH Đạt Truyền chuyển 29-01.	200.000
43	ĐT NGUYỄN THỊ LANG (TT Trung Thành): Quang Trung, Đà Nẵng. Gởi 23-01.	1.000.000
44	ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ (TT Trung Thành): Gởi ACB (02-01).	200.000
45	PTS PHẠM THỊ LỮY và chơn linh PTS UNG SĨ HIẾN (TT Trung Hiệp): Gởi 22-01.	100.000
46	LỄ SANH PHẠM VĂN HÙNG (TT Trung Hiệp): Gởi 22-01.	50.000
47	LỄ SANH PHAN HƯƠNG MINH (TT Trung Thành): Gởi ACB (02-01).	200.000
48	LỄ SANH THÁI THÁI THANH (TT Từ Quang): Gởi ACB 16-01.	500.000
49	Thượng Giáo Hữu TRẦN VĂN CẦN (TT Trung Nghĩa). Gởi 16-01.	500.000
50	ĐH TRẦN VĂN DƯỠNG (TT Trung Phước An). Gởi 25-01.	200.000
51	Họ đạo TRUNG DƯƠNG (Lâm Đồng). Gởi 21-01.	800.000
52	Thánh thất TỬ QUANG: Gởi ACB 16-01.	500.000
53	Luật Sư UNG NGỌC XƯNG (TT Trung Hiệp): Gởi 22-01.	50.000

LONG VÂN ĐÀN (Cao Đài Chiêu Minh, Mỹ Tho):

54	ĐT DIỆU HƯƠNG. Gởi 18-01.	10.000.000
55	ĐT HẠNH TRANG. Gởi 18-01.	10.000.000
56	ĐH LÊ ANH TUẤN. Gởi 18-01.	10.000.000
57	ĐH LÊ THÁI THỨC. Gởi 18-01.	5.000.000
58	ĐH NGUYỄN BẢO DUY. Gởi 18-01.	5.000.000
59	Chơn linh ĐH PHẠM VĂN TỐ. Gởi 16-01.	50.000.000
60	ĐT TUYẾT HỒNG HƯƠNG. Gởi 18-01.	5.000.000
61	Chơn linh ĐT VÔ THỊ MẶN. Gởi 18-01.	20.000.000
62	MINH ĐỨC NHO GIÁO (KHỔNG THÁNH MIẾU, Trà Vinh): Gởi 22-01.	500.000

Tổng cộng: **143.410.000 VNĐ**

ĐÍNH CHÍNH

(dòng 4↑ nghĩa là dòng 4 từ dưới đếm lên)

Đại Đạo Văn Uyển tập Lợi + Trinh / quý Ba + Bốn 2013:

Trang	Dòng	Đã in sai	Sửa lại
59	4	đạo tạo	đào tạo
126	4↑	số 69	số 63
128	8	+3	+2
150	14↑	thì gọi chung	thì
187	12	mẫu bánh mì	mẫu bánh mì
221	4↑	vừa thành hôn	thành hôn
252	11	religion comparison	comparative religion
293	6↑	Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng	Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng
300	10	lúc 01.30 giờ	lúc 01.30 giờ

69-1. Dưới Mái Đạo Viện, của Huệ Khải:

Trang	Dòng	Đã in sai	Sửa lại
23	11	nói ấy Đức Khổng	nói ấy của Đức Khổng
37	8↑	bà lấy tìm tờ giấy	bà tìm tờ giấy
76	14↑	chữ cũ	chủ cũ
92	6↑	chạy ùa lên lên	chạy ùa lên
115	12↑	道法長溜	道法長流
137	15↑	hài lòng	hài lòng:

Chân thành tạ lỗi quý tác giả và quý đạo hữu.

Ban Ấn Tổng

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO



ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý. HUỆ KHẢI chủ biên.
Tập Nguyên, quý Một năm 2014

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Vẽ bìa: NGÔ BÁI THIÊN

Trình bày và kỹ thuật: DƯ LAN

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, DIỆU NGUYỄN, CÁT TƯỜNG

Bìa 1: Tranh TỬ BI HỒNG.

Bìa 2: Ảnh CAO HOÀNG PHONG.

Bìa 3: Ảnh ĐẠT TRUYỀN.

Bìa 4: Sắc Xuân. Tranh sơn dầu: TRẦN BỬU LONG.

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

In năm ngàn bản, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí Nghiệp In FAHASA:

774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản **53-2014/CXB/230-01/TG**, ngày 16-01-2014.

Mã số ISBN: **978-604-61-0895-5**

In xong và nộp lưu chiểu quý Một năm 2014.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh TRẦN VĂN QUANG
số 59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎0913613653